

# Vấn hữu

20

- ▲ lịch sử và nguồn gốc đồng bào Thượng — **NGUYỄN XUÂN VIÊN**  
▲ Vấn đề trợ giúp và định cư đồng bào Thượng tỵ nạn cộng sản —  
**HOÀNG NGỌC** ▲ Cuộc khởi nghĩa chống cộng của đồng bào Thượng  
Sơn-Hà (Quảng-Ngãi) — **NGUYỄN PHỐ** ▲ Trần Man, một tổ chức  
bình định điền hình của nhà Nguyễn tại vùng Thượng — **NGUYỄN XUÂN**  
▲ Những bài thơ tình Jarai — **KIM TUẤN - NGỌC THUNG** ▲ Truyện cổ tích  
miền Thượng — **BÙI ĐÌNH KẾ** ▲ Ngày xuân qua các nẻo đường rừng núi —  
**VĂN SƠN** ▲ Đời sống tình cảm của thanh niên nam nữ Thượng — **BÙI ĐÌNH**  
▲ Bonai Đại — **KIM TUẤN** ▲ Hải Âu - Chiếc bình vỡ - Trê thơ — **TRỤ VŨ**  
▲ Già từ bóng tối — **LÊ MẬU** ▲ Bà Cốt núi Tà-Lơn — **VĂN TUYỀN**  
▲ Đất Hà-Tiên năm ấy .. — **SƠN NAM** ▲ Dưới mái nhà ấm — **TRẦN VĂN LÂN**  
▲ Tình em xứ Bưởi — **VƯƠNG ĐỨC LỆ** ▲ Ấp Chiến Đấu — **N. V. K.**

# VĂN HỮU

DO VĂN HÓA VỤ ÁN HÀNH

Tòa soạn và trị sự : 15, đại lộ Lê Lợi — Saigon

Điện Thoại : 25.902

Chủ nhiệm kiêm Chủ bút : **NGUYỄN DUY MIỄN**

Thư ký Tòa soạn : **SĨ TRUNG**

---

*Với sự cộng tác của các Bạn*

**PHẦN ĐẶC BIỆT** (Đồng bào Thượng và cuộc di cư vĩ đại  
tỵ nạn Cộng sản)

**NGUYỄN XUÂN VIÊN  
HOÀNG NGỌC  
NGUYỄN PHỔ  
NGUYỄN XUÂN  
KIM TUẤN  
NGỌC THUNG  
VĂN SƠN  
BÙI ĐÌNH  
BÙI ĐÌNH KẾ**

**PHẦN THỨ HAI** (Sóng lốc)

**SƠN NAM  
KIM TUẤN  
VĂN TUYỀN  
MINH ĐỨC  
PEARL BUCK  
TRẦN VĂN LÂN  
VƯƠNG ĐỨC LỆ  
TRỤ VŨ  
LÊ MẬU**

**PHẦN THỨ BA** (Tin tức tài liệu)

**HÀM ANH — HOÀNG LAN  
N.V.K. — SƠN VŨ**

**PHẦN KỸ THUẬT ẤN LOÁT  
QUỐC GIA ẤN QUẢN**

---

Bài và thư từ gửi về cho :  
Tiền bạc và ngân phiếu gửi cho :

**SĨ TRUNG  
NGUYỄN CỬU VỊNH**

# MỤC LỤC

|                                       |         |         |
|---------------------------------------|---------|---------|
| — Trước một vấn đề<br>thời sự lịch sử | VĂN HỮU | trang 3 |
|---------------------------------------|---------|---------|

## PHẦN THỨ NHẤT (Phần đặc biệt về đồng bào Thượng và cuộc di cư tự nạn Cộng Sản)

|                                                                                  |                       |    |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----|
| — Lịch sử và nguồn gốc<br>đồng bào Thượng                                        | NGUYỄN XUÂN VIÊN      | 7  |
| — Vấn đề trợ giúp và định cư<br>đồng bào Thượng<br>tự nạn Cộng sản               | HOÀNG NGỌC            | 20 |
| — Cuộc khởi nghĩa chống Cộng<br>của đồng bào Thượng<br>Sơn Hà (Quảng Ngãi)       | NGUYỄN PHỐ            | 29 |
| — Trần Man: một tổ chức<br>bình định điền hình của<br>nhà Nguyễn tại vùng Thượng | NGUYỄN XUÂN           | 35 |
| — Những bài thơ tình Jarai                                                       | KIM TUẤN — NGỌC THUNG | 42 |
| — Truyện cổ tích miền Thượng                                                     | BÙI ĐÌNH KẾ           | 46 |
| — Ngày Xuân<br>qua các nẻo đường rừng núi                                        | VĂN SƠN               | 64 |
| — Đời sống tình cảm của<br>thanh niên nam nữ Thượng                              | BÙI ĐÌNH              | 75 |

## PHẦN THỨ HAI (Sáng tác văn nghệ)

|                                                          |              |     |
|----------------------------------------------------------|--------------|-----|
| — Bonai — Djai<br>(truyện miền núi)                      | KIM TUẤN     | 85  |
| — Hải Âu — Chiếc bình vỡ —<br>Trẻ thơ (thơ dịch quốc tế) | TRỤ VŨ       | 94  |
| — Con quỷ già<br>(nguyên tác của Pearl Buck)             | MINH ĐỨC     | 98  |
| — Bà Cốt Núi Tà Lơn                                      | VĂN TUYỀN    | 112 |
| — Dưới mái nhà ấm                                        | TRẦN VĂN LÂN | 118 |
| — Đất Hà Tiên năm ấy...                                  | SƠN NAM      | 131 |
| — Già từ bóng tối                                        | LÊ MẬU       | 145 |
| — Tình em xứ Bưởi                                        | VƯƠNG ĐỨC LỆ | 154 |

## PHẦN THỨ BA (Tin tức và tài liệu)

|                                                                      |          |     |
|----------------------------------------------------------------------|----------|-----|
| — Gió Đông... Gió Tây...                                             | HÀM ANH  | 159 |
| — Công cuộc cứu trợ và định cư<br>đồng bào Thượng<br>tự nạn Cộng sản | SƠN VŨ   | 174 |
| — Ấp Chiến Đấu                                                       | N. V. K. | 180 |
| — Hộp Thư Tòa Soạn                                                   | SĨ TRUNG | 192 |

## Trước một vấn đề thời sự lịch sử...

« **134.000** đồng bào Thượng vì không chịu nổi áp bức bóc lột của Cộng sản, đã bỏ rừng núi trở về với Chính nghĩa quốc gia». Tất cả các báo hàng ngày đều đã đăng tin đó với những hàng chữ lớn vì sự kiện này được coi là một biến cố lịch sử.

Như chúng ta đã biết, vùng biên giới Lào Việt và Miên Việt là một vùng Cao Nguyên mênh mông bát ngát, nhiều nơi không có trở ngại thiên nhiên ngăn cách, do đó, Việt cộng đã lợi dụng vùng biên giới để làm đường xâm nhập vào Việt Nam tự do, qua các vùng Thượng.

Đồng bào sống trong các vùng đó đương nhiên là những người đầu tiên phải hứng chịu những khổ cực áp bức do Việt cộng gây ra.



So với cuộc di cư của hơn 1 triệu đồng bào Bắc Việt hồi 1954, thì con số 134 ngàn không có gì đáng kể, nhưng nếu thử so sánh một bên là con số 1 triệu trước 15 triệu và một bên là 134 ngàn trong tổng số hơn 700 ngàn, chúng ta sẽ thấy cuộc di cư của đồng bào Thượng lần này tuy không vĩ đại nhưng rất xứng đáng được mọi người chú ý, và một lần nữa đã nói lên sự thắng lợi của Chính nghĩa quốc gia trước tà thuyết Cộng sản.

Phải là người từng sống nhiều năm với đồng bào Thượng, từng đề ý đến vấn đề Thượng, mới thấy rõ tầm quan trọng của cuộc di cư này. Nó quan trọng không những chỉ ở tính cách chính trị của vấn đề mà còn quan trọng cả trên bình diện văn hóa và xã hội.

Không ai chối cãi được mối tình huynh đệ Kinh Thượng từ nghìn xưa tới nay: không những đồng bào Thượng đã góp phần đắc lực trong công cuộc xây dựng đất nước, đã từng sát cánh với đồng bào Kinh trong công cuộc chống Cộng, mà còn góp cả xương máu vào công cuộc kháng chiến của toàn dân chống Thực Phong.

Chúng tôi dành phần thứ nhất của Văn Hữu số này để trình bày với độc giả cuộc di cư vĩ đại tỵ nạn cộng sản của đồng bào Thượng, một vài nét sơ lược về lịch sử, phong tục tập quán cũng như một vài khía cạnh khác trong cuộc sống hàng ngày của đồng bào Thượng để góp phần nào vào việc làm sáng tỏ thêm mối tình đoàn kết tương thân tương ái từ xưa tới nay giữa đồng bào Kinh - Thượng.

**VĂN HỮU**

## **PHẦN THỨ NHẤT**

---

**Phần thứ nhất (đặc biệt về đồng bào Thượng và cuộc di cư vĩ đại tự nguyện  
Cộng Sản) của Văn Hữu số 20 này hoàn thành với sự cộng tác biên khảo của  
các bạn : Nguyễn Xuân Viên — Bùi Đình — Kim Tuấn — Hoàng Ngọc —  
Nguyễn Phổ — Nguyễn Xuân — Văn Sơn — Bùi Đình Kế...**

NGUYỄN XUÂN VIÊN

## Lịch sử và Nguồn gốc đồng bào Thượng

*TRƯỚC một tổng số ngót hai triệu nhân khẩu gồm nhiều giòng họ sống rải rác trên các triền núi cao và các vùng Cao Nguyên suốt từ thượng du Bắc Việt đến biên thùy Cao Miên, với hình thể phong tục tập quán khác nhau, việc tìm hiểu lịch sử cũng như nguồn gốc huyết thống đồng bào Thượng đã gây khá nhiều khó khăn cho những nhà khảo cứu.*

*Ở Bắc Việt, đại khái chúng ta có thể kể những giòng họ chính sau đây : Thái, Mán, Mèo, Mường, Lô Lô, La Ty, Pa Teng, v.v...*

*Ở Trung Việt về phía Đông giải Trường Sơn có các giòng Vân Kiều, Tahoi, Ka Tu, Chăm, Rơglai, v.v...*

*Tại Cao Nguyên Trung Phần có đồng bào Dié, Sé-dang, H'alang, Bahnar, Jarai, Radhé, Mnong, Stieng, Koho, Ma, Chul, Churu, v.v...*

**T**Ờ tiên các đồng bào này ngày xưa từ đâu đến ? Chính họ cũng trả lời một cách mơ hồ, và không biết gì hơn ngoài một vài truyền thuyết qua những chuyện cổ tích mà các cụ già vẫn ngồi kể lại cho con cháu nghe trong những đêm mưa gió gia đình tụ họp chung quanh bếp lửa.

Giòng Mèo ở Bắc thường nhắc đến trận đại hồng thủy mà xa xưa loài người đã trải qua. Giòng Mán cho rằng họ là con cháu một người rừng tên là Bàn Cổ sinh quãng 2.400 năm trước Thiên Chúa trong vùng Hồ Nam bên Trung-hoa. Trong khi ấy giòng Radhé và giòng Bih cùng một vài giòng họ khác trên Cạo Nguyên Trung Việt lại tin rằng tổ tiên họ từ dưới đất, hay nói đúng ra là từ trong hang Bang Adrênh chui ra. Giòng Chăm cũng nhắc đến một vụ cháy lớn đốt hết sinh vật trên quả đất, chỉ còn sót lại trên một ngọn núi cao, một người đàn bà cùng một con chó, và cho đó là tổ tiên của họ ; tại một ngọn đồi thấp gần biển còn lại độ năm chục người, đó là tổ tiên người Kinh: họ dựa vào câu chuyện đó để giải thích lý do tại sao ngày nay người Thượng sống trên núi cao, người Kinh ở đồng bằng và tại sao người Thượng thừa thớt, người Kinh đông đảo !

Đại khái mỗi giòng có một truyền thuyết tương tự về nguồn gốc của họ. Truyền thuyết nào cũng nhuộm nhiều tính chất thần thoại huyền hoặc không có một căn bản khoa học nào cả.

### Trở về thời thái cổ: Nguồn gốc Mélanésien và Indonésien

**T**HEO một vài nhà thông thái như Kern và Cabaton thì đất Việt thời thái cổ có lẽ đã là nơi chôn rau cắt rốn của giống thổ dân hiện nay còn sống trên các hải đảo Thái Bình Dương (Austronésiens hay Polynésien). Những xương sọ tìm được ở Phổ Bình Gia (Bắc Việt) hình như là của giống Mansuy người tiền sử ở hang. Con đường họ đã theo để lan tràn ra các hải đảo có lẽ là gẫy núi Bắc Sơn ở Bắc Việt và những động dọc theo giải Trường Sơn. Những người thái cổ đó na ná như người Wadjak hiện sống ở Java.

Căn cứ theo một số xương tìm được dưới những lớp đất sâu nhất ở Linh Cảm (Hà Tĩnh) thì buổi sơ khai đất Việt có lẽ đã do giống da đen Papuas và Mélanésiens tương tự như thổ dân Úc Châu\* và Tân Guinée chiếm cứ. Xưa kia đã có thời giống người này lan tràn ra các hải đảo và hai bên bờ Thái Bình Dương. Ngày nay giống này đã mất hẳn ở Đông Nam Á.

Tiếng nói, hình vẽ và một vài phong tục tập quán của các giòng Thượng xứ ta còn có một vài điểm thấy ở thổ dân sống trên các hải đảo và bên kia Thái Bình Dương. Những trụ đâm trâu với hình vẽ của giòng Ka-Tu ở vùng Thượng Quảng Nam giống như nghệ thuật thổ dân Tân Thế Giới (Néo-Zélandais). Cái khăn quấn đầu có gắn lông chim của giòng Jarai, những vòng ngà cẳng ở tai giòng này và giòng Mạ không khác gì những trang sức của dân da đỏ ở Honduras (Trung-Mỹ). Giòng Sé ở Lâm Đồng cũng tin rằng linh hồn người chết lên mặt trời ở như giòng Incas thổ dân Pérou (Nam-Mỹ).

Những dụng cụ bằng đá mài đào được dưới đất chứng tỏ rằng giống người Papuas và Mélanésien xưa kia có mặt cả ở Bắc Việt. Trong số các giòng Thượng ở Cao Nguyên Trung-Việt hiện còn một số người sọ dài, tóc quăn, có thể coi là vết tích di truyền sót lại của giống người cổ xưa đó.

Một số các nhà khảo cứu lại cho rằng giống thổ dân Nam Dương (Indonésien) đã từ các đảo Mã Lai, Bornéo tràn tới

Đông Dương, Ấn Độ và các đảo Thái Bình Dương, vì người ta thấy ở những giòng Thượng Cao Nguyên một số những hình tích của những thổ dân hiện sống trong các rừng núi Phi Luật Tân, Bornéo và Nam Dương. Hình như những giòng họ hiện ở Cao Nguyên xưa kia đã có thời sống ở ven biển : trong các cổ tích của họ còn nhắc nhở đến nhiều câu chuyện liên quan đến biển cả và họ đã tỏ ra có thể thích hợp được một cách khá mau chóng với cuộc sống ở đồng bằng, không như giòng Mèo ở Bắc-Việt là giòng không bao giờ chịu sống dưới độ cao 600 thước, sống dưới độ cao đó, cơ thể của họ có thể bị nhiều hậu quả đôi khi tai hại.

Các nhà khảo cứu đã căn cứ vào những di tích tìm được để kết luận rằng :

— Đất Bắc từ thời Thái Cổ đã do giống người da đen Papuas và Mélanésien chiếm cứ, sau đó những người này bị giống Indonésien từ các hải đảo Thái Bình Dương đến đánh đuổi, một phần những thổ dân cũ bị đồng hóa, một phần khác bị tiêu diệt hoặc chạy ra các hải đảo. Đồng bào Thượng hiện sống ở

Cao Nguyên Trung-Phân là giòng dõi những người Indonésien này trong đó còn lại một số di truyền xa xưa hơn của giống Mélanésien. Những thổ dân Nam-Dương ở các hải đảo Polynésie cũng cùng một nguồn gốc. Có lẽ



Các cô gái Vân-Kiều  
trên đường Cam-Lộ đi Khe-Sanh

họ là những người đầu tiên đã biết sử dụng đồ đá mài ở Đông Nam Á. Sau những người này lại có một số người Mã Lai đến chiếm cứ vùng ven biển miền Nam đồn một phần những người gốc Indonésien vào rừng, phần còn lại cũng bị đồng hóa. Những người này là tổ tiên của giòng Chăm. Những câu chuyện về một thứ ma mà đồng bào

Thượng Cao Nguyên rất ghê sợ và vẫn gọi là Ó Mã Lai phải chăng là di ảnh những cuộc cướp bóc tàn sát xưa kia của những người gốc Mã Lai đến trên những chiến thuyền có hình con Ó.

Dẫu những vết tích xa xưa mà thời tiền sử còn để lại hoặc dưới đất, hoặc trong hình thể hay trong phong tục tập quán đã xác nhận phần nào nguồn gốc các giòng họ từ ngàn xưa vẫn sống trên đất Việt, nhưng chúng ta cũng phải công nhận rằng các giòng họ đó, vì sự đụng chạm lâu ngày với các giòng họ lân cận, hay các giống dân mới, đã bị pha trộn đi rất nhiều, thành ra khi nghiên cứu đến nguồn gốc của các giòng họ từng chia xẻ với nhau giải đất Việt từ mấy ngàn năm nay, các nhà nhân chủng học không khỏi bối rối trước nhiều giả thuyết.

**Thời kỳ lịch sử sơ khai:  
Nguồn gốc Mông Cổ  
(Mongolique)**

**N**GOÀI những vết tích xa xưa của các giống Mélanésien và Indonésien, gần chúng ta hơn, lịch sử đã ghi dấu nam tiến

của các **giòng** họ gốc Mông Cổ (mongolique) xuất phát từ đất Giang Tây bên Trung-hoa. Các **giòng** họ này được mệnh danh là các **giòng** Thái. Trong đời nhà Chu, Trung-hoa chia ra làm nhiều nước nhỏ luôn luôn đánh nhau, dân tình chịu đựng chiến tranh lầm than đói khổ, vì vậy họ đã bỏ đất cũ di cư về miền Nam. Cứ mỗi lần có loạn lạc lại thêm một số người bỏ ra đi. Cuộc di cư vĩ đại nhất có lẽ đã diễn ra khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung-Quốc (Thế kỷ thứ ba trước Tây lịch). Không những nhà Tần thi hành một chính sách tàn bạo, nhân dân điêu linh đồ thần phải bỏ đi, Tần Thủy Hoàng còn cử hàng 50 vạn quân đi chinh phục các xứ phương Nam.

Các **giòng** Thái di cư xuống miền Nam khi đến vùng rừng núi Quý-châu, Tứ-xuyên thì chia ra làm hai nhóm :

Nhóm thứ nhất rẽ sang **giòng** sông Tây-Giang lan dần theo các triền sông Kỳ-Cùng, Bằng-Giang, Thái-Bình và sinh cơ lập ấp ở đây. Họ là tổ tiên các giống Thổ mạn Cao-Bằng Lạng-Sơn và các **giòng** ở vùng đông-bắc Bắc-Việt.

Một phần nhóm này còn đi xa hơn, ra tận đảo Hải-Nam.

Nhóm thứ hai, rẽ về phía Tây-Nam, theo **giòng** sông Cửu-Long mà xuống và lan tràn ra các vùng đồng bằng hai bên bờ sông hòa hợp với các thổ dân gốc Ấn-Độ và Nam-Dương ở đây lập ra các dân tộc Lào, Thái-Lan và Cao-Miên.

Một phần trong nhóm này lại bỏ **giòng** sông Cửu-Long bắt sang các suối nguồn sông Hồng-Hà mà xuống miền Đông-Nam lập ra các **giòng** Thái-Thổ và các **giòng** khác ở mạn Tây-Bắc Bắc-Việt.

Người Kinh ở đồng bằng Bắc-Việt như vậy cũng đã là kết quả xa xưa của nhiều cuộc pha trộn giữa những **giòng** máu Mélanésien, Indonésien và sau này Mông Cổ (mongolique).

Tuy cùng một **giòng** Thái xưa sống trong vùng Giang-Tây, Tứ-Xuyên, Vân-Nam, nhưng mỗi nhóm di cư đến một địa phương, mỗi nhóm di cư vào một thời kỳ, trước sau nhau có khi hàng thế kỷ, sinh hoạt, tiếp xúc ở địa phương mới cũng không giống nhau, nên đã phát sinh ra nhiều sự khác biệt về đủ mọi phương diện.

**Giòng** Mán cũng từ miền rừng núi Tây-Giang, Tứ-Xuyên xuống



và cũng theo triền sông Hồng-Hà nhưng vì đến sau, những vùng thung lũng phì nhiêu đã do Thái Thổ chiếm cả rồi nên họ phải chiếm những vùng sườn đồi sườn núi ít phì nhiêu hơn.

Giòng Mèo còn đến sau hơn nữa. Ngày nay, trên các vùng Thượng-du Bắc-Việt người ta còn thấy những chi họ Mèo Mán mới sang Việt Nam trong vòng vài ba trăm năm trở lại đây mà thôi.



Tháp-Chàm ở Nha-Trang

Trong khi ấy, giòng Kinh vì ở đồng bằng, đất đai phì nhiêu hơn, khí hậu tốt hơn, nên sinh sản bành trướng nhanh chóng, lại tiếp xúc nhiều với Trung-Quốc (hơn một ngàn năm Bắc-thuộc), huyết thống cũng như

văn hóa đã bị ảnh hưởng Trung Hoa rất nhiều. Ngay từ hồi thế kỷ thứ ba trước Tây lịch, địa giới đất Âu-Lạc ở Đèo-Ngang, và hồi đầu Tây Kỳ nguyên đèo Hải-Vân, cũng đã là địa giới giữa người Kinh và người Chăm hồi bấy giờ.

Trong khi các giòng họ Indonésien ở Bắc một phần càng ngày càng bị pha trộn huyết thống Mông Cổ, thì một phần khác đã di cư dần vào miền Nam. Các giòng huyết thống Indonésien từ đèo Hải-Vân dọc bờ bể vào Nam lại tiếp xúc với giòng Mã-Lai như đã nói trên, để thành giòng Chăm, và kể từ thế kỷ thứ III sau Tây lịch, thành quốc gia Chăm. Dân Chăm, từ đầu Tây kỷ nguyên lại giao dịch thương mại với người Ấn nên chịu một số ảnh hưởng văn hóa Ấn-Độ.

Các giòng ở sâu trong nội địa và ở trên Cao Nguyên, ít tiếp xúc với người Mã-Lai hơn vẫn giữ được huyết thống Indonésien nhưng cũng vì ít tiếp xúc với văn minh ngoài nên lạc hậu và vẫn theo chế độ bộ lạc. Cũng vì lý do đó, nên khi nghiên cứu đến các giòng Thượng ở Bắc Việt Nam. Ông De La Jonquière

đã viết trong cuốn *Ethnographie du Tonkin Septentrional* rằng : « Người Mường có liên hệ nói giống với người Thượng ở phía Nam bán đảo (Đông Dương), và chính những người Thượng này là hiện thân của người Việt cổ thời. (Les Muong sont apparentés au Moi du Sud de la Péninsule, type primitif des Annamites).

Ngay từ hồi đầu Tây Kỳ-nguyên, những người Thái xưa kia từ mạn Tây-Giang' xuống định cư ở hạ lưu sông Cửu-Long đã hòa hợp pha trộn với người Ấn-Độ và người Mã-Lai để thành lập nên dân tộc Khmer và quốc gia Chân-Lạp, và từ khi lập quốc đến Thế-kỷ 12 đã nhiều lần Chân-Lạp cùng với dân Chăm tranh dành nhau ảnh hưởng tại vùng Thượng Cao-Nguyên Trung-Phần, do đó phong tục tập quán các giòng Thượng Cao Nguyên ngày nay còn rất nhiều di tích Khmer và Chăm.

Rải rác trong vùng Ban Mê Thuột và Pleiku, ngày nay người ta còn thấy nhiều di tích lịch sử Chăm : Tháp Yang Mưm và Drang Lai gần Cheo Reo, tháp E Ahleo (Yang Prong) cách

Bang Don 40 cây số về phía Bắc. Con đường từ Phước Sơn — Trà My (Quảng Nam) sang Dakrota, Daksut, Dakto (Kontum) cũng như con đường sông Ba (Phú-Yên) lên Cheo-Reo, Pleiku, đường Mdrack (Khánh Hòa) lên Ban Mê Thuột xưa kia đã là những đường liên lạc buôn bán giữa các giòng Thượng Cao Nguyên với dân Chăm và cũng là đường xâm nhập của giòng Chăm vào đất Cao Nguyên.



Nhà Rông Balmar ở Kontum

Nói chung, các giòng Jarai, Radhé, Koho và Roglai ảnh hưởng Chăm nhiều, còn các giòng Mnong, Bahnar, Sédang, Tahoi, Che Ma và Stieng còn giữ nhiều ảnh hưởng Khmer.

Kiểm điểm sơ lược những sự kiện, chúng ta sẽ đỡ ngỡ ngàng khi nghiên cứu đến hình thể cũng như ngôn ngữ phong tục tập quán các giòng Thượng.

### Mối liên hệ huyết thống Kinh - Thượng dưới con mắt các nhà khảo cổ

**S**UỐT từ Bắc chí Nam chúng ta có thể kể được đến hơn 40 giòng họ, mỗi giòng có những đặc điểm riêng về hình thể, ngôn ngữ, cũng như phong tục tập quán. Nếu chỉ nhìn một cách riêng rẽ, người ta sẽ thấy rất nhiều khác biệt và vô cùng phức tạp, nhưng sau khi nghiên cứu kỹ từng giòng và đem tổng hợp lại, các nhà nhân chủng học đều phải công nhận rằng xuyên qua tất cả những sự khác biệt và những liên hệ huyết thống, những liên hệ chủng tộc, đã bị thời gian và không gian làm phai mờ.

Thật vậy, từ người Kinh ở đồng bằng sang người Mường, người Thái, người Thổ, không có gì cho ta có thể dựa vào để nói đây là những giống người riêng biệt. Chính ông Robequain, một nhà nhân chủng học tên tuổi,

cũng đã viết trong cuốn « Le Thanh-Hóa », quyển I trang 102, rằng : « Các điều nhận xét về nhân chủng theo đuổi một cách có phương pháp và tỷ mỉ, cho đến ngày nay vẫn còn quá ít ỏi, để có thể trở nên hữu dụng, nhưng dầu chưa được đầy đủ, ngay từ bây giờ, những nhận xét đó cũng tiết lộ rằng giữa người Kinh người Mường và người Thái không có những sự khác biệt rõ rệt ».

Ông De La Jonquière lại cho rằng những sự khác biệt giữa Thái, Mán, Mèo, không phải là những khác biệt về nòi giống. (Ethnographie du Tonkin septentrional trang 85). Khi nghiên cứu về tiếng nói, ông De La Jonquière cũng cho rằng : nếu thổ ngữ Mường là một chi phái của tiếng Kinh, thì tiếng Thái và tiếng Kinh lại là hai chi cùng một gốc. Ông Henri Maspéro cũng đồng quan điểm ấy. (Un empire colonial français : l'Indochine, trang 94, 114, 118).

Trong những cuộc sưu tầm của nhân chủng học viện Viễn-Đông hồi tiền chiến, người ta đã tìm thấy nhiều bộ xương sọ của người Chăm xưa ở vùng Ninh Bình, Hà Nam, Nam Định.

Hiện nay trong ba vùng đó còn nhiều người hình thể lai Chàm rõ rệt, và nhiều làng ở Trung-Việt, rất nhiều người Chàm lai Kinh. Trung Tá Bonifacy, trong cuốn *Cours d'Ethnographie indo-chinoise* — édition 1919, trang 81, còn nói rằng : « Tất cả những người nghiên cứu đến các giòng Thượng ở Cao Nguyên đều nhận thấy rằng, cách ở và tiếng nói của các giòng đó bị ảnh hưởng rất nhiều ở người Kinh, người Chàm, người Miên và người Thái. Nếu tạm gác giòng sau cùng này ra một bên, vì sự tiếp xúc của giòng này với các giòng Thượng Cao Nguyên tương đối không xua lăm, thì ta có thể kết luận rằng người Kinh, người Chàm và người Miên phần nào đã từ người Thượng Cao Nguyên biến cải đi ».

Ông Louis Malleret, trong quyển *Groupes ethniques de l'Indochine française*, trang 12, cũng đồng quan điểm và viết rằng : « Tất cả những sự xếp đặt về ngôn ngữ (ở Việt Nam) rất đáng cho ta lưu ý, nhưng cần phải nhớ rằng những sự xếp đặt ấy không phải để chứng minh rằng các thổ ngữ đó thuộc về những nòi giống riêng biệt như người ta thường viết, mà chính là để

chứng tỏ rằng các thổ ngữ đó thuộc những giòng họ đã là kết quả của một sự tiến hóa qua nhiều ngàn năm rất huyền bí đối với chúng ta ».

Đến đây, chúng tôi xin nhường lời cho Đại-úy Gosselin. Ông đã viết trong cuốn « *L'Empire d'Annam* » rằng : « Hết thầy các sử gia chân thành muốn tìm sự thật đều phải công nhận rằng : khi đề chân lên đất Việt Nam, người Pháp đã phải đụng chạm với một dân tộc hợp nhất, hợp nhất một cách không ai ngờ —, từ các miền Cao Nguyên thượng du Bắc-kỳ cho đến biên giới Cao-Miên —, hợp nhất về đủ mọi phương diện, nhân chủng cũng như chính trị và xã hội.

« Trong một vài trường hợp, ảnh hưởng phong thổ có làm cho hình vóc người thay đổi đôi phần, nhưng đó là những điều nhỏ mọn, như đã từng thấy ở nước Pháp, hoặc ở các xứ khác trên thế giới, ở những dân tộc cùng một chủng tộc nhưng trải qua thời gian, đã sống trong những phong thổ khác nhau ».

Nói tóm lại các nhà nhân chủng học cũng như những người đề tâm nghiên cứu phong tục tập quán các giòng họ sống ở

Việt Nam đều đồng ý với nhau rằng dầu là Kinh hay Thương các giòng họ đó là những người cùng chung sống trên đất Việt trải qua nhiều đời.

### Tình huynh đệ Kinh - Thương qua lịch sử

**D**Ã cùng một huyết thống và đã chung sống trên cùng một giải đất qua nhiều triệu đại tất nhiên phải có những liên hệ tình cảm, văn hóa cũng như chính trị kinh tế và xã hội.

Gác ra ngoài những sự xích mích xung đột nhất thời không tránh được trong những thăng trầm của một giòng lịch sử hàng mấy ngàn năm, chúng ta thấy mối tình huynh đệ Kinh-Thương qua thời gian và không gian thật là thấm thiết.

Những liên lạc về kinh tế, những liên hệ về văn hóa cũng như tình cảm, cùng với những liên quan về lịch sử đã quyện lại để hun đúc cho toàn thể dân tộc Việt, dù là sơn cước hay đồng bằng, một tinh thần tương thân tương trợ rất đáng được lưu ý.

Thật vậy, từ xưa tới nay đồng bào sơn cước tuy lúc thường vẫn sống một cuộc đời bình thản trong các buôn bản, nhưng khi quốc gia hữu sự, đất nước bị ngoại xâm, đã không ngần ngại góp phần xương máu.

Đinh-Tiên-Hoàng, người đã có công thống nhất giang sơn hồi thế kỷ thứ IX, phải chăng đã phát ngọn cờ lau từ động Hoa-Lư, (Ninh-Bình) bấy giờ là một đất Mường ?

Hồi thế kỷ thứ 12, Chân-Lạp nhiều lần xâm lấn các bộ lạc Cao Nguyên, uy hiếp Chăm và Việt Nam, nhà Lý đã liên kết với vua Chăm và các bộ lạc Cao Nguyên để chống cự. Bấy giờ Lý-Thần-Tôn sai tướng là Lý Công-Bình đi dẹp ; Chân-Lạp lui quân và chịu sang triều cống nhà Lý.

Đời Trần, khi quân Nguyên sang xâm lấn Việt Nam, sau khi bị bại ở trận Đông-bộ-đầu với Trần-Hưng-Đạo, giặc Nguyên rút lui về Vân-Nam khi đi qua Trại Quý-Hòa còn bị chủ trại là một giòng họ Thổ đem dân binh ra tập kích một trận vô cùng tai hại.

Ông Robequain, khi nghiên cứu đến tỉnh Thanh-Hóa, cũng

công nhận trong cuốn « Le Thanh-Hóa » trang 108 rằng : « Lê-Lợi, người sáng lập ra nhà Lê, sinh trưởng ở Lam-Sơn một đất Mường thuộc phủ Thọ-Xuân, tỉnh Thanh-Hóa, đã chọn những viên tướng đầu tiên của ông trong số những người Mường ». Quang - Trung Nguyễn - Huệ, người đuổi quân Thanh để đem lại độc lập cho nước nhà, đã giấy nghiệp ở An-Khê, (vùng Thượng Bình-Định) và những quân lính tướng lãnh đầu tiên của người cũng đã là những đồng bào Thượng Bahnar ở vùng đó.



Đàn bà Bahnar ở Kontum

Nguyễn-Kim, sáng lập ra nhà Nguyễn cũng sinh trưởng ở Gia-Miêu, một đất Mường thuộc phủ Hà-Trung, tỉnh Thanh-Hóa.

Hồi gần đây, khi quân Pháp đến xâm chiếm Việt Nam, vùng Thượng Trung-Việt đã là nơi nung nấu của vua Hàm-Nghị ; Phan-Đình-Phùng, Đinh-Công-Tráng, Mai-Xuân-Thường. Lịch sử còn ghi việc Cai Mao một quan Châu Mường ở Điện-Lư và Đề-Thám ở Yên-Thế, một đất Thổ Bắc-Giang, kháng chiến anh dũng trước cuộc xâm lăng của người Pháp. Năm 1891, Đèo-Văn-Trí, một quan Châu Thái cũng đã đưa quân đánh úp đồn Tuyên - Quang giết chết đồn trưởng Pháp bấy giờ là Bobillot.

Cuộc kháng chiến chống Pháp của đồng bào Thượng Cao Nguyên miền Nam cũng không kém phần ác liệt :

Năm 1859, người Pháp chiếm Gia-Định và có ý bành trướng thế lực lên miền Bắc, nhưng chỉ sau đó 3 năm, năm 1862, đồng bào Nam Việt đã hợp lực với các giòng Stieng, Churu nổi lên chống trả ở phía Bắc Thủ-Dầu-Một, Biên-Hòa và Bà-Rịa. Tất cả các tiền đồn của người Pháp ở phía Bắc Gia-Định đều bị tấn công. Người Pháp phải cử hai Trung-tá Coquet và Loubère đi chinh phạt.

Năm 1869, một cuộc khởi nghĩa khác do giòng Stieng chủ trương nổi lên ở Tây-Ninh trong vùng Trảng-Bàng.

Cuộc xâm nhập của người Pháp vào vùng Cao Nguyên, Trung-Việt cũng vô cùng vất vả.

Tuy từ cuối thế kỷ XIX, các nhà truyền giáo đã đặt chân lên vùng Kontum và đã xây dựng được một cơ sở vững chắc, nhưng đất Cao Nguyên hồi bấy giờ vẫn còn là một vùng đất bí hiểm đối với nhà cầm quyền Pháp. Từ những năm 1893, các giòng Radhé và Jarai đã không những không chịu hợp tác với người Pháp mà còn tỏ ra chống đối. Năm 1900, Lê-Võ-Trụ đã chỉ huy một đội ngót một ngàn người Thượng đánh úp Sông Cầu (Phú-Yên). Năm 1904, Odend'hal hướng dẫn một đoàn thám hiểm tiến vào vùng Thượng đã bị đồng bào Jarai giết chết. H. Maitre cũng bị đồng bào Mường hạ trong một cuộc thám hiểm khác năm 1914. Đồng bào KaTu ở Quảng-Nam cũng đã từng nổi lên cùng đồng bào Thượng Quảng-Ngãi chống đối mãnh liệt trong những năm 1920-1921. Bộ lạc Bahnar Roh ở An-Khê cũng đã nổi lên kháng chiến

chống Pháp hồi 1924-1925-1926. Đồng bào địa phương còn ghi nhớ những trận làng Có và làng Thắng (tức là hai làng Pleikon-kruai và Plei-Djigang). Năm 1940 dưới quyền chỉ huy của Yong đồng bào Bahnar ở An-Khê lại một lần nữa nổi lên chiến đấu và gây khá nhiều tổn thất cho người Pháp. Nhưng với vũ khí thô sơ dĩ nhiên là cuộc kháng chiến phải đi đến thất bại. Khi quân Pháp kéo vào làng, Yong đã họp tất cả dân làng ở nhà Rong, hiên ngang cầm dao ra tuyên bố với người Pháp :

— «Tôi đã thề trước dân làng là không bao giờ tôi chịu để người Pháp đặt chân đến đây, thế mà ngày nay tôi đã sai lời hứa, vậy tôi xin lấy cái chết để tự xử ».

Nói xong Yong dựng ngọn dao trước ngực và choài mình tới để đâm thẳng vào tim chết trước lòng thán phục của quân địch.

Cuộc chống đối của đồng bào Thượng đã diễn ra tại khắp vùng Cao Nguyên và dưới nhiều hình thức hoặc bạo động, hoặc bất hợp tác, hoặc đốt nhà đốt làng trốn vào rừng, v.v... suốt từ khi có mặt người Pháp trên Cao Nguyên cho mãi đến hồi

1945 không lúc nào là không có. Tuy những cuộc chống đối đó không thu lượm được kết quả mong muốn nhưng cũng đã gây rất nhiều khó khăn cho người Pháp và đã trực tiếp góp phần vào công cuộc kháng chiến dành độc lập của toàn thể dân tộc.

Đề thay lời kết, chúng tôi xin trích dịch một câu của ông Robequain trong cuốn « Le Thanh-Hóa » trang 108 như sau :

« Vùng rừng núi hiểm trở đó không phải lúc nào cũng sống một cuộc đời riêng biệt và thấp kém, trái lại đã góp mặt vào những biến cố lớn của lịch sử vùng đồng bằng và của cả Việt Nam, chính những vị vua chúa

sáng lập ra những triều đại hiển hách nhất đã xuất thân dưới bóng các vùng rừng núi đó, và chính cũng nhờ những người dân can đảm của vùng này mà lòng yêu nước của người Việt đã tìm được sự nung nấu cuối cùng trong những giờ nghiêm trọng khó khăn, để hun đúc nên những yếu tố thành công sau này ».

Câu này ông Robequain đã dùng để chỉ riêng vùng rừng núi Thanh-Hóa, nhưng ở đây, chúng tôi xin mạn phép tạm mượn để nói chung cho tất cả các vùng Thượng từ Nam chí Bắc.

NGUYỄN XUÂN VIÊN



HOÀNG NGỌC

## Vấn đề trợ giúp và định cư đồng bào Thượng tỵ nạn Cộng sản

*NHỮNG ai đã đặt chân lên các vùng Cao Nguyên Ban-Mê-Thuôt, Pleiku, Dakto, Daksut, đều biết: tuy mỗi sắc dân Thượng có một số phong tục tập quán riêng, có những thổ ngữ riêng, những cách sống riêng, nhưng đều có một điểm giống nhau là thích sống biệt lập và an nhàn ẩn dật ở những nơi hẻo lánh.*

*Qua các vùng Krongpha, An-Khé, Cheoreo, Blao, du khách nhiều khi lấy làm lạ thấy trên lưng chừng núi cao, một túp chòi tranh dựng lên chơ vơ giữa một thửa rẫy dốc: đấy là giang sơn của một gia đình Thượng.*

**S**ƯỜN núi này làm một cái, sườn núi kia một cái, lác đác đó đây có khi cách nhau hàng hai ba cây số, dăm bảy cái như vậy trên năm bảy ngọn núi mới hợp lại thành một xóm, một làng. Và khi đó du khách lòng tự hỏi lòng: tại sao họ không làm nhà xuống

hơn không? Ở tận lưng chừng núi như thế mỗi khi lên xuống không những khó nhọc mà còn buồn chết. Đã hết đầu, khi tới lửa lúc tắt đèn, khi đau ốm hoạn nạn thì làm sao? Ở gần nhau có dễ bề giúp đỡ nhau hơn không?

Tuy cũng có nhiều vùng đồng bào Thượng sống thành làng, năm ba chục gia đình, trong một khu đất riêng, nhưng đây chỉ là trường hợp của những đồng bào đã định canh định cư, và những làng đó phần lớn cũng đều xa đường cái, còn những đồng bào du canh thì việc hợp thành làng đông đảo rất ít. Họ ưa sống tản mác để có thể được tự do tung hoành trong phạm vi khoảng đất của họ chiếm cứ, để khỏi phiền lụy động chạm đến những người chung quanh, và ngược lại để khỏi bị quấy nhiễu. Bẩm tính chung đó đã là lý do tại sao họ thường tránh những nơi đông đảo, những trục giao thông để xây dựng cơ sở trong những vùng rừng núi hẻo lánh.

Không những thế, ngay từ tấm bé, thanh thiếu niên Thượng được huấn luyện để sống bên cạnh núi rừng, và sống nhờ vào núi rừng. Rừng núi đối với họ là nguồn lợi duy nhất đem lại tất cả mọi thứ thiết dụng hàng ngày: từ thức ăn, nước uống, đến quần áo, đồ dùng, nhà ở, tất cả đều do núi rừng cung cấp, để được vài tháng, mẹ đã đeo con sau lưng trong cái khăn rộng, vào rừng tìm nấm tìm măng, 7, 8 tuổi đã theo cha anh

đi săn chim, săn thú, kiếm mật ong, đào củ mài, lấy mây lấy nứa...

Cuộc sống của đồng bào Thượng bám chặt vào rừng núi đến độ đồng bào định ninh rằng không thể nào sống được nếu không có núi rừng. Thế mà ngày nay phải rời bỏ nguồn lợi và đất sống duy nhất đó để đến trú ngụ bên cạnh những thị trấn đông đảo là những nơi không hợp với tính tình cũng như nề nếp sinh hoạt cổ truyền, nguyên nhân chỉ vì bị *Cộng sản áp bức bóc lột!*

**Cộng sản đã xâm nhập vùng thượng như thế nào?**

**C**ỘNG SẢN đã bóc lột áp bức như thế nào, đến độ nào, để họ đành phải bỏ lại cái nguồn sống vô tận vô biên đó và rút áo ra đi như vậy?

Cái xảo trá, mảnh lới của Cộng sản, khôn ngoan như người Kinh còn bị lừa, còn mắc hóm, hướng chi đồng bào Thượng chất phác thực thà! Hồi 1954, khi phải rút ra Bắc thì tại các vùng Thượng cũng như tại các vùng Kinh, Cộng sản đã để lại một số cán bộ nòng cốt để

gây cơ sở. Bọn cán bộ này có khi trá hình làm thương lái, ra vào các làng Thượng buôn bán, đổi chác, có khi làm thợ luồn rừng, làm gỗ, làm củi, lấy mật ong, v.v... Chúng đi lại mua chuộc các gia đình bô lão, đầu mục, chủ làng, Cà rá... những người có uy tín trong vùng, có khi chính chúng đến ở ngay trong nhà những vị đó, có khi chúng giới thiệu cho những đồng chí của chúng đến ở. Giai đoạn này chúng gọi là giai đoạn « bắt rết ». Để có thể hiểu rõ được cái mưu mô thâm độc của chúng trong việc « bắt rết » này, chúng ta cần hiểu qua tâm lý đồng bào Thượng trên phương diện ngoại giao : đồng bào Thượng vốn dĩ hiểu khách lại dễ tin, dễ thấy ai tử tế với mình thì thích lắm, nhất là khi bọn cán bộ Cộng sản dụng tâm mua chuộc bằng cách nay biếu thức này mai cho thức khác : một vài cân muối, vài chục cá khô, dăm viên đá lửa v.v... Thực ra chúng chẳng thiệt hại gì trong việc biếu xén này cả, vì như vậy chúng đổi chác lại được rết, được lợi. Đi lại ít lâu thành quen, chúng đến nhà đồng bào ở có khi hàng tháng không bao giờ phải trả tiền.

Ít lâu sau, khi đã thân rồi,

chúng tiến thêm một đợt nữa : xin làm con nuôi, xin cưới vợ Thượng và đến ở rết, hoặc xin kết nghĩa anh em. Đã là con cái, là chàng rết, là anh em, tức là thành người nhà rồi, không những không nở tổ cáo nhau, không nở hại nhau mà còn phải tìm mọi cách che chở bao bọc là đằng khác ! Đồng bào Thượng bao dung dấu diếm một tên cán bộ Cộng sản, không phải vì họ vốn có tình cảm với Cộng sản, mà chỉ vì họ có cảm tình với cá nhân tên cán bộ Cộng sản mà họ không hề biết hẳn là Cộng sản.

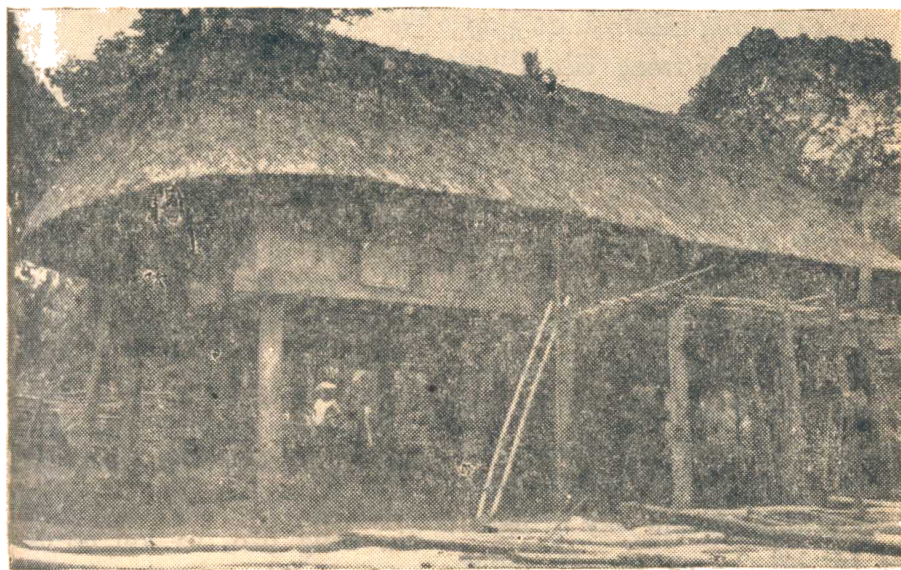
Như đã nói, bọn cán bộ Cộng sản chỉ tìm cách kết thân với đầu mục, chủ làng, những người có uy tín mà thôi, vì chúng biết rằng những người đó phần đông đều sung túc, có thể giúp đỡ bao bọc chúng được, vả lại thân với những người đó, chúng có thể được đồng bào trong vùng vì nể hơn, chúng còn hy vọng sẽ gián tiếp điều khiển đồng bào trong vùng qua những người này.

Khi chiếm được cảm tình của đồng bào rồi, chúng mới bắt đầu thao túng : nào phản tuyên truyền chính thể Cộng Hòa, nào gây chia rẽ trong nội bộ thôn xóm, reo rắc những tin tức thất thiệt để đổ tiếng xấu cho quân

đội, cho chính quyền địa phương, xúi dục đồng bào yêu sách điều này điều nọ. Tất cả mọi mánh, khéo, mọi hình thức đều được đem ra áp dụng để làm cho dân chúng chán ghét chính thể, căm thù chính quyền địa phương, không hợp tác với quân đội và sợ quân đội. Nếu trong vùng có một thanh niên nào đi tập kết, thỉnh thoảng chúng lại bịa đặt tin tức nói là

cho gia đình thanh niên đó và dân chúng trong vùng hướng về miền Bắc. Dĩ nhiên là cùng với những tin này, chúng không ngớt tìm cơ hội ca ngợi nguy quyền Cộng sản.

Khi một phần dân chúng đã có thành kiến với chính quyền, với quân đội và đã có phần nào cảm tình với chúng rồi, chúng tìm cách tổ chức một số thanh niên trong vùng để bành trướng



Nhà ở của giông Văn-Kiều tại Khe-Sanh (Lao-Bảo)

chức vụ quan trọng, hoặc sắp về v.v... tất cả những tin tức đó được tung ra với mục đích làm thanh niên đó hiện đang ở ngoài Bắc đang đi học chuyên môn ở ngoại quốc, hoặc đang giữ một

cơ sở. Ban đầu, chúng chỉ dùng bọn thanh niên này vào những nhiệm vụ rất tầm thường : báo động, liên lạc, tiếp tế, dẫn đường v.v... ; lâu dần khi bọn này tay đã nhúng chàm, thế không thể

lùi được nữa, chúng mới giao cho những nhiệm vụ khó khăn hơn.

Đi lại giao dịch với đồng bào Thượng như vậy một thời gian, không những chúng hiểu rõ tình hình trong vùng, hoàn cảnh từng gia đình, tâm lý từng nhân vật co uy tín, mà cả đường đi lối lại, phong tục tập quán và còn tập nói được tiếng Thượng nữa.

Tất cả những hiểu biết đó giúp chúng không ít trong việc « bắt rết » vào vùng Thượng.

Việc hiểu rõ phong tục tập quán tuy bề ngoài có vẻ không cần thiết nhưng thực ra là một vấn đề rất quan trọng trong việc giao dịch với đồng bào Thượng. Mỗi vùng, mỗi sắc dân có những phong tục tập quán riêng, có những sự kiêng cử riêng, nếu không đề ý, có thể làm cho đồng bào phật ý và như vậy dĩ nhiên sẽ bất lợi cho sự giao tế, thông cảm. Trong phạm vi nhỏ hẹp của bài này không sao kể hết những phong tục kỳ lạ của tất cả các sắc dân Thượng, nhưng cũng xin đơn cử một vài thí dụ để chúng ta có một vài ý niệm về vấn đề. Tục mời khách uống rượu cần là tục lệ phổ thông

trên các vùng Thượng, nhưng đồng bào Hré khi trao cần mời khách uống rượu, xin khách nhớ đỡ bằng tay phải và phải úp sấp bàn tay khi đỡ cần rượu, nếu cầm cần bằng tay trái là khinh bạc, và cầm bằng tay mặt nhưng lòng bàn tay lại ngửa lên cũng là một cử chỉ khiếm nhã có thể làm chủ nhân buồn lòng. Đồng bào Koho, khi san rượu từ ché lớn sang ché nhỏ để trao cho khách, bao giờ cũng uống trước một hớp rồi mới đưa mời khách. Xin chớ coi đó là một cử chỉ thiếu lễ độ hay thiếu vệ sinh mà buồn lòng, và phải hiểu rằng có như vậy mới là quý khách, thực lòng với khách, xin khách cứ uống tự nhiên, trong rượu không có thuốc độc, vì chính chủ nhân đã nếm thử trước mặt khách.

Nếu hiểu được phong tục lại biết nói dăm ba câu tiếng Thượng thì rất được cảm tình của đồng bào, và khi đó đồng bào Thượng sẽ không còn là những người rụt rè ít nói như ta vẫn tưởng nữa, mà sẽ rất cởi mở, và cởi mở là điều kiện cần thiết để có thể đi đến thân mật.

Nhiều khi chúng ăn mặc như đồng bào Thượng, cũng đóng khố, cà răng, đeo gùi v.v... một

mặt để che mắt công an, quân đội ta, mặt khác hòa cuộc sống với đồng bào, để chiếm cảm tình. Chúng còn ra làm rẫy giúp và làm rẫy chung với đồng bào. Khi được lúa, được bắp, chúng gửi cả vào vợ của gia đình chúng ở nhờ. Khi lúa bắp còn ở rẫy, nếu chính quyền có hỏi rẫy của ai thì gia đình đó nhận là của họ, khi lúa đã vào vợ rồi họ cũng nhận là của họ. Thóc lúa ấy, chúng để dành tiếp tế cho số cán bộ bất hợp pháp sống lén lút trong rừng.

Nhưng số cán bộ này dần dần tăng lên, một phần do Bắc-Việt gửi vào, một phần do chúng dụ dỗ thanh niên các vùng kinh lên, thóc lúa do chính bọn cán bộ nằm vùng sản xuất không tài nào đủ cung cấp, chúng phải bày mưu kế lấy thóc lúa và các thực phẩm khác của đồng bào Thượng.

Khi chưa có lực lượng, chúng chỉ khuyến khích đồng bào tăng gia sản xuất. Ngoài mặt, chúng ra điều ân nghĩa giải thích cho đồng bào biết là cần phải tăng gia sản xuất để đề phòng thất bát, để tăng mãi lực, nâng cao mức sống, nhưng kỳ thực, chúng chỉ khuyến khích đồng

bào tăng gia để chúng dễ bề quyền thực phẩm lập kho dự trữ ; kịp khi chúng đã có kho dự trữ và có lực lượng rồi, chúng xoay trò khùng bố, dọa nạt, cướp bóc, ép buộc đồng bào phải cung phụng đóng góp để chúng nuôi quân, chúng trắng trợn đến độ bọn lính Cộng sản đi từ Bắc-Việt theo đường Lào xâm nhập lén lút vào các vùng Thượng, tên nào cũng đeo theo sau lưng một cái cối bằng gốc bương và một cái chày con, đến đâu có thóc lúa chúng chia nhau lấy bỏ vào cối chày cá nhân xát đã nấu ăn ngay tại chỗ. Gà lợn, trâu bò của đồng bào nuôi, chúng bắt ăn không trả tiền đã đành, nhiều nơi đồng bào không có lúa, chỉ có chút ít ngô, khoai, sắn, chúng cũng không từ. Cho chúng lấy ăn còn yên, nếu kháng cự, phản đối, chúng không ngần ngại gì không giết bỏ. Đồng bào trong các buôn bản gần trục chuyển quân của chúng, ngoài tai nạn bị bóc lột của cải, lương thực, còn bị chúng bắt đi khuôn vác vũ khí đạn dược, hay chuyển chở quân trang, quân dụng.

Từ ngày Cộng sản mở đường Lào và bắt đầu đẩy mạnh chiến dịch chuyển quân từ Bắc vào Nam, đồng bào Thượng

càng khổ cực hơn : tài sản bị chiếm đoạt, lương thực bị cướp bóc, công sức bị lợi dụng, nhân phẩm bị chà đạp, và ngay cả sinh mệnh cũng bị coi rẻ.

Như vậy hỏi còn sống sao được mà chẳng phải bằng lệ dấp nhau gạt nước mắt lìa nơi núi rừng thân yêu để về nương nhờ tại các vùng kinh yên tỉnh hơn.

### Vấn đề trợ giúp và định canh, định cư

**M**ỘT vấn đề quan trọng đã được đặt ra cùng với cuộc di cư của 134 ngàn đồng bào Thượng : ấy là việc trợ giúp và định cư các đồng bào đó. Về trợ giúp, như ta đã biết, chính phủ đã đặc biệt lưu ý đến vấn đề này ngay từ khi bắt đầu có phong trào di cư, và hiện nay nhiều cơ quan tương trợ Quốc tế cũng như nhiều nước bạn của chúng ta cũng đang nghiên cứu tìm biện pháp giúp đỡ ; nhưng trước cảnh huống hàng trăm ngàn đồng bào không nơi ẩn chốn ở, không phương tiện sinh nhai, thiếu thốn đủ mọi bề đó, chúng ta không thể nào làm ngơ

được : phải có một sự trợ giúp trực tiếp cụ thể từ tất cả các giới đồng bào góp lại mới mong có thể có hiệu quả chắc chắn và an ủi được phần nào sự đau khổ mà đồng bào Thượng tự nạn của chúng ta đang chịu đựng.

Chúng ta hãy tưởng tượng cảnh hàng trăm ngàn con người lớn bé già trẻ bị trục xuất ra khỏi cứ địa của mình chỉ mang theo trên người được đôi chút tài sản nhỏ mọn : cảnh đó chẳng khác gì một cảnh cháy nhà, nhưng cháy nhà, lớn lắm là chỉ một xóm, một làng, 5, 3 trăm hay nhiều lắm là một vài ngàn người bị trục đoạt mà thôi. Chớ đây là một tai nạn chung cho hàng trăm ngàn con người : nó không khác nào một cảnh lụt lội bão táp đã tràn qua cả một vùng. Nhưng lụt lội bão táp thì sau đó còn trở lại được nhà cũ đất cũ để thu lượm những gì còn sót, và cấy cấy lại đất đai, chớ trong trường hợp này, đồng bào Thượng của chúng ta đã mất tất cả : của cải, gia súc, nhà cửa, đất đai : nói tóm lại là họ chỉ còn hai bàn tay trắng, và cả hàng trăm ngàn người hai bàn tay trắng ! Chắc chắn là trước cảnh huống đó, dầu sắt đá đến đâu, cũng không thể làm ngơ được !

Trong khi trợ giúp là một biện pháp có tính cách cấp thời căn cứ một phần trên khả năng tài chánh và phương tiện của chính phủ, phần khác trên tình đoàn kết tương thân tương trợ của đồng bào các giới, thì định cư lại là một giải pháp lâu dài cần lưu ý và phải được thực hiện song song với việc trợ giúp. Nếu trợ giúp đòi hỏi tình tương thân tương trợ và tiền, thì định cư ngoài tình đoàn kết và tiền, còn

hoạch riêng, thích hợp với từng sắc dân, từng lớp đồng bào, thích hợp cả về hai phương diện trình độ văn hóa cũng như phong tục tập quán.

Trong khi đồng bào Kinh là những phần tử có kinh nghiệm sẵn về sinh hoạt nông trại, khi đến đất mới chỉ cần được giúp đỡ tài chánh, phương tiện và giống má là họ có thể tự tạo được một cuộc sống phong túc, thì trái lại, đồng bào Thượng chỉ



Địa điểm Canh-Thành Vân-Canh — Bình-Định

cần những kế hoạch thích hợp. Những kinh nghiệm đã thu hoạch được trong công cuộc định cư đồng bào Kinh không thể đem áp dụng tất cả cho đồng bào Thượng ; cần phải có những kế

là những người chưa hề có một chút kiến thức nào, hay chỉ có một số kinh nghiệm rất thô sơ về sinh hoạt nông nghiệp.

Có những giòng từ xưa đến nay chỉ biết đốt rừng làm rẫy



chưa bao giờ biết cầm đến cái cây và cũng không bao giờ dùng lưỡi hái để cắt lúa. Việc dùng lưỡi hái đối với họ lại là một việc tối kỵ : lúa chín chỉ ra tuốt từng bông vào gùi, cắt bằng lưỡi hái sợ thần lúa (yang-xô-ri) đau và sang năm sau thần sẽ phạt mất mùa !

Giờ đây, đến đất mới, tất cả hoàn cảnh sinh hoạt đều đổi khác, cách khai thác cũng khác hẳn nơi đất cũ, không những phải giảng dạy, huấn luyện, hướng dẫn, để đồng bào quen dần với những phương pháp khai thác tiến bộ và thích hợp mà còn phải giúp đỡ đồng bào thích nghi với cuộc sống mới. Biết bao vấn đề phải đặt ra và phải được đặt ra như thế nào để đồng bào khỏi quá bối ngỡ, để đồng bào có thể theo được và theo một cách vui vẻ tự nguyện tự giác.

Trình độ hiểu biết thô sơ, phong tục tập quán phức tạp và mê tín dị đoan, từ ngàn xưa đã là những trở lực lớn lao ngăn cản đồng bào trên đường văn minh tiến bộ ; những trạng huống tinh thần đó vẫn là những trở ngại trầm trọng cần phải chú ý trong việc định cư đồng bào Thượng.

Phần lớn các giòng Thượng ở Cao Nguyên và Trung Nguyên Trung-phần đều theo mẫu hệ, bên ngoài tuy người đàn ông ra giao dịch nhưng quyền hành trong gia đình vẫn là do người đàn bà nắm giữ, vì vậy phụ nữ cũng là vấn đề cần phải chú trọng.

Từ 1958 đến nay, các tỉnh có đồng bào Thượng cũng đã thực hiện được nhiều khu định cư kiểu mẫu như các khu Đồng-Kho, Đồng-Me, ở Bình-Tuy, Gia-Lê, Sông Trao ở Ninh-Thuận, Buôn Hăng ở Darlac, Buôn Sré ở Lâm Đồng, v.v... những kinh nghiệm rút ra được trong các công cuộc đó có thể rất quý báu cho việc định canh định cư 134 ngàn đồng bào Thượng tỵ nạn Cộng sản hiện nay.

Nói tóm lại, muốn thực hiện công cuộc chu đáo để có kết quả mỹ mãn cụ thể, không những phải có những kế hoạch thích hợp, có phương tiện dồi dào mà còn phải đặc biệt chú trọng đến phong tục tập quán, và trình độ văn hóa của từng sắc dân, từng bộ lạc.

NGUYỄN PHỐ

## Cuộc khởi nghĩa chống Cộng của Đồng bào Thượng Sơn-Hà (Quảng-Ngãi)

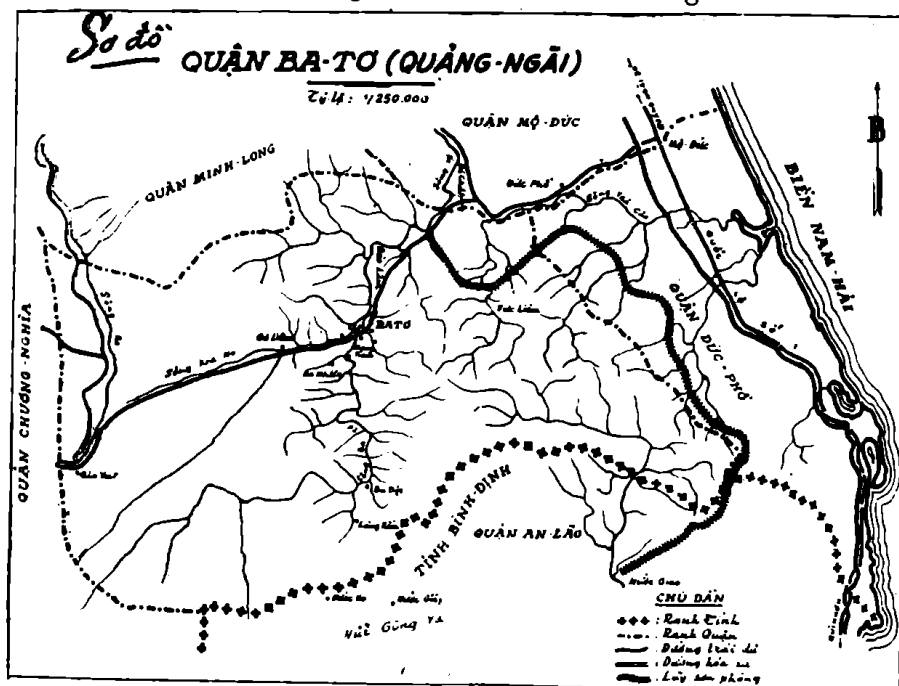
*PHÍA Tây tỉnh Quảng-Ngãi là một vùng rừng núi rộng lớn gồm 4 quận: Minh-Long, Sơn-Hà, Trà-Bồng và Ba-Tơ.*

*Đồng bào Thượng bốn quận này sống rải rác trong lưu vực các sông Ré, KraNô, Ba-Tơ và sông Vê, và thuộc hai sắc dân chính là Cà-Giông hay Cua và Chăm hay Hré. Giòng Hré đông hơn chiếm cứ các quận Minh-Long, Ba-Tơ và Sơn-Hà. Xưa kia giòng Hré rất hiếu chiến và đã từng gây nhiều khó khăn cho người Pháp trong những năm đầu của cuộc thiết lập chính quyền bảo hộ trên các vùng Thượng. Giòng Hré cũng tiến bộ hơn giòng Cua, những vùng có đất thấp, đồng bào sống định cư và làm ruộng như đồng bào Kinh.*

VÙNG phía Tây Quảng-Ngãi về phương diện quân sự là một vùng đất xung yếu, tiến có thể kiểm soát đồng bằng Quảng Ngãi rất nhanh chóng, phía Bắc có nhiều đường sang được Quảng

Nam, phía Nam xuống được Bình Định; theo các đường xuyên sơn có thể liên lạc được với Kontum, Pleiku, để sang Hạ-Lào và Cao-Miên. Đường Mộc-Đức — Ba-Tơ — Gia-Vực —

Konplong — Kontum nối liền cho đồng bào Thượng những đồng bằng với vùng Cao môn tiền không nhỏ.



Nguyên. Đầu thế kỷ II, Chiêm-Thành đã dùng con đường này để đánh chiếm Cao Nguyên dành nhau vùng đất này với dân tộc Khmer. Đời Lê, Bùi-Tá-Hán đã nhờ con đường này quy phục được giòng Jarai.

Về phương diện kinh tế vùng sơn cước phía Tây Quảng Ngãi là một vùng có nhiều lâm sản: quế, mật ong, mây, gỗ quý, v.v. là những phẩm vật vẫn đem bán cho đồng bằng, ấy là chưa kể cau và thóc lúa là những sản phẩm hàng năm vẫn mang lại

Vì những lý do đó, vùng rừng núi Quảng Ngãi đã được Việt cộng rất chú ý. Đường giao liên nối liền Nam Bắc của Việt cộng mệnh danh là đường Hồ Chi Minh đã đi qua vùng này và những cơ quan đầu não của Việt cộng tại liên khu Năm cũng được đặt tại đây (chiến khu Đồ-Xá).

Hồi 1945, sau khi làm chủ được tình thế tại các vùng đồng bằng Việt cộng bắt đầu xâm nhập các vùng Thượng, nhưng vì thiếu kinh nghiệm thượng vận, ngay từ buổi đầu, cuộc xâm

nhập đã gặp nhiều phản ứng bất lợi trong dân chúng.

Bọn thương lái cũ vì biết tiếng Thượng và đường đi lối lại được Việt cộng dùng làm cán bộ thương vận. Bọn này, với đầu óc con buôn sẵn có, đầu lợi dụng cơ hội để hà hiếp bóc lột đồng bào. Chính sách thuế khóa nặng nề với nào những tuần lễ thương binh, tuần lễ vàng, tuần lễ gạo, quỹ kháng chiến, quỹ bảo trợ bộ đội v.v... đã quá đáng, còn được bọn cán bộ áp dụng một cách quá quắt hơn nữa làm cho đồng bào Thượng vốn không lấy gì làm sung túc càng thêm khổ cực.

Bọn chính quyền Việt cộng bấy giờ lại coi thường sức phản ứng của đồng bào Thượng, cho rằng đồng bào tính tình chất-phác hiền lành, sẽ hoàn toàn phục tùng.

Không những chịu khổ cực điều đáng vì bị bóc lột hiếp đáp về kinh tế, đồng bào còn bị mất cả tự do tín ngưỡng. Những phong tục tập quán cổ truyền bị Việt cộng ngăn cản cấm đoán bắt phải bỏ đi để theo «đời sống mới» : nào cấm đeo giây « mùa hua » mà đồng bào vẫn coi là bùa hộ mạng, nào phải ăn cơm

bằng đũa, không được cúng tế thần linh, không được uống rượu cần v.v...

Là những con người bảo thủ, đầu óc còn đầy mê tín dị đoan, trước cái phong trào « đời sống mới » do Việt cộng phát động ép buộc phải theo quá sớm đó, đồng bào càng thêm căm phẫn, và chỉ đợi cơ hội thuận tiện để vùng giẫy không khác nào một hăm thuốc súng đợi ngọn lửa diêm.

Cuối năm 1949, Việt cộng bắt đầu phong trào phóng tay phát động quần chúng đấu tranh chống cường hào địa chủ để mở đầu cho cuộc cải cách điền địa tại các vùng Thượng. Việt cộng đã dùng Sơn-Hà làm thí điểm.

Các « Cà-Rá » (chủ làng) còn được lưu dụng từ trước, bấy giờ đều bị sa thải khỏi guồng máy chính quyền (trường hợp Chánh Di, Ch. Ê) để nhường chỗ cho những cán bộ vô sản mà Việt cộng vừa huấn luyện được. Việt cộng bắt các Cà-Rá phải chia ruộng cho tá điền, giải phóng cho con nợ ở nợ, chia trâu bò thóc lúa và buộc Cà-Rá phải tự tay làm lấy ruộng nương của mình, không được mượn đồng bào cây cấy giúp như trước nữa.

Đồng bào Thượng từ xưa tới nay theo chế độ tù trưởng, vẫn phục tùng Cà-Rá, vẫn nhờ vả Cà-Rá khi túng đói để khi Cà-Rá có công việc đồng áng lại đến làm công trả nợ, nay bỗng nhiên không được liên lạc với Cà-Rá, như rắn mất đầu, cũng bất mãn, các Cà-Rá bị tước đoạt ruộng nương, trâu, bò, của cải, quyền hành, cũng phần nộ.



Chàng thanh niên Sơn-Hà  
một Chiến sĩ chống Cộng

Tất cả những bất mãn, công phần từ trước cộng với những công phần mới dồn dân chúng đứng về phía Cà-Rá để công khai chống lại chính sách hà khắc của Việt cộng.

Đêm đầu máu đầu tiên là đêm 25 tháng chạp âm lịch (tháng Giêng 1950). Dưới quyền chỉ huy của bọn Chánh-Di, Chánh-Lãi, Quyền-Diệu, Ch. Ê., Đ. Ng. (hai ông sau này hiện là sĩ quan Bảo-An vì vậy chúng tôi xin tạm dấu tên) v. v... dân chúng Thượng Sơn-Hà với một số vũ khí thô sơ đã nhất loạt nổi dậy cướp phá quận lỵ. Phần lớn cán bộ Việt cộng đều bị giết, trụ sở các cơ quan bị đốt phá, chủ tịch hành chánh quận cũng bị giết ngay trong đêm đó. Bộ đội Việt cộng đóng ở Sơn-Hà bị đánh úp không kịp trở tay cũng bị giết hại, kho vũ khí bị cướp phá và các hồ sơ giấy tờ hoàn toàn bị thiêu hủy : tổng số thiệt hại về nhân mạng của Việt cộng riêng đêm đó lên tới hai trăm mạng.

Sang ngày hôm sau, phong trào chống đối lan tràn sang Minh-Long và Ba-Tơ. Được những thành quả tốt đẹp đầu tiên khuyến khích, lại cướp thêm được nhiều khí giới, và thêm phần khởi bởi sự hưởng ứng của đồng bào Sơn-Hà mỗi ngày một thêm mạnh.

Lúc đầu, Việt cộng không quan tâm lắm, cho rằng đây chỉ là 1 cuộc cướp bóc nhỏ nên chỉ huy

động một số ít du kích địa phương của các vùng kinh gần đó lên đàn áp, nhưng càng ngày càng thấy phong trào càng mạnh lớn, và có cơ lan tràn ra khắp vùng Thượng phía Tây Quảng-Ngãi, Việt cộng phải huy động 4 tiểu đoàn của Trung đoàn 27 địa phương lên chinh phạt. Bộ đội này đến đâu tàn sát đốt phá đến đấy. Nhiều làng Thượng bị chúng đốt rụi, không còn một nóc nhà nguyên vẹn. Các lực lượng chống đối lại rút vào rừng tổ chức đánh du kích vì vậy cuộc chinh phạt của Việt cộng không mang lại kết quả mong muốn. Bị yếu thế, lực lượng chống Cộng của nhóm Ch. Ê, Chánh Di, sau khi rút vào rừng, đã liên lạc với trung đoàn 5 bộ binh Pháp bấy giờ đóng ở Kon-plong để cầu viện.

Nhờ sự hướng dẫn của người bản địa lại có dân chúng địa phương làm hậu thuẫn, trung đoàn 5 bộ binh Pháp nắm được cơ hội thuận tiện đã tràn vào vùng Thượng Sơn-Hà và tiêu diệt được 4 đại đội Việt cộng.

Nhận thức thấy nguy cơ có thể mất hẳn quận này và tất cả hậu quả tai hại có thể xảy ra, Việt cộng vội vàng huy động

Trung đoàn 108 chủ lực tỉnh Quảng Nam, và Trung đoàn 803 Phú-Khánh để quyết chiến với quân đội Pháp.

Việt cộng đã tiến đánh từ ba địa điểm Hà-Thành — Gò Rinh — Gi-Lăng, và sau ba ngày chiến đấu, Trung đoàn 5 Pháp phải rút về Konplong cùng với số đồng bào Thượng chống Cộng.

Sau cuộc thất bại này, chính tướng De Lattre de Tassigny đã đứng ra đích thân chỉ huy một trận Sơn-Hà và giao đồn Konplong cho một sĩ quan cao cấp để dùng Konplong làm căn cứ xuất phát đánh xuống Sơn-Hà chiếm đồng bằng Quảng Ngãi.

Dựa vào uy tín của các Cà-Rá, De Lattre đã tổ chức thanh niên Thượng thành những đại đội và bán đại đội biệt kích, áp dụng chiến thuật lưu động để tiêu hao lực lượng chính quy của Việt cộng ở Sơn-Hà.

Có người Pháp làm hậu thuẫn, lực lượng chống Cộng trở nên mạnh về vũ khí cũng như về tổ chức, vì vậy dần dà đã chiếm được gần trọn quận Sơn-Hà, nhưng cũng vì có sự giúp đỡ của người Pháp mà lực lượng chống Cộng Sơn-Hà mất đi phần

nào cảm tình của quần chúng vốn không ưa gì người Pháp.

Việt cộng đã lợi dụng điểm đó để tuyên truyền thu hút quần chúng, đồng thời tổ chức chính đồn lại guồng máy chính quyền tại các vùng Thượng và duyệt lại chính sách: đưa Nguyễn-huy-Quang, Nguyễn-Đôn và Lư-Giang đến Quảng-Ngãi để trực tiếp điều khiển công cuộc bình định cũng như xây dựng lại cơ sở chính quyền.

Rút được kinh nghiệm thất bại trong những năm trước, Việt cộng đã áp dụng một chính sách hoàn toàn khoan hồng đối với đồng bào Thượng.

Chất phát thực thà, đồng bào Thượng dần dần quên những

uất hận xưa và trở lại cộng tác với Việt cộng, nhờ vậy Việt cộng đã chiếm lại Sơn-Hà và sau đó cả Konplong để đề bẹp hẳn cuộc kháng chiến của lực lượng chống Cộng. Lực lượng này phải rút vào rừng. Nhưng sau khi bình định được Sơn-Hà, chính sách khoan hồng giai đoạn của Việt cộng đã lại bắt đầu được thắt chặt dần đề nhường bước cho chính sách khắt khe cố hữu của những con người Cộng sản. Cũng may là chính sách cải cách điền địa mới chưa được áp dụng được bao lâu thì Hiệp định Genève ra đời để giải phóng hẳn cho đồng bào Thượng Sơn-Hà khỏi ách nô lệ Cộng sản.

NGUYỄN PHỔ

NGUYỄN XUÂN

## Trần Man

### Một tổ chức bình định diễn hình của nhà Nguyễn tại vùng Thượng

Một vài nét lịch sử  
trong cuộc nam tiến

**1402 :** nhà Hồ đánh Chiêm-  
Thành lấy đất Chiêm-Động và  
Cồ-Lũy lập ra châu Thăng, châu  
Hoa, châu Tư và châu Nghĩa  
(Quảng-Nam, Quảng-Ngãi).

— 1470 : Lê-Thánh-Tôn chiếm  
cửa Thị-Nại (Qui-Nhơn).

— 1540 : Bùi-Tá-Hán, được  
 cử làm Quản-Đại Quảng-Nam,  
 quy phục được giòng Jarai ở  
 phía Tây và đưa giòng này về  
 triều cống nhà Lê. Việc triều  
 cống này tiếp tục suốt trong thời  
 gian các Chúa Nguyễn cho đến  
 đời Minh-Mạng.

— 1611 : Nguyễn-Hoàng đánh  
 chiếm tới Đèo Cả, lập ra phủ  
 Phú-Yên gồm có hai huyện Đồng  
 Xuân và Tuyên-Hòa.

— 1653 : Chúa Hiền cử binh  
 đánh tới sông Phan-Rang ; lập  
 thành phủ Thái-Ninh, sau đổi là  
 Diên-Khánh (Khánh-Hòa và một  
 phần Ninh-Thuận).

— 1693 : Phần đất còn lại của  
 Chiêm-Quốc bị chiếm nốt và  
 được đặt tên là Thuận-phủ, năm  
 sau đổi là Thuận-Thành rồi đổi  
 làm phủ Bình-Thuận.

Trên đường Nam-Tiến của dân  
 tộc, từ đời Lý sau khi đổi Huyện  
 Trần lấy hai châu Ô-Lý, đến nhà  
 Hồ, nhà Lê, rồi tiếp đến thời các  
 chúa Nguyễn, các bộ lạc Thượng



đọc giải Hoành-Sơn dần dà đã tham dự vào cuộc sống của dân tộc cùng với đồng bào Chăm, và ngay từ thế kỷ thứ 16, giòng Jarai ở miền Cao Nguyên phía Tây dãy Hoành-Sơn cũng đã quy phục nhà Lê.

Bùi-Tá-Hán khi làm Quản-Đạo Quảng-Nam cũng đã thiết lập tại các miền sơn cước một số đồn lũy để giữ an ninh và chỉ định cho mỗi vùng Thượng một viên chức người Thượng đặt tên là Giáo-dịch để đảm trách việc chấn dất đồng bào Thượng. Triều đình chỉ thu một số thuế tượng trưng bằng phẩm vật quý : ngà voi, quế, kỳ nam, mật ong v.v... Chế độ Giáo-dịch được áp dụng chung cho cả các tỉnh miền Nam Trung-Việt.

Để thu được thuế khóa và trao đổi thương mại được điều hòa, mỗi Giáo-dịch có 4 Nguyễn, mỗi Nguyễn có một Cái Quân và một số Con Quân phụ trách : việc thu thuế và trao đổi, Cái Quân tổ chức một số người gọi là thương hồ để đi lại liên lạc. Tại vùng Bình-Định, Phú-Yên, các thương hồ được gọi là Thủ-ngũ hay thuộc lại, tại Khánh-Hòa gọi là thừa-biên, và tại Bình-Thuận là thông-dịch.

## Vua Gia-Long thành lập Trấn Man (1804)

**S**AU khi lên ngôi, vua Gia-Long nghĩ ngay đến việc củng cố an ninh tại các vùng Thượng để có thể phát triển thương mại và kinh tế. Nhờ có Tả-quân Lê-Văn-Duyệt là người đã từng theo nhà vua lập được nhiều chiến công trong các cuộc chinh phạt ở miền Nam, nên an ninh tại các vùng Thượng Nam-Ngãi được duy trì một cách hữu hiệu.

Năm 1804, nhà vua đổi vùng Thượng Nam-Ngãi thành một trấn lấy tên là Trấn Man và cấp cho vị lão thần Nguyễn-Công-Toản, quán tại Bình-Sơn, tỉnh Bình-Định, làm đất phong hầu, để sau này con cháu đời đời nối tiếp hưởng lộc, vì Công-Toản đã có công theo chúa Huệ-Vương bình định các vùng sơn cước năm 1773.

Trấn-Man bấy giờ được chia ra thành 4 Nguyễn: Cự-Bá, Đào, Phủ-Ba và Ba-Tơ. Để giữ gìn an ninh trong Trấn, triều đình giao cho Nguyễn-Công-Trứ và Nguyễn-Khắc-Tuấn nghiên cứu thiết lập thêm một số đồn lũy tại các nơi xung yếu.

Năm 1819, tức là một năm trước khi vua Gia-Long băng hà, triều đình lại cử Tả-Quân Lê-Văn-Duyệt đứng ra trông nom việc xây đắp một trường lũy tại phía Tây Trấn Man để tăng cường việc phòng thủ. Trường lũy này được đặt tên là Lũy Sơn-Phòng, dài hơn 90 cây số, chạy suốt từ Trà Bồng qua Sơn-Hà, Minh-Long, phía đông Ba-Tơ và tới vùng nước Giao, Gò Bồi thuộc An-Lão (Bình-Định). Lũy đắp bằng đất và đá cục tròn to bằng đầu người, cao trên hai thước và dày độ một thước rưỡi. Phía ngoài lũy còn có một hào sâu, rộng trên 3 thước và một hàng rào tre gai tươi.

Ngày nay, lũy Sơn-Phòng tuy nhiều nơi đã bị phá hủy đập đổ hoặc bị cỏ cây mọc um tùm che lấp đi, nhưng nhiều nơi vẫn còn đủ cao để du khách nhận thấy dễ dàng.

**Dưới thời Tự-Đức,  
Trấn Man được gọi là  
Sơn Phòng Trấn**

**N**ĂM 1863, vua Tự-Đức cử Nguyễn - Trân, giòng dõi Nguyễn-Công-Toản, đương làm Án-Sát Thái-Nguyên, một tỉnh

thượng du Bắc-Việt vào làm Tiểu-phủ-sứ Trấn Man, và từ đây, Trấn Man được gọi là Sơn-Phòng Trấn. Nguyễn Trân không những là một nhà binh bị thao lược mà còn là một chính trị gia lỗi lạc, giỏi về tổ chức và có nhiều kinh nghiệm về vùng Thượng.

Sơn-Phòng Trấn dưới thời Nguyễn-Trân vẫn tiếp tục là đất phong hầu ; khi chết Nguyễn-Trân truyền lại cho con là Nguyễn-Độ, rồi đến cháu là Nguyễn - Thân. Nguyễn - Thân cũng là một quan cai trị xuất sắc ; ông đã đem những kinh nghiệm thu lượm được trong công cuộc xây dựng Sơn-Phòng Trấn để viết ra tập Phủ man tạp lục (1891) bằng chữ Hán, trong đó, ngoài những phương châm đề hướng dẫn công tác Thượng vận, còn đề cập cả đến những phong tục tập quán cần phải để ý, những đường xuyên sơn từ vùng này sang vùng khác và một số tiếng Thượng thông thường phiên âm thành chữ nôm để giúp cán bộ trong việc giao dịch với đồng bào Thượng và tìm hiểu vùng Thượng Nam-Ngãi. Có thể nói, Phủ Man tạp lục là một tập sách duy nhất về vùng Thượng viết bằng chữ Hán, và với

Nguyễn-Trần rời đến Nguyễn-Thân công cuộc bình định cũng như xây dựng vùng Thượng Nam-Ngãi mới được cải tiến và đặt trên những nền tảng vững chắc.

### Tổ chức quân sự của Sơn Phòng Trấn

**T**IỂU Phủ-Sứ có dưới trướng 3.600 quân chính quy và một số dân quân, dùng Mộ-Đức làm trung tâm chính trị và quân sự, chỉ huy bốn đồn binh lớn thiết lập tại các địa điểm xung yếu : Những đồn binh lớn này trực tiếp yểm trợ cho mười đồn khác nhỏ hơn đặt rải rác suốt từ Trà-My (Quảng-Nam) đến Chi-Đốc (Bình-Định). Các đồn nhỏ lại tiếp ứng cho hơn 100 pháo đài đặt dọc theo Lũy Sơn-Phòng, mỗi pháo đài có 10 lính trấn thủ.

Bộ tham mưu của Tiểu Phủ-Sứ gồm có một Đề-Đốc, hai Châu-lãnh-binh và hai phó lãnh-binh. Đề-Đốc thay Tiểu Phủ-Sứ đôn đốc kiểm tra công cuộc bố phòng.

Trấn được chia ra làm hai miền : Nghĩa biên (vùng Trà-My của Quảng-Nam và tất cả vùng sơn cước Quảng-Ngãi) và Định-

biên (vùng sơn cước phía bắc Bình-Định thuộc hai quận Thượng An-Lão và Vĩnh-Thạnh) Nghĩa-biên có 7 đoàn quân với 7 đồn chính, còn Định-biên có 3 đoàn quân với 3 đồn chính.

Mỗi Châu lãnh-binh và phó lãnh-binh trông nom một vùng.

### Đường lối chính trị

**C**ĂN-CỨ theo Phủ Man tập lục, đường lối của Tiểu Phủ-Sứ chỉ dẫn cho các cấp gồm những điểm chính sau đây :

— Hoàn toàn bí mật trong các công tác quân sự.

— Nghiên cứu kỹ càng địa hình địa vật đường đi lối lại trong khu vực hoạt động.

— Hiểu rõ phong tục tập quán và ngôn ngữ địa phương.

— Cương quyết trong việc lãnh đạo, nhưng thận trọng và khoan hồng trong cách đối xử.

— Công bằng và triệt để giữ lời hứa.

### Tổ chức hành chính và thuế vụ

**N**GUỖYÊN-TRẦN bỏ chế độ Giáo-dịch, căn cứ theo các thủy lộ mà lập ra các Tổng

Nguồn. Dưới mỗi Tổng Nguồn có một số Đầu mục. Đầu mục chỉ huy một vùng bằng một xã hiện nay. Dưới quyền đầu mục là sách-trưởng (thôn trưởng).

Bắt đầu từ năm 1887 thì trấn được chia ra làm 5 châu : (Trà-My, Hà-Tĩnh, Nghĩa-Hành, Đức-Phổ và Bồng-Sơn). Mỗi châu có một Tri-châu điều khiển. Dưới quyền Tri-châu có các Chánh-lòng và phó-tổng người Kinh, và Tổng-Nguồn người Thượng. Các cấp đầu mục và sách-trưởng vẫn được duy trì như cũ.

Trai tráng được kiểm tra chặt chẽ và tên tuổi được ghi vào sổ danh bộ. Đồng bào Thượng trước kia không có họ, chỉ có tên, vì vậy khi lập sổ danh bộ trai tráng từ 18 tuổi trở lên, các chánh-tổng đã ghi vào trước tên riêng của mỗi người một chữ Đĩnh (tráng đinh) như Đĩnh A, Đĩnh B, v.v... về sau chữ Đĩnh này đã biến thành tên họ chung cho đồng bào Thượng vùng Nam-Ngãi. Đối với các giòng Thượng vùng Bình-Phú lại hơi khác : trước tên riêng của mỗi người lại đề thêm một chữ « Man » có ý để phân biệt với đồng bào Kinh : Man A, Man B, và chữ đó sau này cũng thành

tên họ chung của các giòng Thượng vùng Bình-Phú.

### Tổ chức kinh tế và thương mại

**T**AI mỗi nguồn được thiết lập một trung tâm trao đổi phẩm vật : gọi là Trường-thị. Các lái ở vùng xuôi mang muối, cá khô, ché, sọt, vải, gồng, nôi đồng v.v... lên đồi lấy mây, nầm, sừng hươu, gỗ, sa-nhân, mật ong v.v... của đồng bào Thượng, vùng cao còn có cả trầm. Riêng Trà-My và Trà-Bồng còn có quế.

Việc mua bán quế dưới thời Gia-Long được tự do, nhưng bắt đầu từ đời Minh-Mạng thì việc buôn bán được tổ chức lại và do chính triều đình cử người đến phụ trách giao cho các Lãnh-Mại; lãnh-mại lại nhờ bọn lái buôn đi vào các làng Thượng có quế thu tập.

Về phương diện thuế khóa, mỗi năm các buôn Thượng trong phạm vi Sơn-Phụng trấn phải nộp 1.470 quan tiền thuế. Để thu phục nhân tâm, khi Nguyễn-Trần đến làm Tiểu Phủ-Sứ đã miễn hẳn 1 năm thuế và hạ

xuống 1.350 quan mỗi năm. Thuế này được chia bỏ cho các Nguồn tùy theo khả năng, tùy theo nhân khẩu và giao cho các Lái nhiệm vụ thu tập về nộp cho các Tri châu.

Bắt đầu từ đời Gia-Long, để khai thác các vùng Thượng, một mặt triều đình tổ chức dãy đồng bào Thượng tập cây bừa và làm ruộng sâu để định canh định cư, mặt khác tổ chức nhiều khu dinh điền và đồn điền di dân ở các vùng đồng bằng đông đúc đến lập ấp khẩn hoang : những khu dinh điền và đồn điền đó, ngoài mục đích phát triển kinh tế, còn để làm gương mẫu cho đồng bào Thượng. Trong vùng có an ninh, thì di dân đến lập ấp và được gọi là dinh điền, tại những vùng thiếu an ninh, chính quân đội tình nguyện và gia đình họ được đem đến : những nơi đó gọi là đồn điền. Khi yên tĩnh thì quân đội góp sức với gia đình khẩn hoang canh tác, nhưng khi hữu sự, họ là những binh đội, giữ an ninh cho vùng đất họ chiếm đóng đồng thời họ có bổn phận hỗ trợ tiếp ứng cho những đồn binh gần nhất, và ngược lại những đồn binh này là những quân tiên phong chống giữ cho các đồn điền hoạt động khi bình

thời và kịp chuẩn bị đối phó khi hữu sự. Sau một thời gian, dinh điền cũng như đồn điền trở thành những làng định cư thực sự để lại tiếp tục tổ chức thêm những khu mới. Cũng nhờ chính sách đó mà ngày nay nhiều khu xưa kia là rừng núi hoang vu nay đã trở thành những làng xóm trù mật đông đảo trong đó nhân dân đã trải qua hàng bốn năm đời cha truyền con nối. Trong quận Ba-Tơ, hai xã Ba-An và Ba-Thuận là hai khu dinh điền được thành lập dưới triều Tự-Đức.

1904 :

### Chính thức hủy bỏ chế độ Tiều Phủ Sứ

**N** NGÀY 10 tháng 10 năm 1898, một đề nghị của Khâm-Sứ Trung-Việt Boulloche gửi cho Cơ-mật-viện được nhà vua chuẩn-y :

— Hủy bỏ chế độ thương-mại có tính cách độc quyền tại các vùng Thượng.

— Hủy bỏ việc triều đình thu thuế khóa bằng phẩm vật.

— Đề người Pháp trực tiếp phụ trách việc an ninh tại các vùng Thượng.

1899 : Một đồn binh có 50 lính cơ được thiết lập tại Trà-Bồng và giao cho Giám-binh Haguet,

Tháng 4-1900 : thành lập đồn An-Lão (Bình-Định) và đồn này trực thuộc tòa Sứ Qui-Nhơn.

1901 : Một nha Đại-Lý của Pháp được thiết lập tại Trà-My, và một đồn binh cũng được xây dựng tại Ba-Tơ. Sau đó Lang-Ri, Minh-Long, Nước Vông cũng do người Pháp đến chiếm đóng. Công việc cai trị được chia ra rõ rệt : chính phủ Nam-triều chỉ còn trông nom các vùng Kinh, tại các vùng Thượng, người Pháp cai trị lấy qua các tòa Đại-Lý và các đồn binh.

Năm 1904, chức Tiểu Phủ-Sứ, vì không còn nhiệm vụ, được chính thức tuyên bố hủy bỏ. Phía bắc Sơn-Phong là quận Trà-My được sát nhập vào tỉnh Quảng-Nam, phía Nam vào quận An-Lão tỉnh Bình-Định, còn đoạn giữa nằm trong phạm vi

tỉnh Quảng-Ngãi : Trà-Bồng -- Sơn-Hà — Ba-Tơ và Minh-Long.

Suốt từ khi được thành lập từ năm 1804 đến khi hủy bỏ là đúng 100 hăm, Trần Man sau này đổi là Sơn-Phong đã là một thí điểm kiểu mẫu của nhà Nguyễn trong công cuộc bình định cũng như xây dựng vùng Thượng. Tất cả các kinh nghiệm về quân sự, về tổ chức hành chánh, cũng như chính trị và kinh tế của Trần Man đã được Nam-triều dần dà đem áp dụng cho các vùng Thượng của các tỉnh miền Nam Trung-Việt.

Dẫu rằng tổ chức đó đối với chúng ta ngày nay đã quá lạc hậu, nhưng qua đây ta cũng thấy phần nào sự cố gắng của tiền nhân trong công cuộc mở mang xứ sở cũng như khai hóa vùng Thượng để góp thêm vào việc làm cho nước mạnh dân giàu.

NGUYỄN XUÂN

KIM TUẤN — NGỌC THUNG

## Những bài thơ tình Jarai

**H**lao êa ro hơnonng kơmrơng rưng dlai atath at doa nao  
xem hơdoah pơ-ano pơmodur pơmong rơhaih prong  
mơh.

*Lui kotuc luc rơnuk rai ana mơnuih at nao xem hơboai  
kotaoi doah tơlơi pơjuat. cơbat.*

*(Như nguồn suối rừng xa chảy về đồng bằng, tìm chảy  
về trùng dương vô tận.*

*Suốt đời con người vẫn đi tìm tình thương).*



Người con gái Jarai trong lễ phục

**V**ì câu hát đó còn truyền lại  
cho con dân của thần YANG  
APUI (thần lửa) cho đến bây  
giờ, vì những đêm trăng không  
ngủ người con trai bên xóm còn  
mang đàn huyền âm đến bên nhà  
sàn của người con gái hát khúc  
giao tình, cho nên ngày nay  
chúng ta đi tìm những bài thơ  
của sắc dân Jarai — Một giống  
dân đa tình nhất trong các giống  
dân sống trên lưng núi Trường  
Sơn quanh năm chịu cơn gió rét  
thổi từ một miền xa xôi đến dập  
dồn.

Này là đêm tạ ơn thần lửa  
YANG HRI, đêm tạ ơn thần núi,  
thần nước YANG IA NẶNG

CHƯ mang cho cuộc sống yên lành. Trong tiếng cồng gọi gió vi vu, trong tiếng chiêng sâu náo âm thầm đó ta còn nghe thấy lời hát mộng mơ của chàng trai mới lớn, của nàng con gái đến độ trắng tròn. Ở đó là thơ, là những lời kết lại bằng ý nghĩ, chân tình.



— Người con trai Jarai

Như chúng ta đã biết, bộ lạc Jarai là một trong những bộ lạc lớn nhất trên vùng Cao nguyên của ta. Nói đến sắc dân này khiến chúng ta nhớ đến những cuộc chiến đấu dũng mãnh của họ trong hồi tiền sử. Nào là khi vượt xuống đồng bằng xưa đuổi giặc Chiêm cùng với sắc dân Rbadé, nào là khi theo cuộc trường chinh của vua Quang Trung ra Bắc xưa đuổi giặc Tàu. Với một diện tích rộng 13.799km<sup>2</sup> nằm theo dọc Trường Sơn kiên

cố, với số dân phỏng định 150.000 người quanh năm cần cù cù cấy lúa, đàn bò và sống quần tụ lại thành từng làng, từng tổng rải rác mọi nơi. Nay với 123 xã bao gồm 760 làng đã sát nhập vào các quận hành chánh, ngoài dân Jarai chúng ta còn tìm thấy các sắc dân khác sống phụ thuộc vào với họ, chịu mọi ảnh hưởng của Jarai như: H'reng, Banhar Golar, M'Dhur, Trung, H'rue v.v... họ cũng là những giống dân tha thiết yêu quê hương, yêu những đêm hội hè hát xướng quanh năm (2) khi vụ lúa đã gặt hái xong và bên làng lại vọng lên câu hát tình tứ, thiết tha cùng với giọng đàn huyền âm trầm buồn.

Hai bài thơ dưới đây là hai bài thơ trích ra trong số 200 bài thơ chúng tôi đã sưu tầm được. Tất cả đều là những bài thơ nói về tình yêu của họ đối với làng mạc và gia đình. Người viết chỉ mong dù với hai bài thơ nhỏ này, dù với hai câu chuyện tình yêu này chúng ta cũng đã tìm hiểu được tâm hồn của người Jarai.

## BÀI I

### Vùng đất của Bon Bruai

#### I

Ở chỗ đất gồ ghề — đất cày

Chỗ đất này đất tư B. Bruai  
[chạy làng vì năm chiến tranh.



Đi thế này rất khó khăn cho tất  
cả dân làng, ruộng nương,  
[làng tôi.

Năm Việt Minh nó đến.

B. Bruai bị giết — người Bon  
Biah chết trong rẫy, Plei Pa  
[chết giữa lần đạn.

## II

Đều bàn tán sau cuộc chiến  
[tranh.

Đề bàn việc trở lại làng mẹ cha  
Lấy năm 1945.

Bon Plum Apa.

Ruộng ở Đonáo H'Muai.

Gần Bruai — chúng tôi chạy về  
[chỗ ấy.

## III

Như nguồn suốt rừng xa chảy về  
[đồng bằng.

Tìm chảy về trùng dương vô tận.

Suốt đời con người đi tìm tình  
[thương.

## Đonáo H'Muai Dlai Bruai

### I

Thik, tlat klu ia DNáo kordáo lon  
[gò, mời dô lon krai.

Thik, tlat klu Đonáo H'Muai  
dai gah bruai mời duai yua  
[borvang.

Prang tun mời gun yoa rôh hoh  
tonap kơ cừ Siang, dang yôu,  
Bon mời pôrô kơ jap mời anap  
[bokotru.

Thum Viet Minh trun blah, Bon  
Bruai mời dajai pơnah, Bon  
Biah mời dajai krah hơma, Plei  
[Pa dajai arang rơ anh.

## II

Lô phat kơđi bơri lui tôlơi, blah  
vang kiang sông glai dlai adôn  
bôn ani ama, ma mớng thun  
[pả pluh roma 1945.

Bon Plum Apa.

Hơma Đonáo H'Muai, daigah  
Bruai mời duai yoa Siam mời  
[ram yua.

## III

Hláo éa rơ hơnong komrong  
rưng dlai ataih at doa nao  
xem hơdoah pơ-ano pomơđư  
[rơhaih prong mơh.

Lui kotuc luc romuk rai anđ  
mơnuih at nao xem hơboai  
kơtoai doanh tôlơi pơjuat  
[cơbat.

## BÀI 2

### Bài hát cảm ơn người con gái

Một lần tôi gặp nàng, tôi hết sức  
[cảm động vô cùng.

Việc ấy không bao giờ phai.  
Mà nó vẫn sống mãi trong lòng  
[tôi.

Tại tôi nghe luôn luôn những gì  
[tha thiết.  
Lòng tôi quá mong muốn hết  
[sức.  
Tôi biết tại tôi nghe những gì  
[tôi nghe.  
Tôi tưởng tượng nhớ nàng luôn  
[luôn.  
Nhìn thấy nàng như một con  
[chim én.  
Nhìn thấy nàng như một con  
[chim đủ màu sắc.  
Tuy nàng có tuổi.  
Với tính tình quá mến thương.  
Tôi muốn công nàng đi chơi dưới  
[bóng mát.  
Tôi muốn tâm sự cùng nàng  
[trong nhà đó.  
Tôi tưởng tượng không bao giờ  
[phai mờ.  
Tiếng nói ấy không bao giờ quên  
[được.  
Tôi luôn luôn nhớ mong mãi mãi.  
Như bóng nàng ở sâu trong tâm  
[hồn tôi.

**Tolai Adoh Boni Kodra**

Ha wot mơi buh abih ghieh hotai  
[boh.  
Pioh amăng hotai dajai hơdip bu  
[wor.  
Tơngia do dor' nanao hlao dơimơi  
[amuaih.  
Baih dơi mơi hor.  
Thào wor tơngia thào wor ờh.  
Tơngia do dor kơ ha dơch kơ ha  
[dơch.  
Lang Lăng kơ dơi ha kar cim  
[phi.  
Lang lang kh ha kar cim a.  
Ha jing dra tha moai bơni abih  
[pran abih hloai.  
Ro mơi bả hieu amang u yơh.  
Ro mơi ru hieu amanh sang yơh.  
Ươi do bơni hơ ơc yơh.  
Buh ih hotai do phiong.

(bài này do anh Djeer ghi lại  
cho người sưu tầm)

KIM-TUẤN — NGỌC-THUNG

(1) Một tiểu đoạn trong NHỮNG BƯỚC CHÂN MỜ TRÊN DÂY TRƯỜNG SƠN của Kim Tuấn và Ngọc Thung.

(2) Theo tài liệu sơ kết về bộ lạc Jarai của Ty Thông Tin Pleiku năm 1958.

BÙI ĐÌNH KẾ

## Truyện cổ tích miền Thượng

**D**ÂN vùng Thượng nào cũng có một số chuyện cổ tích mà các ông già bà cả vẫn ngồi kể lại cho con cháu nghe trong những đêm mưa gió bên cạnh bếp lửa hồng.

Những chuyện đó đều ít nhiều có tính cách thần thoại và đều phản ánh phần nào phong tục tập quán trong vùng. Vì không có văn tự để ghi chép, các chuyện đó được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác qua ký ức của những người già cả là những người bình sinh đã được nghe nhiều lần và chính mình cũng đã kể lại nhiều lần cho con cháu. Đôi khi có những chuyện được truyền từ giọng này sang giọng khác kế cận và được thay đổi ít nhiều cho phù hợp với bản sắc phong tục tập quán địa phương.

Tuy sưu tầm được khá nhiều, nhưng khuôn khổ tờ báo không cho phép, chúng tôi chỉ xin kể ra đây vài ba chuyện để độc giả có một ý niệm sơ sài về văn hóa các giọng Thượng.

### Nàng H' Bia với con cóc

**N**GÀY xưa, có hai bà cháu giọng họ Y sống trong một xóm ở ven suối bằng nghề làm rẫy. Bà cụ đã ngoài 60, còn Y-Rít, cháu ngoại thì năm ấy mới 18. (1)

Một hôm, ra ven suối tát nước làm vườn, Y-Rít thấy một con

---

(1) — Cháu ngoại, vì giọng E-Đê theo mẫu hệ: Vợ cưới chồng nghĩa là đàn ông về nhà vợ ở, con cái lấy họ nhà vợ.

cóc vàng to lớn, có vẻ béo lẫm, đang ngồi phồng bụng thở hồn hèn bên bụi cỏ.

Vốn tính hiếu thảo, Y-Rít nghĩ ngay đến Bà Ngoại, vì bà cụ rất ưa thịt cóc.

— Giá mình nhóm được chú cóc vàng béo mẫm này về cho Bà Ngoại thì thực thú vị biết mấy. Chàng nghĩ thế và chạy lại bên bụi cỏ định vồ chú cóc, nhưng chưa kịp vồ thì cóc ta đã nhảy ra khỏi tầm tay và cất giọng van lơn :

— Anh cả ơi ! Anh đừng bắt em về làm thịt cho Bà ăn mà tội nghiệp. Nếu anh muốn, anh cứ để em sống, em sẽ về trông nom gà ngóe, thóc lúa cho anh, và khi cần, em có thể tiếp khách họ anh được.

Y-Rít không khỏi tròn xoe mắt khi thấy chú cóc nói được tiếng người, nhưng chàng cũng cố lấy lại bình tĩnh để bảo cóc rằng :

— Được, nếu chú muốn, ta cũng sẽ không giết chú nữa, ta đưa chú về nhà và chú phải giữ lời hứa.

Thế là Y-Rít đưa con cóc về, và không quên kể cho Bà Ngoại nghe câu chuyện đã xảy ra.

Hôm sau, Y-Rít đi theo Bà Ngoại vào rừng làm rẫy, nhưng trước khi đi, chàng đem thóc lúa đồ ra nong và phơi ở sân trước, trông khi ấy, Bà Ngoại dặn cóc rằng :

— Cháu ơi ! Cháu liệu ở nhà trông thóc cho Bà, phải để ý, hễ thấy mây đen kéo mưa đến thì gọi nàng H'Bia bên hàng xóm sang cất hộ, nghe không ?

Cóc vâng dạ, và hỏi lại :

— Bà Ngoại cho biết phải cất thóc vào chỗ nào ?

— Cháu nhờ nàng H'Bia đỡ vào một góc nhà rồi bà về sẽ liệu.

Nói xong câu đó, hai bà cháu Y-Rít vào rừng.

Cóc ở nhà trông thóc có vẻ cần cù lắm : nào đuổi gà, đuổi chim, thỉnh thoảng lại ngửa mặt nhìn trời và nhìn khắp bốn phương cạnh chừng mây lại. Từ sáng đến trưa không có gì lạ ngoài chuyện đuổi mấy chú gà và mấy chàng chim sẻ. Cóc nhảy vào nhà, thì các chú lại sà vào nong thóc mổ lấy mổ để. Cóc chạy ra sân thì gà và chim đều bỏ đi. Chạy ra chạy vào tuy mệt, cóc cũng vẫn không than thở gì.

Nhưng khi mặt trời vừa đứng bóng thì bỗng nhiên mây đen ùn ùn kéo đến, trời đất âm u, gió thổi ào ào. Mưa bắt đầu gieo nặng hạt xuống mái nhà.

— Nàng H' Bia ơi ! Nàng chịu khó giúp tôi mang thóc của bà tôi vào hộ, kéo mưa to lắm rồi.

Nàng H' Bia, cô hàng xóm xinh tươi, tuổi mới trắng tròn lẻ, nghe tiếng gọi vội vàng chạy ra đem hộ thóc vào nhà cho bà Cụ, nhưng nàng không khỏi ngạc nhiên khi biết rằng cả hai bà cháu Y-Rít đều vắng nhà, và tiếng gọi vừa rồi chỉ là tiếng chú cóc.

Hôm sau, cả hai bà cháu Y-Rít lại đi làm rẫy và trước khi đi cũng không quên đổ thóc ra phơi và căn dặn cóc như hôm trước.

Trưa hôm đó, trời lại nổi cơn giông, cóc lại gọi nàng H' Bia, nhưng lần này càng gọi càng biệt vô âm hưởng. Nàng H' Bia tuy có nghe tiếng thực, nhưng biết đấy là cóc gọi nhất định không giả lời nữa và rón rén đến nép mình vào khe cửa, im lặng nhìn ra sân xem cóc ta làm gì.

Gọi mãi không thấy H' Bia, mà trời lại bắt đầu đổ mưa nặng

hạt, cóc bèn hiện hình thành một chàng trai khỏe mạnh và tự tay cất thóc vào nhà.

Nàng H' Bia, trong khe cửa, rất đổi ngạc nhiên, nhưng hình như nàng đã bị hình bóng chàng trai trẻ ám ảnh nên cứ thần thờ đứng ngẩn trộm chàng trai trắng trẻo xinh đẹp và khỏe mạnh đó đang hăng hái xúc lúa giữa cơn giông tố. Chàng ta càng làm việc, má càng đỏ ửng, và có lẽ, không một chàng trai nào trong vùng có thể xinh đẹp khỏe mạnh được như chàng. Từ khi khôn lớn, H' Bia chưa thấy một cậu nào bảnh trai đến thế !

H' Bia ngáy người ngẩn mãi, ngẩn mãi, cho đến khi chàng xúc hết lúa rồi lại hiện nguyên hình cóc vàng ngồi đợi cửa.

Từ ngày đó, H' Bia sinh ra buồn rầu lúc nào cũng thần thờ như nhớ nhung luyến tiếc, nàng trở nên biếng ăn, biếng nói, như người ốm dờ. Bố mẹ H' Bia lo lắng không hiểu vì đâu con mình sinh bệnh, phải mời thầy cúng về nhà giết trâu làm lễ cầu xin thần thánh ban sức khỏe cho H' Bia ; nhưng vô hiệu, H' Bia càng ngày càng kém ăn kém nói, người mỗi ngày một ốm yếu gầy mòn. Bố mẹ H' Bia thấy thế càng

buồn phiền, cho rằng có lẽ thần thánh chưa được thỏa thuê nên lại mời thầy cúng về và giết thêm ba bốn con trâu, lễ bái rất linh đình. Nhưng nào có ăn thua gì đâu ! H'Bia mỗi ngày một gầy vơ hơn, ngày không ăn, đêm không ngủ, mặt buồn thiu buồn thiu, miệng biếng cười biếng nói. Lúc nào H'Bia cũng như mơ tưởng đến chàng trai trẻ hôm nào giữa trời giông tố từ trong con cóc hiện ra xúc lúa giữa sân nhà Y-Rít. Nàng không mong ước gì hơn là được cùng chàng kết duyên cầm sắt.

Một hôm cha mẹ H'Bia đi vắng, ở nhà chỉ còn có H'Bia và cô em. Cô em gái thấy chị không chịu ăn chịu nói, trong khi thời cơm trưa mới nghĩ ra một kế, định đánh lừa H'Bia phải nói.

Thế là khi nời cơm vừa chín cô em bưng ra và lật đồ ngay xuống sàn nhà.

H'Bia thấy em đổ nời cơm xuống sàn, lấy làm lạ mới hỏi :

— Tại sao em lại đổ nời cơm đi như vậy ?

— Có gì đâu, chỉ tại em thấy chị lâu nay buồn rầu không chịu ăn chịu nói, nên em làm như thế để chị nói cho vui đấy thôi.

Nghe em nhắc đến nỗi buồn của mình, H'Bia thở dài mà rằng :

— Em ơi, em có biết tại sao chị buồn và kém ăn kém nói không ? Chỉ tại lúc nào chị cũng nghĩ đến con cóc của Y-Rít, chị chỉ mong sao lấy được con cóc đó làm chồng thôi em ạ !

Chiều hôm ấy, cha mẹ H'Bia vừa ở rẫy về, cô em tinh quái đã hơn hờ chạy ra đón từ đầu sân để mách :

— Mẹ ơi ! con có chuyện này hay lắm, để con kể cho mẹ nghe nếu mẹ không đánh con.

Bà mẹ vì muốn nghe chuyện, nên nhận lời ngay :

— Được, con kể đi, mẹ không đánh đâu.

Bấy giờ cô em mới tỷ tê kể lại đầu đuôi câu chuyện từ cái vụ đánh đồ nời cơm để bắt H'Bia nói, đến việc H'Bia thổ lộ tâm tình là nàng tương tư chú cóc, muốn lấy chú cóc làm chồng v.v.

Nghe xong, bà mẹ bán tín bán nghi, gọi H'Bia đến hỏi :

— Sao con lại muốn lấy con cóc, một con vật da dẻ xù xì và có làm nên trò trống gì đâu.

H'Bia nhe răng ngạo trả lời :

— Mẹ ơi ! Nếu mẹ thương con thì mẹ cứ cho con lấy con cóc vàng của Y-Rít, dầu là nó xấu xí và không biết làm gì cả. Con yêu nó lắm, và nếu không được lấy nó, nhất định con sẽ nhịn đói cho đến chết.

Cha mẹ H'Bia không còn biết làm thế nào hơn trước sự cương quyết của nàng, nhưng người lấy cóc là một chuyện không bao giờ chấp nhận được, nên sau khi H'Bia lấy con cóc rồi thì cha mẹ nàng đuổi cả hai vợ chồng ra khỏi nhà mà chỉ cho có hai cái nồi đã rạn vỡ, một đống thối cơm và một đống luộc rau, không có gì khác hơn nữa. Vợ chồng H'Bia bị bố mẹ ruồng bỏ, làng xóm chê cười khinh rẻ, đành đưa nhau ra ở một túp lều bẹp nát ven rừng, rau cháo nuôi nhau qua ngày.

Một hôm H'Bia đang buồn bã ngồi thần thờ nghĩ đến số phận hẩm hiu của mình trước túp lều đổ nát, thì một con quạ, không biết từ đâu lại, cứ đứng trên ngọn cây cổ thụ ven rừng mà kêu mãi.

H'Bia lấy làm lạ mới hỏi quạ rằng :

— Tại sao chú cứ đến trước nhà tôi mà kêu hoài vậy? Chúng

tôi đã buồn khổ vì bị bố mẹ ruồng bỏ, làng nước hắt hủi, chú còn kêu chi cho thêm sốt ruột !

— Tôi biết là anh chị khổ, nên tôi đến mời anh cóc đi thăm chỗ ở mới của anh chị.

Nói xong câu đó, quạ lượn một vòng rồi từ từ bay đi. Cóc nghe quạ nói thế, liền nhảy ra đi theo quạ. Quạ bay trên trời thì cóc nhảy dưới đất, cứ thế, cóc theo quạ đi mãi đến khi mặt trời đứng bóng, cả hai tới một thửa đất rộng lớn, hoa thơm cỏ lạ đầy rẫy, quạ mới bảo cóc ngồi lại nghỉ chân và còn bảo thêm cóc rằng :

— Thôi, đây là chỗ ở mới của anh rồi, tôi xin phép anh tôi đi.

Nói xong câu đó, quạ bay về phía Tây và biến dạng sau rừng xanh bát ngát.

Nơi đất mới này thật là một cảnh thiên nhiên hùng vĩ : đồng cỏ xanh tươi, thênh thang rộng rãi, rừng cây bát ngát hoa quả muôn màu, chim muông ca hát. Thỉnh thoảng đó đây, uốn khúc như con trăn lớn, suối nước xanh mát rượi. Cái khung cảnh thần tiên đó là của cóc.

Vì vốn là một vị thiên thần, bị đẩy xuống trần gian, nên trời

mới sai qua đến đưa cóc đến cảnh trí này.

Cóc liền chỉ về phía Đông và lập tức 100 cái nhà lớn hiện ra, cóc lại chỉ sang phía Tây, lại 100 nóc khác. Quay sang phía Nam, cóc làm xuất hiện thêm 50 nóc, phía Bắc cũng vậy. Xong đâu đấy, cóc chỉ vào chính chỗ mình đứng, và lập tức một ngôi nhà to lớn đồ sộ hiện ra. Đây là ngôi nhà cóc ở. Cùng lúc ấy không biết bao nhiêu trâu bò lợn gà voi, dê, đủ loại gia súc lục đục kéo đến. Những súc vật đó đều là của cóc. Các nhà chung quanh đều có người ở, và đều là dưới quyền sai khiến của cóc. Đồng cỏ mênh mông biến thành ruộng lúa chín vàng ửng.

Thế là chỉ trong nháy mắt, vùng đất đó bỗng trở thành một Buôn (làng) trù mật thịnh vượng xưa nay chưa từng có.

Mọi công việc xếp đặt đâu đấy, cóc trở về làng cũ đón H'Bia đến để vợ chồng cùng hưởng phú quý.

Dọc đường về đất mới, khi đi ngang qua một suối nước trong xanh; cóc thấy nực nội muốn tắm, mới để lột cóc trên bờ, hiện nguyên hình chàng trai thanh tú

thuở nào, nhảy xuống nước bơi lội. H'Bia thấy vậy, vội vàng vớ lấy cái vỏ cóc xé tan tành. Khi chàng trai trẻ tắm xong lên bờ thì lột cóc đã bị xé mất nên không biến thành cóc được nữa phải giữ nguyên hình cùng vợ về làng mới.

Cả làng thấy thế mở hội giết trâu bò lợn gà ăn mừng linh đình. H'Bia từ nay được sống trong giàu sang phú quý bên cạnh người chồng mà nàng mơ ước, thật bỏ những ngày tương tư và những ngày sống buồn tủi vì sự ruồng bỏ hắt hủi của gia đình, làng nước.

Đề cha mẹ được vui lòng, H'Bia liền ra lệnh cho mấy người dân dưới quyền nàng trở về làng cũ mời các Cụ đến dự hội. Nàng còn bảo họ là nhớ nói với cha mẹ nàng đem 5 thớt voi lớn, 3 thớt chớ rơm và hai thớt chớ ống bưng (luồng).

Khi mấy người này đến mời và nói tự sự, cha mẹ H'Bia sung sướng vô cùng và nhận lời ngay, nhưng thấy nói đến rơm và bưng, liền hỏi bọn đến mời rằng :

— Làm gì mà H'Bia bảo mang nhiều rơm thế ?



— Ấ là đề thui trâu.

— Thế còn ống bương ?

— Đề làm ống nấu thịt.

— Trời ơi ! H'Bia giàu đến thế kia ư ? Mớ hội lớn quá nhỉ.

Họ cùng lên đường với 5 thớt voi chở đầy rơm và đầy ống bương. Khi đến đầu làng mới của H'Bia, bố mẹ nàng đều lấy làm ngạc nhiên trước sự giàu có lạ lùng và đột ngột của vợ chồng nàng, và không ngớt lời ca ngợi cảnh trí phồn thịnh từ mật có một không hai đó.

Sau khi bỏ rơm và bương trên mình voi xuống, bố nàng mới hỏi đến chỗ cho voi ăn. Chú rề liên chỉ ra cánh đồng lúa bát ngát trước mặt. Đàn voi ra đấy ăn mãi, ăn mãi và vẫn không suy xuyến được là bao, vì đồng lúa rộng lớn quá.

Chiều đó, cuộc vui bắt đầu. Thần Cóc sai người nhà đem các vò rượu ra xếp thành dãy dài ở giữa phòng hội :

Các vò đó đều là những vò quý không ai có : cái nào cũng đều có tám tai, phải tám người khiêng mới nổi. Nào là vò Tuk, vò M'ông, vò Yang-Mê, vò Bô, vò Tang v.v... cái thì đen nhánh,

cái lại xanh đỏ muôn màu, nghìn sắc. Cuộc vui kéo dài trong 7 ngày đêm, ngày nào cũng giết bầy bò, bầy trâu, bầy lợn, bầy gà và bầy dê. Dân các Buôn chung quanh đều đến chia vui với Thần Cóc.

Trong bảy ngày đó, các thử nhạc khí đại hội như gong, trống đều được mang ra xử dụng. Tiếng rung vang đến tận núi Ju và núi H'Nu Mtian ở chân trời.

Giữa phòng nhóm, Thần Cóc và bố vợ vừa say sưa nhấp rượu cần vừa chuyện trò thân mật vui vẻ.

Trong khi chuyện, Thần Cóc hỏi bố vợ :

— Cha có muốn xem trâu bò, lợn gà, dê ngựa và voi của chúng con không ? Cha có muốn chúng lợn trước nhà để cha xem cho vui không ?

Bố vợ tỏ ý bằng lòng. Thần Cóc liền cho gọi tất cả gia súc đi diễn hành trước nhà, chúng đông quá đến nỗi chen nhau đi hàng giầy dài làm hoa cả mắt mọi người.

Hết bảy ngày hội, bố mẹ H'Bia trở về làng cũ với các quý vật chở đầy trên lưng 3 thớt

voi, còn hai thớt ngựa thì chở đầy ống bương thịt bò và thịt trâu luộc.

H' Bia và Thần Cóc sống với nhau rất lâu trong cảnh thịnh vượng phong phú đó, sinh nà được hơn một trăm người con, và có hàng nghìn cháu chắt.

### Thiên-Y-A-Na, vị Nữ Thần được người Chăm sùng kính nhất

**Ở** Trung-Việt, rải rác từ Quảng-Nam vào tới Phan-Rang, Phan-Thiết, có rất nhiều tháp và di tích lịch sử Chăm. Trong các di tích đó, Tháp Bà ở Nha-Trang là một trong những thắng cảnh nổi tiếng. Du khách tới thành phố này không mấy ai không đến chiêm ngưỡng. Ngay bên lề quốc lộ số 1, trên một cảnh đồi phía Bắc thành phố, bốn ngọn tháp màu gạch nung đều phong cổ kính nhô lên trên những lùm cây xum lá để soi bóng lung linh xuống giòng sông Cái. Tuy đã bị thời gian tàn phá khá nhiều, nhưng hình tượng điêu khắc trên các ngọn tháp vẫn còn ghi rõ những nét tinh vi của nền kiến trúc Chăm.

Theo các nhà khảo cổ học, những tháp này được xây cất quãng từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 12 và di tích còn lại trên đồi cho biết xưa kia tất cả có độ 7, 8 ngọn. Tháp lớn nhất về phía Bắc, cao lối 25 thước, thờ thần Poh-Nagar hay Thiên-Y A-Na, xây từ năm 817. Tháp giữa, từ hồi thế kỷ thứ 12, còn hai tháp phía Tây và phía Nam vào quãng thế kỷ thứ 7.

Thiên-Y-A-Na là một vị nữ thần được người Chăm thờ phụng cúng dâng rất kính cẩn. Thiên-Y-A-Na còn có tên là Po-Ino-Nagar hay Muk-Juk hay Bà Đen. Theo thần thoại Chăm, Thiên-Y và một nữ thần do mây thời hóa sinh. Thiên-Y có tới 97 người chồng và 38 người con gái. Người Chăm coi Thiên-Y là vị thần đã tạo ra trái đất, ra cây lúa, và các thứ cây cối cùng các gỗ quý.

Nhưng theo những lời đề lại bằng chữ Hán trên một tấm bia đá dựng sau tháp Po-Nagar do ông Phan-Thanh-Giản triều Tự-Đức cẩn đề, thì ngày xưa tại ngọn núi này, gọi là núi Đại-An, có hai vợ chồng già không con cái, sống bằng nghề trồng dưa hấu. Họ rất buồn vì nỗi cô đơn

không con nối dõi. Nhưng số trời đã định biết làm sao hơn ! Cuộc sống của cặp vợ chồng già đó vẫn buồn tẻ trôi theo giòng đời cho đến một mùa dưa kia, hai người đều rất bức tức nhận ra rằng cứ hễ có quả dưa nào chín thì liền bị mất trộm một cách bí mật, không biết thủ phạm là ai cả. Hai người bàn nhau chia phiên, thức đêm này thâu đêm khác, rình xem kẻ nào đã nhả tâm hái trộm dưa của họ. Cuộc săn kẻ trộm tổ chức được một thời gian, bỗng một đêm ông già đương thức canh dưới ánh trăng suông thì thấy một cô gái nhỏ, không rõ từ đâu lại, nhảy nhót tung tăng trong vườn để tìm bẻ dưa chín. Ông gọi vợ dậy và cùng ra bắt cô gái trộm dưa. Đến nơi thì ra là một cô bé trạc lên mười rất xinh xắn. Sau khi hỏi han ngọn ngành biết cô này mồ côi cha mẹ, hai vợ chồng liền nghĩ ý muốn nuôi làm con. Cô bé bằng lòng, và từ đấy dưới mái nhà tranh xiêu vẹo, không khí cô quạnh của cặp vợ chồng già đã đỡ lạnh lùng bi đát. Họ quý mến săn sóc cô bé không khác gì con đẻ, nhưng hai vợ chồng vẫn không biết cô bé là tiên nữ giáng phàm.

Một hôm, khi gặp trời lụt, cảm thấy nhớ cảnh non sông, nàng lấy hoa lá và đá xếp lại thành một hòn núi nhỏ để ngắm chơi, chẳng may bị ông bố nuôi trông thấy giận mắng. Nàng tủi thân lên trốn vào một hốc cây trầm bị nước lụt đánh dạt đến bên nhà. Không ngờ liền đó cây trầm chuyển mình và theo sóng vỗ lại ra khơi tiếp tục trôi đi mãi, hết bờ nọ đến bờ kia để sau cùng tấp vào bờ biển Trung-hoa. Dân chài quanh vùng kéo nhau ra định khiêng cây gỗ quý về làng, nhưng không hiểu sao, bao nhiêu người cũng không cách nào nhấc được cây gỗ lên cả. Tiếng cây gỗ trầm nặng kỳ quặc đó lan dần, lan dần từ bờ biển đến vùng quê, rồi từ quê đến tỉnh, đến kinh đô và đến tại Đông cung Thái-Tử, bấy giờ đã hai mươi tuổi và đang đi chu du thiên hạ tìm ý trung nhân mà chưa gặp. Thái-Tử nghe nói có cây trầm kỳ dị, đích thân đến xem, thì lạ thay, chỉ một tay, Thái-Tử nhấc bổng hẳn cây gỗ nặng ngàn cân ấy lên như nhấc một cái ghế. Thái-Tử liền cho xe chở về cung, để trong phòng riêng, nâng niu như một cửa quý.

Một đêm kia, trăng sáng dịu dàng, khi tất cả mọi người đương chìm đắm trong giấc ngủ, thì Thái-Tử vẫn còn trần trọc thẩn thờ thả hồn theo hương thơm của trăm hoa ngoài vườn Thượng Uyển. Đang mơ màng bỗng Thái-Tử thấy từ cây trăm xuất hiện bóng một giai nhân dáng điệu kiều diễm dịu dàng. Rất dỗi ngạc nhiên, Thái-Tử tiến lên định xem người ngọc là ai, nhưng chưa kịp đến gần, mỹ nhân đã lẫn trốn mất dạng vào cây trăm.

Không đạt được ý muốn, Thái tử nhất định tiếp tục thức hết đêm này sang đêm khác để rình. Cho đến một hôm, Thái-tử đương rình sau bức màn gió cạnh giường thì người ngọc đã từ trong cây trăm xuất hiện : xiêm-y tề chỉnh, má phấn môi son, dáng đi dịu dàng uyển chuyển, rõ ràng là một trang tuyệt thế giai nhân, một tiên nữ giáng phàm. Quá sung sướng, quá hồi hộp, Thái-tử vụt nhảy lại gần và nắm được tay người ngọc. Nàng không còn cách nào lẫn trốn nữa và trong sự yên lặng của đêm trường, nàng đã thổ lộ cho Thái-tử biết cuộc đời của mình.

Nửa mừng, nửa sợ, Thái-tử đem chuyện kể lại với vua cha. Người vô cùng ngạc nhiên, vội mời bók sư đến đeo quẻ và được biết rằng việc gặp gỡ của Thái-tử là một điềm lành. Vua cha liền cho phép Thái-tử cưới nàng làm vợ. Do cuộc hôn phối đó, nàng sinh hạ được hai người con, một trai, một gái. Cuộc tình duyên tuy rất êm đẹp và tuy sống trong điện vàng cung gấm, nhưng nàng vẫn không sao quên được nơi quê cha đất tổ. Một hôm, tình cố hương tràn ngập tâm hồn, nàng xin phép Thái-tử được đưa con về thăm quê cũ. Tuy không muốn xa vợ xa con, nhưng thấy nàng quá thiết tha, Thái-tử đành phải chiều lòng và cho chở cây trăm hương ra bờ biển. Nàng cùng hai con ẩn mình vào cây trăm để lại ra biển cả trở về nơi cố quốc. Cha mẹ nuôi của nàng đã chết từ lâu, nàng sửa sang cảnh nhà cũ và lập miếu thờ. Thấy dân gian trong vùng ngu dốt không biết hiếu nghĩa, cũng không biết làm ăn, lại hay hại lẫn nhau, nàng tìm cách dạy bảo họ luân thường đạo lý, điều hòa lễ thiết để dân chúng được ấm no hạnh phúc. Nàng lấy đá tự tạc tượng mình đặt lên đỉnh núi.

Công cuộc hoàn thành, nàng cưới phượng hoàng trở về tiên cảnh.

Sau khi nàng rời khỏi Trung-Quốc, Thái-tử phần nhớ vợ, phần thương con, ngày đêm quên ăn biếng ngủ, hình vóc võ vàng, chàng xin vua Cha cấp cho một đội thủy binh và một hải thuyền để về Nam-Hải tìm người cũ. Nhưng cuối cùng Thái tử vì quá gầy yếu, không đi được, phải phó thác cho một vị tướng thay thế chỉ huy công cuộc đi đón rước người đẹp.

Tiếc thay, Non bồng nước nhược đã cướp mất người đẹp của Thái-tử. Bọn quan quân Tàu neo thuyền ở cửa Đại-An chờ đợi hết ngày ấy sang ngày khác cũng không thấy bóng mỹ nhân, chúng định đồ bộ tiến lên núi để tìm nàng, nhưng vì cử chỉ và thái độ hỗn xược của bọn này đối với pho tượng nàng trên núi nên Trời đã nổi cơn giông tố làm đắm thuyền của họ. Sau cơn giông, ngay tại chỗ thuyền bị đắm nổi lên một tảng đá lớn mà đến ngày nay ta vẫn còn thấy ở cửa Sông Cái, trước ngọn núi Bà.

Từ đây về sau, dân gian trong vùng mỗi khi có điều gì lại đến

cầu khẩn Thiên-Y thần nữ và đều được ứng nghiệm. Do đó họ đã xây tháp thờ nàng. Ngọn cao nhất dành riêng cho Thiên-Y một ngọn khác thấp hơn dành cho Thái-tử, một miếu thờ bố mẹ nuôi nàng và một miếu khác thờ hai người con.

Nguyễn triều, khi bình định xong miền Nam, đã sắc phong cho Thiên-Y là Hồng-Nhân-Phật-Tế Linh - Ứng - Thượng - Đẳng - Thần.

Thiên-Y-A-Na ngày nay không những được người Chăm thờ phụng mà cả dân chúng Việt cũng vẫn hằng tới lễ bái cúng dàng.

### Tại sao giong Đê Hmok-Pai không ăn thịt thỏ

**T**HUỜ ấy, xa lắm, muông thú còn biết nói và còn liên lạc với người...

Hôm đó, một chú lợn rừng lớn vào ruộng của Bong-Bu ăn lúa, nhưng vô phúc cho chú. Bong-Bu rình bắt gặp liền la lối ầm ĩ và đem gồng mố ra đánh liên hồi, thế là chú lợn ta cuống cuống bỏ chạy.

Trong khi vội vàng, chú đập nhằm vào chân một chú chuột nhất làm chú này bị què. Ước quá, nhưng với một con lợn to xác như vậy, chuột biết làm sao? Chú nghĩ ngay đến chuyện đi nhờ chị Rùa, Bác Hồ, chú Quạ và chị Sếu để họ giúp chú trong việc báo thù chú lợn độc ác. Bọn này họp nhau lại, và cùng nhau bỏ đi lòng chú Lợn Rừng. Họ bắt gặp chú đang nằm thở hắt hắt trong hang đá. Hồ lớn nhất trong đám, xông vào ra tay ngay. Chưa kịp chống đỡ, chú Lợn đã bị Hồ tóm cổ và táp một cái lẩn quay ra chết tại chỗ. Cả bọn đem Lợn Rừng ra thui và chia nhau đánh chén. Chị Rùa hóm hỉnh dành ngay bộ gan là món ngon nhất rồi chuồn thẳng. Anh Hồ nghĩ công mình là công đầu trong vụ báo thù này, thế mà có bộ gan ngon Rùa lại xoi mất, liền lao mình đi đuổi để đoạt lại. Hồ gần vớ được chị Rùa thì chú Quạ trên cành cây liệng xuống quặp cả miếng gan lẩn chị Rùa bay vút lên cao rồi ném bồm chị Rùa và gan xuống cái hố gần đấy.

Hồ cáu quá, nhất định xoay trần ra tát cạn hồ nước để bắt chị Rùa đánh cho một trận bỏ

ghét, hơn nữa, lấy lại miếng gan lợn nướng thơm ngon bùi béo.

Nói là làm, nhưng tát cả một hồ nước đâu phải việc trong giây lát. Hồ tát mãi, tát từ sáng đến trưa, toát cả mồ hôi, mệt nhòa cả người mà vẫn còn nửa hồ nước.

Mặt trời đã đứng bóng, Hồ xoay mình kênh càng ra bờ hồ định nghỉ ngơi chốc lát cho đỡ mệt. Vừa lúc ấy, chị Sếu bay qua, thấy Hồ khệnh cạng bên hồ, mắt lim dim chập chờn, miếng phì phì thở dốc, liền đón đến đến mé đuôi, dơ cao mỏ, chọt một phát thật mạnh vào chỗ quý của Chúa sơn lâm, rồi bay lên cao cười khúc khích. Hồ ta đang vừa mệt vừa chán, mới thả hồn lơ lửng phiêu diêu được một tý đã bị ngay chị Sếu đến chơi khăm ; vừa giật mình lại vừa đau, nổi xung anh chàng chồm lên mấy lần đòi ăn tươi nuốt sống chị Sếu. Nhưng ác thay ! rướn mãi mình lên cổ vồ mà vẫn không sao vớ được, vì Sếu ta đậu tít trên ngọn cây. Hồ lại càng cáu tợn : đứng dưới gốc cây gầm gừ rung chuyển cả núi rừng, vừa nguyền rủa thậm tệ chị Sếu.

-- « Vô phúc ông mà vợ được may thì ông xé tan xác ». Hồ bảo thế. Nhưng làm sao vợ nổi ! Sếu còn đứng trên ngọn cây thì Hồ còn là gào mặt !

Vừa lúc ấy, một bác thợ săn xuất hiện với chiếc ná trên vai.

Hồ liền nghĩ ngay đến việc nhờ tay thợ săn diệt con bé Sếu hỗn xược, dám xúc phạm đến ngọc thể « Chúa Sơn-Lâm ».

Hồ kể lễ tình đầu với bác thợ săn có vẻ thảm bại và uất ức lắm. Hồ còn hứa hẹn sẽ trả nghĩa bác thợ săn đến nơi đến chốn nữa.

Thợ săn nghe hồ kể lễ cũng mũi lòng, lại nghe đến chuyện trả nghĩa nên cũng ham, liền lấp tên, dương ná, và nhắm hướng chị Sếu... pập ! Thế là chị này rơi xuống đất và Hồ vội vàng vồ ngay lấy, nhai ngấu nghiến cả lông cả lá.

Rửa xong món hận chị Sếu, Hồ cũng quên luôn cả chị Rùa với miếng gan dưới hồ. Đời còn lạ gì tính hay quên của nòi nhà Hồ, cái tai mới quật vào lá, đã quên hết mọi chuyện về trước.

Nhưng không phải vì thế mà Hồ quên lời hứa sẽ trả nghĩa bác thợ săn Oa-Gap. Hồ liền

dặn Oa-Gap rằng : « Đề đền ơn bác, tôi xin hứa ngày nào tôi cũng sẽ cung cấp đều đều thú rừng cho bác, nhưng bác phải hứa với tôi rằng bác không bao giờ kể cho ai biết câu chuyện tôi bị con mẹ Sếu nó mổ vào... ấy của tôi, và cả chuyện tôi nhờ bác trả thù hộ ».

— « Ô ! cái gì chứ cái đó thì chú có thể yên chí, tôi hứa là sẽ không nói cho ai biết chuyện này cả ». Oa-Gap trả lời có vẻ quả quyết lắm, nhưng Hồ vẫn còn hồ nghi nên dặn thêm rằng :

— « Bác phải coi chừng ! nếu bác nói cho một người khác biết câu chuyện đó, tôi sẽ xé tan xác bác ra như tôi đã xé xác con mẹ Sếu ! »

Thế là từ hôm đó, ngày nào Hồ cũng cung cấp rất nhiều thú rừng cho Oa-Gap.

Việc Oa-Gap ngày nào cũng có nhiều thú rừng làm cho xóm làng ngạc nhiên và bàn tán xỉ xào.

Có người đến hỏi Oa-Gap :

— Bác làm thế nào mà có nhiều thú rừng như vậy ? Chúng tôi cũng là những thiện xạ như bác, sao chúng tôi ít gặp thú quá ? Có kẻ muốn biết rõ nguyên

nhân lại nấp rình ở gần nhà Oa-Gap. Họ càng ngạc nhiên hơn khi thấy Hồ đi bắt thú rừng về nộp Oa-Gap.

— « Trời ơi, có lẽ Oa-Gap có phép thần, Oa-Gap sai khiến được cả Hồ dữ », họ kháo nhau như vậy, và họ đến cật vấn Oa-Gap.

Bị vặn hỏi mãi, Oa-Gap sốt ruột quá không biết nói gì cho bà con xóm làng tin, đành đem tất cả sự thật về vụ Hồ bị Sếu mổ... của quý ra kể lại.

Mọi người nghe xong câu chuyện đều phá lên cười, có người cười bỏ ra sàn nhà, có người cười lăn xuống cầu thang, có người cười vục cả đầu vào vò ngực... Tiếng cười cứ dội lên hết hồi này sang hồi khác làm cho Hồ ta đang nấp dưới sàn nhà phát thẹn đến gục cả đầu xuống đất, quặp cả đuôi vào bụng và tức ứ lên cổ họng.

Phần vì thẹn, phần bị ức, Hồ nhẩy vút một cái biến dạng vào rừng, vừa đi, vừa lăm bằm :

— « Cái thằng thợ săn khốn kiếp ! Mình cung phụng nó đến thế, căn dặn nó là vậy mà nó còn manh tâm phản phúc, đem câu chuyện đó ra nói cho cả làng

nghe thế này thì mình còn vác mặt đi đâu được nữa. Chuyến này phải phanh thây xả xác thằng này ra mới hả giận. Nó làm mình xấu hổ quá ».

Đề trả thù Oa-Gap, Hồ triệu tập toàn thể họ hàng và bộ hạ : Hồ lớn, hồ con, hồ đực, hồ cái, hồ già, hồ trẻ, hồ vằn, hồ gấm..., đủ mặt, lại thêm cả beo, báo, hươu, nai, lợn rừng, voi, tê giác, chồn, dím v.v... và cả thỏ nữa.

Hồ cất giọng đĩnh đạc hỏi cả bọn :

— Các chú có điều gì ta thán về anh chàng thợ săn Oa-Gap không ?

Tất cả đều đồng thanh trả lời :

— Oa-Gap giết ông bà, cha mẹ, anh em, họ hàng nhà chúng tôi, phải giết chết nó để báo thù.

Duy chỉ có mấy chú thỏ, nỗi tiếng là tinh khôn và dè dặt, vẫn chưa phát biểu ý kiến.

Hồ thấy thế dần giọng hỏi lại:

— Còn các chú thỏ, các chú có điều gì ta thán về Oa-Gap không ?

— Có lắm chứ ! Thỏ đực cất tiếng trả lời, Oa-Gap đã đặt không biết bao nhiêu cạm bẫy để bắt chúng tôi.



— Nếu toàn thể các chú đều đồng ý là phải báo thù Oa-Gap, thì chúng ta cùng đi tìm nó.

Nói xong câu ấy, Hồ dẫn cả bọn cùng đi lòng Oa-Gap.

Nhưng chú Thỏ láu vật đã lên đến nhà Oa-Gap trước và báo Oa-Gap rằng : « Hồ đang cầm đầu tất cả muông thú trong rừng đi lòng anh để ăn thịt, nếu anh bằng lòng chia cho tôi một nửa ruộng lúa của anh tôi thu xếp cho anh khỏi cơn hoạn nạn này».

Nghe Thỏ nói vậy, Oa-Gap nhận lời ngay.

Thỏ liền hiến kế :

— Bây giờ anh phải đặt thật nhiều bẫy chung quanh nhà anh, đủ thứ cạm bẫy : Bẫy giật, bẫy hổ, bẫy giầy, bẫy bàn, bẫy kẹp, cạm lợn, cạm voi, cạm hổ, cạm tê giác v.v... Anh đặt ngay đi, còn tôi, tôi sẽ đi tìm Hồ để kiếm kế hoãn binh cho anh kịp thì giờ chuẩn bị sẵn sàng đủ thứ.

Thỏ tìm đến Hồ và báo :

— Bác hãy hoãn việc đi lòng Oa-Gap, ráng đợi tôi trong ba ngày tôi sẽ xin hiến kế thần diệu.

Biết Thỏ vốn đa mưu túc kế, Hồ nghe lời.

Trong khi đó, Oa-Gap gấp rút đặt cạm bẫy. Ba ngày sau đầu đầy đã sẵn sàng, Oa-Gap gọi Thỏ đến. Thỏ liền kéo Oa-Gap cùng lên ngồi trên một mô đất cao trước nhà. Vừa lúc đó, đàn thú rừng dưới quyền chỉ huy của Hồ cũng đang tiến lại định vây quanh khu nhà Oa-Gap.

Thấy vậy, Thỏ nói lớn :

— Các bạn hãy đứng lại, đợi tôi xếp đặt. Nói xong, Thỏ nhảy xuống, chạy đến chỗ đàn thú rừng và dẫn mỗi chú đứng trước một nơi mà Oa-Gap đã đặt cạm bẫy.

Xong đầu đầy, Thỏ lại lên đứng trên mô đất hỏi bọn đã thú :

— Vì lý do nào các bạn muốn giết Oa-Gap ?

— Vì Oa-Gap đã giết hại ông bà, cha mẹ, anh em, họ hàng chúng tôi. Toàn thể thú rừng đều đồng thanh trả lời như vậy.

Thỏ quay ra hỏi Oa-Gap :

— Có đúng vậy không ?

— Điều đó có !

— Tại sao anh lại giết thú rừng ?

— Tại các chú phá hoại hoa màu lúa má của tôi.

— Được, hãy biết vậy. Sự nói sự phải, vãi nói vãi hay, bên nào cũng có lẽ phải, tất cả hãy để tôi hỏi ý kiến Cụ Trời xem sao, rồi sẽ quyết định cũng chưa muộn.

Nói xong câu đó, Thỏ làm ra vẻ trịnh trọng, co hai chân trước, thẳng người lên, vênh tai, nghiêng đầu, neho mắt, hất hàm hỏi nhỏ nhẹ :

— Thừa Cụ Trời !

— Cái gì đấy ! Thỏ giả tiếng Cụ Trời trả lời bằng một giọng khác.

— Tôi đến hỏi ý kiến Cụ về việc Bác Hồ và Oa-Gap. Bên nào cũng lấy lẽ phải về mình, vậy xin Cụ xét dùm.

— Ồ, việc đó làm gì mà phải hỏi, cứ đọc bức thư hôm qua Ta vừa trao cho nhà người thì rõ.

Giả giọng Cụ Trời nói xong câu đó, Thỏ liền móc ở nách ra một chiếc lá mà chàng ta đã lấu cá nhét theo từ trước, rồi lớn tiếng nói :

— Đây là cái thơ của Cụ Trời, các bạn hãy đọc ở đây những lời chỉ giáo. Toàn thể thú rừng đều trả lời :

— Chúng tôi có biết đọc đâu, bác Thỏ đọc hộ chúng tôi nghe nhờ.

— Vậy các bác lắng tai nghe nhé, tôi xin đọc hộ :

« Tại sao ta lại ngăn cấm không cho Hồ báo thù Oa-Gap ? nhưng trước khi đó, hai bên phải thi tài bắn ná, mỗi bên bắn ba phát, nếu Hồ được thì Hồ cứ việc ăn thịt Oa-Gap, trong trường hợp Oa-Gap được, thì tất cả mọi dã thú ở đây phải rời bỏ chỗ này về rừng lập tức, đầu phải đập lên nhau mà chạy cũng phải làm ». Đây là tất cả điều chỉ bảo của Cụ Trời, các bạn phải tuân lệnh.

Nói xong, Thỏ dắt Oa-Gap từ trên mô đất nhảy xuống và bảo Hồ rằng :

— Bây giờ bác hãy lên đứng trên mô đất này cho Oa-Gap bắn ba phát trước.

Hồ nghe lời nhảy lên đứng trên mô đất. Oa-Gap lấp tên nhắm Hồ bắn : phát đầu hụt, phát thứ hai chỉ sượt qua mình, Hồ chưa kịp mừng thì phát thứ ba đã đến cắm phập vào ngực trúng ngay tim, Hồ lăn quay ra chết.

Giữa lúc đó Thỏ hô lớn :

— Toàn thể dã thú, hãy bỏ chạy cho nhanh kéo người thợ săn Oa-Gap giết chết hết các anh bây giờ !

Cuộc chạy trốn hỗn loạn bắt đầu, và các dã thú lần lượt rơi vào cạm bẫy. Chú thì mắc bẫy « khô », chú mắc bẫy sập, chú bị « bẫy giây ». Họ hàng nhà thú rừng thì nhau chết như rạ.

Cũng may mà mỗi giống còn sót lại được một con đực và một con cái trốn thoát về rừng sinh con đẻ cháu, nên ngày nay dã thú mới còn được đủ mặt, đủ loại.

Mọi việc thu xếp xong xuôi, Thỏ mới đến đòi Oa-Gap trả nghĩa :

— Bác Oa-Gap ơi ! Bác còn nhớ lời hứa không ? Bây giờ bác sẵn sàng chia cho tôi một nửa ruộng lúa chớ !

— Làm sao tôi lại không giữ lời hứa ! Chú đi với tôi ra ruộng, tôi sẽ chỉ phần đất tôi dành cho chú.

Oa-Gap chia ruộng của hắn ra làm hai phần bằng cách vạch một đường từ Đông sang Tây, và chỉ mảnh ruộng phía Bắc bảo Thỏ rằng :

— Đây là phần đất của chú, chú tha hồ vào đây mà ăn lúa.

Đề cho có vẻ công khai, Oa-Gap và Thỏ lập đàn tế cáo thần thánh nhờ các ngài chứng minh

cuộc ưng thuận phân chia đất đai đó.

Đất tuy chia rồi, nhưng tối nào cũng vậy, Thỏ cứ vào ăn lúa trên phần đất của Oa-Gap.

Mỗi lần ra thăm ruộng Oa-Gap lại thấy thêm dấu vết tàn hại do họ hàng nhà Thỏ để lại trên phần đất của mình, hấn tức quá, gọi Thỏ đến hỏi :

— Thế nào mà đêm đêm các chú cứ vào ruộng tôi phá lúa mãi vậy ? Phần tôi chia cho chú, chú để làm gì, không bảo họ hàng đến ăn ?

Thỏ lạnh lùng đáp :

— Nếu vậy bác cứ làm bẫy đặt chung quanh ruộng để khỏi mất cắp nữa chớ sao !

Nghe lời Thỏ, Oa-Gap về làm bẫy và đặt chung quanh ruộng. Nhưng tối đến, Thỏ vẫn vào phần đất của Oa-Gap như thường, chỉ có điều là Thỏ cẩn thận hơn trước : khi đến ruộng của Oa-Gap Thỏ cất tiếng hỏi :

— Các cạm bẫy của Oa-Gap ơi ! Các người ở đâu thì lên tiếng để ta khỏi bước nhầm vào miệng.

Mỗi lần hỏi như vậy, bọn cạm bẫy của Oa-Gap lại lên tiếng để Thỏ tránh.

Sáng hôm sau ra thăm ruộng, Oa-Gap thấy cạm bẫy vẫn nằm nguyên không vớ được chú thỏ nào cả, mà ruộng vẫn bị phá hoại như thường lệ, Oa-Gap lại đến phàn nàn với Thỏ.

Thỏ bảo rằng :

— Có lẽ khi đặt cạm bẫy, bác không tôn trọng những điều cấm kỵ, hoặc giả bác không kiêng ăn cà chua, hay là trước khi đi đặt bẫy bác không kín chuyện đem kể cho đàn bà hoặc khách qua đường biết.

Oa-Gap ngẫm nghĩ một chút rồi gật gù cho rằng có lẽ Thỏ nói đúng.

Lần này, Oa-Gap định các cạm bẫy ra chỗ khác và theo đúng các điều cấm kỵ : kiêng ăn những món như cà chua và bí, kiêng cả kể chuyện với đàn bà, khách đi đường.

Tối đến, Thỏ lại quen mui lần vào ruộng Oa-Gap gặm lúa : Nó cũng rón rén từng bước và hỏi bọn cạm bẫy, nhưng lần này Thỏ không được câu trả lời nào, cả bọn đều câm như hến. Không

còn biết rõ chúng nằm đâu nữa, Thỏ cứ bước bừa và cho nhảm đầu vào một cái bẫy giệt để đành chịu chết.

Hôm sau, ra thăm ruộng, Oa-Gap gặp ngay xác Thỏ nằm cứng đờ trong bẫy. Hắn lấy làm hối hận là đã giết bạn chỉ vì vài nắm lúa ; lòng buồn chán và đầy thất vọng, Oa-Gap mang xác Thỏ về nhà ngồi khóc xướt mướt, tưởng nhớ tới ơn cứu tử của Thỏ khi Oa-Gap bị cả bầy thú rừng về định ăn thịt.

Không dám đem xác Thỏ ra nướng ăn như đối với những dã thú khác, Oa-Gap đào đất chôn cất Thỏ như chôn một người bạn ; hắn còn giết thêm một con lợn và đưa một vò rượu ra làm ma chay cho Thỏ, đồng thời làm cho Thỏ một ngôi mộ với những cột gỗ chạm trổ rất đẹp.

Từ ngày đó, con cháu Oa-Gap là chi họ « HMOK » ngày nay, không bao giờ dám ăn thịt thỏ nữa, và cũng vì vậy chi họ này mới có cái biệt hiệu là chi «Hmok-Pai» — chi họ nhà Thỏ.

BÙI ĐÌNH KẾ

VĂN SƠN.

## Ngày xuân qua các nẻo đường rừng núi

**Đồng bào Koho ăn tết  
chung quanh đồng lửa**

*Cha-rà-bá, cha-rà-chụp...*

*Cha-rà-bá, cha-rà-chụp...»*

Những tiếng đó văng vẳng từ trong màn đêm đen tối của núi rừng vọng ra đem lại cho bạn một cảm giác ghê rợn, hãi hùng, huyền bí, nếu bạn là một khách lãng du còn bơ vơ với các vùng Cao nguyên. Nhưng nếu đã quen sống với đồng bào Koho ở vùng Tuyên Đức, Lâm Đồng, những âm thanh đó sẽ có một ý nghĩa khác hơn: Nó báo hiệu mùa Xuân đã đến trong các Buôn Thượng Koho, nó thay thế những

tràng pháo mà đồng bào miền xuôi vẫn đốt trong những dịp Xuân về.

*Cha-rà-bá, cha-rà-chụp...*

*Cha-rà-bá, cha-rà-chụp...*

là tiếng trống đánh đôi với đồng la để triệu tập đồng bào trong vùng đến nhà Chánh Tổng ăn Tết.

Ngày Tết ở đây không nhất định là ngày 30 tháng Chạp âm lịch như ở đồng bằng.

Sau khi tuốt lúa xong, Chánh Tổng cùng với bộ lão chọn ngày ăn Tết và loan báo cho tất cả dân chúng trong vùng. Nhà nào cũng chuẩn bị

làm rượu, nhắm sẵn con trâu nào sẽ hy sinh, con heo nào sẽ đem làm thịt, nhưng con gà nào sẽ chết... Họ chuẩn bị cả những cây nêu tre lủng lẳng các hình thù chạm trổ...

Hôm đó, chạng vạng tối, họ nôi lửa tại sân nhà Chánh Tổng. Tiếng đồng la (chiêng), tiếng trống nổi lên...

Cha-rà-bá, cha-rà-chup...

Cha-rà-bá, cha-rà-chup...

giữa sân nhà chánh tổng được hy sinh và đem lại nướng trên bếp lửa. Cùng với trâu, còn có cả heo, ngan (dê), vài ba bốn con cũng bị giết đem nướng. Những chén rượu mọi người đem đến đóng góp, đều đã mở nắp lá và được đổ thêm nước lã vào cho đầy. Mỗi chén đều có cắm hàng chục cần trúc. Thế là mọi người cứ theo nhịp trống chiêng nhảy



Một vũ điệu Jarai nhịp nhàng gọi cảm

Chung quanh bếp lửa, từng đoàn người ca hát nhảy múa nhịp nhàng theo tiếng trầm bổng u buồn đó trong khi con trâu cột ở cây nêu (Kondak)

múa, chán lại đến « hút » rượu, xẻo thịt ăn uống ca hát vui đùa trò chuyện. Trời càng về khuya, sương rừng càng lạnh, bếp lửa ở giữa sân

ngọn đã thấp lùn, than hồng đã điểm màu bàng bạc. Các con vật hy sinh cũng đã bị xẻo mất khá nhiều thịt chỉ còn trơ sườn và một ít gân, xương; các ghè rượu cũng đã cạn và đã nhạt hầu như nước lã. Tiếng trống, tiếng đồng la có vẻ đã uể oải. Có người say mềm, gục đầu bên cạnh ché rượu ngáy khò khò. Có người nằm lún ra đất ngủ. Một số khác, còn cố nhảy múa, nhưng lão đảo chân đá chân xiêu... Cuộc vui tuy vậy vẫn tiếp tục, vì họ say chán rồi lại tỉnh, lại vực đầu vào ché rượu để rồi lại say mềm, cứ như thế kéo dài cho đến sáng, ai về nhà nấy tiếp tục ăn Tết ở nhà. Cây nêu (Kondak) của mỗi nhà được dựng lên, người gia trưởng nổi một hồi đồng la, đề mở đầu cuộc lễ ở nhà. Một con heo hay một con ngạnh (dê) được hy sinh tế « Yang » (thần), và cả ngày đó lại ăn uống linh đình vui vẻ, đề hôm sau đến ăn tết ở nhà bà con, nghĩa là đi ăn uống say sưa từ nhà này sang nhà khác để mọi nhà đều có Tết; có khi kéo dài hàng tháng, bao giờ khắp trong vùng,

tiếng « Cha-rà-bá, cha-rà-chup..., cha-rà-bá-cha-rà-chup... » tắt hẳn, mùa Tết, mùa nghỉ ngơi ăn uống no say mới thật chấm dứt để lại bắt tay vào cuộc sống chật vật hàng ngày: đốt rẫy, luân rừng.

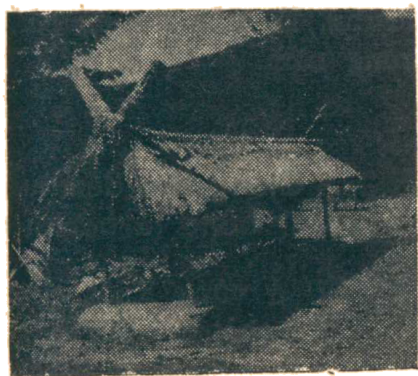
### Dân cà răng căng tai ăn tết ngoài nghĩa địa

**C**ÁC bạn vẫn thường nghe nói đến giòng Thượng Cà Răng Căng Tai: đây là biệt danh người ta vẫn dùng để gọi đồng bào Jarai ở Pleiku, vì giòng này có lệ cửa các răng cửa và căng vành tai ra bằng những khoanh ngà voi hay sừng trâu.

Trong khi phần lớn các giòng Thượng khác và đồng bào miền xuôi ăn Tết trong nhà, ngoài đình làng, hoặc tại nhà tù trưởng, thì đồng bào Jarai ăn Tết ngoài nghĩa địa!

Nếu vào thăm một làng Thượng ở Pleiku vào tháng Chạp, tháng Giêng hay tháng Hai ta, gặp lúc họ tuốt lúa xong thì thế nào bạn cũng được dịp ăn Tết với họ ngoài nghĩa địa!

Người Jarai có tục chôn người chết trong một gia đình vào cùng một cái hòm bằng thân cây đục rỗng. Bố chết chôn xong, ít lâu sau, con chết, lại đào lên mở nắp hòm của bố ra bỏ xác con vào, cứ như thế cho đến khi trong hòm xương đầy ắp không còn có chỗ nhét nữa thì họ làm lễ bỏ mả. Tất cả làng đều chôn vào một khu đồi. Mỗi năm lại có một số hòm quá đầy, thế là, sau khi tuốt lúa xong, họ làm lễ bỏ mả, họ ăn Tết, ăn Tết với người chết.



Một ngôi mộ được bảo vệ,  
giữ gìn cẩn thận

Từ đêm hôm trước, thanh niên trong làng đã mang đồng la và trống ra nghĩa địa thay phiên nhau đánh liên hồi để mời ma quỷ, thần linh về ăn Tết, và nhân đây báo

cho dân các làng chung quanh biết để chuẩn bị đêm hôm sau đến dự lễ.

Khu rừng nghĩa địa, từ lâu nay ít ai lui tới, đêm ấy bỗng có một không khí tấp nập lạ thường. Đuốc hàng trăm cây được đốt lên sáng rực, xa xa nom như một đám rước đèn. Những ngôi mả sắp được trang hoàng đẹp đẽ, nhà mồ làm lại mới! Chung quanh còn kết vải đỏ vải trắng, và trước mộ, một cây nêu tre cao ngất, lủa tủa những hình tượng, bùa ngải! Ngay dưới chân cây nêu, một giấy dài toàn ghè rượu! Đám lớn 5, 7 mươi ghè, đám nhỏ cũng mười ghè! Đám lớn tế trâu, đám nhỏ thì gà lợn.

Già cả lớn bé từ các làng lân cận cứ theo tiếng đồng la, tiếng trống ở nghĩa địa mà tới. Họ đem theo rượu, lễ vật đến giúp gia chủ đề cúng vái vong linh những người chết và thần linh. Trong ngôi mộ được bỏ ít ra cũng phải mười mười lăm người chết dưới đó rồi! Khi người lớn chuẩn bị làm lễ thì trẻ con xách ống bương xuống suối múc nước đổ vào các ghè rượu! Họ đến



khấn vái trước mộ cầu xin cho các vong linh được yên ổn, và khóc lóc kêu than rằng trong bao năm nay họ đã phải ngày ngày đem lễ vật ra mộ cúng dâng các vong linh mãi rồi, ngày nay nơi này đã chật, họ xin các vong đi nơi khác ở để cho họ được bỏ ngôi mộ không sẵn sóc nữa. Sau khi cúng vái, khấn khứa, họ đưa nhau ra ăn uống nhảy múa, nhảy múa chán, họ lại ăn, lại uống rượu cần; trâu, lợn, gà, đưa ra cúng đều được chộc tiết ngay trước mộ. Trâu, lợn, thì thui bằng củi, còn gà bắc nồi luộc ngay tại chỗ. Các cụ già quây quần nhau xẻo thịt trâu hay thịt lợn nướng vừa ăn vừa uống rượu, và xem thanh niên nam nữ nhảy múa chung quanh các bếp lửa nhúm lên trước ngôi mả sắp bỏ. Các cụ ăn uống say sưa no nê rồi mới đến lượt thanh niên và trẻ con. Họ vui vẻ với nhau như vậy suốt đêm, khi say họ lăn ngay ra đất nằm ngủ. Ánh lửa bập bùng bên những tiếng trống tiếng đồng la, lẫn với tiếng hò reo của thanh niên nam nữ, tiếng chuyện trò huyền ảo của các

cụ già. Họ tiếp tay nhau đốt lửa, tiếp tay nhau đánh trống, đánh đồng la, cứ thế cuộc vui tiếp tục cho tới sáng, tới trưa, để rồi tối hôm sau lại kéo nhau đi dự một đám khác, liên tiếp như vậy suốt từ khi lúa vào vừa cho đến hết tháng hai tháng ba, đêm nào cũng vậy, chiêng trống đồng la nổi lên ở khu rừng nghĩa địa nào là lại có Tết, có say sưa chè chén ở khu rừng đó.

Mùa Xuân đối với dân Jarai là mùa vui âm, vui dương, là mùa no say nhất trong năm.

### Giòng Hré đếm tuổi bằng lá bánh tét

**N**ẾU ở vùng Xuôi, ngày Tết phải có bánh chưng thì ở vùng Thượng Ba Tơ, phải có bánh tét.

Vùng Thượng Ba Tơ thuộc phía Tây tỉnh Quảng Ngãi là nơi sinh trưởng của giòng HRÉ. Giòng này xưa kia là một giòng Thượng rất hiếu chiến, vì vậy Triều đình Huế khi nam tiến đã phải xây đắp

lũy Sơn Phòng đề ngăn ngừa những sự phá phách của dòng Thượng này.

Bánh tét là thứ bánh đặc biệt của giòng Hré trong những ngày Tết. Bánh tét cũng gói bằng lá giông và gạo nếp như bánh chưng, nhưng ở trong không có nhân, và hình ống như chiếc dõ. Khi gói thì ngoài số bánh đề đãi khách, hễ trong nhà có bao nhiêu người còn gói thêm bấy nhiêu « bánh cũ » nữa. Bánh cũ của ai người đó ăn chớ không mời khách. Lá bóc ở bánh cũ ra bao giờ cũng đem luộc lại treo lên mái nhà nơi cửa ra vào, đề năm này qua năm khác, mỗi người treo một nơi, bao nhiêu gói lá là bấy nhiêu Tết đã ăn, bấy nhiêu tuổi, khi người đó chết, số lá này cũng đem luôn ra treo ngoài mộ, có thể đếm số gói lá treo ở mộ, để biết tuổi của người nằm dưới đất.

Ngày Tết ở vùng Thượng Ba Tơ đúng là ngày « no đòn đôi góp ». Quanh năm có khi đôi phải vào rừng đào củ mài ăn, nhưng Tết có bao nhiêu gạo ngon hãy cứ đem ra làm

bánh tét ăn cho đã và làm rượu cần cho thỏa thích rồi tháng ba ngày tám nếu hết thóc lại đi ăn vay cũng được. Ở đây người ta ăn Tết trong hai tháng liền : hết nhà này lại sang nhà khác, nhà nào ăn cũng đãi bà con xóm làng cả. Nhà Kà Rá (nhà tù trưởng) ăn xong là lần lượt đến các nhà khác trong làng.

Nhà giàu, có nhà nấu tới 20, 30 nồi bánh tét, ủ hàng trăm ghè rượu hạ hàng 3, 4 con trâu đãi khách.

Nhà trung bình cũng phải nấu mười mười lăm nồi bánh.

Cúng cơm xong là đã phải bắt đầu chuẩn bị gạo cho vụ Tết rồi. Đầu tháng Giêng thì bắt đầu ăn. Hôm nay nấu bánh tét thì sáng ngày hôm sau cúng cầu an cho trâu bò gia súc. Họ đem gà rượu bánh tét ra chuồng trâu rồi khấn vái thần linh phù hộ cho trâu khỏe mạnh. Cúng xong bắt đầu mời mọc ăn uống, hát xướng nhảy múa hết ngày này sang ngày khác, bao giờ trong nhà hết bánh hết rượu mới thôi.

Đồng bào Hré ưa chuộng những cuộc hát xướng nhảy múa như vậy lắm. Đàn ông vừa đánh «chinh» (gong) vừa nhảy, đàn bà con gái không có «chinh» thì đeo một cái ống bương thủng hai đầu lấy tai vỗ vào hai đầu ống theo nhịp «chinh» thành những tiếng bập bùng. Bao giờ cũng một bên nam một bên nữ, mỗi bên độ 6, 7 người hoặc 10 người, vừa đi vừa nhảy vừa uốn éo theo tiếng to tiếng nhỏ tiếng nhanh tiếng chậm của «chinh» và tiếng bập bùng của ống bương.

Chân nhảy múa, người uốn éo, miệng ca hát hòa vào tiếng rung của «chinh», tiếng âm của ống bương thành một nhạc điệu u buồn man rợ. Trong cái khung cảnh núi rừng âm u huyền bí, nhiều khi âm hưởng dồn đi dồn lại nghe như một nhạc khúc trầm hùng ghê rợn từ trong lòng đất, từ trên không trung hay từ trong rừng xanh núi thẳm vắng lại.

Giòng Hré biết chơi «khèn» như những giòng Thượng khác, ngoài «chinh» và ống

bương, họ còn một vài thứ đàn bằng ống tre có hai giây rất thô sơ, nhưng cây đàn này là những nhạc khí cá nhân chỉ để chơi riêng một mình không đem ra hòa điệu.

Trong những cuộc rượu chè nhảy múa, thanh niên nam nữ Hré thường ca hát để tỏ tình cùng nhau và đề hỏi nhau đã vướng víu vào nơi nào chưa? Dĩ nhiên là sau những cuộc ca hát nhảy múa như vậy là lại có một số thanh niên nam nữ thành vợ thành chồng!

Mỗi địa phương đều có một cách để thanh niên nam nữ có cơ hội gần nhau trong những ngày Xuân!

### Tết tị xứ hoo đào

**V**ÙNG Cao Nguyên Việt Bắc, trong những bản người Thái, nhất là trong vùng Lai Châu, Sơn La, Phong Thổ, nơi có những rừng đào mọc hai bên bờ suối, về mùa Xuân, đứng xa xa trên cao nhìn xuống không khác gì những tràng pháo hồng lớn rải suốt từ ngàn xuống thung; nếu đến

ngay bên bờ suối, chúng ta sẽ thấy những cánh hoa đào trên mặt nước nhiều đến nỗi tạo thành những bè hoa lớn trôi theo dòng suối; ở đây,

Xuân, thì ở các vùng Thái, họ đón Xuân cả một mùa, có thể nói là mùa Tết.

Bắt đầu là Tết «Soong Sip» (tết cơm mới). Lúa ngoài



Những nàng Trắng đẹp dịu hiền

là nơi mà các cô gái rất hãnh diện khi có một người bạn trai đến nhà thăm, hãnh diện sung sướng đến nỗi khi nhận được một cánh nhận của người tri kỷ, một bức thơ tình trên tấm giấy hoa tiên, các cô không ngần ngại gì không đem gián ngay lên vách để khoe khoang với chúng bạn. Ở đây là nơi mà dân chúng đã đón Xuân một cách vô cùng trọng thể.

Trong khi ở đồng bằng ta chỉ có mấy ngày Tết để đón

đồng đã chín vàng, «quân mươn» (cai tổng Thái) họp dân lại khu rừng cấm của «pi mươn» (thờ thần) giết trâu lấy lúa mới chín ngoài đồng về đồ xôi, làm lễ cúng. Lễ này cũng như bất cứ lễ nào khác phải do «pu mo mươn» (thầy mo mường) đứng chủ lễ, vì trong vùng chỉ có thầy mo là biết cách khấn vái, biết các bài kinh cầu nguyện để mời «pi mươn» về chứng giám mà thôi.

Sau đó, tại nhà « quân mươn » bắt đầu những cuộc ăn uống linh đình, rượu cần hết vò này đến vò khác ; luôn trong ba ngày như vậy, rồi dân làng mới bắt đầu ra đồng gặt hái về đập sấy phơi khô, nhưng trước khi cho lúa vào vựa, nhà nào cũng phải làm lễ gà lợn cúng dâng xin quý thần giữ cho lúa khỏi hư mọt.

Sau tết « soong sip » là tết « kin lao mao » (tết uống rượu say), tất cả dân làng đến tụ họp tại nhà « quân mươn » ăn uống cỗ bàn nhảy múa vui vẻ, với những điệu « khèn » giọng hát véo von uyển chuyển. Dịp này theo đúng như tên của nó, là dịp mà lớn bé già trẻ người nào cũng phải say khướt ! Tiếp theo là tết « kin tiên » (ăn tiên), vào đầu tháng chạp, lễ trời đất tổ tiên nhờ phù hộ cho được bình yên thịnh vượng.

Qua tết « Kin tiên », là tết « ông tao » (tết ông táo) cũng vào ngày 23 tháng chạp như ở các vùng xuôi. Lễ vật trong dịp này gồm có một con gà, một mâm xôi, một vò rượu, một ít vàng giấy và

hoa quả, đem vào bếp cúng, sau đó ra núi tìm mấy hòn đá mới về bắc lại bếp, cúng như dưới đồng bằng có lệ thay ông nồi rau mới. Vì giòng Thái cũng gốc từ bên Trung Hoa vùng Tứ Xuyên di cư sang triền sông Hồng Hà nên đây là một tục lệ ảnh hưởng Trung Quốc. Lễ « Ông Tao » xong là phải chuẩn bị ngay tết « Nen bươn tiên » (tết nguyên đán) thì mới kịp, vì trong dịp này ăn uống liên miên cho đến hết trung tuần tháng Giêng, mổ trâu, mổ lợn, làm dò, làm bánh, soạn sửa quần áo mới, tối lại tụ họp hát xướng, thổi « khèn » múa xòe, hoặc đánh xóc đĩa v.v... Tết này là tết lớn nhất, linh đình nhất trong năm và mở đầu bằng lễ « Áp Hô » (Lễ gọi đầu). Lễ này có nghĩa là gột rửa hết tất cả mọi cái xấu của năm cũ, để đón những cái gì tốt lành của năm mới vì vậy được tổ chức vào trưa ngày 30 tháng chạp.

Dân làng tụ họp tại nhà « quân mươn », rồi cùng thầy mo và « quân mươn » ra bờ suối có mang theo một chậu nước bồ kết đặc. Ở đây, sau

khi « pu mo » làm lễ khấn vái trời đất quỷ thần, « quân mươn » dùng tay vào chậu nước vẩy lên mình làm phép tẩy trần xong, tất cả dân làng lần lượt già trẻ trai gái theo thứ tự cũng lấy một chút nước bõ kết vẩy lên đầu, lên quần áo, xong đầu đầy cùng xuống suối gội đầu rửa mặt, rửa tay chân rồi lại xếp hàng về làng. « Quân mươn » và « pu mo » đi ngựa trước, có cờ trống theo và sau đó là dân làng. Thế là bao nhiêu những cái xấu của năm cũ đã rũ sạch ngoài suối, họ chuẩn bị để đón ánh sáng muôn màu của mùa Xuân cùng với tất cả tương lai sáng lạn mà chúa Xuân sắp mang đến cho họ trong buổi giao thừa : nào gà, nào lợn, các thứ bánh trái được bày lên bàn thờ để cúng tổ tiên, thần thánh, và trong buổi giao niên, sau khi lễ xong, họ bắn súng hỏa mai, đề đuôi tà ma, và đốt pháo để đón mừng năm mới. Sau những tiếng súng, tiếng pháo vang trời, các cô gái mang ống bương ra suối lấy nước đầu năm về nhà dùng lấy hên. Các ống nước mang về

đều được các cụ già ra cân lại để dò xét khí tượng trong năm mới.

Sáng mồng một, người nào người ấy quần áo mới, màu sắc lòe loẹt chúc Tết nhau trong gia đình, xong kéo đến « quân mươn » chúc tết. Đây là lễ « sắp rãnh ». Đi đường họ không quên cầm dao phật cây cỏ hai bên, tượng trưng cho việc mở đường cho năm mới. Tại nhà « quân mươn », họ ăn uống rượu chè múa hát cho đến đêm. Trong cuộc múa hát này, bao giờ cũng chia làm hai phái, nam một bên, nữ một bên, ở giữa là người thổi « khèn » đánh trống. Các cuộc vui chơi tiếp tục cho đến ngày mồng sáu tháng Giêng là ngày lễ « tung cầu », còn được gọi là « ngày hội còn ».

Sau đến rằm tháng Giêng là tết « Kin pang » (ăn bánh), dân làng nào cũng trở tài làm bánh, nhất là những cô gái, đem đến nhà « quân mươn » thi, ai làm ngon nhất sẽ được thưởng, dịp này cũng là dịp để ăn uống rượu chè, múa hát tung bừng ; các cô gái từng đoàn, ăn mặc lộng lẫy, dưới quyền điều khiển của

bà Then và có ban nhạc giúp vui, múa hát những điệu « xòe » thực là đẹp mắt.

Ngày 20, lại một lễ khác cúng « pi mương », để mở đầu cho mùa cây cấy và săn bắn năm ấy. Dân làng tụ họp cả ở khu rừng cấm của « pi mươn » ; ai có súng, nỏ, giáo mác, đều phải đem bày trước ban thờ, trên bàn là lợn gà xôi bánh cùng các thứ hoa quả.

« Pu mo » vào khăn vái, đọc chú, bắt quyết, rồi đến « quân mươn », cầu xin trời đất và « pi mươn » phù hộ cho mùa màng tốt đẹp, săn bắn được nhiều thú, dân gian an lạc, xong cầm dao ra chặt một cây nhỏ gần đấy, tượng trưng cho sự bắt đầu phá đốt rừng, sau lại cầm cuốc hay cây, cày cuốc lên một quãng đất, cả làng khi ấy mới cầm súng nỏ, kéo nhau vào rừng, dẫn đầu là « pu mo » và « quân mươn ». « Pu mo » vừa đi vừa bắt quyết đọc chú, theo sau là một người vác một cây chuối. Vào đến giữa rừng, cây chuối được hạ xuống để « pu mo » lại bắt quyết đọc chú, « quân mươn » cầm dao chém đứt đôi cây

chuối ra và dân chúng mỗi người lại bắn hoặc chặt thêm một phát coi như đã hạ được một con thú rừng. Thế là mùa săn cũng được mở đầu từ đấy.

Xong lễ ấy, mới thật là hết Tết, dân Thái trở lại làm ăn cấy cấy vát vả cho đến khi trong thung lúa đã chín vàng và lễ cơm mới lại mở màn cho những cuội vui chơi sung sướng...

... Nhưng đây là cảnh Tết của những ngày xa xưa, khi đất hoa đào còn sống trong cảnh thanh bình, thuở các « cô nàng » chưa được cán bộ cụ Hồ chiếu cố. Từ ngày xứ Thái thấp thoáng những lá cờ đỏ sao vàng, thì hàng năm, tuy mỗi lần Xuân lại, vẫn còn đó đây một vài cây đào nở hoa, nhưng những vũ điệu « xòe », những ngày hội tung cầu tung bồng đã biến thành những cuộc « meeting » hoan nghênh chính sách Đảng, những cuộc hội họp đi hành lễ « pi mươn » trong rừng đã biến thành những cuộc họp đoàn dân công Tây tiến !... Còn đâu những ngày thơ mộng của xứ hoa đào !

VĂN SƠN

BÙI ĐÌNH

## Đời sống tình cảm của thanh niên nam nữ Thượng

Tình bên bờ suối  
Mường La

« *Chiêng thoong kinh póc*  
[phung phoóng xuân.

« *Koóc quý thống sam lôn ní lị*  
[roong pít.

« *Chụ tiểu nhị mưa phun, nam*  
[ha chỗ lay.

« *Ló khôn khô, hỏ pò piếng mé*  
[ép liếng ».

Đây là một câu hát không  
thanh niên nam nữ Thái nào  
không biết. Câu đó có thể tạm  
dịch là :

« *Tháng giêng hai mùa xuân*  
[hoa nở,

« *Bông hoa kia hỏn hỏ tùy nơi.*

« *Mẹ cha ép gả cho người !*

« *Chừa chan giọt lệ ghen lời*  
[nói ra !

Câu hát đó đủ nói lên đời sống  
tình cảm dồi dào ở cái tuổi  
thanh xuân của những bông hoa  
rừng.

Cùng với mùa Xuân của núi  
rừng, hoa đào nở đỏ hai bên bờ  
suối, bướm nhón nhơ từng đàn  
bay múa từ cảnh này sang cảnh  
khác, chim muông thi nhau nhả  
nhạc tung bừng..., lòng người  
sơn nữ cũng rộn lên khúc yêu  
đương. Hoa lòng đến độ khai  
xuân nhưng đâu có phải nở ra  
để đón chào bất cứ con bướm  
tình nào lượn đến.

Trong khi đi rừng tìm nấm tìm  
nâu, hay những khi hội hè đình  
đám, một hình bóng thanh tú  
nào đó có thể đã lọt vào mắt  
xanh, vì thế các nàng sơn nữ của  
chúng ta trong rừng, những khi  
nghỉ tay, chuyện vãn với nhau.  
vẫn thường khen anh chàng này  
hát, anh chàng kia thổi kèn  
giỏi, hoặc có tài săn bắn, ăn nói  
dịu dàng v.v... mỗi người mỗi  
về... Qua những câu tâm sự đó,  
các cô còn gán ghép cho nhau  
anh này anh khác, nói đùa nói  
cợt, đùa rôi, giữa cảnh thâm u



của núi rừng, phá lên những trận cười dòn dã. Có thể là nàng đã gặp chàng bên bờ suối một hôm nào khi đi rừng về, chàng đỡ hộ cái gùi củ nâu quá nặng, chàng mang hộ cho ít củ về nhà ; khi chàng đi săn muông thú về được nhiều hay lấy được tổ ong mật gặp nàng ở đầu bản chàng đưa biếu một ít mật, một con mồi...

Một câu chào hỏi... một vài lời thăm viếng vắn vơ... Đôi ba lần gặp gỡ... Đôi mắt cùng liếc, đôi lòng cùng ưa... Nhưng nhiều khi chàng và nàng đều nhút nhát : tuy yêu nhau thắm thiết, nhưng gặp nhau lại nói chẳng nên lời : qua đôi câu thăm hỏi, má đào đỏ ửng... hồi hộp đợi chờ... nhưng rồi lại chào nhau mà đi không ai dám nói với ai lời nào, để rồi những khi trắng trong gió mát, nàng ngồi quay bông, xe chỉ, dệt vải trên nhà sàn với chị em chúng bạn, chàng rủ một vài bạn trai đi qua nhà, lấy hết can đảm hát lên rằng :

*Cô ơi !*

*Khỏi xa gạ gằm thang thêm*

*Là dù pé bók, thìn mồn*

*Khỏi vững dất tâm diếp cô,*

*Kìn xăng ngon cũng chứ thẳng*

[*cô.*]

*Gừn khắn nòn.*

*Khỏi cũng rọng thẳng tên cô.*

*Soong sam vầy là nòn giăng đắc.*

Dịch rằng :

*Cô ơi !*

*Tôi xin nhắc lại một lần chót*  
[*nữa rằng :*

*Dù sông cạn đá mòn*

*Tôi vẫn một lòng yêu cô.*

*Ăn vật gì ngon tôi cũng nhớ đến*  
[*cô.*

*Đêm đêm trước khi đi ngủ,*

*Tôi cũng phải gọi tên cô hai ba*  
[*lần ngủ mới yên !*

Ở trong này nàng lại tìm câu đáp lại, dĩ nhiên là để mời chàng và các bạn trai vào nhà chơi. Thế là qua vài câu hát đối đáp mỗi tình đã được bộc lộ. Chàng và các bạn được nàng tiếp đãi rất nồng hậu ân cần chuyện trò vui vẻ có khi gạ gáy mới thôi. Già đình bố mẹ không hề ngăn trở, trái lại còn lấy làm hãnh diện khi con mình được nhiều chàng trai để ý.

Mỗi tình thơ mộng giữa đôi trai gái ấy cứ tiếp tục cho đến hội tung cầu vào rằm tháng giêng hàng năm. Hội này còn được gọi là « hội còn ».

Mùa bông chín, các nàng sơn nữ dịu dàng mộc mạc trong khi cán bông không quên tích lũy hột bông để đến ngày hội nhồi vào một cái túi tròn bằng vải màu sắc sặc sỡ ; quả còn nhồi xong không khác gì một quả bong bóng ni lông nhiều khía, mỗi khía mỗi màu ta vẫn thấy dân bán dạo chợ Bến-Thành bán cho trẻ em chơi, chỉ khác là quả còn của các cô lại có thêm một cái đuôi làm bằng nhiều giải lụa ngũ sắc nhỏ. Khi « còn » tung lên, những cái tua này vất vèo theo sau múa may như vậy những người nhìn theo, nom rất là vui mắt.

Hàng năm thanh niên nam nữ Thái chỉ đợi ngày hội tung cầu này để chính thức hóa mối tình bấy nay thầm kín. Có bộ quần áo nào mới nhất, đẹp nhất ngày đó phải đưa ra diện ! Trang sức nào quý giá nhất phải để dành cho dịp ấy ! Những cặp tình nhân tuy đã thăm lén hò hẹn nhau nhiều lần ven suối vắng, trong rừng sim, bên đồi núi, nhưng dịp này mới là dịp hò hẹn công khai !

Chiêng trống báo hiệu giờ mở hội ! Từ các ngã đường mòn, thanh niên nam nữ lũ lượt kéo

nhau đến đứng làm hai phía : bên nam, bên nữ. Trẻ em đến để xem cho vui mắt, ông già chứng kiến, thừa nhận mối tình của con em !

Một cây tre gián giấy xanh đỏ cao độ 5, 6 thước tây, trên ngọn có một vòng tròn bằng giấy to ngang miệng thùng đã được dựng giữa bãi từ trước để đón chờ những tay tài giỏi ném lọt vòng.

Mọi người đã đông đủ. « Quân Mươn », tức quan Mường, đứng ra cầm hương khấn vái quý thần, cầu mong ông tơ bà nguyệt xe sợi giây xích thẳng cho đẹp lứa, hợp đôi, rồi cầm quả cầu tung lên ngọn cây tre để mở hội.

Tất cả mọi người đều vỗ tay reo hò. Chiêng trống lại nổi lên !... Thế là hai bên trai gái bắt đầu bên nọ tung cho bên kia, nhắm vòng tròn mà ném : người nào tung thủng vòng giấy trước nhất sẽ được thưởng rượu, nhưng cái phần thưởng quý giá nhất đối với họ không phải ở chỗ đó, mà ở chỗ quả cầu của họ sang sân bên kia ai nhặt ? Cô nào nhặt quả cầu của cậu trai nào ném sang, cô ấy là ý trung nhân của cậu đó rồi ! Thế là mọi người lại được dịp vỗ

tay reo hò để mừng cho sự ra mắt của cặp uyên ương mới.

Ngày hội qua, cuộc tình duyên đó chỉ còn phải hợp thức hóa bằng những nghi lễ cổ truyền nữa là xong.

Nhưng nếu cuộc tình duyên nào cũng biến diễn giản dị như vậy thì còn làm gì có những câu hát :

*Mẹ cha ép gả cho người,  
Chứa chan giọt lệ ghen lời nói*  
[ra !

Cũng có khi, cha mẹ đôi bên đã trót hẹn với một nơi nào, vì ân nghĩa, vì thế lực, hay vì một lý do nào khác thì giấc mộng tình xây đắp bấy lâu đành phải vùi sâu trong tâm khảm, để nàng ngậm tủi nuốt sầu đi ôm cầm thuyền khác !

### Chợ cưới Tam Lộng

**T**HANH niên nam nữ Thái mong mỗi ngày hội tung cầu thế nào thì trai gái Mán chờ đợi ngày chợ Tết Tam-Lộng như vậy.

Chợ họp trên một khu đất khá rộng thuộc xã Tam-Lộng, tỉnh Vĩnh-Yên. Những ngày khác trong năm, chợ này không có gì

lạ hơn những chợ tại các cửa rừng : nơi trao đổi hàng hóa giữa đồng bào Kinh -Thượng Riềng ngày 25 tháng Chạp mỗi năm, phiên chợ Tết này đặc biệt đã biến thành phiên chợ để những mối tình thầm kín giữa các thanh niên nam nữ Mán trong vùng được công khai thừa nhận.

Giòng Mán ở Thượng du Bắc Việt chia ra làm nhiều chi, ở nhiều vùng khác nhau. Mán Cốc đông hơn cả, ở trên các vùng núi cao, thứ đến Mán Tiên. Còn các chi Lan-Tiên, Quần-Trắng, Quần-Cộc, Cao-Lan, Cuội ở thấp hơn và cũng ít hơn.

Giòng Mán đến chợ Tam-Lộng dự chợ Cưới là dòng Lan-Tiên ở các triền núi Vĩnh-Phúc-Yên, Thái - Nguyên, Tuyên - Quang, dưới chân ngọn Tam-Đảo.

Có những bản xa chợ, họ phải rủ nhau đi từ hôm trước, vì chợ chỉ họp từ mặt trời khỏi ngọn tre đến xế chiều đã tan rồi.

Họ lũ lượt từng hàng theo nhau kéo đến từ mọi nẻo đường rừng núi. Cùng đi với các cô các cậu, bao giờ cũng có các cụ già ! Các cụ đi theo con cháu trước là để chứng kiến cuộc hò hẹn, để chính thức thừa nhận

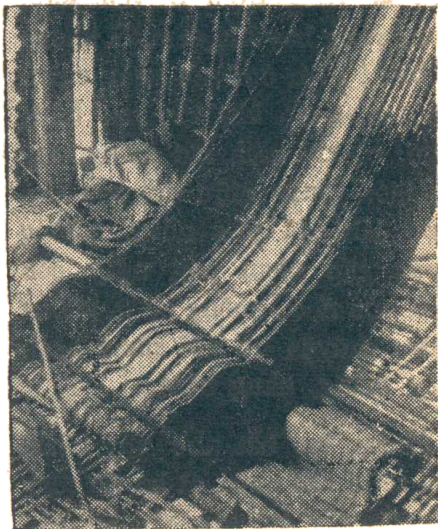
dầu rẻ tương lai, sau là để được ôn lại những kỷ niệm xa xưa, ngày nào, khi tuổi thanh xuân mơn mớn, chính các cụ cũng đã từng đặt chân đến nơi này, và cũng nhờ nơi này mà ngày nay một thế hệ khác do chính các cụ tạo ra sau buổi chợ ngày nào đã lại thay thế các cụ trên đường góp vào việc làm cho giòng họ trường tồn.

Có được đứng ngắm các cô sơn nữ trong những cảnh tung bừng như vậy mới thấy cái đẹp hồn nhiên của họ : Cô nào cũng áo mới, xiêm mới, yếm màu sắc sỡ, chân, tay, cổ đều đeo vòng bạc, cái bé chồng cái nhớn, lèng kèng tranh đua với tiếng cười tiếng nói, lấp lánh thi ánh với những khóe mắt sáng ngời.

Có những cô nàng đã phải để ra hàng năm sáu tháng để tự dệt lấy chiếc áo mà nàng mặc hôm Chợ Cưới ! Có những chàng trai đã phải gồng gỏi đi rừng tìm mật tìm mây cả năm để có thể dành đủ tiền mua tặng người bạn trăm năm đính ước một bộ xà-tích bằng bạc !

Họ chuyện trò vui vẻ, mời mọc nhau ăn uống, rồi trao nhau kỷ vật, để rồi khi trời tà bóng xế, đôi bên chia tay, mỗi người mỗi

ngả về chuẩn bị ngày hợp hôn. Các cụ cũng theo con cái ra về, sau khi thỏa thuận với nhau những chi tiết về lễ vật, về ngày giờ hỏi cưới và sau khi đã rượu chè say khướt.



Một tấm vải đang dệt dở trên khung chuẩn bị cho ngày Chợ Cưới tung bừng

Các cô, các cậu tha thiết với ngày Chợ Cưới không những vì ngày đó đã chính thức hóa mối tình thâm kín của họ, nhưng còn một lý do khác nữa : đấy là cơ hội cuối cùng để các cô các cậu gặp nhau trò chuyện trước khi thành vợ thành chồng, vì từ sau ngày đi hỏi, tục lệ bắt đôi bên không được phép gần nhau chuyện trò nữa, dầu có gặp nhau giữa đường cũng phải nhìn đi

chỗ khác. Trước kia khi chưa ăn hỏi, các cô các cậu tha hồ hò hẹn chuyện trò không ai nói năng cấm đoán gì cả, nhưng khi đã ăn hỏi rồi thì nhất định là không được chuyện trò với nhau nữa dầu là vụng trộm ở ven suối, trong rừng hay khi đêm tối không ai biết ! Phải đợi sau ngày cưới ! Thời gian có khi kéo dài hàng năm, có khi năm sáu tháng, tùy sự thỏa thuận giữa đôi bên cha mẹ ! Khi đã yêu nhau, không được gặp nhau một ngày còn khổ, còn nhớ, huống hồ là không được chuyện trò với nhau hàng mấy tháng, hàng năm !

Phong tục bắt như vậy ! nếu trái sẽ bị chê cười và họ tin rằng nếu chuyện trò sau khi ăn hỏi, cuộc tình duyên đôi lứa sau này sẽ gặp nhiều chuyện trắc trở không hay !

Không hiểu tục lệ này đã có từ đời nào, nhưng nếu suy xét kỹ một chút thì thấy rằng xưa kia ông bà tổ tiên giòng Mán đã rất tâm lý ! Cho phép trai gái tự do tìm hiểu nhau, nhưng khi đã hiểu nhau và quyết định lấy nhau rồi, thì cấm gặp nhau trong một thời gian như vậy để ngày cưới mỗi tình thêm thắm thiết ! Nếu không có chuyện cấm đoán

đó biết đâu sau khi hiểu nhau và được công khai thừa nhận rồi, đôi trai gái ấy lại không đợi phải cưới nhau theo nghi lễ nữa !

### Giòng Hré có hội nhảy kẹp

**H**ỘI nhảy kẹp của giòng Hré quận Ba-Tơ tỉnh Quảng-Ngãi cũng được mở vào dịp đầu xuân ! Và đây là một lối nhảy đặc biệt của địa phương. Kẽ viết bài này đã từng đặt chân đến rất nhiều vùng Thượng ở Bắc cũng như ở Cao Nguyên và dọc phía đông giải Trường-Sơn suốt từ Quảng-Trị vào đến Long-Khánh không giòng nào có lối nhảy đẹp như thế. Nó na ná giống lối nhảy đòn của Phi-Luật-Tân.

Muốn nhảy ít ra cũng phải có 4 người. Hai người ngồi điều khiển hai đầu đòn theo nhịp chinh trống, còn hai người, một nam một nữ nhảy. Đòn nhảy là hai ống bương già dài độ hai thước tây, được chuốt mắt sạch sẽ và phơi khô để khi hai ống ấy đập vào nhau kêu tiếng cho đòn !

Trong khi hai người ngồi hai đầu, tay đưa ngang ống sát đất ra vào theo nhịp thì đôi trai gái ở giữa phải liệu theo nhịp nhảy

vào giữa hai ống tre đứng lúc hai ống được đưa ra xa nhau, và phải nhanh chân nhảy khỏi hai ống khi chúng được đưa lại đập vào nhau kêu đánh cốp để giữ nhịp với chính trống.

Nhảy như vậy thật là khó vì cần phải nhảy thế nào để chân chấm đất giữa hai ống tre đứng lúc hai ống đang đi ra, và chân bước ra ngoài đứng lúc hai ống chập vào. Nếu vô ý để trái nhịp thì lập tức chân bị kẹp giữa hai ống và đó là dịp cho khán giả chung quanh vỗ tay reo cười !

Nếu cặp nào nhảy đúng nhịp thì thật là ngoạn mục ! Những người chính trống ở vòng ngoài vừa múa vừa nhún nhảy uốn éo vừa đánh nhịp, những người ở trong thì biểu diễn vờn nhau như một cặp lân. Sự nhịp nhàng uyển chuyển của đôi trai tài gái sắc không những làm cho chính họ thích thú mà còn làm cho những cặp trai gái ở ngoài và những khán giả chung quanh say sưa tán thưởng. Họ thay phiên nhau giữ ống và thay phiên nhau lần lượt vào biểu diễn.

Thường thường những cặp tình nhân yêu nhau thăm vụng bấy lâu chưa có dịp ra công khai, lần này nhân ngày hội

nhảy kẹp họ ra vừa biểu diễn mua vui cho xóm làng vừa để mọi người thừa nhận mối tình keo sơn khăng khít của họ.

Thế là sau ngày hội, nhà gái nhờ mối lái sang nhà trai để xin nộp sính lễ ! Vâng, nhà gái nộp sính lễ cho nhà trai để xin cưới về về vì giòng Hré là một giòng theo mẫu hệ. Sính lễ có thể là một bộ đồng lạ (chính), một đôi trâu, dăm ba cái bầy (nồi đồng), và một số quần áo dẫn riêng cho chú rể. Ngày lành tháng tốt sẽ được chọn cho chú rể về bên vợ để từ đây chỉ lo làm ăn vun xới cho gia đình nhà vợ. Chả may, vợ chết sớm, chú lại được gia đình vợ gán ghép cho chị vợ, em vợ hay cô dì cháu chất bên vợ, vì lẽ đó đôi khi có những cặp vợ chồng như đôi dưa lệch ! Vợ trẻ chồng già hoặc trái lại. Nếu không thế, anh chỉ việc đeo gùi vác dao ra khỏi nhà vợ và không được hưởng một chút gì về công mồ hôi nước mắt của anh đã xây đắp cho nhà vợ cả.

Tại các vùng Thượng, bất cứ ở đâu, những ngày hội hè đình đám bao giờ cũng là dịp để trai tài gái sắc gặp nhau, hoặc bên cạnh chén rượu cần như vùng Mường Thanh-Hóa, hoặc trong hội tung cầu như trên đất Thái,

ở chợ Cưới như cửa giòng Mán hay ở hội Kẹp như giòng Hré. Mỗi sắc dân thường có một dịp một cách để trai gái công khai gặp nhau tỏ tình và thường thường những dịp đó hay được tổ chức vào những ngày đầu xuân, khi trong buôn bản thóc lúa đã đầy vựa, và cỏ cây tạo vật muôn loài đều dạt dào nhựa sống.

### Thanh niên nam nữ Jarai cửa răng đề khởi ế vợ ế chồng

**G**IÒNG Jarai xưa kia là một giòng rất hiếu chiến và họ hay xung đột với giòng láng giềng là giòng Bahnar.

Nếu chẳng may trong cuộc xung sát mà bị thua, thì không những địch thủ kéo nhau tràn vào buôn xóm cướp thóc lúa lợn gà trâu bò mà còn bắt đi một số các cô nàng để rồi sau đó cho chuộc bằng trâu bò, lợn, ngạnh (dê) hoặc cồng (chinh). Do đó giòng Jarai có tục buộc thanh niên từ 14 tuổi trở lên tối đến phải ra nhà « Rông » ngủ : tập trung lại như vậy để thanh niên trai tráng sẵn sàng bảo vệ phái yếu mỗi khi hữu sự. Nhà « Rông »

hay nhà làng, là một nhà sàn mái cao vút hình như lưới nhện, nhiều làng có nhà « rông » rộng lớn có thể chứa được hàng trăm người. Một đôi vùng lại tập trung cả thanh niên lẫn thiếu nữ nhưng mỗi giới ngủ riêng một nơi. Tuy ngủ tập trung, nhưng những chuyện tình ái vụng trộm bị phong tục cấm đoán rất ngặt và phạt rất nặng. Cũng nhờ vậy mà ít khi có những chuyện lộn xộn xảy ra. Khi người thanh niên nam nữ nào thành vợ thành chồng rồi thì tối không phải ra nhà « Rông » ngủ nữa. Những vùng chỉ tập trung thanh niên ở nhà « Rông » mà không tập trung thiếu nữ thì tục lệ cấm không cho các cô được bén mảng đến nhà « Rông », trừ những ngày nào hội hè.

Thanh niên Jarai có một phong tục, hay nói cho đúng, một quan niệm kỳ lạ về cái đẹp. Đẹp đối với họ là phải cửa răng bằng những răng cửa, trai cũng như gái, nếu không cửa răng để chúng mọc dài và trắng thì bị chị em chúng bạn chê cười. Họ thì thầm với nhau : « Răng nàng Hdrung gì mà dài và trắng hếu như răng khuyển ! nom dữ dằn quá !... Anh chàng Mdock định đề răng dài để cắn thịt trâu cho nhanh

hay sao?... » Thế là chúng bạn lại phá lên cười và đương sự đâu không nghe rõ câu chuyện nếu có mặt tại chỗ tất nhiên sẽ hiểu ngay là họ chế diễu mình.

Gặp một người bạn đề rằng dài nếu thân nhau hơn, họ sẽ thử thử : « Chị phải can đảm lên chứ ! Đề rằng dài như vậy chúng bạn cười chết ! Và nếu chúng bạn cười chị thì em đâu có vui gì. Chị xem em đây này, em có sợ đau đâu, mình là con cháu giòng dõi của Vua Lửa mà ! »

Sống trong cái không khí ngột ngạt như thế, dầu nhát gan đến mấy cũng đành phải nhắm mắt chịu khổ để xin cho được cửa rừng.



Cô gái Jarai

Một ngày nào đó sẽ được chọn để thi hành việc thí... xỉ. Chị em chúng bạn đến khuyến khích, cổ vũ, ủy lạo, giúp đỡ. Nàng nằm trên một đồng rơm, một thanh niên khỏe mạnh trong gia đình cầm cửa đến đề... thí nghiệm gan dạ của nàng qua việc cửa rừng ! Lưỡi cửa bắt đầu đưa vào miệng ! Máu me trào ra, mùi răng bị cửa khét lẹt ! Nàng quần quai cố chịu đựng ! Thỉnh thoảng người thanh niên lại dừng tay để chị em ở ngoài đưa cho nàng một hớp nước nóng súc miệng nhờ đỡ bụi răng và máu ra ngoài. Nhưng sức chịu đựng của con người có hạn. Có khi đang cửa, nàng òa lên khóc nức nở vùng lên định chạy trốn, nhưng chị em chúng bạn chung quanh đã sẵn sàng để đỡ dành bắt nàng nằm xuống chịu đựng nốt cực hình. Bố mẹ nàng quá thương con không nỡ nhìn cái cảnh con rên xiết quần quai miệng tràn đầy máu như vậy nên đã lánh mình ra rẫy hoặc sang hàng xóm...

Những chiếc răng cửa ngà ngọc lần lượt rụng ! Có khi nàng đau quá ngất lịm ! Có người không chịu đựng được, hai ba ngày sau mồm miệng sưng húp rồi chết. Nhưng biết làm sao !



phong tục bắt phải cưa như vậy! Cưa xong nó còn nhức nhối đau xót hàng năm bấy ngày sau, có khi phát sốt rét, ăn uống không được, thật là khổ sở, nhưng nếu qua được sự thử thách gian nan đó nàng hay chàng thực đã xứng đáng là một thanh niên thiếu nữ Jarai chính thống !

Gặp bất cứ ai, nàng cũng nhếch mép cười hoặc nói một vài câu chuyện để người trước mặt nhận thấy cái đẹp « khuyết xỉ » của nàng.

Để phụ họa với cái đẹp khuyết xỉ đó, các cô nàng Jarai còn có tục nhét những khoanh ngà voi vào trái tai. Họ gọi như vậy là căng tai. Muốn căng cho to không thể căng ngay một lúc được, phải căng từ từ : mỗi năm thay một khoanh ngà lớn hơn một chút, năm này qua năm khác dần dà có khi vành tai rộng có thể nhét được cả một khoanh ngà đường kính to bằng đồng bạc.

Cũng vì tục cà-răng và căng tai đó mà đồng bào Kinh nhiều khi đã gọi giòng Jarai là Thượng Cà Răng Căng Tai.

Cà răng đối với thanh niên nam nữ Jarai không những là một cách làm đẹp, một cách

chứng tỏ lòng can đảm mà còn là một cách để chứng minh sự trưởng thành. Cà răng rồi mới có người dạm hỏi, chưa cà răng anh chị em cho rằng còn là trẻ con, không ai để ý đến cả.

Giòng Jarai cũng theo chế độ mẫu hệ, nên sau khi các cô các cậu yêu nhau rồi thì nhà gái nhờ mối lái đi hỏi. Khi cưới, việc quan trọng là cúng thần linh, giết trâu, giết lợn, lấy huyết hòa vào rượu để cô dâu chú rể ăn thề.

Trước mặt bô lão hai họ, thầy cúng lấy vài cọng rơm dúng vào rượu vẩy ra chung quanh, vãi gạo vào lửa, dâng hăng mấy tiếng rồi bắt đầu vào lễ kêu thần : « Ở Yang..., Yang yũ..., Yang ngô... Yang pơ gũ, Yang pơ dlông..., Yang cũ, Yang koyáo, Yang boh potáo, Yang ia... »

« Ở các vị thần ơi ! Thần ở phương đông, Thần ở phương Tây, Thần trên trời, Thần dưới đất, Thần núi, Thần cây, Thần đá, Thần nước, v.v... xin đến chứng giám cho cuộc cúng tế trọng thề này và nhận lễ vật để phù hộ cho đôi trai gái này sống với nhau lâu bền đến già... » Sau đó là cuộc no say của hai họ để mừng cho cuộc tình duyên của đôi trai gái.

**Một mối u tình lịch sử**

**G**IÒNG Bahnar là một giòng họ có nhiều câu hát, chứng tỏ rằng thanh niên nam nữ Bahnar rất dồi dào tình cảm. Trong số những bài hát đó, có một bài rất hay và được nhiều các cô các cậu ưa hát lắm. Đề cho bài hát có một căn bản lịch sử, họ kể rằng : « Ngày xưa, trong một buôn nọ có đôi trai gái yêu nhau tha thiết, đã thề nguyện cùng nhau chung sống đến bạc đầu, nhưng tiếc một nỗi là giữa hai người có một bức tường vô hình ngăn cản không cách nào vượt qua được : hai người là anh em cùng họ. Tất cả gia đình đều phản đối cuộc tình duyên đó, và bỏ lão trong làng dọa phạt và rất nặng nếu hai người cố tình lấy nhau.

Buồn chán, họ đành ôm hận ra đi mỗi người mỗi ngã. Họ lang thang hết buôn này đến buôn khác cho mãi đến một ngày kia khi hai người chân đã chồn gỏi đã mỏi, tóc đã bạc răng đã long, họ mới lần mò về buôn cũ gặp nhau thì toàn thể dân chúng trong buôn đã dời đi nơi khác : dưới ánh trăng trong, cảnh vật chỉ còn là những thềm hoang, nhà nát. Cùng ngồi bên nhau trên

nền nhà cũ, họ ôn lại những kỷ niệm êm đềm của những ngày xa xưa rồi cùng nhau cất tiếng ca vang lên bài ca tình tứ kể lại mối sầu vạn kỷ, đề rồi lại chia tay, ra đi mỗi người mỗi ngã. Bài ca rằng :

- « Ê hrei sonām a hrei.
- « Nâu sorām kheĩ nâu.
- « Rang chochiĩ khoeĩ rang
- « Dong ơ bang khoeĩ dong
- « Dăm konong khoeĩ dăm.
- « Ê ba ngôĩ rok pra hĩa
- « Bok cham ro kơpa
- « Dei pôm huam gram...
- « Pôm aviĩ sa pôm go dak
- « Ê chong me egô knũ
- « Ba egô ga miĩ ma
- « Ê găn ưh kơ ăn kẹpa yêng  
[những pôm mắt
- « Bat pôm don songon pôm jơ  
[hu găm dech ba ầu.
- « Ê Ba lếch kotok lữ arich kơ  
lôĩ tơ dak inh tok kur lur  
[song trong a-kâu,
- « Ê hli konih polei ma plei  
puh ba-tơ rôm, khêm ba  
torong — hli kiăk sa kla  
[luôn lôch
- « Ừh kodei kotong doning  
domônĩh ba ưh kodei tobop  
[dihbăl

« Ê tơ ba solah solông trong  
kông minh klak trong dak  
[minh me noh hiok loi.

« Chong ning nai kai minh  
[môn.

« Tơ dah yang cei rong truh  
sot soi jouoi dinh ba sei tơ  
[bop dih bal dong.

Bài hát nhan đề : «Trăng sáng  
vườn hoang » này có thể được  
dịch ra như sau :

A, năm nay đây,  
Tháng này đây,  
Trên trời trăng tròn lăm,  
Ánh trăng trải xuống thềm hoang  
Nhắc lại chúng ta duyên kiếp  
[lở làng,

Chúng ta đã từng hy vọng :  
Được sống chung, chung chăn,  
chung chiếu, thối chung một  
[nồi.

Nhưng đôi ta đã trót chung nôi,  
Nên mẹ cha phản đối, cha anh  
[bắt lìa nhau.

Chú bác trong làng cũng đồng  
[tâm bóp chết mối tình đầu.

Hai ta chỉ còn dám thương nhau  
[bằng mắt

Lắng tai nghe hơi thở của người  
[yêu.

Và chôn chặt trong tâm mối tình  
[dang dở.

Chúng ta chẳng hèn nhát đi  
[tự tử,

Chẳng dám liều lĩnh, cứ đem  
nhau đi chung sống thỏa tình,

Sợ luật làng sẽ cắt ngang,

Và trực xuất vào rừng sâu,

Cho dã thú chia nhau từng mảnh  
chết oan uổng để người sau  
[phỉ nhổ.

Đành chia tay,

Mỗi người mỗi ngã,

Và xin trời xanh cho sống mãi  
[với tình yêu.

Hôm nay đây, đầu ta đã bạc,

Lại gặp nhau ôn lại mối tình  
[xưa...

Rồi lại chia tay...

Hy vọng tháng ngày còn gặp  
[nữa ».

Trong đêm trăng, giọng hát  
trầm bổng ai oán nỗi nùng vọng  
lên từ trong núi rừng xanh thẳm  
âm u reo vào lòng người một nỗi  
buồn man mác.

## **PHẦN THỨ HAI**

---

Phần thứ hai của Văn Hữu số 20 này gồm có những sáng tác phẩm của các văn hữu : Kim Tuấn — Minh Đức — Trạ Vũ — Sơn Nam — Vương Đức Lệ — Lê Mậu — Văn Tuyền — Trần Văn Lân.

KIM TUẤN

## Bonai - Djai

**TIẾNG** khóc yếu đuối của đứa trẻ nằm gọn bên nách người mẹ đã chết từ bao giờ, chìm hẳn vào quăng không của tiếng chiêm buồn thảm vô cùng. Trời đã bắt đầu tối. Tiếng nhạc lại càng vọng lên những âm hưởng trầm trầm đầy vẻ huyền bí của núi rừng cô tịch.

Cách chỗ người đàn bà chết chừng ba thước, cạnh bếp lửa cháy đều, hàng chục ghè rượu cần được cột vào hàng cây dựng đứng theo chiều dọc của căn nhà sàn nửa. Những chiếc cần cong cong tựa những xe điều ống, chuyển từ miệng người này sang người khác, không một chiếc cần nào bị bỏ quên. Những xâu thịt trâu nướng còn đỏ hoắm hết dần, khói thuốc giăng mù cả căn nhà đến nghẹt thở. Thỉnh thoảng lão Siu-Hoanh rẽ đám đông trở lại ngồi bên xác chết — vợ lão — Lão đặt bàn tay khô cần lên mũi vợ như có ý mong chờ, như có ý tìm một chút hơi thở mà lão vẫn tin tưởng nơi quyền phép của các thần linh (1), mặc dù lão đã thấy suốt từ sáng đến giờ này, một khoảng thời gian dài đầy

thất vọng, chua xót. Lão thở dài não nuột. Lão quay sang nhìn đứa con mới chào đời. Mẹ nó chết nên bắt buộc nó phải chết theo. Lão vẫn mang máng như thể là tàn ác, nhưng từ ngàn xưa đến nay xóm làng của lão và cả bộ lạc Jarai đều đã làm như vậy, thì biết làm sao. Lão chỉ thương cho đứa con của lão phải chết vì

---

(1) Trong hết thấy các bộ lạc người Thượng thuộc Cao Nguyên Trung Phần đều tin tưởng xung quanh cuộc sống của họ có rất nhiều thần linh. Như thần núi, thần nước, thần rừng, thần đất v. v... (Theo tập sưu khảo « Những bước chân mờ trên dãy Trường Sơn » của Kim Tuấn và Phạm Ngọc Thung.

đói khát. Bỗng hai tay lão ôm mặt, tiếng nấc ở cổ họng lão dâng lên nghẹn ngào. Ngoài trời trắng thướt tuần đã lên cao, màu trắng nhợt nhạt lạnh buốt phủ trên núi rừng như một lớp màn trắng mỏng, vừa mong manh hư ảo vừa tàn nhẫn lạnh lùng. Tiếng chiêng giờ này chỉ còn lại những dư âm thật nhỏ, đầy vẻ huyền bí trong tâm hồn con người. Những bầu nước ngồn ngang đầy nhà, những chiếc cần rượu nghiêng ngả, tro troi nằm im trên miệng ghè. Căn nhà đã trở lại yên lặng đến lạnh người.



**S**au hai lần cúng thần (Yang), tốp người đi tìm cây làm hòm, mới tìm được điểm ứng của « thần cây » báo cho biết là họ phải đi về hướng Nam. Lặn lội vất vả suốt bốn ngày liên tiếp, tốp người này mới mang được cây về.

Đến làng, ai nấy đều vui vẻ vì đã làm tròn một công việc rất nặng nề đối với người đã chết, duy chỉ có anh Puih-We là ủ rũ, mắt anh rưng rưng như lúc nào cũng muốn khóc. Anh vừa được tin Rcom-Jurn — em vợ ông Siu-

Hoanh — mất tích với đứa bé từ đêm qua. Dân làng đều tin rằng, chính « thần núi » đã về bắt hai người đó đem đi.

Đứng đầu We cũng buồn rười rượi, anh nhớ thương Jurn vô cùng. Nhớ lại cách hai tuần trắng vừa qua (2), anh còn xách cây đàn nhỏ của anh đến trước căn nhà cuối làng. Anh tìm củ khô chụm lửa và ngồi cạnh bên đống lửa đỏ đỏ vừa hút thuốc vừa gảy đàn, Tiếng đàn của anh buồn thảm như nhung nhớ, hện hò. Chính anh cũng không ngờ tiếng đàn của anh thần diệu đến thế, những mong ước của anh sao lại chóng thành tựu như vậy. Người con gái anh yêu thương từ bao lâu nay đã đến với We. Tình yêu của hai người như đã có từ thuở nào, mặc dầu họ mới tỏ dấu ưng thuận nhau, họ đã dám ôm lấy nhau rất tự nhiên. Anh đã có lần đưa tay lên vuốt tóc Rcom Jurn, âu yếm nhìn vào mắt Jurn và nói với nàng ngập ngừng :

---

(2) Người Thượng tính năm tháng bằng các tuần trăng và mùa lúa. Năm là mùa lúa, vì một năm họ có một mùa lúa. Tháng tính theo trăng.

— Em Jun ! mai về nói với  
ba má cưới anh nhé !

— ...

Người con gái không trả lời, nàng nhìn thẳng vào mắt We. Nàng đưa tay lên bẹo vào hai má hần, để tỏ dấu ưng thuận và thương yêu anh vô cùng. Rồi từ ngày đó, mỗi buổi chiều We lại tiếp tục đến trước cửa nhà người yêu, tìm củ chụm lửa và gậy đàn, để được ôm người yêu trong lòng, và cùng thủ thỉ với nhau những lời yêu đương.

Đứng tựa cửa, We chăm chú nhìn vào khoảng chân trời xa hút. Vài ba ngọn núi tím sẫm sừng sững trước mắt, We thấy chua xót trước sự nhỏ bé của mình. Lúc vào nhà We lấy củi ra chụm lửa. Anh lấy đàn ra gảy một mình, bỗng anh đập vỡ cây đàn của anh vào một khúc củi khô lớn rồi vút tất cả vào đống lửa đang cháy. Bóng We bỗng lúc chìm dần vào màu xanh đen đầy những đe dọa của núi rừng.

..

**M**ỘT buổi sáng đẹp trời, khi ánh nắng chan hòa khắp các ngọn cỏ cành cây thì khu

rừng âm u đó bỗng trở nên quang đãng, khô ráo và mát mẻ lạ lùng. Ngay dưới chân dãy núi đá cao vòi vọi một con suối nhỏ uốn mình chảy ngang qua chia khoảng đất trống ra làm hai phần đều nhau, trông giống như một bàn tay vĩ đại bị chặt làm hai mảnh theo chiều dọc. Ở khoảng đầu con suối, ăn sâu trong bìa rừng chừng mấy chục thước, một túp lều nhỏ đã xiêu vẹo, nép mình dưới những hàng cây um tùm. Chủ nhân của túp lều đó là một người đàn bà vào khoảng bốn mươi, và một thanh niên trạc 19 tuổi. Họ cùng có màu da nâu xám và mái tóc hơi quăn như đã uốn vài ba lần rồi bỏ xỏa. Họ hầu như suốt đời ở trần, mỗi người chỉ vón vện có một mảnh vải đã rách nát cuốn ngang thắt lưng xuống đến gần đầu gối. Người đàn bà có phần gầy yếu, chân tay khẳng khiu như những cành củi khô, hai tai xệ xuống vì hai khúc ngà voi gọt nhẵn tròn giống trục chỉ khâu tri xuống nặng nề. Mỗi khi cười nói, hai hàm lợi ở cửa miệng bà ta đỏ hoén trông như những miếng thịt trâu càng làm cho khuôn mặt người đàn bà đó thêm hốc hác, già còm. Trái lại, người



con trai thì mang một thân hình rất lực lưỡng. Đôi cánh tay và lồng ngực của hắn thể hiện cả một sức sống mãnh liệt vươn lên. Đôi mắt hắn to và sáng, hàm râu dưới cằm đen rậm nên trông có vẻ lầm lì.

Núi rừng, thác suối, hoa cỏ, muông thú là tất cả thế giới riêng tư của 2 con người trong túp lều nhỏ bé đó. Chẳng ai biết họ đã đến và ở đây từ bao giờ. Cuộc đời của họ rất là bình yên, thanh thản ngoại trừ những công việc nặng nhọc hàng ngày và sự chống trả với đám thú rừng để sống. Họ lặn lội vào các ngả rừng, khe núi hay căn cù trên mảnh đất hai bên bờ suối suốt ngày. Trên sàn nứa của căn lều, ngoài một ô vuông hơn một thước là bếp, chỗ trống còn lại vừa đủ cho hai người nằm. Cuộc sống từ xưa vẫn một mực bình yên như mặt nước. Họ chưa bao giờ phải nghĩ đến những điều bận rộn, ồn ào bên ngoài. Suốt ngày mệt nhọc, tối về họ chỉ biết ôm lấy nhau ngủ bên cạnh bếp lửa.

Nhưng từ mấy năm gần đây, trong quãng thời gian người con trai đến độ trưởng thành thì người đàn bà bỗng dưng thấy

rộn lên trong tâm hồn mình những nhung nhớ, tiếc thương, ân hận rồi những lo âu. Những thiếu vắng, ham muốn của thể xác, tất cả đều như quay cuồng trong đầu óc, và dẫn vật trong cả những bữa ăn, giấc ngủ mỗi khi bà ta bắt gặp đôi mắt trong sáng đến dị kỳ của người con trai mới lớn lên, hoặc những lần va chạm trên thân thể của hắn. Người đàn bà càng tìm cách lẫn trốn ý nghĩ tội lỗi mỗi lúc nó hiện đến, nhưng lại càng cảm thấy nó bốc cháy hơn. Rồi thời gian qua đi, người con trai chỉ có vẻ e-dè hơn một chút, tuy vậy bản tính hồn nhiên của hắn từ nhỏ vẫn thế.

Một hôm, bỗng không biết vì sao người đàn bà lại bỏ đi mất. Khi người con trai về tới nhà thì trời đã tối, hắn vội đi tìm khắp các khu rừng, nhưng vẫn chẳng tìm thấy tăm hơi.

Suốt tối hôm đó, cho đến chiều hôm sau, người con trai mãi miết đi trên con đường đất nhỏ độc nhất từ thung lũng vắt qua dãy đồi vào khu rừng cuối con suối. Hắn đi quên cả ngày, quên ăn, quên ngủ, cho đến khi quá mệt, hắn ngồi gục vào một tảng đá bên đường.

Lúc hẩn tỉnh dậy, khi hẩn tiếp tục đi được một quãng đường gần khuất sau khúc vòng chân đồi thì ở đằng sau lưng hẩn có tiếng gọi tên hẩn vội vã.

— Pluh ! Pluh !

Tiếng gọi dồn dập và sau đó hẩn tìm thấy Jurn. Cô ta đang đứng bên tảng đá lúc nãy hẩn nằm. Mừng quá hẩn ôm ghì lấy người đàn bà. Nàng nằm gọn trong vòng tay hẩn. Nàng thấy mình yếu đuối, những cảm giác vui mừng dồn dập làm nàng run lên.

Ôm Jurn trong lòng, người con trai thấy khoảng trống vắng của hẩn hình như được lấp kín. Niềm vui tươi lại trở về tràn đầy những mới lạ mà hẩn không thể hiểu được. Toàn thân hẩn bắt đầu thấy những cảm giác rạo rức chưa từng có, hẩn quên hết tất cả những gì ở xung quanh. Đối với người đàn bà, hẩn không còn thấy là Jurn nữa. Hẩn chỉ thấy hẩn, người đàn bà dù đang là xương là thịt thật trong tay hẩn, hẩn vẫn chỉ thấy với hẩn là một. Lúc này, mặt trời đã lặn hẩn. Một vài giải mây trắng đục bay nhanh ngang trời, và mặt hút sau dãy núi xa. Từ đâu đây tiếng gầm vang rung động khu

rừng của loài hổ đói, tiếng riu rít tìm về tổ cũ của muôn loài chim rừng tạo thành một thứ âm thanh huyền hoặc. Trong một khóm lau đằng sau tảng đá lớn, tiếng nói của hai người nghe thăm thì, nhỏ nhỏ.

Trong căn lều, người đàn bà ngồi thu hình bên cạnh bếp lửa, vẻ mệt mỏi hiện rõ trên mặt. Một vài cơn gió lạnh từ núi hất vào làm bà tạ rừng mình. Bà ta vội lấy thêm củi cho vào bếp, rồi đốt lại mồi thuốc đã tắt từ lúc nào và mắt bà ta lơ đãng nhìn theo bóng người con trai mất hút sau những bụi cây ven đồi. Nỗi buồn xa xôi như mỗi lúc hiện rõ trên từng nét nhăn nơi mặt. Sự im lặng đó kéo lôi người đàn bà vào với dĩ vãng. Bà ta cảm thấy bao nhiêu tội lỗi mà chính bà đã gây ra lâu nay đối với các thần linh, với bộ lạc Jarai, với cha mẹ của bà chỉ vì bà đã cứu sống một đứa trẻ, bà đã chạy trốn sự gả ép bà cho người anh rể mình để thay thế người chị mình chết, mà từ xưa đến giờ, bộ lạc của bà đã tuân theo, không một người nào dám chống lại, cản ngăn...

TRỤ VŨ

## Hải âu

(*L'albatros - Baudelaire*)



*Bao khi đề đùa vui, đoàn thủy thủ  
Đã bắt chim âu, chim của hải hồ  
Vốn là bạn nơi muôn trùng lữ thứ  
Theo chân tàu trên vực thẳm cay chua*

*Họ vừa đặt thân chim lên mảnh ván  
Chúa không gian, ôi! xấu hổ, vụng về  
Liền xếp lại thần thờ đôi cánh trắng  
Ngó nặng nề như những mái chèo kia*

*Cánh phiêu lãng mới phori bày mỹ diệu  
Nay hóa ngu ngơ vụng yếu trăm phần  
Gheo mỏ lớn, tên này dùng ống điếu  
Nhại chim què, kẻ nọ kiếng bàn chân*

*Người thơ khác chi ông hoàng mây nước  
Khinh cung tên, theo bão tố đi về  
Đày dưới đất giữa muôn lời diễu cợt  
Cánh không lò ngăn cản bước chân đi*

(99 điệu tình ca)

# Chiếc bình vỡ

(*La vase brisée — Sully Prudhomme*)

Chiếc bình đã chết đóa hoa này  
Cánh quạt vô tình gây vết rạn  
Cánh quạt vô tình phớt nhẹ thay  
Không tiếng thầm vang trong lúc chạm

Nhưng vết thương hờ trên thủy tinh  
Ngày một cắn sâu, ngày mỗi nặng  
Vết thương chầm chậm đảo quanh bình  
Từng bước vững vàng và kín lặng

Mật hoa thơm ngọt dần cạn phai  
Nước mát trong bình từng giọt rỉ  
Thiên hạ hững hờ chưa ai hay  
Xin chớ chạm vào : bình đã bể

Cũng thế bàn tay họ dấu yêu  
Thường chạm vào tim gây vết lở  
Cứ thế mà tim dần tự vỡ  
Đóa hoa tình ái héo khô theo

Luôn vẹn toàn trước mắt thế nhân  
Nhưng tim cảm nghe thầm nứt nẻ  
Vết thương sâu mỏng lớn thêm dần  
Xin chớ chạm vào : tim đã vỡ

(99 điệu tình ca)

· TRỤ VŨ

# Trẻ thơ

(*L'enfant — Victor Hugo*)

**K**hi trẻ hiện ra  
Toàn thể gia đình  
Đều cất tiếng ngợi khen  
Mắt em ngời sáng  
Làm sáng ngời bao đôi mắt chung quanh  
Khi trẻ hiện ra  
Vui vẻ trong lành  
Những vùng trán u buồn dày dạn  
Bỗng biến mây mờ, bỗng rạng trời xanh

Dù là tháng sáu làm xanh cánh cửa  
Tháng mười hai khơi ánh lửa gia đình  
Khi em đến — niềm vui về hớn hờ  
Mẹ run nhìn chập chững bước chân xinh

Có đôi lúc chúng tôi ngồi trò chuyện  
Về Thi Nhân, về Tổ Quốc, Chúa Trời  
Về linh hồn vươn cao nhờ cầu nguyện  
Em hiện vào : vĩnh biệt Chúa Trời thôi  
Vĩnh biệt hết Thi Nhân và Tổ Quốc  
Chuyện nghiêm trang ngưng lại, hé môi cười

... ..

Vì đôi mắt em dịu hiền biết mấy  
 Vì đôi tay em phước lộc đường mô  
 Chưa gây nên tội ác bao giờ  
 Gót sen tơ trong ngần bùn thế lụy  
 Dầu thiên thần ! tóc hoe vàng điểm lệ  
 Vòng hào quang trên vầng trán em thơ

Em đẹp quá ! niềm tin nguyên vẹn thế  
 Cỏ sơn ca ấp ủ trọn muôn lời  
 Mắt em khóc sao mà mau ráo lệ  
 Đề mở to nhìn lóng lánh tia vui  
 Em dâng hiến hồn xuân cho cuộc sống  
 Đôi môi xuân cho những nụ hôn đời

Xin Thượng Đế chở che dùm cho với  
 Cho những người tôi yêu dấu thân sơ  
 Cả thù nhân từng thắng trong tội lỗi  
 Khắp nhân gian — khỏi nhìn thấy bao giờ  
 Tổ không chim, hè không hoa nở thắm  
 Mái gia đình vắng lạnh bóng em thơ

(99 điệu tình ca)

TRỤ VŨ

Nguyên tác của PEAL BUCK  
Bản dịch của MINH ĐỨC

## Con quỉ già

*Dĩ nhiên bà cụ họ Hoàng biết đã có chiến tranh. Mọi người đều vẫn biết từ lâu là chiến tranh đang tiếp, và người Nhật đang giết người Trung-hoa. Nhưng khi chưa có một người họ Hoàng nào bị giết thì điều đó vẫn chưa là thật, mới chỉ là một lời đồn đại thôi.*

Tam-Lý-Thôn họ Hoàng là làng giòng tộc của bà cụ, nằm trên bờ bằng phẳng của con sông Hoàng-hà chưa hề trông thấy một người Nhật bao giờ. Vì thế có nói với nhau là họ nói toàn chuyện về người Nhật bản.

Một buổi chiều đầu mùa hạ, sau bữa cháo, bà cụ Hoàng trèo lên những bậc đê như bà vẫn làm hằng ngày để xem nước dâng cao tới đâu rồi. Bà sợ con sông hơn người Nhật nhiều. Bà biết những gì con sông có thể đem lại. Lần lượt dân làng theo bà lên đê và bây giờ họ đứng chăm chú nhìn xuống giòng nước

vàng tinh nghịch, cuộn dài như một đám rần và ăn mòn dần bờ đê cao.

Bà cụ Hoàng nói : « Tao chưa bao giờ thấy nước dâng cao sớm thế ». Bà cụ ngồi trên chiếc ghế đầu bằng tre mà người cháu nội, anh Bé Bích, mang theo cho bà, rồi bà khạc nhổ xuống giòng nước.

Bích nói một cách phẫn nộ : « Lão Hà-bá của giòng sông còn tai hại hơn người Nhật nữa ».

« Nói đại ! » Bà cụ Hoàng vội nói, « Thần sông sẽ nghe đấy. Nói chuyện khác đi ».

Thế là họ bắt đầu nói về người Nhật... Anh Hoàng, người thợ làm bánh, cháu hai đời của bà cụ Hoàng, cất tiếng hỏi rằng : « Giả dụ người ta thấy được người Nhật thì làm sao biết đó là người Nhật ? »

Về điểm này, bà cụ Hoàng nói một cách chắc chắn : « Mà sẽ biết họ ngay. Một lần tao đã trông thấy một người ngoại quốc. Hắn ta cao hơn cái mái hiên nhà tao, tóc màu bùn, và mắt con cá ấy. Bất cứ ai trông không giống người mình, đấy là người Nhật đấy ».

Mọi người đều lắng nghe vì bà là người có tuổi nhất làng và bà đã nói thì thế nào cũng định liệu được việc.

Đến đây Bích cất tiếng, với lời nói làm mọi người sửng sốt của anh : « Bà không thể thấy họ được đâu, bà ơi. Họ nắp trên trời trong những chiếc tàu bay ».

Bà cụ không trả lời ngay. Một lần bà đã nói chắc rằng : « Chưa thấy tàu bay thì tôi không tin có tàu bay ». Nhưng biết bao nhiêu việc bà không tin, đã có thật — như Thái-hậu chẳng hạn, bà không tin là chết, đã chết thật. Lại còn nền Cộng-hòa nữa, bà

không tin vì bà không biết đó là cái gì. Bây giờ bà vẫn chưa biết là gì, nhưng đã trong một thời gian rất lâu nghe họ nói là có. Bởi vậy bây giờ bà chỉ yên lặng ngấm bờ đê, trên đó mọi người ngồi vây quanh bà. Trời thật dễ chịu và mát mẻ, bà cảm thấy sẽ chẳng có việc gì đáng kể cả, miễn nước sông đừng dâng cao thành lụt thì thôi.

« Tao không tin có người Nhật », bà cụ nói gọn.

Mọi người khẽ bật cười, nhưng không ai nói gì. Một người đốt ống điếu cho bà — đó là vợ của Bích, rất được bà yêu — và bà hút thuốc.

Một người gọi « Hát đi, anh Bích ! »

Và thế là Bích bắt đầu hát một bài hát cổ với giọng cao run run, cụ Hoàng lắng nghe và quên chuyện người Nhật. Buổi chiều đẹp, bầu trời trong sáng và tĩnh mịch đến nỗi những cây liễu nghiêng mình trên bờ đê có thể soi cả bóng xuống giòng nước đục ngầu. Mọi vật bình an. Ba mươi nóc nhà lác đác hợp thành làng rải dài dưới họ. Không gì phá vỡ được sự bình an này. Người Nhật, dù sao cũng chỉ là người mà thôi.



« Tao còn ngờ những chiếc tàu bay này », bà nhẹ nhàng nói với anh Bích khi anh ngừng hát.

Nhưng anh không trả lời bà, lại tiếp tục một bài hát khác.

Năm lại năm, vào những buổi chiều mùa hạ như thế này bà vẫn lên tiêu khiển trên bờ đê. Lần đầu tiên, năm mười bảy tuổi và còn là cô dâu mới, chồng bà đã kêu bà rời khỏi nhà để lên bờ đê. Bà đã đến đấy, hồ thẹn, hai tay vịn vào nhau, trốn vào giữa đám đàn bà khi bọn đàn ông reo hò nói đùa bà. Giống nhau, họ cùng thích bà. Họ nói với chồng bà : « Thật là ngon lành nhé ! » và chồng bà cãi : « Phải chân hơi lớn một tí ». Nhưng bà có thể nhận thấy vẻ vui sướng của ông và dần dần sự hồ thẹn của bà biến mất.

Chồng bà, người đàn ông đáng thương, đã chết đuối trong một trận lụt lúc hầy còn trẻ. Và bà nguyện cho ông để đem ông thoát khỏi vòng luyện ngục của đạo Phật. Cuối cùng, với đứa con và đất ruộng trên vai, bà đảm chán việc đó. Bởi vậy khi lão thầy tu đổ dành : « Mười nén bạc nữa thì ông nhà sẽ hoàn toàn ra khỏi », bà hỏi : « Ông còn mắc cái gì ở trong nữa ? »

Lão thầy tu khuyến khích : « Chỉ còn bàn tay phải thôi ».

Nhưng thôi, lòng kiên nhẫn của bà đồ vỡ rồi. Mười nén bạc! Số tiền đó sẽ nuôi sống họ trong mùa đông. Ngoài ra bà còn phải thuê phần công của bà để chữa đê, như vậy có lẽ lại còn khỏi bị lụt nữa.

« Nếu chỉ còn một bàn tay, ông nhà tôi có thể tự kéo luôn ra khỏi », bà nói một cách rắn rỏi.

Bà tự hỏi nhiều lần không biết người bạn chơn chất đáng thương của bà có làm được thế không. Hình như bà vẫn thương buồn rầu trầm nghĩ trong đêm tối rằng ông vẫn còn mắc ở chốn ấy, đang trông chờ ở tay bà... Số phận của ông như vậy. Nhưng, có lẽ, một ngày kia khi vợ Bích sinh đứa con đầu lòng được bình an và bà được dư giả chút ít, bà có thể quay lại việc kéo nốt ông ra khỏi nơi luyện ngục. Thật cũng chẳng có gì phải gấp cả, tuy rằng...

« Thừa bà, bà phải về thôi », giọng dịu dàng của vợ Bích. « Có đám sương mù từ sông dâng lên làm hết cả năng rồi ».

• « Ừ, cũng nên về thôi » bà cụ bằng lòng. Bà còn ngắm giòng

sông một lúc. Con sông đó thật đầy cả điều lợi lẫn điều hại. Khi chế ngự và kiểm soát được nó, nó sẽ tưới cánh đồng, nhưng chỉ cần hờ ra một tắc thôi, nó sẽ cuộn vào như một con rồng đang gầm thét. Chính vì đó mà chồng bà đã bị cuốn đi — ông đã bắt cần về mảnh đê của ông. Ông cứ luôn luôn sửa soạn sắp sửa chữa nó lại, luôn luôn sửa soạn đắp thêm đất lên trên đỉnh, thì rồi một hôm nước sông dâng lên và phá vỡ đê. Ông đã chạy ra khỏi nhà, còn bà thì trèo lên mái nhà với đứa con, rồi hai mẹ con được thoát, còn ông bị chết đuối. Nhưng rồi họ cũng đẩy lui được giòng sông ra phía sau các con đê, và lúc này thì nó đã chịu ở yên ở đấy. Hàng ngày bà thường dạo lên xuống theo chiều dài quãng đê mà làng chịu trách nhiệm đề xem xét. Nhiều người cười và nói : « Đê có gì hổng chắc bà cụ sẽ nói cho mình biết hết ».

Không gì làm cho một ai đời lang di xa con sông được. Họ Hoàng đã sống ở đây hằng bao nhiêu đời, nhiều đời đã luôn luôn phải tránh nạn lụt và đã chống chọi với con sông dữ dội mãnh hơn tất cả các đời về sau này.

Bích đột nhiên ngừng hát.

Anh kêu lên : « Trăng mọc kia kìa. Không lành đâu. Tàu bay thường bay ra trong những đêm trăng ».

Bà cụ Hoàng thét lên : « Mày học những điều về tàu bay đó ở đâu thế ? », rồi tiếp thêm : « Cái đó làm phiền tao lắm ». Giọng bà nghiêm khắc đến nỗi không ai hé môi. Trong sự yên lặng đó, vịn vào cánh tay của vợ Bích, bà chậm rãi đi xuống những bậc thềm đất dẫn vào làng, tay kia cầm cái ống điều dài như cây gậy chống. Sau bà, những người dân làng lần lượt đi xuống để về ngủ. Không ai đi trước khi bà ra về, nhưng cũng không ai ở lại lâu sau bà.

Cuối cùng, trong giường riêng của bà, sau cái mừng muối màu xanh mà vợ Bích đã buộc kỹ lưỡng, bà ngủ một cách bình an. Bà nằm thức một lúc khi nghĩ về người Nhật và tự hỏi tại sao họ lại muốn đánh nhau. Chỉ những người thô bỉ lắm mới ưa chiến tranh. Bà thấy trong óc một số rất nhiều người thô bỉ. Bà nghĩ nếu họ tới người ta phải nói dịu ngọt với họ, mời họ uống trà, và chỉ giảng giải cho họ một cách hữu lý là tại sao họ lại phải

đến cái làng nông nghiệp yên ổn này... ?



**T**HẾ nhưng khi vợ của Bích gào với bà rằng Nhật đã tới thì bà chưa chuẩn bị chút gì cả. Bà ngồi dậy trong giường cầu nhàu : « Chén trà... nước trà... »

« Thừa bà, đâu còn thời giờ nữa ! » Vợ Bích thét. « Chúng đây rồi... Chúng đây rồi ! »

« Đâu ? » Bà cụ Hoàng kêu, bây giờ đã tỉnh.

« Ở trên trời ! » vợ Bích khóc.

Đến đó thì cả hai cùng chạy ra, buổi bình minh trong trẻo, và nhìn lên. Trên trời, tựa như con ngỗng trời bay về mùa thu, có những vật lớn hình giống như hình chim.

Bà cụ Hoàng kêu : « Nhưng cái gì đó mới được chứ ? »

Ngay đó, như một quả trứng bằng bạc rơi, một vật chơi vơi đi thẳng xuống, và rớt tận ngoài cánh đồng làng cuối làng. Cả một khối đất tung lên, và cả bọn chạy ra để xem. Một cái hố bề ngang ba chục thước Anh, lớn như một cái hồ. Ai nấy kinh

ngạc không nói nên lời, và rồi, không để ai kịp cất tiếng, một quả trứng nữa, rồi một quả nữa bắt đầu rơi, và mọi người bỏ chạy...

Mọi người, đúng vậy, trừ bà cụ Hoàng. Khi vợ Bích nắm tay bà để dắt đi, bà cụ dang tay lại và ngồi tựa vào bờ đê.

Bà nói thật : « Tao không chạy được. Trong bảy mươi năm tao không chạy, từ trước khi tao bỏ chân nữa kia. Con cứ chạy đi. Nào thẳng Bích đâu rồi ? » Bà nhìn quanh. Bích đã đi rồi. « Ý như ông nội nó, luôn luôn chạy đâu ».

Nhưng vợ Bích vẫn không rời bà, mãi cho đến khi bà nhắc đó là bổn phận của chị.

Bà nói : « Nếu thẳng Bích có chết thì điều cần là con trai nó sinh ra phải sống ». Và khi người con gái còn ngần ngại, bà lấy cái ống điều đánh yêu chỉ một cái và hét : « Chạy đi. Chạy đi ».

Vợ Bích đành miễn cưỡng đi theo các người khác vì bây giờ hầu như hai người không nghe nhau nói được nữa vì tiếng gầm thét của những chiếc máy bay đang nhào xuống.

Và bây giờ, tuy mới một vài phút qua, làng đã bị tàn phá, các mái tranh cùng các sườn gỗ đang bùng cháy lên. Mọi người đã đi hết. Khi đi qua họ đã kêu bà cụ Hoàng cùng đi, và bà đã gọi trả lại một cách vui vẻ :

« Tôi đang đi đây... Tôi đang đi đây !... »

Nhưng bà không đi. Bà ngồi hoàn toàn cô độc, ngắm nhìn một cảnh tượng phi thường. Vì liền đó có những chiếc tàu bay khác đến, từ đâu thì bà không rõ, nhưng lại tấn công những chiếc ban đầu. Mặt trời lên trên cánh đồng lúa mì đang chín, và trong bầu không khí trong trẻo của mùa hè, những chiếc máy bay liệng vòng tròn, phóng vào nhau, khạc đạn lẫn nhau. Bà cụ nghĩ, khi chấm dứt, bà có thể đi vào lại trong làng xem có cái gì còn sót lại chẳng. Đó đây một bức tường đứng, còn mang một mái nhà. Từ nơi đây bà không thấy được nhà của bà. Nhưng chiến tranh đối với bà cũng chẳng xa lạ gì. Một lần giặc cướp đánh phá làng, hồi đó nhà cũng cháy vậy. Ừ, thì bây giờ việc đó tái diễn. Nhà cháy thì người ta có thể thường thấy, nhưng làm gì có trận đánh nhau sáng như bạc

ở trên trời như thế này. Bà không hiểu gì về cái đó cả — không hiểu những vật đó là gì, làm sao lại có thể ở trên trời được. Bà chỉ biết ngồi nhìn, và tự nhiên thấy đói bụng.

Bà nói to : « Mình chỉ muốn xem gần một cái ». Ngay lúc đó, như để trả lời bà, một chiếc trong đoàn thỉnh linh chúi mũi xuống, lượn vòng tròn và vặn vẹo như bị thương rồi rơi cắm đầu xuống đám ruộng mà Bích mới cày hôm qua để trồng đậu nành. Trong một loáng bầu trời lại quang như cũ, chỉ còn con vật bị thương này nằm trên mặt đất cùng bà mà thôi. Bà cần thận ngồi dậy. Ở tuổi bà, bà chẳng cần phải sợ thứ gì nữa. Bà quyết định thử tới xem đó là cái gì. Chống ống điều tre, bà chậm rãi đi qua cánh đồng. Trong sự yên tĩnh đột ngột, hai ba con chó trong làng hiện ra sau bà và đi theo ; chúng lại gần bà với vẻ sợ hãi. Khi đến gần chiếc máy bay rơi, chúng sủa lên dữ dội. Bà cụ bèn lấy ống điều đánh chúng.

« Bà gắt : « Im đi ! Tiếng ồn ban này cũng đủ làm vỡ tai tao ra rồi ! »

Bà vỗ vỗ vào chiếc máy bay.

« Kim khí », bà nói với mấy con chó. « Bạc, chẳng ngờ gì nữa », bà thêm. Nấu chảy ra thì họ sẽ giàu.

Bà đi chung quanh, xem xét kỹ lưỡng. Cái gì làm nó bay ? Nó trông như chết rồi. Không có gì động đập hoặc làm phát tiếng động bên trong cả. Khi đến phía mà nó đã lao xuống, bà thấy có một người trẻ tuổi ở trong, bị rơi mạnh đã dòn thành một đồng trong một chỗ ngồi nhỏ. Những con chó rít lên, nhưng bà lại đánh và chúng lùi lại.

« Ông chết rồi à ? » bà cụ hỏi một cách lễ phép.

Người trẻ tuổi hơi cự quạ khi nghe tiếng bà, nhưng không nói được. Bà tiến tới gần hơn, nhìn vào cái hang trong đó anh ta ngồi. Một bên thân anh ta đang chảy máu.

« Bị thương ! » bà kêu lên. Bà nắm cổ tay của anh ta. Tay còn ấm, nhưng bất động và khi bà bỏ ra thì nó rơi đập vào thành hang. Bà ngấm ngấm anh ta. Tóc đen và da sạm như một người Tàu nhưng anh ta trông vẫn không giống một người Tàu.

« Chắc là người miền Nam », bà nghĩ bụng. Mà được, điều chính là anh ta vẫn còn sống.

« Ông nên ra ngoài » bà nói « tôi sẽ đắp cao được thảo vào bên người của ông ».

Người trẻ tuổi lừ đừ nói lắm bầm điều gì.

Bà cụ hỏi : « Ông nói gì thế ? » Nhưng người ấy không nói lại nữa.

Sau một lúc, bà quả quyết « Ta còn mạnh lắm mà ». Rồi bà vào phía trong đỡ ngang hông anh ta và từ từ kéo anh ta ra, vừa kéo vừa thở hồn hển. May là anh ta người nhỏ thó và rất nhẹ. Khi đã được bà cụ đem ra ngoài đất, anh ta như nhận được ra chân của mình ; anh đứng run run và bám lấy bà khiến bà phải đỡ anh ta lên.

Bà nói : « Bây giờ nếu ông đi được về nhà tôi thì để tôi xem coi có phải nó đang kia không ».

Đến đây anh ta nói một vài điều gì, rất rõ ràng. Bà cụ lắng nghe nhưng không hiểu một tiếng nào cả. Bà lùi xa anh ta và chăm chú nhìn.

Bà hỏi : « Cái gì thế ? »

Anh ta chỉ những con chó. Chúng đang đứng găm gù, lông

gáy xừng lên. Rồi anh ta lại nói nhưng khi đang nói thì xỉu xuống đất. Mấy con chó chồm lên anh ta, vì thế bà cụ phải dùng tay đánh chúng.

« Cút đi ! » bà thét « Ai bảo chúng mày giết ông ta ? »

Khi chúng đã lui đi, bằng một cách nào đó bà đã đỡ được anh ta lên lưng rồi run run, nửa mang, nửa kéo bà đem anh ta đến cái làng bị tàn phá, rồi đặt anh ta nằm trên đường, xong bà đi kiếm nhà bà, không quên lùa những con chó theo.

Nhà bà hoàn toàn bị tiêu hủy. Bà tìm ra chỗ cũng dễ. Nhà bà tất là phải ở chỗ này, đối diện với cái cống nước đóng vào bờ đê. Bà vẫn thường một mình xem xét cái cống nước ấy. Kỳ diệu thay, nó không bị hư hỏng chút gì cả, con đê cũng không bị vỡ. Xây dựng lại nhà cửa thì cũng không khó gì. Chỉ có hiện tại đây cửa nhà tan hoang hết.

Rồi bà quay lại người trẻ tuổi. Bà đặt sao anh ta vẫn nằm yên vậy, tựa vào bờ đê, hôn hên thở, người tái xanh. Anh ta đã mở hàng nút áo và từ trong một cái túi nhỏ lấy ra một bình gì đó. Anh ta lại nói, bà lại không

hiều gì cả. Anh ta ra hiệu, và bà thấy rằng anh ta đang cần nước, vì thế bà lượm một trong số các bình vỡ văng cùng đường, leo lên bờ đê, múc đầy nước sông rồi đem xuống rửa vết thương cho anh ta, đoạn bà xé đứt đoạn băng mà anh ta tháo trong cuộn ra. Người trẻ tuổi biết cách đặt băng vào chỗ vết thương toạc ra, anh ta ra dấu cho bà và bà làm theo. Anh ta luôn luôn cố gắng nói với bà một điều gì, nhưng bà không hiểu gì cả.

« Thừa ông, chắc ông từ miền Nam lại » bà nói. Anh ta là người có học, điều đó dễ thấy. Anh ta trông tinh khôn lắm. « Nghe giọng nói của ông khác giọng chúng tôi ». Bà hơi cười, đặt anh ta nằm dễ chịu trở lại, nhưng anh ta chỉ buồn rầu nhìn bà với cặp mắt lơ đãng. Bà vội nói :

« Bây giờ phải tôi kiếm được cái gì ăn thì hay lắm ».

Anh ta không trả lời. Anh đang ưỡn người ra, hơi thở nặng nề hơn, nhìn trừng trừng vào quăng không như là vừa rồi bà cụ không có nói gì cả.

Bà cụ tiếp : « Ăn vào anh sẽ khá hơn », rồi thêm : « Và tôi

cũng vậy ». Bà cụ bắt đầu thấy đói không chịu được.

Bà nghĩ rằng trong nhà anh Hoàng, người thợ làm bánh, thề nào cũng có một ít bánh mì. Nếu có bị vôi gạch rơi xuống làm bẩn đi, nó cũng vẫn là bánh mì. Bà sẽ tới xem. Nhưng trước khi đi, bà xê người lính đi một chút để anh ta nằm trong bóng mát của một cây liễu mọc trên bờ đê. Xong, bà đi đến hiệu bánh. Các con chó đã đi hết cả.

Hiệu bánh cũng điêu tàn như mọi vật khác. Không ai ở đó cả. Đầu tiên ngoài đồng tường đất đỏ hỗn độn bà không thấy gì khác. Nhưng sau bà nhớ ra rằng cái lò bánh ở ngay đằng sau cửa và cái khung cửa thì vẫn còn đứng vững, mang một mảnh mái nhà. Bà đứng trong khung cửa ấy, đưa tay quờ quạng phía trong cái mái nhà sụp, bà đụng phải cái nắp gỗ của chiếc nồi sắt lớn. Dưới nắp này chắc là có bánh hấp. Khéo léo và cẩn thận bà lén cánh tay vào trong. Việc đó mất nhiều thì giờ, đã vậy từng đám vôi và bụi hầu như làm bà nghẹt thở. Tuy nhiên, bà đã đoán đúng. Bà lòn tay phía dưới chiếc nắp và cảm thấy làn vỏ rắn và mịn của những ổ bánh

mì hấp lớn. Hết cái này đến cái khác, bà lôi ra được bốn chiếc.

« Thiệt cũng khó giết được cái hạng già như mình lắm », bà nói đồng một cách vui vẻ, và bắt đầu ăn một ổ bánh trong khi đi trở lại. Phải chi bà có được một miếng tỏi và một chén trà — nhưng người ta không thể nào có mọi thứ trong lúc này.

Ngay lúc đó thì bà nghe có nhiều tiếng nói. Khi bà đến chỗ người lính thì thấy có nhiều người lính khác đang vây quanh anh ta, không biết họ đến từ nơi nào. Họ đang chăm chú nhìn xuống người thương binh mất bấy giờ đã nhắm.

« Bà nhật thẳng Nhật này ở đâu thế, bà cụ ? » họ thét với bà.

« Nhật nào ? » bà cụ vừa đi đến vừa hỏi.

« Thẳng này này ! » họ thét.

« Anh ta là người Nhật à ? Bà kêu lên, cực kỳ kinh ngạc. « Nhưng hấn trông cũng như chúng ta..., mắt đen, da... »

« Người Nhật ! » một người lại hét với bà.

« Ờ thôi được » bà lặng lẽ nói, « hấn rơi từ trên trời xuống ».

« Đưa bánh mì đó cho tôi ! »  
một người khác hét.

« Lấy đi », bà nói, « chưa  
chiếc này lại cho hần ».

« Đồ khỉ Nhật bản lại ăn bánh  
mì ngon à ? » một người lính  
thét.

« Tôi nghĩ rằng hần cũng đang  
đói », bà cụ Hoàng trả lời. Bà  
bắt đầu thấy ghét những người  
này.Ồ nhưng mà lính thì lúc  
nào bà cũng không ưa. Bà nói :  
« Tôi mong các ông sẽ đi nơi  
khác. Các ông làm gì ở đây ?  
Làng của chúng tôi lúc nào cũng  
thái bình ».

Một người nhe răng cười :  
« Bây giờ thì chắc hần là thái  
bình lắm, thái bình như một  
mắm mồi. Bà cụ có biết ai làm  
ra thế không ? Nhật bản đấy ! »

« Tôi cũng nghĩ như vậy » bà  
cụ đồng ý. Rồi bà hỏi : « Nhưng  
tại sao mới được chứ ? Đó là  
điều tôi không hiểu ».

« Tại sao ? Tại chúng muốn  
lấy đất của chúng ta chứ tại  
sao ! »

« Đất của ta ! » Bà cụ lặp lại.  
« Hừ, chúng không thể lấy đất  
của ta ! »

« Không bao giờ ! » họ thét  
lên.

Nhưng suốt trong thời gian  
nói chuyện và nhai bánh, bọn họ  
đã chia phiên nhau quan sát  
chân trời phía đông.

« Tại sao các ông nhìn mãi  
phía đông vậy ? » Bà cụ Hoàng  
bây giờ hỏi.

« Tụi Nhật đang từ phía đó  
tiến đến », người đã lấy bánh  
mì lúc nãy trả lời.

Bà cụ ngạc nhiên hỏi : « Các  
ông đang chạy bọn chúng à ? »

Người đó giải bày : « Chúng  
tôi chỉ có một số ít được để lại  
giữ làng Bảo-an, thuộc địa hạt  
của... »

Bà cụ Hoàng ngắt : « Làng đó  
tôi biết, ông khỏi cần nói. Tôi là  
con gái ở đó đây mà. Ông cụ  
Bảo có cái quán trà trên con  
đường cái ra sao ? Ông ta là anh  
tôi ».

Người đàn ông trả lời : « Mọi  
người ở đó chết hết. Bọn Nhật  
đã chiếm đó rồi. Một đoàn quân  
rất đông với súng ống và xe tăng  
ngoại quốc, như vậy, chúng tôi  
làm gì được ? »

« Dĩ nhiên là chỉ có chạy thôi »,  
bà cụ biểu đồng tình. Tuy nhiên  
bà cảm thấy choáng váng và đau  
đớn.



Vậy là ông ta đã chết rồi, người anh độc nhất mà bà đã rời xa. Bây giờ bà là người cuối cùng của gia đình cha bà.

Nhưng bọn lính lại ra đi và bỏ bà lại một mình.

« Bọn lùn nhỏ và đen thui ấy lại sắp đến đây » bọn họ nói thế « Tốt hơn hết là lên đường »..

Tuy vậy, có một người — người đã lấy bánh mì — do dự giây lát để nhìn chăm chú xuống người trẻ tuổi bị thương bây giờ mất nhắm và nằm bất động.

Người đó hỏi : « Hẳn chết chưa ? » Rồi, trước khi bà cụ Hoàng kịp trả lời, anh ta rút một con dao ngắn ra khỏi lưng. « Chết hay không tôi cũng sẽ cho hẳn một vài nhát với con dao này... »

Nhưng bà cụ Hoàng đẩy tay anh ta ra.

« Đứng, ông đừng làm thế » Bà cụ nói với một vẻ uy quyền. « Nếu hẳn chết rồi thì cũng không ích gì lại đưa hẳn vào luyện ngục với thân thể tan nát. Tôi là một tín đồ rất sùng đạo Phật ».

Người kia cười trả lời : « Ừ thì thôi, hẳn chết rồi ». Thấy các

bạn đồng đội đã đi xa, người đó chạy theo họ.

Anh ta là một người Nhật. Bà cụ Hoàng ở lại một mình với cái thân thể bất động này, chăm chú nhìn. Bây giờ anh ta mất đã nhắm rồi, bà có thể nhận thấy anh còn trẻ lắm. Bàn tay anh ta, bỏ xoài ra một cách vô ý thức trông giống như tay một đứa trẻ đang lớn.

Bà bắt mạch ở cổ tay anh ta nhưng không phân biệt được mạch nào cả. Bà nghiêng người đưa nửa ổ bánh mì mà bà chưa ăn vào môi anh ta.

Bà nói rất lớn tiếng và rõ rệt : « Ăn đi, bánh mì đấy ! »

Nhưng không có câu trả lời nào cả. Rõ ràng là anh ta đã chết. Chắc chết trong lúc bà đang lấy bánh mì ra khỏi lò.

Lúc đó bà cụ không có việc gì để làm hơn là ăn nốt chiếc bánh mì. Khi ăn xong bà tự hỏi có nên đi theo vợ chồng Bích và dân làng không. Mặt trời đã lên cao và trời dần trở nên nóng bức. Nếu định đi thì bà nên lên đường. Nhưng trước tiên bà phải leo lên bờ đê xem phải đi hướng nào. Họ đã đi thẳng về phía Tây và phía Tây là một

cánh đồng rộng bao la nhìn hút mắt. Có thể bà còn thấy được một đám người đông đảo cách hàng dặm ngoài xa. Dù sao chắc bà cũng thấy được làng sắp tới, và cả bọn họ tất phải ở đấy.

Thế rồi bà chăm rãi leo lên đồi, người rất là nóng bức. Trên đỉnh đồi một ngọn gió nhẹ thổi mát mẻ. Bà thốt giật mình khi nhìn nước sông lên đã gần sát đỉnh đồi. Quái, nước sông dâng lên đúng vào giờ cuối cùng.

« Đồ con quỉ già ! » Bà cất tiếng một cách nghiêm khắc. Cứ để cho thần sông muốn nghe thì nghe. Lão thật là tàn ác, đúng vậy — đem nạn lụt tới mà đe dọa trong khi vừa có bao nhiêu chuyện bất hạnh khác.

Bà cúi xuống rửa má và cổ tay. Nước lạnh buốt, chắc là có nhiều trận mưa mát mẻ ở vùng nào đó. Rồi bà đứng dậy, nhìn quanh. Về phương tây không có gì hết trừ ở ngoài xa mấy người lính vẫn còn nửa đi nửa chạy và xa hơn họ là cái vệt của làng sắp tới trên một giồng đất dài. Bà nên đi đến làng đó. Chắc hẳn Bích và vợ anh đang ở đó chờ bà.

Đúng lúc bà sắp leo xuống và khởi hành thì chợt bà thấy một

vật gì ở chân trời phía đông. Ban đầu đó chỉ là một đám bụi vĩ đại. Nhưng khi bà nhìn chăm chú thì nó lại biến rất mau thành những chấm đen và những điểm sáng. Rồi thì bà thấy rõ đó là cái gì. Đó là một đám người — một đoàn quân. Bà biết tức khắc là đoàn quân gì.

« Tội Nhật ! » bà nghĩ. Chính thế, trên đầu họ những chiếc máy bay kêu vù vù. Chúng liệng vòng tròn, xem như tìm kiếm ai.

Bà cụ lắm bầm : « Tao không biết chúng mày tìm kiếm ai nếu không là tao, thằng Bích và con vợ nó. Chúng tao là những kẻ cuối cùng còn lại. Tội bay đã giết mất ông anh Bảo của tao rồi ».

Bà hầu như quên mất rằng ông Bảo đã chết. Bây giờ bà mới xót xa nhớ lại. Ông có một cái cửa hàng xinh xắn biết bao nhiêu — lúc nào cũng sạch sẽ, trà ngon, bánh dồi thịt tuyệt hảo và giá cả thì lúc nào cũng như nhau. Ông Bảo là người tốt. Ngoài ông ra, vợ ông cùng bảy con ông ra sao? Chẳng ngờ gì nữa, chắc họ cũng bị giết hết rồi. Bây giờ những người Nhật này lại đang tìm kiếm bà. Bà nghĩ rằng trên bờ đồi có thể bị trông thấy dễ dàng, vì thế bà vội vàng leo xuống.

Đang leo xuống nửa chừng thì bà nghĩ tới cái cống nước. Giòng sông già nua này từ đời nào vẫn là điều nguyên rủa của dân làng ở đây. Tại sao bây giờ nó lại không tỏ được một chút thiện cảm sau bao nhiêu điều tàn ác mà nó đã làm ? Nó lại đang nghĩ mưu độc, cố gắng bí mật tràn qua khỏi bờ. Ừ, tại sao lại không ? Bà lưỡng lự một lát. Dĩ nhiên người trẻ tuổi Nhật bản kia mà bị giòng lụt cuốn đi thì cũng tội nghiệp thật. Anh ta trông cũng đẹp trai, và bà đã cứu anh ta khỏi bị đắm. Như vậy dĩ nhiên không phải là cứu mạng sống anh ta, nhưng cũng gần gần như vậy. Phải lúc này còn sống thì anh ta đã được cứu thoát rồi. Bà đi đến gần anh ta và cố sức kéo anh lên cho đến khi anh ta nằm được gần đỉnh đê bà mới lại đi xuống.

Bà biết tường tận cách mở cống nước. Đưa trẻ nào cũng biết mở cửa cống cho nước chảy vào ruộng. Nhưng bà thì bà còn biết cách lắc thế nào để mở rộng cả cái cống nước ra. Vấn đề là có thể nào mở cho mau để kịp tránh giòng nước.

« Mình chỉ là một người đàn bà già », bà lẩm bẩm. Bà còn

lưỡng lự một giây nữa. Ừ, không thấy được số phận đứa bé mà vợ Bích sắp có ra thế nào thì cũng tội thật, nhưng người ta làm gì có thể thấy hết mọi chuyện được. Trong đời này bà đã thấy nhiều việc lấm ròi. Có gì đi nữa, đằng nào rồi cũng một lần kết thúc.

Bà lại đưa mắt nhìn về phương Đông. Người Nhật đang tiến qua cánh đồng. Họ làm thành một đường đen dài rõ rệt với hàng ngàn điểm sáng lấp lánh. Nếu bà mở cống này, giòng nước mãnh liệt sẽ găm thét lao về phía họ, tràn qua cánh đồng, cuộn thành một cái hồ lớn và sẽ làm chết đuối hết cả bọn. Chắc chắn là họ chẳng có thể tiếp tục tiến tới gần nữa, đến gần bà và vợ chồng Bích đang chờ bà. Ồ, vợ chồng Bích đang thắc mắc về bà, nhưng họ chẳng bao giờ mơ được chuyện này. Đó sẽ là một câu chuyện rất hay, và bà sẽ thưởng thức cái việc kể lại.

Bà cương quyết quay lại cống nước. Có người đánh nhau bằng tàu bay, có người bằng súng, nhưng các bạn cũng có thể đánh với một con sông nữa, nếu là một con sông tai ác như sông này. Bà nhờ cái then gỗ to tướng

ra. Cái then rất trơn với lớp rêu xanh sáng như bạc. Giòng nước nhỏ bật ra thành một vòi mạnh mẽ. Khi bà nhô nốt then kia thì phần còn lại sẽ bật ra luôn. Bà bắt đầu kéo và cảm thấy nó tuột một tí ra khỏi lỗ.

« Với việc này ta có thể thoát khỏi vòng luyến ngục bà nghĩ, và có thể họ cho mình gặp lại ông lão nhà mình. Chỉ một bàn tay của ông thì có thấm gì đối với cả việc này ? Rồi ông với mình sẽ... »

Cái then thành linh tuột ra, cái cổng bật nhào ra trúng bà và làm bà ngột thở. Bà chỉ kịp hồn hèn với giòng sông :

« Nhanh lên, con quỉ già ! »

Rồi bà cảm thấy nó choàng lấy bà và đưa bà lên tận trời. Nó ở dưới bà và chung quanh bà. Nó cuộn bà một cách vui vẻ đi nơi đây nơi đó, và rồi, quán sát lấy thân hình đã gấp lại của bà, nó tràn tới quân thù.

MINH ĐỨC

VĂN TUYỀN

## Bà Cốt núi Tà-Lơn

*Phan Ngọc đã tìm gặp bà Cốt núi Tà Lơn, trên một « đảnh » khá cao và hoang vu trên núi Điện Bà. Chàng trình thám trẻ tuổi ấy, tìm bà Cốt không phải đề cầu xin một thứ ngải gì quý hiếm, cũng không phải là đề hỏi cho biết việc tương lai đương làm cho chàng thắc mắc.*

**PHAN NGỌC** đến tìm gặp Bà Cốt, chính là vì một vụ án mạng, có thể là tự sát hay là ám sát, — đã xảy ra mấy chục năm về trước, khi mà bà Cốt này còn làm vú già cho gia đình ông Tổng Hoài ở Tây Ninh.

..

Bà Cốt nghe lời Phan Ngọc thuật lại vụ án thừa xửa, nhiều lúc có dáng điệu như một người xa lạ hoàn toàn, không hề có dính líu gì tới

vụ án cả. Mãi về sau, khi Phan Ngọc giải thích kỹ lưỡng về đạo luật : trong một vụ án, mà kẻ phạm pháp chưa hề bị truy tố đích danh, thì sau đó mười năm, dù vụ án có bị khám phá ra thì thủ phạm cũng được hưởng miễn nghị... bà Cốt mới gật gù bảo:

— Trước đây, tôi cũng có nghe nói có luật ấy... Thầy cắt nghĩa cho nghe, tôi lại càng hiểu rõ thêm... Sự thực, vụ án này, lâu non hai mươi năm nay rồi, vả lại, những người trong cuộc, ngoài tôi

ra, thì đều đã sinh sống ở nơi xứ lạ, đất người... Như vậy thì dù bây giờ tôi có nói gì nữa thì cũng không còn có ảnh hưởng gì tới ai...

Phan Ngọc gật đầu, đồng ý:

— Bà nói đúng, tôi đến kiếm bà hôm nay, chẳng qua chỉ như là một kẻ tò mò, xem chuyện... cồ tích thấy có chỗ nghi ngờ thì hỏi lại cho được hiểu rõ, đó thôi!

Bà Cốt mỉm cười:

— Thầy nên nhớ rằng ngay hồi đó nhà chức trách người Pháp cũng đã có mở một cuộc điều tra kỹ lưỡng lắm, nhưng kết quả là như mọi người đều biết: Chỉ có giả thuyết ông Tổng Hoài tự sát là đứng vững được và hợp lý nhất mà thôi! Xin Thầy uống nước, rồi tôi lần lượt kể lại đầu đuôi câu chuyện Thầy nghe...

... Trước hết, tôi cần phải nói luôn cho Thầy biết là ông Cai Tổng Hoài, người chủ nuôi tôi khi xưa là một người giàu có nổi tiếng trong vùng Tây Ninh. Ông Cai Tổng chẳng những có nhiều ruộng nương hoa lợi, ông lại

cho vay lời và cầm bán, ngoài ra, ông cũng còn là một thầy ngải có tiếng nữa. Chính ông thường đi lên các núi cao trong nước, và các ngọn ở Cao Miên, để tìm những thứ ngải quý, đem về nuôi... Chính hiện giờ tôi được nổi tiếng là Bà Cốt Tà Lơn, có nhiều ngải thiêng, chính là nhờ ở hồi xưa, ở cho nhà ông Cai Tổng, tôi hầu hạ và học biết được ít thứ, chứ thực ra tôi nào có tu đạo ở Tà Lơn, Tà Liếc bao giờ đâu!

Bà Cai Tổng qua đời đã lâu và không có người con nào với ông Cai Tổng cả. Nhưng sau đó hai năm, một hôm, đột nhiên, tôi thấy ông rước về một cô gái bé, tuổi chừng lên 5, lên 6, mà ông đặt tên là Kim. Theo ông, thì đó là cô con gái nuôi, nhưng theo một vài người hàng xóm, thì Kim là con một người có bà con xa xôi với ông Cai Tổng. Người này bị ông dùng ngải mê để quyến rũ sao đó, và khi có thai thì bị ông Cai Tổng hất hủi. Nghe đâu, người đàn bà đáng thương kia vì buồn rầu mà chết, ông Cai Tổng đã đem con nhỏ gởi đi cho người ta

nuôi đỡ. Ý hẳn bây giờ thấy trong nhà vắng vẻ, vả lại Kim cũng đã lớn rồi, nên ông bắt về nuôi cho vui vẻ cửa nhà...

Ngoài Kim ra, ông Cai Tổng còn nhận một người, vừa là con nuôi, vừa là học luyện ngải của ông, tên là Tân. Tân hồi đó mới 11, 12 tuổi, ngoan ngoãn lễ phép, ai ai cũng phải mến yêu. Theo chỗ tôi biết thì Tân là con một người tá điền của ông Cai Tổng hồi xưa. Hình như gia đình này đã vay tiền của ông Cai Tổng, cầm bán nhà cửa, ruộng nương cho ông, và kết cuộc vì chịu lời quá nặng, tất cả sản nghiệp của gia đình Tân đã lọt qua tay ông Cai Tổng. Có kẻ nói chính cha mẹ Tân vì buồn rầu quá, đã cùng uống thuốc độc, quỳn sinh cùng một lúc, bỏ Tân lại cho bà ngoại nuôi... Tôi không hiểu có phải ông Cai Tổng có ý hối về những hành động tàn ác của mình mà bây giờ ông nuôi Tân, hay chỉ là vì ông thấy Tân ngoan ngoãn thông minh mà Ông muốn nhận Tân làm học trò để có kẻ đỡ tay, giúp việc?

Từ khi có Tân và Kim thì gia đình ông Cai Tổng Hối có chiều đầm ấm hơn trước nhiều! Do đó, tôi cũng thấy đỡ vắng vắng buồn rầu, và trong lòng vui vẻ vì có được hai trẻ quanh quần đùa dỡn như đôi chim non ríu rít. Ngày tháng qua lần, chưa bao lâu mà Tân và Kim đã hoàn toàn thành... người lớn. Kim thực là một thiếu nữ dịu dàng, xinh đẹp và lễ tất nhiên Tân và Kim yêu nhau tha thiết, lễ tất nhiên phải lén lút vì không ai còn lạ gì tính ông Cai Tổng rất nghiêm...

Ông chẳng những khắt khe mà lại còn ác nghiệt nữa là khác. Nhất là đối với người ngoài, những kẻ chẳng may thiếu thốn phải vay mượn tiền bạc của ông. Chính đó là nguồn gốc nhiều vụ xung đột giữa ông Cai Tổng và Tân, vì Tân trái lại, rất nhân đức, thương người...

Rồi sự không thể tránh được đã xảy ra. Sau một lần gây lộn kịch liệt với cha nuôi, Tân bị ông Cai Tổng bắt gặp Tân và Kim đứng truyện trò thắm thiết. Lập

tức, ông Cai Tổng nổi trận lôi đình và đuổi Tân ra khỏi nhà ngay tức khắc.

Cảnh nhà từ đó lại trở nên sáo trộn, u buồn... Ông Cai Tổng hạ lệnh cấm Kim không được ra khỏi nhà nửa bước. Ông cũng cho tôi biết: nếu để cho Tân vào qua ngưỡng cửa là lập tức ông cũng đuổi tôi đi... Ngày ấy, sự thực thì tôi cũng chẳng muốn giúp việc cho ông Cai Tổng nữa, khốn nhưng tôi rất thương mến Kim, nếu tôi bỏ đi, thì Kim sống với con người độc ác ấy, làm sao cho nổi ?

Mặc dầu tôi đã cố gắng hy sinh, nhưng một hôm, Kim cũng lìa bỏ cuộc đời. Kim đã dùng một thứ ngải độc mà quyền sinh. Ông Cai Tổng dường như nổi cơn điên. Ông tổng khừ tôi ra khỏi nhà, nhất quyết không cho tôi nán thêm ở lại một giờ phút nào, mặc dầu tôi chỉ xin ông cho tôi được canh xác Kim qua đêm ấy, rồi ngày mai, sau khi đưa Kim về nơi phần mộ, tôi cũng vĩnh biệt ông Cai Tổng chẳng luyến tiếc gì ! Nhưng ông Cai Tổng khăng khăng một mực không

nghe. Tôi đành lên ngó mặt Kim một lần cuối cùng, vuốt mắt cho nàng, và đặt bàn tay phải của Kim chấp đề lên trên bàn tay trái, cốt để lộ ra chiếc nhẫn mà Tân đã tặng Kim, trước khi ra đi, gọi là một kỷ niệm ngàn đời bất diệt !

Tôi ra khỏi nhà rồi, thoáng nghe ông Cai Tổng chửi thề, sau khi đóng sầm cửa lại, và chốt khóa kỹ lưỡng ! Tôi đoán chắc ông cũng chèn đóng các cửa phía sau nữa thực kỹ lưỡng, vì ông đã cương quyết không cho phép Tân được ngó mặt người yêu lần cuối ; do đó mà ông phải đề phòng e sợ Tân liêu lĩnh tìm cách đột nhập vào nhà trong lúc đêm khuya...

Tôi đành về ở tạm tại nhà người bà con cho qua đêm ấy, chờ ngày mai, tiễn đưa linh cữu của Kim ra nghĩa trang rồi thì tôi cũng thu xếp trở về xứ.

Tôi thực không ngờ rằng sáng hôm sau, khi xe tang đến, thì họ bấm chuông mãi, cũng không thấy ông Cai Tổng ra mở cửa. Nhân tôi cũng đến đó, nên tôi đi vòng



qua cửa sau mà đập cửa gọi, yên chí rằng kêu như thế thì dù rằng ông Cai Tổng có uống nhiều rượu, ngủ say mê mệt chẳng nữa, thì ông cũng vẫn phải thức giậy như thường... Trái lại, đập gọi chán chê, và sau có cả cảnh binh tới nơi, phá cửa mà vào, ông cũng không lên tiếng! Mà ông Cai Tổng lên tiếng thế nào được, khi ông đã bị một lưỡi giao đâm trúng yết hầu, máu ra thành vũng ngay nơi phòng ngủ của ông... Trên cán giao ấy, nhà chuyên trách không tìm thấy có vết tay của ai khác ngoài vết tay của chính ông Cai Tổng. Nhưng dù chẳng phải là nhân viên giáo nghiệm, người thường để ý nhận xét vết thương nơi cổ cũng có thể biết được rằng: nếu ông Cai Tổng tự sát thì ông cầm giao tự đâm như vậy ngược tay lắm!... Tuy nhiên, bảo rằng ông Cai Tổng bị người ám sát thì lại càng vô lý hơn nữa, vì rằng trong gian nhà, các cửa đều đóng khóa và chèn rất kỹ lưỡng, dù một con mèo cũng không lọt được, như vậy thì hung thủ vào đã vậy, nhưng ra lối

nào? Từ lúc nhà chức trách phá cửa vào, các cửa ngõ vẫn khóa kín y nguyên, và trong nhà chỉ có hai thầy ma: xác của ông Cai Tổng mới bị giết hồi đêm, và xác của cô Kim từ trần từ buổi sớm hôm trước!

Đề kết luận, bà Cốt Tà Lơn ngừng lại một phút, rồi tiếp:

— Đó câu chuyện đầu đuôi chỉ có thế. Chính tôi và Tân cũng bị nhà chuyên trách đòi hỏi thăm vấn nhiều lần, nhưng nguyên một việc nơi xảy ra án mạng các cửa vào ra đều khóa kín như bưng là đủ làm cho chúng tôi vô can rồi... Theo chúc thư để lại, Kim và Tân đều được hưởng gia tài khá lớn của ông Cai Tổng. Đám ma của ông Cai, cũng như lễ táng của Kim, đã được Tân đứng ra lo liệu rất là trọng thể. Riêng có một điều đặc biệt là: khi nhập quan, Tân nhất định tự mình gói ghém và liệm Kim, chứ nhất định không để cho một ai được chứng kiến dự vào...

Thấy Bà Cốt Tà Lơn tới đây im bật, không nói nữa, Phan Ngọc nhìn thẳng vào mặt bà, rồi nói:

— Bà chớ quên rằng theo luật, thì việc xảy ra 20 năm trước, bây giờ có tìm ra hung phạm thì cũng chẳng ai bị tù tội nữa. Bà nên cho tôi biết nốt: trong vụ này, chắc hẳn bà còn có nhận thấy những điều lạ lùng, mà từ trước đến nay bà chưa hề thổ lộ cho ai biết! Bà cho tôi biết rõ: sau khi khám phá ra ông Cai Tổng bị giết, — điếm này thì chắc hẳn lắm rồi, — bà có vào nhìn lại mặt Kim một lần nữa không? Và bà có thấy gì lạ không?

Biết rằng khó có thể chối cãi, dấu diễm, Bà Cốt Tà Lon gật đầu:

— Thầy nói quả thực không sai. Khi tôi vào nhìn lại thì hài của Kim thì tôi

sửng sốt ngạc nhiên tưởng chừng như mình đã mơ ngủ: tối hôm trước, tôi có để bàn tay mặt của Kim, có đeo nhẫn đề lên bàn tay trái, thì sao sáng hôm nay, tôi lại thấy rõ ràng bàn tay trái của Kim đề lên bàn tay mặt, dấu hằn chiếc nhẫn đi., À, còn một điều nữa, lúc này tôi chưa nói là sau cuộc khám xét, nhà chức trách có tìm thấy trong phòng của Kim có một lọ nhỏ, trong đựng một thứ nước ngải... Theo bản trình của viện phân chất thì nước ngải này có đặc tính làm cho người uống nó hôn mê như chết, nhưng chỉ sau một thời gian thuốc nhạt đi thì lại tỉnh như thường!

VĂN TUYỀN

---

Đón xem:

## **“ CON VẬT PHI LÝ ”**

**BI KỊCH 4 HỐI**

của NGÔ XUÂN PHỤNG

TRẦN VĂN LÂN

## Dưới mái nhà ấm

**C**húng tôi là ba quân nhân nghỉ phép sau lễ Quốc Khánh năm vừa qua.

Cùng đáp xe đò về Trung có Hạnh ở Huế, Quân ở Đà Nẵng và tôi ở Quảng Nam. Ra khỏi Tuy Hòa, xe bắt đầu đi vào vòm trời đầy mưa của mùa mưa miền Trung. Quốc lộ số 1 nhiều đoạn đã được sửa chữa lành lặn. Hai bên đường, đồng ruộng ngập nước trắng xóa. Tôi có cảm tưởng như xe đang chạy trên một cây cầu thật dài bắc ngang con sông mà hình dáng không giống bất cứ một con sông nào.

**G**ió hút vào xe, lạnh. Gió bắt chúng tôi quên ngay cái nắng bốn mùa của phương Nam. Hành khách hết than xe chật. Ai nấy đều kéo vội áo lạnh ra mặc. Những người thiếu phòng bị thì xuýt xoa mỗi lần có cơn gió chui vào kẽ hở cửa kính, dẫn theo những hạt mưa sắc lạnh quất lung tung vào mặt, vào cổ mọi người.

Ba đưa chúng tôi cũng thuộc về số hành khách thiếu phòng bị. Mỗi đứa chỉ mặc độc một bộ ka-ki vàng mà những nếp ủi đã bị sự di chuyển xóa sạch từ bao giờ.

Tôi ngồi ghế trước, gần tài xế. Hạnh ngồi sau tôi, còn Quân thì ngồi xó rọ ở một góc phía sau cùng, tay ôm khư khư cây đàn măng-đô-lin có bao ka-ki xanh cẩn thận.

Từ Sông-Cầu trở ra, đường xấu. Nhiều đoạn đường đã chảy hết nhựa, lỗ chỗ đá gan gà, có quãng nước mưa và đất quện nhau thành một loại bùn đỏ hần sần những vết bánh xe.

Cứ mỗi lần đến những đoạn đường như thế, tôi bấm Hạnh cùng nhìn ra phía sau để thấy Quân và mấy hành khách băng sạp nhảy chồm lên khi chiếc xe gãy nảy. Thấy Quân nhảy như con chơi chơi chúng tôi tức cười nhưng không dám cười vì còn nhiều đồng bào khác cũng đang chịu đựng. Hễ thấy Hạnh và tôi quay lại nhìn, Quân nheo mắt, lắc đầu tỏ vẻ bất mãn với chỗ ngồi không mấy êm đẹp của anh. Tuy vậy, Quân vẫn bảo vệ cây đàn một cách cẩn thận. Đó là một vật từ mấy năm nay, ở đâu và bao giờ Quân cũng mang theo bên mình. Cây đàn đã cũ. Nước sơn đen đã loang nhiều chỗ, trục đàn có vài chiếc đã lỏng được Quân thay bằng những chiếc trục mới, khác màu.

Quân chơi măng-đô-lin rất khá. Vì vậy, sự nâng niu cây đàn — có khi như lăm cẩm vì hơi quá đáng — của Quân, anh em trong đơn vị xem là việc dĩ nhiên của người yêu nhạc,

không ai tìm hiểu về tâm sự của Quân, về hình dáng cũ kỹ của cây đàn làm gì.

Ngồi bên Quân là người con gái trạc hai mươi tuổi, mái tóc uốn vừa chấm đôi vai làm nổi bật khuôn mặt trái soan trắng mịn. Nàng mặc chiếc áo dài màu vàng tơ và khoác ngoài chiếc blouson màu xanh nước biển. Thoạt nhìn nàng, màu áo vàng tơ ấy gây cho tôi một thiện cảm quê hương. Gần sáu năm rồi, tôi không được nhìn những chiếc áo thân yêu như thế. Tôi nhớ đến những xóm làng trù mật ôm ấp đôi bờ sông Thu-Bồn. Ở đây, triền dâu xanh và xóm nổi liền nhau bằng những con đường nhỏ, đất cát. Những buổi sớm ướt sương, từng mảng lưới nhện nằm nghiêng nghiêng, loang loáng trên bờ cỏ bên đường. Triền dâu và xóm còn gắn chặt với nhau bằng mọi liên quan của cuộc sống. Dâu có xanh tốt, việc nuôi tằm mới phát triển, con đường tỉnh lộ mới khơi vắng những bừa kén dựng «nhờ cây» bên đường hong nắng mai, giục tằm nhả tơ, làm ồ. Tơ tốt hay không, tiếng thoi dệt cử rộn rã hay im vắng đều do ảnh hưởng quan trọng của triền dâu đôi bên sông có xanh tốt hay không. Một

miền phú túc bởi đất ba châu, đất tân bồi xanh lên những tên làng : Bảo-An, Phú-Bông, Xuân-Đài, Thi-Lai, Hà-Mật... những cái tên làm hãnh diện cho quê hương tôi : giàu có và thơ mộng.

Người con gái mặc áo vàng tơ ngồi bên Quân, đương chịu đựng sự vùng vằng của « con ngựa » bất kham kia tượng trưng cho những hình ảnh tha thiết mà tôi vừa nghĩ đến. Tôi muốn nàng mang một tên đơn trong những tên làng tôi vừa tưởng nhớ trên kia. Tên nàng là Bảo, là Bông, hay Xuân, Thi, Hà... cũng đều khá ái cả.

Xe ngừng giữa một xóm dừa. Vài ba hành khách bước xuống. Nhân dịp, tài xế mời hành khách ra khỏi xe giấy lát để thay đổi không khí chật chội, gò bó trước khi xe tiếp tục hướng về con đường chỉ hiện từng quãng ngắn trong mưa.

Quân ôm đàn bước lại phía tôi và Hạnh. Cả ba kéo vào quán giải khát bên đường. Thời gian chờ tài xế đổ nước, sửa máy đủ cho chúng tôi gọi mỗi người một ly ca phê nóng.

Trong lúc chúng tôi ngồi uống cà phê tại chiếc bàn trong cùng

thì người con gái mặc áo vàng chỉ đứng nép mura trước hiên quán chứ không vào.

Quân bảo tôi và Hạnh :

— Ngồi băng sau còn khổ hơn ngồi xe tăng leo lên đồi ! Có lúc mình bị dội cao lên, đầu va nhảm trần xe. Băng năm người, nhưng mình với ba người kia đều « nam nhi » cả, chỉ tội nghiệp cho cô gái áo vàng. Hình như cô ấy bị cảm vì thỉnh thoảng cô ta lại lấy dầu Nhị thiên đường ra xoa.

Rồi Quân nhìn thẳng vào tôi và Hạnh, đề nghị :

— Hay là một trong hai cậu đổi chỗ cho cô ấy đi ?

Hạnh nhận lời. Sau khi trả tiền cà phê, Quân bước đến bên cô gái, giọng thành thật :

— Anh bạn của tôi vui lòng đổi chỗ ngồi cho cô. Cô lên phía trước mà ngồi, xe còn « xóc » nhiều lắm đấy.

Cô gái mỉm cười, rồi nghiêm trang đáp :

— Cám ơn anh ấy và các anh, nhưng tôi ngồi nguyên chỗ cũ cũng được. Làm như thế hơi... phiền.

Cò lúng túng khi nói đến tiếng « phiền », Hạnh đỡ lời :

— Cô đừng ngại gì cả. Chúng tôi... lĩnh tráng mà ! Chịu đựng quen rồi. Coi bộ cô cũng không được khỏe trong người, mưa gió và đường sá kiểu này dễ bị đau lắm.

Người con gái nhìn chúng tôi, suy nghĩ giây lâu rồi trả lời :

— Xin cảm ơn lòng tốt của quý anh.

Xe tiếp tục chạy. Mưa chiều lớn hơn, gió thổi mạnh. Trước mặt tài xế, cây gạt nước không ngừng quét trên tấm kính rào rào nước mưa. Hai bên, xóm làng mờ mờ, chìm đắm trong màn mưa dày đặc.

Hình ảnh quê hương sau mấy năm xa cách lại kéo về trong tâm trí tôi. Sau những lần đắn đo, tôi quay lại hỏi người con gái bây giờ đã ngồi vào ghế Hạnh, sau lưng tôi :

— Thưa cô, cô đi đến đâu ?

— Em về Quảng anh ạ !

— A ! Tôi cũng về Quảng. Cô ghé Vĩnh-Điện hay Đà-Nẵng ?

Cô gái mở to đôi mắt tròn và đen láy nhìn tôi, vui vẻ trả lời :

— Anh cũng về Quảng ? Thế thì hay biết mấy ? Em ghé bên ni cầu Câu-Lâu, phía trong Vĩnh Điện, rồi từ đó, em đón xe hàng lên Duy-Xuyên, về Gia-Hòa. Anh biết Gia-Hòa chứ ?

Tôi sung sướng đáp :

— Biết cô ạ ! Đó là một làng nhỏ phía trên bến Kiềm-Lâm chứ gì ? Tôi cũng đi cùng một đường với cô và còn lên xa nữa.

— Còn hai anh kia về đâu ?

Tôi trả lời :

— Chúng tôi từ Thủ-Đô về phép. Người đổi chỗ cho cô vừa rồi về Huế còn cậu ôm đàn ngồi cạnh cô ban nãy về Đà-Nẵng.

Mấy phút sau, Liên — nàng vừa cho tôi biết tên — ngoái đầu ra phía sau nhìn Quân và Hạnh, bỗng nàng quay phắt lại, hỏi tôi :

— Cái anh ôm đàn tên là gì nhỉ ? Anh có biết anh ấy bao nhiêu tuổi không ?

Tôi hơi ngạc nhiên nhưng vẫn nói rõ tên tuổi của Quân cho nàng biết.

Liên trở mặt hỏi tôi, giọng sắc lạnh :

— Quân à ! Chắc chắn anh ấy ở Đà-Nẵng chứ ?

Tôi gật. Liên không hỏi thêm gì nữa. Xe vẫn nhồi mạnh. Thình thoảng, những chiếc xe ngược chiều ướt át lướt qua. Không khí ẩm nước...

Tôi lấy thuốc ra hút. Lối hút thuốc không thoải mái vì ngại phà nhiều khói trên xe đông hành khách làm tôi khó chịu. Tôi đương tưởng tượng con đường từ bến phà Cầu-Lâu lên quê tôi thì Liên gọi :

— Này anh !

Tôi quay lại, Liên hỏi :

— Tối nay xe phải nghỉ tại Qui-Nhon, mấy anh định ngủ tại trạm của bến xe hay thuê phòng?

Tôi chưa biết trả lời Liên thế nào vì khi được giấy phép, chúng tôi mừng quýnh lên và đi ngay, không ai dự định ngủ đêm như thế nào cả. Nghĩ đến những trạm của các hãng xe đồ đồ cho hành khách ngủ, tôi hơi ngán ! Chịu sao nổi cái cảnh nằm chung sạp với những người không quen, không gối, không màn, suốt đêm phoir mình cho muỗi đốt... Còn thuê phòng ngủ thì hạng bét cũng phải mất 80đ.00 mỗi đêm, nhưng hạng này vì tính cách « bình dân » của nó nên cũng ít khi còn trống. Việc

« to tát » đường ấy mà chưa có sự quyết định chung của ba đứa thì tôi làm sao tự tiện trả lời được ? Tôi bảo Liên :

— Chúng tôi cũng chưa định ra sao cả cô ạ ! Đến Qui-Nhon hãy hay.

Liên đưa ý kiến :

— Hay là thế này : em có nhà bà cô ruột ở cách bến xe non vài trăm thước, Dưỡng và anh của em đi làm xa, cô em ở nhà với người con trai tám tuổi. Nhà rộng lắm, mời mấy anh theo em vào đó nghỉ một đêm rồi sáng sớm chúng ta cùng ra bến xe một thể.

Tôi chưa biết trả lời sao thì Liên tiếp :

— Cô em vui tính và thương anh em bộ đội lắm vì người con trai lớn của bà trước cũng ở quân đội mới giải ngũ chừng một năm nay.

Lối nói của Liên không nài nỉ, nhưng là người Quảng, quen tính người Quảng, tôi biết nàng nói như vậy là ân cần và thành tâm lắm rồi. Tôi đáp :

— Theo tôi thì như thế rất tiện và vui nữa, nhưng đợi khi đến Qui-Nhon, tôi bàn với hai cậu kia xem sao.

Liên không nói gì nữa. Tôi cũng thềm một đêm được ngủ trong nhà đồng bào để nghe mưa dầm trả về tôi cái phong vị xa xưa. Chút máu nghệ sĩ vật bốc lên. Tôi muốn mưa nhiều hơn nữa. Tôi yêu mưa, nhưng không phải là thứ mưa làm ngập phòng tuyến trên những sa trường cũ ; không phải là thứ mưa « bất chợt » của trời Saigon ; cũng không phải thứ mưa ào ạt của núi rừng phút chốc biến những con suối hiền lành thành ngọn thác nước hung dữ cầm chân đoàn quân xuyên sơn. Tôi chỉ yêu những đêm mưa dầm của miền Trung có pha gió bắc. Mưa lẻ tẻ như điệu hát buồn. Cổ thức đề mà nghe cho hết — tuy chẳng biết nghe gì thêm — thì mưa tí tê dầm vào giấc ngủ, nhưng vừa thiu thiu, một cơn gió lướt vội vàng lạc vào phòng đánh thức dậy. Đêm như dài thêm và sâu hun hút. Lá không bao giờ chịu ý gió nên cơn gió nào đi ngang cũng bị lá vùng vẫy, rên rỉ. Mưa đêm sẽ làm cho con người thấy đời sống bớt gần gũi. Tiếng mưa buồn rơi đều đều xéo những ý nghĩ táo bạo của con người trở về, bắt phải bình tĩnh hơn, suy nghiệm nhiều hơn. Mưa đêm...

— Qui-Nhon ! Qui-Nhon kia rồi !

Cơn mưa dầm lãng mạn trong tôi vụt tanh sau tiếng reo của hành khách trên xe. Mọi người nhón nháo. Thành phố Qui-Nhon mờ mờ hiện ra phía trước. Hoàng hôn xuống từ bao giờ. Tôi đã nhận ra những chấm đen li-ti khi ẩn khi hiện đằng xa.

\*\*

**R**ỒI bến xe, trên con lộ rải đá vào xóm. Liên đi trước dẫn đường. Tôi xách hộ Liên chiếc giỏ mây đựng đầy cam, Quân tay xách đàn, vai mang « xắc », Hạnh lùi thủi đi sau cùng.

Đường tối. Thỉnh thoảng, Liên quay lại phía sau nhắc chúng tôi :

— Đấy, tránh những chỗ trắng trắng, nước đấy !

Bóng Liên chập choạng, xiêu vẹo. Bờ tre hai bên đường rơi nước lộp độp trên mũ, trên áo của chúng tôi.

Qua khỏi một ngõ quẹo, đi thêm vài chục bước nữa, Liên dừng lại trước đôi trụ cổng quét vôi trắng có lá leo rậm rạp, hai



cánh cổng khép kín. Ngọn đèn Hoa-Kỳ từ căn nhà bên trong hắt ánh sáng vàng vọt ra ngoài vừa đủ cho chúng tôi nom rõ phần nửa mặt sân phía trong chưa ráo nước.

Liên gọi qua cánh cổng :

— Cô ơi ! Mở cửa cho cháu vào với !

Có tiếng chó hực sữa. Có tiếng mắng chó rồi một người đàn bà ra trước hiên hỏi vọng :

— Ai đấy ?

Liên đáp :

— Cháu đây, cháu Liên ở Nha-Trang về đây cô ơi !

Người đàn bà reo lên :

— Liên hả con ? Chờ cô một chút nhé !

Bà quay vào nhà và trở ra với cây đèn con trên tay. Bà tra chìa khóa vào ổ khóa. Tiếng giây xích sắt buông xoảng, khô khan, cánh cổng từ từ kéo sang một bên theo chiều rẽ quạt.

Người đàn bà đưa cao ngọn đèn, hỏi Liên :

— Con ra với ai đấy ?

Liên thưa :

— Có ba anh chiến sĩ từ Saigon về ngoài mình cùng đi với cháu

một chuyến xe. Cháu mời các anh về luôn đây nghỉ rồi sáng mai ra xe sớm.

Quay lại phía chúng tôi, Liên giới thiệu :

— Cô của em đấy.

Chúng tôi bước lên chào bà. Bà vồn vã :

— Anh em từ trong về hả ? Mời vào nhà đi. Có bị ướt không ? Liên dẫn mấy anh vào rửa chân, thay đồ đi, con !

Chúng tôi theo Liên vào nhà. Bà ở lại khóa cổng rồi vào sau.

Đặt cây đèn xuống bàn, bà bảo chúng tôi treo mũ và áo mưa trên mắc rồi gọi vào phòng :

— Thuyết ơi ! Ra chào các anh bộ đội đi con !

Một em bé trai mặc pyjama sọc xanh từ nhà trong chạy ra nhìn chúng tôi rồi vòng tay trước mặt từng người, lễ phép :

— Chào anh ạ !

Đoạn, em quay sang chào Liên rồi hỏi ngay :

— Vỗ ốc biển của em đâu ?

Liên xoa đầu nó, âu yếm :

— Vỗ ốc và cam nữa. Chị đem về cho Thuyết nhiều lắm, bỏ cả trong giỏ.

Thuyết lại góc nhà mở giõ, soạn đồ ra rồi lấy cam chia cho từng người :

— Trái lớn của má này, ba trái bằng nhau của mấy anh bộ đội này, còn vỏ ốc và bao nhiêu trái này là của Thuyết. Chị Liên không có.

Cả nhà cùng cười.

Ánh đèn soi rõ căn nhà rộng. Tôi nhận ra cô của Liên là một bà già trạc năm mươi tuổi nhưng còn khỏe mạnh. Tóc bà đã bạc hơn một nửa, đôi mắt vui, cõi mở, khuôn mặt hao hao giống Liên, hiền hậu.

Bà mời chúng tôi ngồi nghỉ và bảo Liên xuống bếp phụ với bà làm cơm.

Hơn nửa giờ sau, bữa ăn thanh đạm được dọn trên bàn. Cô Liên ôm Thuyết vào lòng ngồi gắp chuyện và vui vẻ nhìn chúng tôi ăn cơm. Liên vừa ăn vừa chú ý để xới cơm vào chén của chúng tôi. Đề ý, tôi thấy Liên thường nhìn trộm Quân như muốn tìm hiểu một điều gì. Không khí thân mật truyền nhanh qua lòng những con người đương tụ họp dưới mái nhà ấm. Bữa cơm ngon lành vì chúng tôi đương đói và cũng vì sự chân thật của cô cháu Liên.

Liên cho cô nàng biết rằng năm giờ sáng mai, cả bốn người phải ra xe. Bà ngừng nhai trầu tỏ vẻ không vui, dặn chúng tôi :

— Bây giờ thì bác không thể cầm các cháu — bà đã đổi cách xưng hô — vì các cháu nóng lòng về thăm nhà nhưng bận vô, các cháu nhớ dành vài ngày ghé lại đây chơi với gia đình bác, bác trông.

Chúng tôi hứa. Bà dắt Thuyết vào phòng sau khi bảo Liên trái chiều, bỏ gối trên chiếc phản rộng cho chúng tôi nghỉ.

Trời lại đổ mưa. Liên ra khép kín cửa trước rồi vào ngồi trên chiếc đi-văng gần bàn nghe chúng tôi nói chuyện. Hạnh, Quân và tôi ngồi quanh chiếc bàn uống nước, hút thuốc ung dung như đương ở tại nhà mình.

Hạnh quay sang Liên nài nỉ :

— Mời cô Liên sang ngồi nói chuyện cho vui. Còn thừa một chiếc ghế mà !

Liên mỉm cười từ chối :

— Thôi, em ngồi bên này cũng được. Anh Quân đàn và các anh hát cho em nghe đi. Còn sớm lắm.

Tôi bảo Quân đàn. Quân lại góc nhà lấy đàn. Cây đàn vừa được rút ra khỏi bao, Liên vội bước sang bảo Quân :

— Anh cho em xem thử.

Quân trao cây đàn cho Liên. Nàng lật qua lật lại, ngắm nghía. Cuối cùng, Liên chú mục vào chữ H L nằm trong hình trái tim khắc giữa mặt đàn phía sau. Liên sa sầm nét mặt, nàng ngước lên nhìn nhanh mặt Quân rồi trả cây đàn cho Quân, bước lại phía đi-văng. Liên xin phép được nằm vì hơi mệt. Quân dạo đàn. Tôi và Hạnh đồng ca vài bản nhạc quen thuộc.

Ngừng hát, Hạnh bảo Quân :

— Cậu đọc tấu bản « *Nắng Chiều Vương Áo Em* » của anh cậu cho cô Liên nghe đi. Bản « ruột » mà !

Bên đi-văng, Liên nhòm mình ngồi lên như định nói điều gì nhưng nàng lại nằm xuống, bảo Quân :

— Anh Quân hát bài ấy đi, đàn nữa nhé !

Quân so lại giây đàn, vẽ u-hoài thoáng hiện trên gương mặt trẻ măng, cất tiếng hát :

« *Phương trời... Nắng chiều còn vương áo em, suối tóc màu*

*dềm, áo vàng tơ wơm nắng trắng. Anh đi, tháng ngày ngược xuôi trận tuyến, chết giữa sa trường, hồn còn nuôi đất quê cha. Phương trời... »*

Bài hát được điệp khúc nhiều bạn ở đoạn đầu. Buồn thương và tha thiết. Quân hát say sưa. Chưa bao giờ tôi được nghe Quân hát hay và quyến rũ đến thế.

Bài hát mang bóng hình một chiến sĩ ra đi, ôm súng ngoài chiến tuyến, xung phong giết giặc Cộng thù và có đôi khi nhớ thương về người yêu ở hậu phương. Người yêu tuổi nhỏ thường mặc áo vàng tơ, nắng chiều đậu trên mái tóc. Khói lửa ngút ngàn. Chiến trường không nhận những lá thư bay đến và không đưa những lá thư về. Chiều mùa thu, trên bãi chiến lá vàng thoảng bay như bàn tay thời gian xóa bỏ những cánh thư mộng ước...

Quân hát xong, đặt đàn trên mặt bàn, đôi mắt u-buồn nhìn chăm chú ngọn đèn dầu như nhìn một nhân ảnh. Bên đi-văng Liên nằm quay mặt vào vách.

Tò mò vì sức truyền cảm của bản nhạc, tôi yêu cầu Quân hãy

kể về cuộc đời anh ruột của Quân, tác giả bài hát vừa rồi.

Bên ngoài, mưa triển miên, hết trận này đến trận khác. Gió rì rào, từng cơn gió lách qua cửa kính tạo thành những tiếng rú kính dị.

Hạnh và tôi nhìn Quân, chờ đợi. Đưa tay vịn ngọn đèn sáng hơn, Quân vào chuyện...

— Anh tôi, anh Hùng, nhập ngũ giữa những ngày cuộc chiến tranh Việt-Pháp đang quy vào trận đánh quyết định : trận Điện Biên Phủ. Anh Hùng vừa ra khỏi trường đào tạo Hạ sĩ quan với cấp bậc Trung sĩ thì mặt trận Điện Biên Phủ cũng vừa kết thúc. Đầu năm 1955, anh tôi theo đơn vị vào Saigon. Tại đây, theo lời thư viết cho tôi, anh đã gặp một người bạn gái, người Quảng, đang theo học Sư phạm. Ngày trước, chị ấy cùng học với anh một trường Trung-học tại Đà-Nẵng. Hai người yêu nhau. Đã nhiều lần, anh Hùng gửi thư về giục má tôi tìm đến quê chị ở đâu trên vùng Duy-Xuyên để dạm hỏi nhưng vì chúng tôi đang để tang cha nên má tôi chưa thể làm theo lời yêu cầu của anh được. Cây đàn mà tôi đang giữ là của chị ấy tặng anh tôi.

Liên trở mình, một bàn tay của nàng nắm chắc mép đi-văng.

Quân kể tiếp :

— Một năm sau, tôi nhập ngũ và vì ở cách nhau xa xôi nên anh Hùng và tôi cũng chỉ liên lạc với nhau bằng thư từ thôi. Cũng cần nên kể thêm rằng anh tôi rất khá về nhạc. Có lẽ khả năng ấy cũng là một trong những yếu tố để chị ấy yêu anh.

Có lần, trong một bức thư, anh Hùng gửi kèm theo cho tôi bản nhạc « Nắng Chiều Vương Tóc Em » do anh sáng tác. Đầu bản nhạc, anh ghi một dòng : « Đề riêng tặng người em gái xứ Quảng thường mặc áo vàng tơ ». Bản nhạc ấy, anh em trong đơn vị của anh Hùng ít người không biết đến. Và riêng tôi, tôi cũng nhận rằng chưa có nhạc phẩm nào của anh thành công đến thế, dù bản nhạc ấy anh Hùng chỉ quay ronéo một số đề gửi cho các bạn thân.

Phiến loạn Bình-Xuyên gây hấn tại Thủ-đô Saigon. Anh tôi bắt đầu chiến đấu thực sự từ ngày ấy. Rồi những chiến dịch bình định loạn quân mở tiếp nhau, anh tôi đều có mặt. Anh chiến đấu say sưa đến nỗi quên viết thư cho tôi nhưng tôi không dám quả quyết rằng trong thời-

gian đó anh có thể quên viết cho chị ấy hay không.

Đầu chiến dịch Thoại-Ngọc-Hầu, tôi được tin anh Hùng bị thương do bức thư của anh từ Quân-y-viện Cộng-hòa gửi đi. Anh không cho tôi biết rõ là bị thương như thế nào, nặng hay nhẹ. Tôi hỏi mấy lần nhưng những lá thư khác của anh vẫn không đề cập đến chuyện ấy.

Anh ra nhà thương lại tiếp tục chiến đấu ngay. Khác với ngày trước, bây giờ anh gửi thư cho tôi đều đặn.

Sau khi loạn quân bị hoàn toàn tiêu diệt tại Rừng Sát, anh Hùng cùng đơn vị trở về Thủ-đô.

Hồi đó, vì sự nông nổi của tuổi trẻ, thú thật, tôi hơi chán với các cấp bậc binh nhì hăm hiu của tôi. Tôi thêm cuộc sống phóng túng tại quê nhà hay trở lại nhà trường với sách vở và bạn bè xưa. Vì buôn bán ế-ảm nên má tôi không gửi thêm tiền cho tôi tiêu nên khoản lương hàng tháng không phù hợp với sự chi tiêu hơi ngồng của tôi đã quen đi rồi. Vì vậy, tôi dự định xin giải ngũ. Tôi sẽ làm thư ký văn phòng cho Tiểu đoàn, công việc có phần nhẹ nhàng hơn anh em tác chiến, Nhưng từ khi nầy

ra ý định trên kia, tôi đâm ra chềnh mảng, lêu lổng, cứng đầu. Đại-úy Tiểu-đoàn-trưởng khuyên răn tôi nhiều lần không hiệu quả, buộc lòng ông phải áp dụng kỷ luật. Thôi thì khinh cảm, trọng cảm, đủ cả. Tôi nghĩ đại rằng bề bị phạt càng nhiều thì càng dễ giải ngũ.

Tôi lại làm đơn gửi lên đơn vị trưởng xin giải ngũ, đồng-thời tôi viết thư cho anh Hùng nói rõ ý-định của tôi. Mấy ngày sau, tôi được điện tín của anh Hùng tin cho tôi biết anh sẽ nghĩ phép ra thăm tôi thật gấp.

Tôi vui mừng vì nghĩ rằng anh Hùng đến sẽ giúp tôi những ý-kiến hay đề « đối phó » với hoàn cảnh khó chịu của tôi.

Buổi chiều ra ga đón anh Hùng, tôi hí hửng như sắp được gặp một vị cứu tinh.

Tàu ngừng. Tôi nhìn quanh tìm anh tôi. Trong lúc tôi đang nhón nhác thì từ cửa toa hạng nhì, một người mặt mày đen thui bước xuống rồi đi xăm xăm lại phía tôi. Tôi chưa biết là ai thì người ấy gọi :

— Quân ! Em đợi lâu chưa ?

Tôi suýt kêu lên một tiếng hải hùng thì anh Hùng — vâng, người ấy là anh Hùng — nhẹ cười bảo tôi :

— Với khuôn mặt « Huất-Trì-Cung » này em làm sao nhận ra anh được ? Thôi, về.

Tôi bối rối hỏi anh :

— Sao anh lại như thế này ?

Anh Hùng tươi tỉnh giải thích:

— Đầu chiến dịch Thoại-Ngọc-Hầu, trong một cuộc truy kích, anh ngồi xe Dodge 4×4 thì bị một quả bích-kích-pháo của loạn quân bắn trúng. Xe bốc cháy. Vài bạn đồng đội của anh hy sinh còn anh thì bị bỏng cả mình mẩy mặt mày, phải về Quân-y-viện điều trị. Trận ấy, sự thiệt hại của ta chỉ có thế. Sở dĩ anh đau em vì sợ em buồn, em cũng đừng cho má biết vội nhé !

Tôi không thể cầm được nước mắt. Tôi thương tiếc bộ mặt trắng trẻo của anh tôi ngày nào bấy giờ chỉ còn là một bộ mặt cháy đen, hai vành lỗ tai lột da trắng hếu. Nếu không nhờ tiếng nói và dáng đi quen, dù tôi hay má tôi cũng khó bề nhận ra anh.

Thấy tôi đi trước vừa bước vừa lau nước mắt, anh tôi nghiêng ngạ hỏi :

— Quân, anh còn sống chứ đã chết đâu mà khóc. Lính tráng, trai tráng gì lại tầm thường thế?

Đi bên anh, tôi tưởng mình không còn là người lính, người trai nữa, tôi chỉ là đứa em bé

bỏn của anh ngày nào. Tôi vẫn khóc.

Tôi hỏi anh có thường gặp « chị ấy » hay không. Anh buồn buồn bảo tôi :

— Em đừng hỏi chuyện ấy nữa. Người ta không thém nhìn anh. Mặt mũi, hình thù thế này ai mà yêu cho được !

Tôi không dám hỏi thêm vì tôi nhận thấy đôi mắt long lanh buồn của anh tôi còn ẩn một sự chua xót, giận hờn. Tuy nhiên, tôi vẫn thém trách người con gái nào đó đã chóng đổi thay và khinh bỉ thứ tình yêu hoàn toàn lệ thuộc vào vẻ đẹp bên ngoài.

Anh Hùng ở chơi với tôi thêm một ngày nữa rồi trở vào Saigon ngay chuyến tàu đêm hôm sau. Ý-định giải ngũ của tôi tiêu tan. Tôi lại hăng hái làm việc hơn xưa như để đền bù lại khoảng thời gian chênh mãng quân vụ lúc trước. Anh Hùng đã biến đổi tư tưởng tôi. Nhưng không bao giờ tôi còn gặp anh ấy nữa. Anh chết vì tai nạn xe máy dầu tại ngoại ô Saigon ba tháng sau ngày gặp tôi. Được tin, tôi chết điếng hồi lâu, khóc không thành tiếng. Tôi thương anh và tức. Tức vì sao Hùng lại có thể chết trong một trường hợp tầm thường như thế ?

Tôi xin phép vào thăm mộ Hùng và cây đàn này là di sản duy nhất của anh tôi. Bao năm nay, tôi nâng niu cây đàn như một gia bảo...

Quân ngừng kể. Hạnh thở dài nhìn tôi, nhìn Quân. Tôi hỏi bằng quơ :

— Chẳng biết người con gái ấy có hay tin anh Hùng chết và có đau khổ không nhỉ ?

Quân cười chua xót :

— Người ta không thèm nhìn khi anh ấy mang thương tật thì còn đau khổ cái quái gì ! Con gái đời nay vẫn thế...

Bống Liên ngồi phất lên, nước mắt ràn rụa trên mặt.

Ba chúng tôi ngạc nhiên. Người con gái nói trong nghẹn ngào.

— Trời ơi ! Không phải thế ! Không phải như thế đâu !

Tôi hỏi :

— Cô Liên làm sao thế ?

Liên đưa khăn lên mắt, lắc đầu, nức nở :

— Người con gái tệ bạc đáng nguyên rủa ấy đang ngồi trước mặt các anh đây !

Chúng tôi sững sốt nhìn Liên rồi nhìn nhau.

Chúng tôi chưa ra khỏi cơn hoang mang xảy đến quá đột ngột thì Liên bước lại bàn, ngồi

xuống ghế kế tiếp :

— Đêm nay tôi mới hay anh Hùng đã chết các anh ạ ! Lúc anh ấy bị thương, tôi còn ở Saigon nhưng có hay biết gì đâu ? Đến khi lành bệnh, anh đến tìm tôi. Gặp anh, tôi nhận không ra, anh vội vàng quay mặt đi luôn. Chao ôi ! Tôi làm sao nhận ra anh Hùng với bộ mặt như thế ! Sau đó, tôi suy nghĩ mãi nhưng cũng chỉ nghĩ là anh thôi. Từ đó, tôi gửi rất nhiều thư cho anh nhưng không được thư trả lời. Bao giờ tôi cũng yêu quý người chiến sĩ can trường ấy; tôi ôm ấp hình bóng Hùng, song Hùng đã hiểu lầm lòng tôi. Không thể nào biện hộ cho mình, tôi buồn quá bỏ Saigon ra Nha-Trang dạy học cho đến ngày nay...

Liên từ từ đưa tay kéo cây đàn lại trước mặt. Nàng gục đầu xuống vật kỷ niệm của Hùng, của nàng và của Quân, đôi vai rung lên...

Chúng tôi ngồi yên lặng. Dưới mái nhà ẩm, lổn lổn đầu xanh vây quanh ngọn đèn dầu vắn thấp, ánh sáng lung linh...

Bên ngoài, trời mưa tầm tã, từng cơn gió đuổi nhau trong đêm sâu.

TRẦN VĂN LÂN

SƠN NAM

## Đất Hà-Tiên năm ấy...

*Chiếc tàu đồ Phước Sanh vừa cập bến Hà Tiên là Sĩ tất tả bước lên, tìm hiệu sách để mua cho kỳ được tờ báo « Indochine » mới nhứt. Từ bốn năm tháng qua, chiến sự mặt trận Thái Bình Dương biến đổi nhanh chóng. Những thảm họa phải đến, đã đến. Miền « Bắc Kỳ » đang bắt đầu gặp nạn đói kinh khủng dưới sự chứng kiến lạnh lùng của hai nhà đương cuộc Pháp — Nhứt, giữa mùa đông.*

**C**UỘC lạc quyền ủng hộ các người bị nạn «bom», do quan Toàn Quyền tổ chức đã thu kết quả khả quan ! Tờ báo Indochine xác nhận thêm, vẫn tất : 16-12-1944 : nhiều đơn vị Mỹ Quốc đổ bộ lên đảo Lữ Tống (Phi Luật Tân), kịch chiến với quân Nhứt rồi giải phóng vùng San-José. — 19-12-44 : chừng 40 phi cơ loại B.29 xuất phát từ những căn cứ

ở Trung Hoa đến oanh tạc đảo Cửu Châu (Nhứt Bồn)...

Bóng chiều đổ xuống nhanh chóng. Tỉnh lỵ Hà Tiên thiếu một cái nhà máy phát điện tốt. Đêm nay, máy đèn bị hỏng, mấy chú lính mã tà đến từng cột đèn điện, đánh diêm quẹt đốt ngọn đèn dầu phụng trừ bị, treo sẵn bên cạnh. Trăng chưa lên, thắng cảnh Đông Hồ như một vũng mực tàu đặc sệt, đen ngòm. Quân



đội Nhựt chê bai vị trí Hà Tiên là kém quan trọng về mặt chiến lược nên chúng đóng quân mãi tận bên kia biên giới. Nhờ vậy, thành phố khỏi phải áp dụng qui chế thiết quân luật.

Sĩ gọi nhanh chiếc xe lôi, kỳ kèo giá cả :

— Tôi ở xa tới để tìm sanh kế. Đường đi Thạch Động dài ba bốn cây số, tôi biết vậy, nhưng ngặt trong túi không còn bao nhiêu tiền. Anh cảm phiền.

Anh xe lôi suy nghĩ hồi lâu rồi gật đầu :

— Hà Tiên là xứ tu hành. Tôi chỉ ngại chuyển về ; đạp xe không, ngán lắm. Thầy quen với chủ chùa Thạch Động à ?

— Quen thì không quen cho lắm. Nhưng lên tới đó, tôi có cơm ăn và có nơi ngủ, khỏi tốn tiền...

Xe từ từ lăn bánh. Bấy giờ Sĩ mới rảnh rang mà phân tách mùi gió mặn từ vịnh Xiêm La thổi vào. Mười cảnh đẹp của đất Phương Thành hiện ra lù mù ; dãy đồi thấp hai bên vệ đường quá âm u.

Tiếng chuông mõ vang lại, vắng vắng. Ngoảnh về phía chợ Hà Tiên, Sĩ thất vọng vì thành phố chỉ leo lét vài ánh đèn vàng lợt như lửa đom đóm, kém xa sức sáng tỏ của mấy vì sao lốm đốm đăng chân trời.

Sau khi xem bức thơ giới thiệu, ông đạo Hạnh neoh mắt :

— Được lắm. Té ra cháu là người quen thân với ông đạo Hai. Đạo Hai lúc trước làm công quả ở Thạch Động này, bây giờ thì qua chùa Hang, gần Hòn Phụ Tử. Cháu dùng cơm rồi tá túc ở đây mười hôm để dưỡng sức.

Bữa cơm thanh đạm đã dọn ra. Sĩ cảm thấy áy náy :

— Thưa bác, hiện giờ cháu cần tìm sở làm. Nghe nói ông đạo Hai có vài người bà con hiện làm cai thầu ở các lò hầm vôi gần đây.

Ông đạo Hạnh chưa vội trả lời. Sĩ mãi suy nghĩ về thái độ im lặng ấy. Vài cánh dơi bay xập xện dưới trần đá quá thấp. Thếp đèn dầu cá chiếu sáng yếu ớt mấy tấm biển đã phai mờ nét vàng

son thuở nào. Khung cảnh Thạch Động thiếu chút gì gọi là hấp dẫn, thỏa mãn trí tò mò của Sĩ. Lần trước, cách vài năm, anh đã từng đến đây viếng một lần rồi. Thuở ấy, anh còn tâm hồn tươi trẻ của cậu học sinh. Ngày nay, anh đến Thạch Động với mục đích khác. Nếu đủ tiền bạc, anh đã mượn phòng ngủ, ăn cơm tại quán, khỏi cần vào tận nơi này.

Tiếng ông đạo Hạnh lại vang lên :

— Ở vùng Ba Hòn, chùa Hang có nhiều lò vôi hơn. Cháu cần dưỡng sức. Cháu viếng cảnh Hà Tiên lần nào chưa ?

— Dạ, cách đây vài năm, cháu đến một lần. Hôm nay là lần thứ nhì.

— Chắc hẳn cháu có căn tu hành rồi đó, Bác không nói ngoa đâu. Hai mươi năm trước, bác xa cơ thất thế, từ Long Xuyên đến đất Hà Tiên kiếm công ăn việc làm. Rốt cuộc, bác trở thành tu sĩ.

Nỗi buồn rười rượi xâm chiếm tâm hồn Sĩ. Sau bữa cơm, ông đạo Hạnh mức đem

đến cho anh chén nước lạnh ngắt. Anh cúi mặt, uống cạn, thở dài, lắng nghe tiếng gió biển thổi rào rạt qua khu rừng thấp bên sườn đồi đối diện.

— Ông đạo Hai bà con với cháu như thế nào ?

Sĩ đáp :

— Dạ, người hàng xóm, đi xa xứ từ mười năm rồi. Ông làm bạn thân với ba của cháu...

Ông đạo Hạnh vẫn giữ nét mặt lạnh lùng :

— Năm ngoái, ông tu tại đây với bác. Rồi ông bỏ chùa, xin vào làm sở lò vôi. Rồi sở lò vôi dư người, ông lại tu lần nữa, ở chùa Hang, cách đây 20 cây số, gần Hòn Chông. Theo ý bác thì cháu nên tu chớ lúc này kiếm sở làm là chuyện khó. Nghe đâu Nhựt Bồn đại bại, máy bay Đồng Minh mạnh lắm. Máy công ty lò vôi tính rút lui, bớt các khoản giao kèo đã trót ký với Tây...

Tình thế của Sĩ thật nan giải bao nhiêu hy vọng đều tan tành. Anh nghĩ thầm : « Đến xứ Hà Tiên làm gì cho

uồng tiền tàu! Mình đi trễ rồi. Biết vậy, thà ở nhà còn vui hơn. Giờ phút này, vợ con mình ngóng trông. Nhưng dầu sao đi nữa, đêm nay, ngày mai mình được vững bụng đã sẵn nơi ăn nơi ở ».

Sau cái ngáp dài, Sĩ ngạc nhiên vì hai hàng nước mắt sống bỗng tuôn ra. Anh đưa đưa tay vuốt mặt để che dấu sự yếu ớt của mình.

Như đoán trúng tâm lý của Sĩ, ông đạo Hạnh đứng dậy, nói khẽ :

— Cháu vào sạp đá phía trong mà nghỉ lưng rồi ngủ luôn. Sáng mai hãy hay...

Nằm trên chiếc chiếu rách, Sĩ cố nhắm mắt. Ông đạo Hạnh lại giảng giải :

— Hơi đá lạnh lắm nhưng hiền hòa. Vì gió ở đây không độc... Đêm nay, trong động vắng tanh, chỉ còn một mình bác. Cháu cứ yên lòng. Bác thức suốt đêm. Hút thuốc không? Đây, thuốc rê, giấy quuyến... cháu cứ tùy tiện như ở nhà mình.

— Dạ, chắc đêm nay cháu cũng khó ngủ. Nhớ nhà quá, bác à.

— Hồi mới tới xứ lạ, nhớ nhà cửa, nhớ vợ con là sự thường. Lần lần, mình sẽ nguôi. Cháu nên ở đây mười ngày với bác, Bác xem cháu là người có đạo hạnh...

— Bác quá khen ngợi. Cháu rất phàm tục...

— Nhưng cháu biết thương xót người lân cận. Hồi nãy, bác chú ý một điều quan trọng : lúc đi xe lỏi đến chân núi, cháu xuống xe trước, đi bộ lên chùa, trèo đường dốc, để cho anh đạp xe lỏi trở về sớm, khỏi mệt nhọc. Bác nói thẳng rằng : Nếu cháu đầy đọa người đạp xe lỏi, bắt buộc họ phải đưa cháu đến tận cửa chùa cho xứng đáng đồng tiền thì nãy giờ bác không đối xử thân mật với cháu... Thôi, cháu ngủ yên.

Sĩ nằm nghiêng, mỉm cười trước sự nhận xét tinh tế của ông đạo Hạnh. Thật ra, anh nào quá giàu lòng nhơn đạo như ông đã suy luận.

— Thừa bác, ban nãy không có gì đáng khen...

Ông đạo Hạnh nâng thếp đèn dầu cá, đi từ từ lại án sách. Bóng của ông rọi to,

móp méo lên trần thạch động. Ông lục lạo mớ giấy rời, rồi đi trở lại, ngồi kế bên Sĩ mà làm bầm :

— Đọc binh thư cụ chiến, đọc luật thư cụ hình, đọc Phật thư chiến hình hà cụ.

Canh Nghiêu điền ưu thủy, canh Thang điền ưu hạn, canh tâm điền thủy hạn hà ưu...

Sĩ giật mình :

— Thừa bác, đó là hai câu kinh ?

— Đâu phải ! Từ hai năm qua, bác nghiền ngẫm sự đời, nghĩ ra hai câu đối đề dán trước cổng chùa. Cháu nghe thử... Đọc binh thư đề đủ tài năng đánh giặc, đọc sách luật đề đủ tài năng xử kiện, đọc kinh Phật thì khỏi bận tâm lo đánh giặc hoặc xử kiện gì cả. Cày như vua Nghiêu đề có nước làm ruộng, cày như vua Thang đề trừ hạn, lo tu tâm, sửa sang lòng dạ của mình thì chẳng lo dư hoặc thiếu điều gì cả...

Sĩ hơi bực mình :

— Cháu khờ tâm khi nghe lời bác giảng dạy. Nhưng nếu cháu đi tu thì lấy gì mà ăn ?

Ông đạo Hạnh vẫn thản nhiên :

— Làm sao bác trả lời được ? Vả lại, bác nào rủ cháu đi tu, ở trong động đá này, thức trắng đêm như bác. Bác mong cháu sống cuộc đời của những người dân tu hành, lương thiện ở xứ Hà Tiên. Họ lấy gì mà ăn ? Khó trả lời quá. Dân Hà Tiên làm ruộng không đủ ăn ; nếu thiếu gạo từ Rạch Giá chở qua bán, chắc chắn họ phải húp cháo đỡ lòng. Nhưng họ vẫn ở đây mãi mãi, tin rằng xưa kia trên con đường mòn trước cửa Thạch Động này có dấu chân của Mạc Linh Công, người lập nên cơ nghiệp cho đất nước ta... Thuở ấy, thành Hà Tiên sung túc lắm, nổi danh tận kinh đô, ngoài Huế. Đức Gia Long đã bốn ba tới Hà Tiên. Tập gia phả của Mạc Linh Công còn sờ sờ, dịch đăng báo Nam Phong. Sáng mai cháu nên đọc thử.

Nói xong, ông đạo Hạnh đến án sách. Sĩ tò mò đi theo, nâng tập báo :

— Cháu mượn đọc liền, được không bác ?

— Tốt lắm. Nhưng bài dài. Thếp đèn dầu cá này... bác chong sáng đêm, cháu cứ xem.

Đứng ngay cửa động, ông đạo Hạnh nhìn xuống dưới thấp. Hồi lâu, ông ngồi cho đỡ mỏi chân. Sĩ rón rén đến bên cạnh ông. Gió biển thổi mát lạnh. Biển bị dãy đồi che khuất. Từ Thạch Động đến dãy đồi là vùng thung lũng đen ngòm, tuyệt nhiên không phân biệt được đâu là nhà, đâu là cây cỏ, đồng ruộng. Một đốm sáng hiện lên trên mặt đất, chói lòa, di chuyển tới lui.

— Cái gì lạ vậy? — Sĩ buột miệng hỏi.

— Lũ con nít nó thức dậy, đốt đuốc tìm bắt con ba khía. Có lẽ nước biển đang lớn, chảy tràn vào rạch. Ở đây, thiếu gạo, thiếu cả thức ăn. Ba khía cũng ít, bắt vừa đủ, nếu đem bán thì chỉ được vài ba xu nhỏ. Điều đó không gì lạ hết. Thôi ta vào trong động.

Sĩ đọc từng trang báo nói về gia phả họ Mạc, về mười cảnh đẹp của đất Hà Tiên.

Báo đã cũ, nét chữ lu mờ. Bên kia, ông đạo Hạnh nằm xuống, ngáy pho pho... Quá mệt mỏi, thất vọng sau cuộc hành trình từ Rạch Giá qua đây để tìm sanh kế, Sĩ lim dim đôi mắt. Nửa đêm, gió thổi vào lạnh buốt. Anh thức giấc, vắn thuốc hút, trông chập chờn lên trang báo. Rồi anh thêm thiếp, nửa tỉnh nửa say, tâm trí hỗn loạn nào chuyện xưa chuyện nay, chuyện tiên chuyện tục, chuyện trong báo, trong sách và chuyện khẩu truyền mà anh nghe thuật lại từ hồi chưa đến Hà Tiên: Năm Mậu Dần, năm Giáp Ngọ, đất Mang Khảm... Hà Tiên trấn... Bầy tiên nữ diễm kiều múa hát trên Đông Hồ... Chiều Anh Các, 320 bài thơ vịnh cảnh đẹp Hà Tiên. Thành Hà Tiên sung túc, thuyền buôn ngoại quốc ra vào... Thiên địa hội... sấm Trạng Trình... Mẹ của Mạc Cửu tạo hóa trước Phật đà, Mạc Cửu đúc kim thân mẹ để thờ... Thạch Động nuốt mây khói... Tiếng trống cầm canh ở chỗ đồn thú Giang Thành, về ban đêm. Lúc đi tuần tiểu, lính mang lục lạc nơi chân để làm ám

hiệu, tay thì cầm gương, đèn phòng cộp beo. Cây bạch mai từ Quảng Đông đem sang... Những người đốt đèn chai bắt ba khía trong thung lũng. Chuyển xe lỏi. Sở làm ở lò vôi. Quân đội Nhứt ở bên kia biên giới... Trăng lên như chiếc án vàng in giữa hồ Đông. Tạo hóa gây chi cuộc hí trường...

..

**G**À gáy rộ trong xóm xa xuôi nào. Ngoài cửa động, trăng lặn xuống. Ánh nắng hiện qua lớp sương khói, khi ông đạo Hạnh tụng thời công phu sáng, lúc Sĩ còn mệt mỏi, miệng há hốc, chân co rút như con tôm chết.

Vừa mới thức giấc, Sĩ lồm cồm ngồi dậy, xoa tay, co duỗi đôi chân để tìm lại hơi ấm.

Đến trước cửa động, anh nhìn khắp tứ phía, sương mù mỗi lúc càng dày đặc. Mồm thạch nhủ nhỏ giọt lồm bồm vào cái lu xanh ngời màu rong rêu.

Sĩ ho vài tiếng lớn rồi lảm bảm: « Mặt trời đã mọc rồi nhưng đến bao giờ mới sưởi ấm người trong động? Bây giờ, có lẽ tiết trời lạnh lẽo hơn lúc ban đêm ». Tiếng kinh kệ vừa dứt, ông đạo Hạnh lui cui nhúm lửa, nấu nước.

— Cháu vào đây cho ấm. Tội nghiệp. Nhà chùa nghèo quá. Sáng ở núi rừng, bầu trời u u minh minh, họa chăng ta nghe chim chóc líu lo. Uống chén trà này đi. Từ hồi khuya, bác uống hai ấm rồi đó...

Sĩ ngồi bên bếp lửa, thấy dễ chịu.

— Đêm rồi, cháu lạnh không? Bác lấy chiếu đắp cho cháu nhưng cháu lại quăng ra.

— Dạ, trời lạnh nhưng cháu ngủ cũng ngon.

— Cách đây bốn tháng, ông cò Tây « Lơ Hia » viếng Thạch Động rồi cao hứng ngủ luôn tại chùa, ngay chỗ cháu nằm hồi tối đó. Nửa đêm, ông ta thức dậy thở hô hấp, cởi áo, chỉ còn mặc cái quần đùi quá ngắn. Thật là vô lễ!

Ông ta xếp chăn chiếu bỏ vào một xó rồi nằm lăn trên nền đá lạnh. Ông ta còn đánh thức bác mà khoe khoang : Trong Thạch Động, tiết trời mát mẻ như ở bên Tây. Ông ta cởi trần như vậy để sống sung sướng theo kiểu người Bàn Cổ ăn lông ở lỗ, hồi mấy chục ngàn năm về trước, xa lánh phồn hoa vật chất, làm bạn với ngọn lửa hồng. Thú thật với cháu, đêm ấy bác chẳng tài nào ngủ được. Sợ quá.

— Bác sợ điều gì ?

— Sợ con người Bàn Cổ của ông Tây « Lơ Hia » thức dậy bắt tử, đòi ăn thịt sống. Vả lại, người lính mã tà canh gác ngoài cửa nhìn bác lom lom ; chắc chú ta sợ bác ám hại ông Tây Bàn Cổ, nên hờm sẵn cây súng. Con người Bàn Cổ đời nay có khác ! Sáng ra, ông Lơ Hia bình an vô sự, uống sữa bò, thở hơ hấp rồi về chợ với chú mã tà.

Màn sương tan dần. Sĩ đến cửa động, mãi suy nghĩ về công việc của mình trong ngày. Từng đoàn xe chở đầy lính Nhứt chạy qua chạy lại trên con đường xuyên biên

giới. Chim rừng tụ tập đáp xuống mấy đám lúa chín vàng mơn. Tiếng đuôi chim vang inh ỏi.

— Bữa nay, ta ăn cơm sớm. Cháu vào trong mà đọc sách thêm.

Sĩ ngại ngần :

— Thưa bác, cháu đọc hết rồi. Mấy tờ báo cũ của bác, cháu đọc qua hồi ở Saigon. Nhưng cháu vẫn áy náy, chưa biết làm gì để sống, nuôi vợ con. Mục đích của cháu phen này nào phải là tìm chốn yên tĩnh, hưởng nhàn.

— Khổ quá. Vậy thì bác giúp cháu đến chùa Hang tìm gặp ông đạo Hai chớ gì ? Cháu đi xe đồ tới Ba Hòn rồi kiếm người đánh xe ngựa tên là X., rề của bác. Cháu cần dùng món gì không ? Bác có thể gởi cho cháu, đưa rề đó giao lại...

— Nhờ bác mua vài tờ báo, thứ nào cũng được miễn có tin tức. Cháu mong đợi lắm.

Chuyến xe lười đưa Sĩ từ Thạch Động trở lại chợ Hà Tiên, ngồi bên cạnh Sĩ, ông đạo Hạnh giới thiệu nào là

chùa Phù Dung, nào núi Bình Sơn, mũi Nai, chùa Địa Tạng, nền Chiêu Anh Các nơi hội họp của tao nhân mặc khách, ngôi mộ của Mạc Cửu, vị anh hùng khai trấn... Nông phu hai bên đường nhìn ngơ ngác theo. Anh đạp xe lúi im lặng, cúi đầu, chẳng cần hỏi ông đạo Hạnh vì những chữ nho khó hiểu như Bình Sơn điệp thủy, Tiên tự thần chung, Lộc trĩ thôn cư... Đến bến đò Tô Châu, ông đạo từ già Sĩ. Rồi ông giựt mình, nói sáng sốt :

— Kìa, ông cò Lơ Hia người Bàn Cổ mà bác nói với cháu khi nãy.

Sĩ bước xuống đò, ngoảnh lại thấy trong quán nhỏ, ông đạo Hạnh ngồi bên cạnh một người Pháp. Dường như ông cò Lơ Hia đứng dậy, đưa tay ngoắt anh. Nhưng anh cố tình làm ngơ.

..

**Đ**ÚNG như ông đạo Hạnh nói, ông đạo Hai đã thất nghiệp từ lâu và đến tá túc tại chùa Hang hoang vắng. Sĩ chui lòn vào núi đá. Mùi cát ẩm ướt bốc lên khó chịu.

Trong ánh sáng lờ mờ, anh nhận ra những con ốc, con cuốn chiếu. Chân trời lại hé ra trước mặt : đầu này Hang là ngôi chùa, đầu kia là bãi biển. Hòn Phụ Tử đứng tần ngần, gần lắm, nếu lợi giỏi du khách có thể ra tận đấy dễ dàng. Hai khối đá cao nghệu — như hai cây cột hơi nghiêng — soi mình trong nước biển xanh chàm, thiếu sóng gió. Vài chiếc thuyền đánh cá trở về bến. Còn đâu bóng dáng những chiến thuyền của Xiêm, của Mạc Thiên Tứ, của Gia Long? Vài trận giặc nhỏ đã xảy ra thời xưa, nhưng vịnh Xiêm La rõ ràng quá hiền lành, hiền như một vớ kịch thơ, so với các đại dương. Nhờ khéo khuếch trương ngành thương mại, họ Mạc đã tạo đất Hà Tiên về đài các, phồn thịnh tạm thời. Các tàu buôn Tây phương ra vào, loại tàu nhỏ, chạy buồm, chở đậu khấu, quế, đồ gia vị. Nhưng biển Hà Tiên cạn dần. vài mươi năm sau tàu của Tây phương lại chạy máy hơi nước, chỉ thích ra vào nơi nước sâu và đòi hỏi những hàng hóa khác nặng nề hơn.



Ông đạo Hai gọi Sĩ :

— Vào mà ăn cơm. Ở đây bác ăn mặn. Chùa Hang mang danh là Hải Sơn Tự nhưng bỏ phế từ lâu. Bác chỉ là kẻ lữ hành tá túc, chờ bức chân tu khác. Cháu xem phong cảnh ra sao ?

— Dạ, cảnh đẹp như vịnh Hạ Long ở miền Bắc.

— Đạo trước có người ngắm cảnh rồi tự tử mất xác. Ghê quá ! Tội tình gì mà hủy hoại thân thể. Ta còn đủ thời giờ để tu hành mà.

Ăn xong, Sĩ đi dạo các vườn trồng tiêu ở lân cận. Anh buồn bức vì chưa tiếp xúc với ai cả ; đa số gồm người Hoa Kiều, người Việt gốc Miên ; họ trầm lặng, ít ăn nói. Ông đạo Hai suốt ngày cầm cùi trôn hồ, đắp đôi ba pho tượng Phật sát vào vách đá, căn cứ vào bức tranh cũ kỹ vẽ Phật Bà Quan Âm hoặc các tiên nữ múa hát ở đền Đế Thiên Đế Thích. Trong lúc chờ hồ khô để sơn phết màu vàng, màu son, ông đến gần kệ Phật, vắn giấy thiêu của chiếc đồng hồ quá cũ kỹ, rồi tháo ra, ráp các bộ phận

lại... Sĩ chú ý thấy chiếc đồng hồ nọ đã mất cả hai cây kim nhưng bộ máy vẫn chạy « tích tắc » qua ngày qua đêm.

— Lúc thất nghiệp, mình cần giải khuây và làm việc để chứng tỏ rằng mình sống chưa đến đời vô ích, cháu à !

— Dạ.

— Cháu đi ra ngoài bãi biển chưa ? Gặp món gì lạ không ?

— Dạ, cháu gặp vỏ sò, vỏ ốc, vài nhánh củi khô, vài con sứa. Đọc sách Tây, cháu nghe nói dân miền biển thỉnh thoảng có dịp làm giàu bất ngờ. Tàu chìm ngoài khơi, bao nhiêu đồ đạc tấp vào bãi, dân chúng tha hồ tranh giành, hốt của.

Ông đạo Hạnh cười dòn :

— Bây giờ, Đồng Minh đánh với Nhật Bản. Phải thời xưa thì họa may mình gặp xác tàu chở hàng hóa. Lâu lâu, trên bãi biển, trời tấp vào năm ba cái thây ma, ván đóng tàu, va li... Vàng thì nặng nên chìm xuống đáy biển khơi. Bởi vậy ít ai thêm đi tới lui ngoài bãi, gió

quá lạnh, quần áo mau rách  
rối vì nước mặn ẩm ướt.

Sĩ thở dài :

— Còn Tây tà thì chúng ta  
như mấy miếng ván, mấy cái  
thây ma trên bãi mà thôi.

— Hơi đâu mà buồn, cháu  
cứ ngủ thẳng giấc, xem như  
mình là kẻ tu hành.

Sĩ lại nhớ câu hỏi gay gắt  
mà anh đã đặt ra để chất vấn  
ông đạo Hạnh, lúc ở Thạch  
Động :

— Lấy gì mà ăn qua bữa  
đề tu. Còn vợ con ?

Gió biển thổi ngày càng  
mạnh. Sóng vỗ ào ạt vào  
vách Chùa Hang.. Nước lớn  
từ từ dâng vào con đường  
hầm, cách nơi Sĩ nằm chừng  
mười bước.

Ông đạo Hai ung dung hút  
thuốc, đi tới lui nhìn mấy  
pho tượng Phật đắp chưa  
hoàn thành.

— Cháu ngủ chưa ?

— Dạ, nước biển ngập  
đường hầm, thưa bác.

— Đừng sợ. Nước biển chỉ  
ngập như vậy rồi rút lui.  
Chùa Hang này xưa kia là

một hoang đảo... bị trôi vào  
bãi. Đến đây là mức cuối  
cùng, hết trôi được nữa rồi,  
cháu yên trí..

Trước cửa chùa, bỗng có  
tiếng gọi vang :

— Ông đạo ơi ! Lại xóm  
tiệm chung vui với tôi !

Ông đạo Hai mừng rỡ :

— Ai đó ? Triệu Khuôn  
Dẫn hả ? Chòi Mui hả ?

— Triệu Khuôn Dẫn đây.  
Chòi Mui còn lo đi mua  
rượu.

Ông đạo nói nhanh :

— Tôi bận công việc. Sẵn  
dịp, tôi gởi đứa cháu tôi với  
quí bạn...

— Mừng lắm. Cháu ông  
đâu rồi ? Đã tới giờ nhập  
tiệc.

Ông đạo năn nỉ, hỏi lâu Sĩ  
mới chịu nhận lời.

— Đây cháu của tôi. Trước  
lạ sau quen ! Bạn Triệu  
Khuôn Dẫn pên giúp cháu  
tôi hiểu rõ dân tình ở vùng  
Chùa Hang. Hôm rày, cháu  
tôi nhìn sóng biển, nhìn Hòn  
Phụ Tử chớ chưa thấu đáo  
lòng người...

Người mang danh là Triệu Khuôn Dẩn trông rất dễ sợ khi anh ta nghiêm mặt, không cười. Anh ta mặc vón vẹn chiếc quần cụt, rách te tua; tóc dài phủ sau ót, quần lại, tay cầm búa, tay xách miếng thịt heo rừng.

Triệu Khuôn Dẩn mở lời trước :

— Thầy ở đâu tới? Mình là bạn với nhau.

Rồi anh ta cúi mặt nhìn cái quần:

— Vải bò khó kiếm quá. Tây bắt buộc phải xin «bông» mới mua vải được. «Bông» ở đâu bây giờ?

Đi bộ suốt nửa tiếng đồng hồ, Sĩ đến căn chòi nhỏ, cất sát mé rừng, bên con rạch bùn lầy. Lá vàng rụng; bướm bướm bay... Làn gió biển tuy mạnh nhưng chưa thổi tan mùi chướng khí nóng hổi từ sàn nhà bốc lên. Qua câu chuyện tâm sự, Sĩ mới hiểu anh chàng Triệu Khuôn Dẩn này xưa kia đã kết nghĩa với hai người bạn khác biệt danh là Tiết Đình San và Tiết Nhơn Quý. Về sau, Tiết Đình San và Tiết

Nhơn Quý dính líu vào vụ cướp bóc, bị bắt quả tang tại trận. Tiết Đình San ở tù cấm cố. Tiết Nhơn Quý nhờ tài gia thương tình nên chỉ cạo trọc đầu anh ta để cảnh cáo! Do đó, vùng Ba Hòn có truyền tụng câu hát:

«Tiết Đình San bị đầy nơi  
Dủ Lý,

Tiết Nhơn Quý bị thiên hạ  
cạo trọc đầu,

Đề cho anh Triệu Khuôn  
Dẩn thăm sâu biết bao  
nhiều...»

Triệu Khuôn Dẩn rót rượu mời Sĩ:

— Thầy hai đọc nhiều sách vở, chắc dư hiểu rằng đất Hà Tiên này xưa lắm...

Sĩ sực nhớ mấy trang báo Nam Phong:

— Nghe nói lại, Ông Mạc Cửu ra công...

Triệu Khuôn Dẩn cười dòn:

— Chưa ắt. Ông Mạc Cửu chỉ khai thác phía chợ Hà Tiên. Bao nhiêu đất đai xung quanh chợ đến miền Ba Hòn này đều bỏ hoang, không một con kinh đào. Tôi không nói

oan đâu. Nghe nói hồi xưa ông gầy vốn bằng cách mở sòng cờ bạc. Tôi đi nhờ bằng nên biết rằng đất còn bỏ hoang quá nhiều, từ đời ông Mạc Cửu chí đến đời Tây...

— Nhờ bằng ở đâu ?

— Phía bên kia kinh xáng. Lóng rày, các lò cần mua bao bằng để đựng vôi. Nhờ bằng cực lắm. Mỗi chuyến, nhờ bằng trăm bó, thả trôi xuống nước rồi một mình tôi chống xuống, kéo về, bán lại cho tiệm Huê Kiều. Mỗi chuyến đi chừng hai ngày. Chiếc xuống này là nôi cơm của tôi...

Đó là kiều thuyền độc mộc quá bé nhỏ, bề ngang chừng năm tấc. Sĩ ngằn ngơ chưa hiểu anh Triệu Khuôn Dẩn làm cách nào mà sống. Triệu Khuôn Dẩn đắc ý, trả lời :

— Tôi đứng trên xuống, chống bằng sào. Nếu ngồi thì xuống quá hẹp. Vả lại, tôi khỏi cần đem theo gạo củi gì ráo. Đói bụng, tôi ăn bông súng, bòn bòn mà trừ cơm.

— Rồi ban đêm, ngủ ở đâu ?

— Tư bề đồng không mông quạnh, muỗi mòng nhiều lắm.

Tôi ngủ bằng thứ mùng đặc biệt, chế tạo bằng nước lạnh. Thầy chưa hiểu à ? Tôi nghiêng chiếc xuống, cho nước tràn vào ngập chừng ba tấc, rồi tôi nằm xuống. Nước bao bọc thân thể tôi, muỗi mòng làm sao chui qua lớp nước ấy được ! Đầu của tôi thì kê trên mũi xuống, nếu cần, tôi hái một cái lá sen mà che phủ mặt.

— Rủi cảm mạo thì sao ?

Triệu Khuôn Dẩn cười to :

— Thì mình bày cách khác, ngủ mùng... làm bằng gió. Theo điệu đó, mình để xuống khô, bình tĩnh mà nằm ngủ. Năm mười phút sau, muỗi bu lại nhiều. Mắt mình cứ nhắm lại, nhưng tay phải siêng đập muỗi. Nếu muỗi quá lộng, mình ngồi dậy, chống cho xuống lướt thật nhanh qua khu vực khác, rồi nằm xuống ngủ như trước. Hồi lâu, muỗi đánh hơi người, bu lại. Thế là mình ngồi dậy, di chuyển lại rai chờ khi trời hừng sáng...

Tiếng chân lội bì bõm ngày nghe một gần. Triệu Khuôn Dẩn nói to :

— Chòi Mui về đó à ? Mau lên. Nãy giờ tụi tôi thiếu rượu, thiếu đồ gia vị để xào đùi thit này. Thầy Hai đây là bạn của mình, cháu ông đạo Hai đó.

Mải nóng ruột chờ đợi, hồi lâu Sĩ mới thấy Chòi Mui xuất hiện. Anh ta lui cui bận quần, miệng nói tía lia :

— Chiều nay, nước trong veo. Câu hát có ví rằng « nước trong thấy đá, con cá lội thấy hình ». Nãy giờ, tôi bỏ cái quần tại đây, ở trường mà đi tiệm mua rượu. Quần rách quá rồi, bận cũng như không. Gần tới xóm tiệm, tôi bèn nhảy xuống con rạch mà đi, che dấu nửa thân mình dưới nước. Tới nơi, tôi với tay lên mà trả tiền. Hay quá!

Xế chiều, tàn buổi tiệc, Triệu Khuôn Dã đưa Sĩ trở đến tận cửa chùa Hang, rồi anh ta đi thẳng ra dạo mé biển...

Ông đạo Hai hỏi nhanh :

— Vui không cháu ?

— Dạ, ai nấy đều vui. Nhưng cực quá rồi. Cháu chưa hiểu tại sao họ ở miền phù sa nê địa này mãi...

Hôm sau, Sĩ lên đường về Rạch Giá, từ già miền Hà Tiên thơ mộng. Chiếc tàu chạy gazogène nổ máy ầm ầm nhưng Sĩ cảm thấy khoảng khoái. Vùng đồi núi Ba Hòn xa dần.

SƠN NAM

LÊ MẬU

## Giã từ bóng tôi

*Tôi đã sống gần 4 năm trên vùng Kontum và trong thời gian đó hơn một năm vì công vụ, tôi đã có nhiều dịp tiếp xúc với đồng bào Thượng.*

VỐN bản tánh trầm lặng, hồn nhiên nên họ không kỳ vọng viễn vông mà có nhiều nhận xét thực tế dẫn dụ về cuộc sống, do đó một số đồng bào Thượng đã nghĩ rằng :

— Hơn 10 năm chinh chiến Việt cộng đã chẳng đem lại cho họ một quyền lợi, hạnh phúc nào.

— Nhưng chỉ hơn 7 năm sống dưới Chính thể Cộng hòa họ đã tai nghe, mắt thấy và trực tiếp được hưởng thụ nhiều công trình

mở mang khai hóa về vật chất và tinh thần mà Chính phủ đã và đang lo tạo lập cho họ.

Ngày nay, cũng như nhiều nơi khác, tại vùng Cao Nguyên, Việt cộng đang hoạt động mạnh nhằm xây dựng căn cứ bàn đạp của chúng ngõ hầu dễ dàng thực hiện mưu đồ xâm lược miền Nam. Nhưng bọn Việt cộng đã thất bại trước sự chống đối mãnh liệt và tinh thần bất hợp tác của đồng bào Thượng đối với bọn chúng.

Mọi lời lẽ tuyên truyền sảo trá, âm mưu chia rẽ quý quyết của Việt cộng đều không lừa bịp nổi người Dân miền Núi, tuy chất phát hiền lành nhưng lại trọng đức « Tín Thành », tuy sống lẻ tẻ, rải rác nhưng biết Đoàn kết thương yêu chân thực, và với kinh nghiệm bản thân, kinh nghiệm va chạm trong cuộc đời đã dạy cho họ phân biệt được Tà-Chánh, giúp họ xây dựng trọn niềm tin nơi Chính-Nghĩa.

Việt cộng đang thất bại trên vùng Cao Nguyên và chúng sẽ còn gặp nhiều thất bại sâu cay hơn nữa vì tinh thần chống Cộng của đồng bào Thượng đang lên mạnh.

### Bất Việt Cộng

**C**Ô Tul, vốn sinh trưởng tại làng Konkorok, một làng hẻo lánh ở phía Đông-Bắc cách tỉnh lỵ Kontum gần 20 cây số.

Tuy chẳng có nhan sắc mặn mà, chim sa cá lặn, nhưng đối với chị em quanh vùng, với tuổi dậy thì, cô Tul đã là một đóa hoa đầy hương sắc để các chàng trai làng xây ước mộng.

Bỗng nhiên, đất bằng nổi sóng, từ giữa năm 1960, làng cô ở

cũng như các nơi khác trong vùng, thường bị bọn cán bộ Việt cộng võ trang đến tuyên truyền gây cơ sở và trong những dịp tiếp xúc bắt buộc này, đáng nham cô Tul đã lọt vào đôi mắt cú vọ của tên Pho, một tên trùm cán bộ vùng này.

Tên Pho, toan tính bắt cô Tul làm « đồng chí » cùng y kết tóc se tơ, nên chẳng quản hiềm nguy, y đã nhiều lần lén trốn đồng bọn đến Konkorok gặp cô Tul để tuyên truyền « lẻ » và ngỏ lời ong bướm.

Nhiều chàng trai làng uất hận và tên Pho cũng đã nhiều lần bị gia đình cô Tul tìm lời cự tuyệt.

Bởi lẽ chiêu bài « Dân Tộc Tự Trị », « Giải phóng miền Nam » của y đưa ra đã không lừa bịp nổi cô Tul mà những cử chỉ đưa tình suồng sã cùng lời chọc ghẹo vô duyên của y càng làm cho cô Tul chẳng những không « mê » nổi y mà còn thù ghét.

Sau này, cô đã kể lại tôi nghe:

— « Nó bảo em bỏ cái làng, bỏ cha mẹ đi làm « đồng chí » với nó. Nhưng đi với nó không có cái quần áo đẹp, không có cái gạo, cái muối thì lấy gì mà sống ».

Và một kế hoạch bố trí bắt tên Pho để trừ hậu họa đã được gia đình cô Tul và những chàng trai làng sắp đặt.

Khác hẳn với những lần trước, lần này tên Pho đến làng (tháng 10-1960), y được gia đình cô Tul thuận ý tiếp đãi như quý khách, mời già trẻ trai gái trong làng đến tụ họp chung vui uống rượu « ghè ». Phụ nữ thì ca hát nhảy múa thi nhau mời chàng dùng rượu.

Quá vui sướng trước sự tiếp đãi nồng hậu của dân làng Konkorok, với những lời mời chào nín kéo thân mật của các già làng, với cử chỉ lắng lơ, quyến rũ, nài ép của cô Tul và các cô gái làng, Pho đã chẳng còn ngại ngần gì mà uống hết « can » rượu này đến « can » rượu khác để làm vui lòng mọi người.

Cuộc vui bắt đầu từ lúc gần trưa và đến xế chiều thì tên Pho đã say mềm và chẳng khó khăn gì, các anh trai làng đã tước súng đạn và bắt trói tên Pho lại.

Ngỡ ngàng, Pho tỉnh giấc mơ hoa thì đã muộn và kể từ ngày ấy bọn cán bộ Việt cộng ít còn bén mảng đến Konkorok.

Bắt tên Pho, thu 1 súng car-bine và 3 băng đạn, dân làng Konkorok đã dâng một chiến quả « Bắt giặc Cộng » để mừng ngày Quốc Khánh năm 1960.

**Tại sao các anh nói :  
« Độc lập, Hạnh phúc »  
mà còn bắt chúng tôi góp  
gạo, phá cầu, cấm chồng ?**

**D**ẤY là một câu chuyện do anh Sàk, một thanh niên ở làng Konmahar (một làng ở phía Đông Nam tỉnh lỵ Kontum, cách xa 50 cây số), kể lại với tôi.

Đầu năm 1961, nơi làng anh ở thường bị bọn Việt Thương Cộng đến quấy phá. Ngoài những luận điệu tuyên truyền cũ rích về « Cách Mạng », về « Nhân Dân », bọn chúng còn hô hào đồng bào ở đây góp gạo ủng hộ « Bộ đội giải phóng », và phá cầu, cấm chồng để ngăn đường không cho Quân Đội Cộng Hòa đến làng.

Quá bức tức vì những lời lẽ tuyên truyền huyênh hoang láo khoét của bọn Việt cộng, thực tế việc làm của chúng chỉ là những hành động cướp bóc, vơ vét tài sản, phá hoại và reo tang tóc cho



dân lành nên một hôm trong khi bọn chúng đang tuyên truyền bịp bợm, một ông già làng đã mạnh bạo hỏi :

— Tại sao các anh nói « Quốc Gia » xấu mà « Quốc Gia » không bắt góp gạo. Các anh nói « Cách Mạng » tốt mà sao bắt góp gạo hoài vậy ?

Bọn chúng trả lời :

— Gạo đồng bào đóng góp cho « Cách Mạng » đến khi Độc lập giải phóng thì « Cách Mạng » trả lại.

— Bao giờ thì độc lập giải phóng ?

— Mai mốt, 1, 2 tháng nữa thôi, « Cách Mạng » sẽ lấy hết Kontum, đồng bào sẽ lên Kontum lấy xe ô-tô chở gạo về. Bao nhiêu ô-tô của « Quốc Gia » mai mốt là của Cách Mạng hết.

— Sao mai mốt Độc-Lập giải phóng mà nay còn phá cầu, cấm chông ?

— ... ..

Và một số đồng bào khác cũng chẳng còn e sợ mà hỏi bọn chúng :

— Sao anh nói Độc Lập mà cứ ở rừng ở núi mãi thế ? cái Quận, cái Tỉnh anh ở đâu ?

— Sao anh nói « Bộ Đội giải phóng » hạnh phúc mà anh không có cái quần, cái áo tốt, cái nhà ở ?

Tất cả câu hỏi trên đây của dân làng Konmahar tuy hết sức mộc mạc nhưng lại vô cùng thực tế và chính những điều thực tế này đã là những cái gì cay đắng, xót xa nhất đối với « Cách Mạng » !

Qua câu chuyện tâm sự với tôi, anh Sàk đã thổ lộ : « Làng tôi mong Quân Đội Quốc Gia đến luôn luôn. Nghe bọn Cộng sản nói bậy nói bạ chán quá. Com ăn không đủ no, cái súng không tốt, làm sao chúng nó đánh được các Ông ».

Bấy nhiêu lời của đồng bào Thượng trưởng cũng đủ để chúng ta nhận xét về mặt Tâm lý, người Thượng đã nghĩ về bọn Việt Thượng Cộng như thế nào.

**Tình quân dân  
đoàn kết**

**Đ**ỒN Plei-Kho-Hnar do một Trung đội Bảo An trấn đóng nằm án ngữ tại một địa điểm thuộc vùng biên giới Việt-

Lào, về phía Tây, tỉnh lỵ Kon-tum trên 50 cây số.

Thượng tuần tháng 9 năm 1961, với một lực lượng một Tiểu đoàn, bọn Việt Thượng Cộng đã mở cuộc tấn công đồn này. Sau 5 tiếng đồng hồ chiến đấu dũng cảm, tuy đồn bị thất thủ nhưng Trung đội Bảo An đồn trú đã gây cho địch một thiệt hại về nhân mạng đáng kể.

Khi lực lượng địch tràn vào đồn, một số binh sĩ của ta sống sót đã anh dũng mở đường máu thoát vòng vây.

Vượt qua con sông nằm giữa đồn và làng Plei Khonar, toán binh sĩ thoát hiểm trên có 3 anh bị thương.

Số còn khỏe mạnh độ 7, 8 người được dân làng này lập tức cử người hướng dẫn anh em băng rừng theo đường tắt trở về Kontum. Riêng 3 anh bị thương nặng đã được đồng bào săn sóc đem ra rừng ẩn trú và lấy lá cây rừng băng bó vết thương.

Tuy đã chiếm đóng bên đồn bọn Việt Thượng Cộng hàng ngày vẫn qua lại bên làng dò la tin tức cùng tuyên truyền về chiến thắng của chúng, nhưng già, trẻ,

lớn, nhỏ trong làng không một ai tiết lộ cho chúng biết có 3 thương binh của ta còn ẩn trú quanh đây.

Và hàng ngày họ vẫn bí mật cử người canh gác dò la động tĩnh cùng mang cơm nước và săn sóc thuốc men (bằng lá cây rừng) cho các anh này.

Hai ngày sau, đoàn quân tiếp viện của ta tới nơi, chiếm lại đồn, nhưng dân làng vẫn chưa tin hẳn là Quân Đội Cộng Hòa, nên sau vài giờ tiếp xúc dò ý tứ, cử chỉ, lúc biết chắc chắn là Quân Đội của ta, họ mới báo cáo cho vị chỉ huy biết rõ ngoài số anh em tử thương đã được họ chôn cất còn có 3 thương binh của ta đang được họ săn sóc và nuôi dưỡng.

Cảm động và quý hóa thay những cử chỉ cao đẹp của Đồng bào Thượng, thật là chân thực và đã bao hàm đầy đủ ý nghĩa của mối tình « Đoàn Kết Quân Dân ».

« Nhờ chính trị cao »  
mà thoát chết

**ÔNG** Sim một hương chức đồng thời cũng là một thân hào có uy tín của bộ lạc Halang,

ông cư ngụ tại làng Dakrodetih (một làng ở phía Tây Bắc cách Kontum gần 40 cây số).

Một đêm vào trung tuần tháng 9-1961 ông bất ngờ bị một toán Việt cộng hơn 10 tên vũ trang đầy đủ đến vây bắt. Chúng trói ông và đưa ra nhà rông (nhà làng) giam giữ. Trong đêm đó, bọn chúng không ngớt lời sỉ mạ, kẻ tội trạng của ông, nào là « phản Nhân dân », « phản Cách mạng », tội đáng chết.

Nhưng sáng hôm sau, chúng đổi thái độ, tìm mọi lời lẽ ve vãn ông, tuyên bố sẽ tha cho ông tội chết nếu ông bằng lòng đi làm « cán bộ cách mạng », « đồng chí » với chúng.

Ông Sim một mực chối từ viện lẽ tuổi đã già, gia đình đông con, đi với các « đồng chí » thì ai nuôi vợ, nuôi con cho.

Ông tự nghĩ, nếu còn ở trong tay chúng chắc không sao thoát khỏi tội chết, nên lợi dụng cơ hội được chúng cho phép vợ con đưa cơm nước cho ăn uống, ông đã dùng tiếng địa phương dặn dò vợ bảo thẳng cháu ông và dân làng phải thi hành một mưu kế để giải nguy.

Lúc xế chiều, khi bọn Việt cộng đang sửa soạn ăn bữa cơm chiều thì từ phía đầu làng những tiếng nổ liên tiếp xảy ra, và một thanh niên với dáng điệu bất hoảng chạy về làng kêu la: « Quốc Gia đến ! Quốc Gia đến ! đông quá ! chạy đi ! ». Dân làng như hòa cùng nhịp điệu, chạy lộn xộn, hò hét gây nên một không khí huyền não kinh động.

Bọn Việt cộng không hiểu rõ thực hư, đâm ra mất tinh thần hấp tấp rút ra ngoài làng, quên cả ông Sim, bị chúng trói ở nhà rông.

Chỉ chờ có dịp này xảy đến, vợ và cháu ông Sim lập tức tới cởi trói cho ông và cả 2 ông cháu cùng thoát thân ra khỏi làng, ngược hướng với đường bọn Việt cộng rút lui.

Vài ngày sau, về đến tỉnh lỵ ông đến tìm tôi, vui mừng mà nói :

— « Tôi mà không có « chính trị cao » thì Việt cộng giết tôi rồi ông ơi ».

Tôi được ông kể rõ lại câu chuyện trên, thì ra khi được vợ ông đưa cơm nước cho ăn uống, ông đã dặn bà ta bảo thẳng cháu ruột ra xa làng kiếm ít ống tre

khô đem chum với củi khô chất lửa đốt. Khi lửa cháy lớn bén tới các ống tre gây nên tiếng nổ lớn, ở xa nghe như tiếng súng và thằng cháu ông đã chạy về làng loan tin thất thiệt làm bọn Việt cộng hoang mang vội vã rút lui. Và vì vậy mà ông Sim đã thoát hiểm.

Nghe xong câu chuyện tôi mới hiểu câu « chính trị cao » của ông Sim đây có nghĩa là ông đã nhờ mưu kế hay mà thoát chết.

Nhưng tôi cũng tự nghĩ, có lẽ ông nói đúng, vì có « chính trị cao » mà ông đã có mưu kế hay.

### Một cuộc di cư lánh nạn cộng sản

**S**AU ngày đồn PleiKhoHnar thất thủ, đoàn quân tiếp viện của ta khi hoàn tất nhiệm vụ cũng rút khỏi khu vực này.

Bọn Việt Thượng Cộng lợi dụng cơ hội này hàng ngày đến tuyên truyền quấy phá suốt mấy làng dọc theo vùng biên giới.

Tại làng PleiKhoHnar cũng như các làng khác quanh vùng, Việt Thượng Cộng bắt đồng bào góp gạo, cấm chông, và điều

hiểm nguy hơn hết là bọn chúng bắt đồng bào ngày một ngày hai phải bỏ làng theo chúng. Nhưng các dân làng nhất định không nghe lời, nên đã xảy ra nhiều cuộc đấu lý với bọn cán bộ Việt Thượng Cộng.

Một số ông già đã đưa ra ý kiến :

— Đi với các anh lấy gì mà sống ?

— Tại sao không cho chúng tôi ở cái làng mà bắt đi ở rừng núi ?

— Các anh có mạnh có giỏi thì đánh Quốc Gia ở Kontum đi. Tại sao bắt chúng tôi bỏ làng.

Và có một ý kiến được đồng bào tán thưởng nhất là :

— Làng này của ông bà, cha mẹ để lại, chúng tôi sống cũng ở làng này mà chết cũng ở làng này, không đi đâu cả. Các anh có giết thì giết hết chúng tôi tại đây đi.

Cuối cùng bọn Việt Thượng Cộng đành rút lui có trật tự nhưng chúng hẹn sẽ trở lại, nếu không đi chúng sẽ dùng vũ lực để ép buộc.

Trước những đe dọa trên, đồng bào tuy phản kháng quyết

liệt đề tri hoãn, nhưng một mặt bí mật cử đại diện về trình bày tự sự đề cầu cứu Chính quyền địa phương xin Quân Đội mở cuộc hành quân bảo vệ họ đưa gia đình, tài sản về cư ngụ tại vùng an ninh của ta.

Trong lúc này, một vài làng đã bị chúng lùng bắt thanh niên đi lính, đàn ông khỏe mạnh đi dân công qua Lào và hàng ngày dân làng phải góp gạo nuôi chúng.

Ở vào một vùng quá xa xôi hẻo lánh mà ta không thể bảo vệ hữu hiệu được cho họ, nếu không cho họ về vùng an ninh của ta thì trước sau gì bọn Việt Thượng Cộng sẽ dùng võ lực ép buộc họ bỏ làng theo chúng.

Vì những lẽ trên, thượng tuần tháng II-1961 Quân Đội ta đã mở cuộc hành quân vào vùng biên giới Việt-Lào để bảo vệ cho đồng bào các làng Plei-Trap, Plei-jar-Sieng, Plei-Kho-Hnar, Plei - Kh o- Hlong di cư theo nguyện vọng của họ.

Tôi may mắn được tham dự cuộc hành quân này và chính những điều mắt thấy tai nghe sau đây đã nêu cao giá trị tinh thần chống Cộng của đồng bào vùng này :

— Khi đoàn quân tới làng, chỉ sau một đêm hoặc một ngày là đồng bào đã chuẩn bị xong số tài sản nhỏ mọn của họ để sẵn sàng lên đường. Họ đã phải cất dấu lại một phần lớn những tài sản quý báu đối với họ như ghè, chiêng v.v... (Mãi sau này, trong đợt 2 họ mới về lấy những của cải, thóc lúa còn để lại và nhờ sự tiếp tay của hàng ngàn dân chúng ở các làng khác tới giúp đỡ).

— Đồng bào ra đi lúc này thực ra chỉ với hai bàn tay trắng nhưng không có một ai ở lại làng từ ông già 70, 80 tuổi phải dùng cái khiêng, cho tới đứa trẻ mới lọt lòng mẹ 2, 3 ngày.

Thấy cảnh di cư của đồng bào Thượng, tôi bùi ngùi nhớ lại cảnh tượng di cư của đồng bào miền Bắc, tuy hai cảnh khác nhau về thời gian, địa điểm nhưng đã biểu lộ cùng một ý nguyện.

Một ông già đã ôm lấy tôi khóc mà nói « Gần 2 tháng nay chúng tôi sống như trong đêm tối, trong mưa gió, nay thấy các ông như thấy ánh sáng mặt trời ».

Có ông lại nói « Chúng tôi sống mà cũng như chết, vì bọn Việt

cộng không cho đi ra khỏi làng, bắt thanh niên đi lính, bắt dân làng cấm chông, chặt cây ngăn đường, bắt phải góp com, góp gạo hàng ngày nuôi chúng ».

..

**N**GÀY đi đêm nghỉ, dòng đã 15 ngày trời đoàn người đi tìm ánh sáng Tự Do mới tới địa điểm ấn định.

Ngày nay, theo tin tức báo chí tôi được biết với sự giúp đỡ của Chính phủ, đồng bào các làng nay đang bắt tay xây dựng cuộc

đời mới, lập làng chiến đấu chống Cộng và trong mùa lúa tới họ đã có thể tự túc mưu sinh.

Và sau này, còn nhiều làng khác cũng đã di cư lánh nạn Cộng sản, chẳng những tại Kontum mà còn ở nhiều nơi khác trên vùng Cao Nguyên.

Tôi nghĩ đây là một hồi chuông báo hiệu ngày tàn sắp tới của một chủ nghĩa phi nhân ?

(Trúng giải thưởng  
« Mẫu chuyện chiến đấu »  
do Văn Hóa Vụ tổ chức)

LÊ MẬU

Các bạn yêu thơ đón đọc :

**« NHỮNG ĐÒNG NƯỚC TRONG »**

thơ HOÀNG BẢO VIỆT

phát hành hạ tuần tháng chạp 1962



VƯƠNG ĐỨC LỆ

## Tình em xứ Bưởi

*Anh bỏ sông Hồng vô Nam  
Từ ngày nước non chia cắt  
Yên Thế, Ba Vì hờn căm lũ giặc  
Hoàn Kiếm, Tây Hồ chau mặt tháp Rùa thiêng  
Một nửa giang sơn ôi quẩn quại xích xiềng!  
Biển Đông gằm sóng đỏ  
Mây trời mù mịt xô nghiêng!*

∴

*Anh bỏ sông Hồng vô Nam  
Xung vào đoàn quân bách chiến  
Bụi sa trường nhuộm đỏ áo vai xanh  
Tháng năm mưa dầu nắng dãi  
Tương lai anh gian khổ nguôi dần  
Khi tình Em mới ngỏ*

Người Em Biên Hòa, xứ Bưởi độ thơm hương  
 Lời Em ngọt đường  
 Tóc dừa lơ biếng biếc  
 Anh yêu Em tình lúa mận nồng  
 Sông Đồng Nai nước trong êm mộng ngọc  
 Vườn cây xanh nặng trái chín thơm  
 Khu chợ họp bán buôn  
 Tỉnh Trung, Nam, Bắc  
 Anh, người chiến binh bỏ sông Hồng vô Nam  
 Sa trường ngày đêm giết giặc  
 Phỉ chí tung hoành  
 Em gái tóc xanh  
 Đòi nữ sinh băng trinh cài hoa bắt bướm  
 Tuổi Em thuở trắng tròn  
 Má hồng đang độ lớn  
 Mắt sáng sao  
 Môi Em bờ mặt ngọt  
 Da anh sạm nắng Cà Mau  
 Tóc bông mây Đồng Tháp  
 Hành quân rừng thẳm đồi cao  
 Theo Sư đoàn một chiều dưng chân xứ Bưởi  
 Gặp nhau phố chợ đông vui  
 Em cười, mắt thẹn  
 Cùng nhau thắm nguyện ngày mai...  
 Nghe sóng nước Đồng Nai  
 Anh ước cánh chim trời



Cùng Em xây tổ nhỏ  
Khi sông núi thanh bình  
Quê hương mình thống nhất  
Này ruộng Cà Mau thơm màu Đồng Tháp  
Rừng Nam Quan, sông Bến Hải sum vầy !



Anh về Hà Nội hồ Gươm  
Em sẽ là cô dâu đám cưới  
Khi tình dân tộc muôn phương  
Biển Đông chan hòa nắng mới  
Chim hòa bình che rợp đất quê hương



Ơi hỡi người Em xứ Bưởi  
Mai sớm anh lên đường  
Theo Sư đoàn dù tới miệt biên cương  
Đêm đêm trăng rừng phiên anh đồi gác  
Tình mộng xuôi về xứ Bưởi yêu thương.

Bên dòng Đồng-Nai 12-1962

VƯƠNG ĐỨC LỆ

## **PHẦN THỨ BA**

---

**Phần thứ ba của Văn Hưu số 20 này hoàn thành với sự gom góp tin tức và tài liệu trong ngoài nước của các bạn : Hoàng Lan — Hàm Anh — N. V. K. — Sơn Vũ — Trần Việt Thanh...**

# Gió Đông... Gió Tây...

## TRONG NƯỚC

### HỌA

#### TRIỂN LÃM QUỐC TẾ MỸ THUẬT.

— Từ 26-10 đến 15-11 cuộc Triển lãm Quốc tế Mỹ Thuật đã được tổ chức tại vườn Tao Đàn.

Có 314 tác phẩm của 20 quốc gia tham dự :

— Cộng Hòa Liên bang Đức, 15 tác phẩm của 12 nghệ sĩ,

— Á Căn Đình, 19 tác phẩm của 10 nghệ sĩ,

— Úc Đại Lợi, 20 tác phẩm của 18 nghệ sĩ,

— Mã Lai, 20 tác phẩm của 20 nghệ sĩ,

— Thụy Sĩ, 14 tác phẩm của 7 nghệ sĩ,

— Thổ Nhĩ Kỳ, 4 tác phẩm của 2 nghệ sĩ,

— Hoa Kỳ, Anh, Hòa Lan, Ý Đại Lợi, Nhật Bản, Đại Hàn, Trung Hoa Dân Quốc, Hương Cảng, Phi Luật Tân, sẽ trưng bày mỗi quốc gia 20 tác phẩm,

— Thái Lan, 8 tác phẩm,

— Pháp, 15 tác phẩm,

— Maroc, 10 tác phẩm,

— Ấn Độ chưa cho biết số tác phẩm tham dự.

— Việt Nam, 18 tác phẩm của 18 nghệ sĩ ở trong nước. Ngoài ra, có 10 nghệ sĩ Việt Nam tại ngoại quốc và 10 nghệ sĩ ngoại quốc cư ngụ tại Việt Nam cũng có tác phẩm trưng bày.

**DANH SÁCH HỌA SĨ CHIẾM  
GIẢI TRONG CUỘC TRIỂN  
LÃM QUỐC TẾ MỸ THUẬT  
LẦN THỨ NHẤT TẠI VIỆT  
NAM ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ.**

Dưới đây là danh sách các nghệ sĩ trúng giải :

**Huy Chương Vàng**

— Giải danh dự của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa gồm một Huy chương vàng và số tiền 50.000\$ cấp cho ông Legueult Raymond (Pháp), về tác phẩm « Gian buồng dơi nắng ».

— Giải ưu hạng của Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa gồm một Huy chương vàng và số tiền 30.000\$ cấp cho ông Neville Matthews (Úc Đại Lợi), về tác phẩm « Phát triển ».

— Giải ưu hạng của ông Chủ tịch Quốc Hội gồm có một Huy chương vàng và số tiền 30.000\$, cấp cho ông Koo Hasegawa (Nhật) về tác phẩm Joochi, « Linh hồn của ao sen ».

— Giải ưu hạng của ông Cố Vấn Chính Trị Phủ Tổng Thống gồm có một Huy chương vàng và số tiền 30.000\$, cấp cho ông John Piper (Anh) về tác phẩm tỉnh Venice, « Xóm Zobenigo ».

**Huy Chương Bạc**

— Giải nhất của ông Bộ trưởng Phủ Tổng Thống gồm có một Huy chương bạc và số tiền 20.000\$, cấp cho ông Jack Perlmutter (Hoa Kỳ) về tác phẩm « Hải cảng ».

— Giải nhất của ông Bộ trưởng Đặc nhiệm Phối hợp Văn hóa Xã hội gồm có một Huy chương bạc và số tiền 20.000\$, cấp cho ông Lê Ngọc Huệ (Việt Nam) về tác phẩm « Trụ cột hòa bình ».

— Giải nhất của ông Bộ trưởng Ngoại giao gồm có một Huy chương bạc và số tiền 20.000\$, cấp cho ông Emil Schumacher (Đức quốc) về tác phẩm « Wagadu 1958 ».

— Giải nhất của ông Bộ trưởng Quốc Gia Giáo Dục gồm có một Huy chương bạc và số tiền 20.000\$, cấp cho ông Nguyễn Văn Rô (Việt Nam) về tác phẩm « Tĩnh Vật ».

— Giải nhất của ông Bộ trưởng Công Dân Vụ gồm có một Huy chương bạc và số tiền 20.000\$, cấp cho ông Arturo R. Luz (Phi Luật Tân) về tác phẩm « Skyforms ».

### **Huy Chương Đồng** (giải nhì)

10 Huy chương đồng cấp cho các nghệ sĩ có tên sau đây :

— Ông Charles Blackman, (Úc) về tác phẩm « Người đi qua đường ».

— Ông Douglas Bland (Hương Cảng) về tác phẩm « Đắm tàu ».

— Ông Swasdi Tantisuk (Thái Lan) về tác phẩm « Hoa ».

— Ông Chang Sup Chung (Đại Hàn) về tác phẩm « Tác phẩm ».

— Ông Oudot Roland (Pháp) về tác phẩm « Tĩnh vật riềm đỏ ».

— Ông Ang Kiu Kok (Phi Luật Tân) về tác phẩm « Pieta IV ».

— Ông Gyokuhō Onodera (Nhật Bản) về tác phẩm điêu khắc « Thiếu nữ Nhật Bản ».

— Ông Emilio Greco (Ý) về tác phẩm điêu khắc « Đầu đàn bà ».

— Ông Quách Minh Kiêu (Trung Hoa Dân Quốc) về tác phẩm « Hận lòng kém học lúc dung thu » (tranh thủy mặc).

### **Bảng Tường lệ Danh Dự**

Văn bằng danh dự đã được cấp phát cho các nghệ sĩ sau đây :

— Ông Juan Carlos Castagnino (Á Căn Đình tác phẩm « Potros » (tranh thủy mặc).

— Ông Lam Khắc Cung (Trung Hoa Dân Quốc) tác phẩm số 1-61.

— Ông Lino Bianchi (Ý Đại Lợi) tác phẩm « Đồng bằng vùng Lombardie ».

— Ông Prayat Bongdam (Thái Lan) tác phẩm « Ngựa hí ».

— Ông Hermann Teuber (Đức) tác phẩm « Tĩnh vật và bát trái cây ».

— Ông Stephen Walker (Úc Đại Lợi) tác phẩm « Hình có đầu thú vật ».

— Ông Barbara Hepworth (Anh) tác phẩm « Đề tài biển chuyển 1958 ».

— Ông H.A. Gade (Ấn Độ) tác phẩm « Chabina ».

— Ông Rudolf Mumprechet (Thụy Sĩ tác phẩm « Độc bản ».

— Ông Boris Margo (Hoa Kỳ) tác phẩm « Hình thẻ phóng túng ».

— Ông Walter Rogalski (Hoa Kỳ) tác phẩm « Tiempo ».

— Ông Nguyễn Văn Liễu (Việt Nam) tác phẩm «Mùa thu tuổi nhỏ».

— Ông M.C. Escher (Hòa Lan) tác phẩm «Tứ diện thể thành tinh nhỏ».

— Ông Cheung Yee (Hương Cảng) tác phẩm «Đá chạm».

— Ông Chuah Thean Teng (Mã Lai) tác phẩm «Làng Mã Lai».

— Ông W.H. Rosendall (Hòa Lan) tác phẩm «Tự họa 1953».

— Ông Lenz Klotz (Thụy Sĩ) tác phẩm «Bản khắc 1, 1959».

— Ông Lui Chan Ming (Hương Cảng) tác phẩm «Song Thu».

— Ông Mohamed Ben Allal (Maroc) tác phẩm «Chleuhs (bột màu)».

..

**TRIỂN LÃM TRANH VÀ MỸ THUẬT PHẨM SƠN MÀI, VÀ ĐỒ GỐM.** — Sơn mài và đồ gốm Việt Nam trong những năm gần đây đã chiếm một địa vị khá quan trên thị trường quốc tế. Lần đầu tiên, kể từ ngày 3-12, cho đến 15-12, tại phòng triển lãm đường Tự Do và Câu Lạc Bộ Báo chí đường Lê Lợi,

đã có cuộc trưng bày sơn mài (gồm tranh và mỹ thuật phẩm) của các họa sĩ chuyên môn về ngành này, như Nguyễn Sao, Thanh Lê, Văn Rô, Trương Văn Thanh, Ngý Cao Uyên, Trần Hà v.v... Còn đồ gốm thì có các sản phẩm do cựu sinh viên trường Mỹ nghệ thực hành Biên Hòa và Hợp tác xã đồ gốm.

..

**MỘT BUỔI BÁN ĐẤU GIÁ ĐỀ LẤY TIỀN GIÚP ĐỒNG BẢO THƯƠNG TỊ NẠN CỘNG SẢN.** — Nhân dịp kỷ niệm đệ thập ngũ chu niên Pháp-Văn Đồng Minh Hội, một buổi dạ tiệc đã được tổ chức tại khách sạn Caravelle, kèm theo một buổi bán đấu giá đề lấy tiền giúp đồng bào Thương tị nạn Cộng sản.

Ông Roger Lalouette, Đại sứ Pháp đã chủ tọa buổi dạ tiệc này tổ chức tại phòng ăn Champs Elysées của khách sạn Caravelle.

Một số đại diện đồng bào Thương đã hiện diện trong buổi tiệc để trao tặng các tân khách những chiếc vòng đeo tay bằng đồng đề tỏ sự biết ơn và trình bày các bài kèn Thương.

Sau hết, là cuộc bán đấu giá theo lối Hoa Kỳ ; bức tranh của họa sĩ *Trí Minh* đã đem lại số tiền là 121.000 đồng, để góp vào quỹ giúp đỡ đồng bào Thương tật nạn Cộng sản.

..

**KẾT QUẢ CUỘC TRIỂN LÃM QUỐC TẾ NHIẾP ẢNH MỸ THUẬT.** — Triển lãm Quốc Tế Nhiếp Ảnh Mỹ thuật kỳ III do Văn Hóa Vụ tổ chức để mừng ngày Quốc Khánh 26-10-1962, có 1.856 bức ảnh đen trắng và 99 bức ảnh màu của 34 quốc gia bạn gửi tham dự.

Hội đồng Giám Khảo đã lựa chọn được 319 bức đen trắng và 63 bức ảnh màu để trưng bày, và dưới đây là những tác phẩm đoạt giải thưởng :

## A — ẢNH MÀU

### Huy Chương Vàng

— Ảnh nhan đề «*Gay Afternoon*» của Dr. K.H. Wu, FRPS, Hongkong.

### Huy Chương Bạc

— Ảnh nhan đề «*Sandra*» của Wellington Lee, FPSA, FRPS., U.S.A.

### Huy Chương Đồng

— Ảnh nhan đề «*Morning Ferry At Lei-Kiang*» của Tchang Fou-Li, FRPS, F. PSHK. Hongkong.

— Ảnh nhan đề «*Rainy Day*» của Dr. Raimo Gareis, Germany.

### Bảng Tưởng lậ Danh dự

— Ảnh nhan đề «*Orientalische Vase*» của D o p e l Werner, Germany.

— Ảnh nhan đề «*Fische*» của Kollges Wolfgang, Germany

— Ảnh nhan đề «*Fiesta*» của Gérard Ceckier, EFIAP. France

— Ảnh nhan đề «*The Old Guitar*» của Dr. K.H. Wu FRPS. Hongkong.

## B — ẢNH ĐEN TRẮNG

### Huy Chương Vàng

— Hội đồng Giám Khảo đã quyết định tặng cho bộ ảnh xuất sắc vào chung kết của Matti A. Pitknen. Finland ; Gồm 3 ảnh nhan đề :

— *The Hair*

— *Salmon Tails*

— *The Cock*



### Huy Chương Bạc

— Ảnh nhan đề «*Alone*» của Deng Yu, ARPS. Thailand

— Ảnh nhan đề «*A Sweet Dreaming*» của Chung Man Lork, ARPS. F. PSHK. Hongkong

### Huy Chương Đồng

— Ảnh nhan đề «*Visao*» của Francisco Aszmann. Brasil

— Ảnh nhan đề «*Les Maçons*» của Jean Baltayan, AFIAP. France

— Ảnh nhan đề «*Long Way*» của R.H. Berger, DKFM. Austria.

— Ảnh nhan đề «*On The Stage Of Life*» của Ho Fan. Hongkong.

— Ảnh nhan đề «*Uber Den Dachvern Von Helgoland*» của Edmund Frings. Germany

— Ảnh nhan đề «*Nicole*» của Bernard Lacoste. France

— Ảnh nhan đề «*Nature Mor-te*» của R. Ménard. France

— Ảnh nhan đề «*L'Ombrel-lino*» của Vittorio Ronconi. Italy

### Bằng Tượng lộ Danh dự

— Ảnh nhan đề «*Nước Lụt*» của Hứa Văn Ban. Việt Nam

— Ảnh nhan đề «*After The Rain*» của Tao Can Việt Nam

— Ảnh nhan đề «*Olhos*» của Valdo E Vaz de Costa. Brasil

— Ảnh nhan đề «*Masques*» của Victor Elschansky. Belgique

— Ảnh nhan đề «*Controversy*» của Ho Fan, FRPS., APSA. Hongkong

— Ảnh nhan đề «*Fischers Heimkehr*» của Léo. Fischer. Austria

— Ảnh nhan đề «*Neofri In Frak*» của Ennio Gatti. Italy

— Ảnh nhan đề «*Profils Of Sweden*» của Jan Grabellus. Sweden

— Ảnh nhan đề «*Glass Eye Weeping*» của E.G. Hall. U.S.A.

— Ảnh nhan đề «*Native Trumpet Player*» của C.F Hsu. Hongkong

— Ảnh nhan đề «*Hoàng Hôn*» của Chen Huy. Thailand

— Ảnh nhan đề «*Jeu de Lumière*» của W.K. Lin. Thailand.

— Ảnh nhan đề «*On Wings Of Song*» của Lo Kei Pak, ARPS. Macau

— Ảnh nhan đề «*Bubbles*» của Ho Sau. Hongkong

— Ảnh nhan đề « *In Afwachting* » của J.M. Teubel. Holland

— Ảnh nhan đề « *Trở Về Từ Do* » của Nguyễn Văn Thông. Việt Nam

— Ảnh nhan đề « *Glassware* » của Poon Yik Woo. Hongkong

Khai mạc cửa triển lãm từ hôm 24-10 và kéo dài đến hết hôm 4-11.

Năm nay đặc biệt có nhiều ảnh màu, và so với năm ngoái, các tác phẩm gửi tới dự cũng lạ và đẹp hơn, nên suốt trong thời gian trưng bày, gian phòng triển lãm lúc nào cũng đông nghẹt người thưởng ngoạn.

..

## NHẠC

### TRIỂN LÃM DEBUSSY. —

Từ ngày 4 đến 10-10 tại phòng Thông Tin đã có cuộc triển lãm về nhạc sĩ nổi danh Debussy, do sở Văn Hóa Pháp tổ chức. Người ta được thấy những bức ảnh nhắc lại cuộc sống thân mật của nhạc sĩ giữa gia đình, và với các bạn thân như Mallarmé, Marmontel Bourget, Beaudelaire, Pierre Louÿs.

Trong khi khách đứng ngắm những bức ảnh, thì lại được nghe lời bình luận của nhạc sĩ Mare Bouisset, và những bản nhạc của Debussy thu đĩa.

Debussy là một nhạc sĩ quốc tế vào bậc thầy, có chịu ảnh hưởng của các nhà soạn nhạc Nga, và nhất là Wagner.

★

— Nhạc trưởng Otto Soellner, đã nhiều lần đến trình diễn ở Saigon theo chương trình viện trợ kỹ thuật của chính phủ Cộng Hòa Liên bang Đức.

Ông lại vừa tới Saigon lần nữa, với nhiệm vụ huấn luyện và điều khiển giàn nhạc hòa tấu, ngoài ra, ông còn giảng dạy tại trường Quốc Gia Âm Nhạc.

★

— Nữ nhạc sĩ vĩ cầm Danièle Artur cũng vừa tới Saigon để hợp tác với trường Quốc Gia Âm Nhạc, dưới sự bảo trợ của phái bộ Văn Hóa Pháp.

Cô Artur nguyên chiếm giải nhất vĩ cầm Viện Quốc Gia Âm Nhạc Ba-Lê, và là đệ tử của nhà đại danh cầm thế giới Daniel Oistrakh. Cô đã trình diễn độc tấu tại nhiều nước Âu châu.

★

— Nhạc sĩ dương cầm Đức Walter Blankenhein đã hòa tấu dương cầm tại trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch nghệ, vào hồi 21 giờ ngày thứ tư 21-11 sắp tới.

Nhạc sĩ đã hòa tấu những tác phẩm của Bach, Scarlatti, Beethoven, Debussy và Schumann.



— Dưới đây là kết quả thi sáng tác tân nhạc do Văn Hóa Vụ tổ chức về tháng 9-1962.

1) Bản «*Ta Rủ Nhau Về*» của ông Trần Gia Hội, 2.000\$00.

2) Bản «*Tiếng Người Di Dân*» của ông Nguyễn Văn Sửu, 1.000\$.



— Và kết quả thi mẫu chuyện chiến đấu của quân dân Việt Nam và tội ác Cộng phỉ.

· Giải nhất 5.000 đồng truyện «*Chị Lực*». Mười giải khuyến khích, mỗi giải 2.000 đồng.

Truyện : Mẹ con người chiến sĩ — Đại úy Bùi Thụ — Đồng xanh nhuộm máu — Vụ án Kon-Ko-La — Người Thượng chống Cộng — Nửa trang hồi ký máu lệ — Gương dũng sĩ — Quảng Nam diệt Cộng — Lô cốt cổ thủ.



## DIỄN THUYẾT

**S**ÁNG chủ nhật 7-10, giáo sư Nguyễn Văn Trung đã nói tại trường Quốc Gia Âm Nhạc về « Quan điểm mới về cuộc tranh luận Phạm Quỳnh — Ngô Đức Kế.

Diễn giả cho rằng Phạm Quỳnh không xứng đáng địa vị hiện nay trong nền văn học nước nhà, vì công trình biên khảo và dịch của ông không những tầm thường mà chỉ đề ru ngủ thanh niên Việt Nam thôi.

Diễn giả hướng cuộc tranh luận Phạm Quỳnh — Ngô Đức Kế xung quanh truyện Kiều theo một quan điểm mới : quan điểm chính trị trong văn hóa, và cho rằng thực chất của cuộc tranh luận này là một cuộc tranh đấu chính trị trong văn hóa.

Theo ông, thì chính sách văn học của Pháp chủ trương hồi ấy, đã được Phạm Quỳnh thực hiện đúng đường lối tuyên truyền. Trong một bài viết trên tạp chí Nam Phong, Phạm Quỳnh suy tôn truyện Kiều như là thánh thư, quốc hồn, quốc túy : « truyện Kiều còn, tiếng ta còn, nước ta còn », mà không chứng minh tại sao truyện Kiều lại là quốc hồn, quốc túy.

Trông thấy rõ chủ tâm chính trị đó, Ngô Đức Kế mới viết bài đả kích sự suy tôn truyện Kiều của Quỳnh, đồng thời tố cáo mục đích chính trị của Quỳnh. Hồi ấy, cụ Ngô Đức Kế đã bị Pháp cầm tù 10 năm ở Côn đảo, và bị coi là một nhà nho hủ lậu, quá khè khất với truyện Kiều, song thực ra thì cụ Kế đã đặt Kiều đúng địa vị trong văn học, quan điểm của cụ rất chính đáng và hợp lý, phân tích và viết bài biên khảo, theo tinh thần của « nhà nho tiến bộ » dựa trên nền tảng của một thứ « luân lý yêu nước ».

Sau đó cũng có nhiều học giả dự vào cuộc tranh luận, khen hay chê Kiều, song nếu để ý đến quan điểm chính trị, thì không thể đặt họ vào cùng hàng ngũ của những người khởi xướng vì họ đã phân tích Kiều theo phương pháp khoa học, hoặc thuần túy văn học.

..

— « *Thế giới từ 1960 đến 1970* » đó là đề tài cuộc diễn thuyết tại Trung Tâm Văn Hóa Đức, mà diễn giả là giáo sư *Klaus Mehnert* thuộc Viện Chính trị học ở Aix-La Chapelle.

Giáo sư nhấn mạnh rằng, theo sự tin tưởng của ông, khoảng thời gian từ 1960 đến 1970 vẫn là giai đoạn chiến tranh lạnh, nghĩa là sẽ không có chiến tranh nóng dù ở một vài nơi trên thế giới đã xảy ra xung đột, chẳng hạn như ở Việt Nam, nơi mà nhân dân đã chiến đấu anh dũng chống Cộng sản.

Ông rất lạc quan tin tưởng ở tương lai thế giới, căn cứ vào các sự kiện : sự chia rẽ nội bộ khối Cộng sản, và những biến chuyển đang tiếp diễn trong khối này.

Việc thế giới chia thành hai khối lớn : các nước cam kết và các nước không cam kết tổ chức Bắc Đại Tây Dương, và Thị trường chung sẽ đem lại một Âu châu đoàn kết, có thể đương đầu với mọi hiểm họa.

Kết luận, diễn giả tin ở tương lai rực rỡ của thế giới, cho rằng sự đồng tiến của các nước Âu châu, và những nước khác trong khối tự do, chắc chắn sẽ làm đổi thay quan trọng trong khối Cộng sản.

..

— Vào hồi 10 giờ sáng ngày Chủ nhật 11-11 Trung Tâm Văn

Bút Việt Nam đã tổ chức một buổi nói chuyện về văn chương tại thính đường trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ, số 112 đường Nguyễn Du Saigon.

Diễn giả là ông Lê Văn Tuyển đã trình bày « *Vài nhận xét về Văn chương Bình dân Miền Nam* ».



— Tối 11-12, trong một buổi họp của Phù Luân Hội, ông Trương Vĩnh Lễ đã nói chuyện về : « *Cuộc di cư của đồng bào Thượng bị nạn Cộng sản và công cuộc Ấp chiến lược* ».

Diễn giả cho rằng người Thượng thuộc giống Indonésia và nhân số chừng 55 vạn sống rải rác ở 28 bộ lạc khác nhau. Tại các vùng ở Quảng Trị, Thừa Thiên, người ta thấy có các bộ lạc Tỏi Oi, Vân Kiều, Ktu, Teu, Ca giông... Trong vùng Quảng Nam, có các bộ lạc Tahoi, Khatu, Dé..., tại Quảng Ngãi có bộ lạc Khet, Haroi, Sedang, Halang..., tại Bình Định có các bộ lạc Bahnar, Jarai..., tại Ninh Thuận có các bộ lạc Raglai, Chu ru, và về phía nam Ở Diat người ta thường gặp các bộ lạc Mường Cùl, Ma, Stieng v. v...

Đồng bào Thượng có một cá tính cố hữu là rất mê tín dị đoan và không ưa sự thay đổi dù dưới hình thức nào. Bởi vậy sự ra đi của đồng bào Thượng để tránh nạn Cộng sản là một thắng lợi lớn của Việt Nam Cộng Hòa. Hiện nay đồng bào Thượng đã trở về sống với người Kinh trong các Ấp chiến lược do Chính phủ lập ra và giúp đỡ đủ mọi phương tiện.

Trong phần thứ hai của cuộc nói chuyện, Ông Trương Vĩnh Lễ giải thích sự cấu tạo Ấp chiến lược và cuối cùng ông nêu những sự khác biệt giữa Ấp chiến lược và Ấp chiến đấu. Ấp chiến lược được thành lập trong những vùng an ninh hoàn toàn, dân chúng được hưởng sự bảo vệ của quân đội Việt Nam Cộng Hòa, còn trong những vùng mà áp lực của Việt cộng đang còn đè nặng thì chính quyền địa phương sẽ thiết lập những Ấp chiến đấu, để có thể bảo vệ dân chúng về mặt quân sự một cách hữu hiệu.



**KẾT QUẢ C U Ộ C T H I  
PHÓNG SỰ CHIẾN TRƯỜNG.**  
— Nhật báo Tiếng Dân có tờ

chức từ mấy tháng nay cuộc thi phóng sự ngắn về chiến trường.

Văn Hóa Vụ đã gửi số tiền mười ngàn đồng để làm giải thưởng.

Hơn một trăm người đã gửi bài đến dự thi, Ban giám khảo đã lựa chọn được rất nhiều bài có giá trị, và đăng liên tiếp hàng tháng trên mặt báo Tiếng Dân, và sau đây ba bài được Ban giám khảo cho là hay nhất đã đoạt giải thưởng theo thứ tự :

Giải nhất : « *Thung lũng tử thần* » của Đỗ Quyên 5.000 đồng.

Giải nhì : « *Đại đội 428* » của Vũ Sơn, 3.000 đồng.

Giải ba : « *Lần đầu về xuôi* » của Y-Nút-K'Son, 2.000 đồng.



— *ĐÀO ĐƯỢC TIỀN ĐỜI ĐƯỜNG-TỔNG.* — Vừa rồi ở Qui Nhơn, vô tình người ta vừa đào được một cái hủ, trong đựng đầy các đồng tiền bằng kẽm, bằng đồng rất cổ.

Những đồng tiền này mang những chữ Khang Hy Thông Bửu, Thuận Hóa Nguyên Bửu, Khai Nguyên Thông Bửu và Thiên Nguyên Thanh Bửu là

những tiền thuộc về đời Thanh đời Đường, đời Tống bên Tàu.



— *ĐÀO ĐƯỢC MỘT MÃO VÀNG NAM BỐN VIÊN NGỌC CỦA MỘT CỰU THỐNG CHẾ.*

— Người ta vừa đào được ở địa phận ấp xã Tân Phong cách tỉnh lỵ Biên Hòa hai cây số một cái mộ, tục gọi là Lăng ông Soái.

Mộ này xây bằng vôi trộn với ô dước nên chắc vô cùng, phải vất vả lắm mới phá vỡ nổi. Trong lòng kim tinh xây giữa mộ có một áo quan bằng cây trai, loại cây chịu đựng ẩm ướt rất bền. Mở nắp áo quan, người ta thấy một hài cốt ngoài còn phủ một bộ sắc phục triều đình, đầu đội một mào nhưng có kết nhiều vàng lá chạm trổ rất khéo. Mào này có nạm 4 viên ngọc bích lớn cỡ ngón tay, một viên ở ngay trán và 3 viên ở trên ngù chóp mào. Ngoài ra, còn có 1 bộ cân đai, 1 cây hốt, và 1 cây lượt, nhưng những món này đã mục nát thành bột.

Trước mộ có cái bia khắc 4 chữ Hán : «Tiền chi Thống chế» chứng minh người nằm trong mộ này là 1 vị Thượng tướng có lẽ thuộc trào Nguyễn.

« *MỘT VÀI CẢM NGHĨ CỦA NGƯỜI THẦY THUỐC* ». —

Tác giả : bác sĩ Nguyễn Tuấn Phát, nhà xuất bản « Ngôn Luận ». Sách gồm 23 đoản văn với những tiêu đề: Những người áo trắng — Nếu tôi là thanh niên — Bác sĩ mới ra trường — Hướng đạo — Trẻ con sốt — Bệnh học hiem phải ăn thế nào v.v...

Bất cứ bài nào, bất cứ trang nào, từ đầu cho đến cuối cuốn sách, đều được diễn tả bằng một lối hành văn rõ ràng, đơn giản và với cả một tâm hồn thành thực, nên dễ khuất phục cảm tình người đọc, tác giả là một bác sĩ, nhưng không hề nói đến nghề chuyên môn của mình, không hề khuyên bảo phải thế

này, thế khác, mà thực ra thì tất cả đều là những bài học quý giá cho bệnh nhân cũng như cho chàng thanh niên, bà mẹ trong gia đình, hay người đã luống tuổi.

Tác giả không dạy ai cả, chỉ nói chuyện với chúng ta như một người bạn thân, gây cho lòng ta một rung động nhẹ nhàng và thích thú.

« Một vài cảm nghĩ của người thầy thuốc » có thể coi là người bạn hiền trong gia đình, mà bất cứ ai trong chúng ta cũng đều cần đọc, bởi nó tốt lành mạnh, và bổ ích cho tâm hồn, cho cuộc sống.

Văn Hữu xin ân cần giới thiệu « Một vài cảm nghĩ của người thầy thuốc » với bạn đọc.

## NGOÀI NƯỚC

**H**ỌA PHẨM CỦA VAN GOGH : HAI TỶ RƯỠI PHẬT LĂNG. — Người kế tự và là cháu của danh họa Van Gogh vừa để lại cho « Hội Van Gogh » một số tranh của họa sĩ này với một số tiền lớn lao là hai tỷ rưỡi phật lăng Pháp. Tất cả những

tác phẩm này gồm có : 150 bức sơn dầu, 400 bức vẽ chì, 150 bức của Manet, Gorot, Fissaro, Gauguin, Lautrec, Monticelli. Nhiều nhà chơi tranh ở thế giới, nhiều Viện Bảo Tàng Hoa Kỳ đã trả đến 50 tỷ mà không mua được.

Những người kế tự Van Gogh, trong số có con trai ông hiện đang làm bác sĩ ở Utrecht có tuyên bố rằng : họ không muốn giữ những họa phẩm nói trên làm bảo vật riêng cho gia đình. Nhiều họa phẩm vô giá, cho đến nay thiên hạ nhiều người vẫn chưa được thưởng thức. Vì thế nên họ mới bán một giá rẻ cho « Fondation Van Gogh » ở Hòa Lan. Hội này hiện đã có được hơn 200 tác phẩm của Van Gogh. Hồi năm ngoái, Hội đã yêu cầu Thượng nghị viện Hòa Lan trợ cấp cho hai tỷ phật lạng cũ để mua cho được số tranh để lại của Van Gogh. Cho đến nay, Thượng Nghị Viện hợp cùng với Bộ Mỹ thuật mới mua được với giá rẻ là 18 triệu đồng Hòa Lan tức là 48 tỷ quan cũ.

Sau khi mua được rồi, Bộ Mỹ thuật và thành phố Amsterdam, hợp cùng Fondation Van Gogh sẽ tổ chức lại một Bảo tàng viện trong đó sẽ quy tụ chừng 400 họa phẩm, 500 bức vẽ chì, và những thư từ cùng các vật kỷ niệm của Van Gogh. Thêm vào đấy, còn có cả những tác phẩm của Lautrec, Manet, Gorot, Gauguin.



— *GIẢI VĂN CHƯƠNG GONCOURT 1962.* — Hôm thứ hai trong vòng bỏ thăm thứ ba, giải thưởng Goncourt được tặng cho bà Anna Langfus về quyền tiểu thuyết « Les Bagages de sable ».



— Giải Renaudot tặng cho Simone Jacquemard về quyền tiểu thuyết « Le veilleur de nuit », vào vòng bỏ thăm thứ 13. Giải văn chương toàn quốc được tặng cho thi sĩ Pierre Jean Jouve.



— *NHÀ VĂN MỸ JOHN STEINBECK ĐOẠT GIẢI VĂN CHƯƠNG NOBEL 1962.* — Hàn Lâm Viện Thụy Điển vừa tặng giải văn chương Nobel 1962 cho nhà văn Mỹ John Steinbeck. Tiền thưởng năm nay chừng 244.350 quan mới Pháp.

Steinbeck sinh năm 1902 ở Californie, trong một hoàn cảnh tầm thường, thuộc giòng giống người Nhật Nhĩ Man — Ái Nhĩ Lan. Thuở thiếu thời, ông đã làm đến trăm nghề khác nhau, từ lao công ở thôn trại, đến anh viết báo, gác đàn, phụ tá phòng



thí nghiệm, nên trong tác phẩm của ông có đủ các hạng người với lời văn đầy châm biếm, hài hước. Trong cuốn *Tortilla Flat*, ông đã tả đến cuộc sống của các cô gái nghèo, giới hành khất v.v. và từ năm 1935, danh ông đã vang lừng khắp nơi.

Tác phẩm « *Des souris et des hommes* » và « *Les raisins de la colère* » đã được coi như các sách cổ điển Mỹ quốc.

..

— « *CON NGƯỜI VỚI THỜI HIỆN ĐẠI* ». — 120 cuốn phim của 14 quốc gia đã được đưa ra chiếu ở Đại hội điện ảnh tổ chức tại Mannheim (Tây Đức) vào hạ tuần tháng 10-62. Đề tài của đại hội điện ảnh này là « Con người với thời đại hiện tại ».

Ban tổ chức đã hoạch định một chương trình đặc biệt dành riêng cho đề tài nói trên.

..

*BA TRIỆU SỐ BÁO HỌC SINH MỖI NĂM.* — Những tuần san, tạp chí do học sinh và sinh viên xuất bản điều khiển, lên tới ba triệu số mỗi năm ở Tây Đức. Những tạp chí này hoàn toàn do học sinh làm lấy, kể từ sau thời

chiến đã có nhiều thay đổi. Hồi tiền chiến, những báo này chỉ viết đặc biệt về mọi sinh hoạt nhà trường, bây giờ thì đường lối đã thay đổi hẳn, nó đề cập đến tất cả sinh hoạt xã hội. Mỗi tháng ra một kỳ, hay hai tháng ra một kỳ, các tạp chí của học sinh đều viết đến cả những vấn đề chính trị trong và ngoài nước, những vấn đề kinh tế, văn hóa, những phỏng vấn các nhân vật, những truyện ngắn, những tin tức về thể thao.

Hiện có 600 tạp tạp chí học sinh ở Liên Bang Tây Đức, đặt dưới sự điều khiển của một Ủy ban Báo chí có phận sự phải lo tìm cách cho tờ báo sống. Ngoài tiền bán báo, tiền quảng cáo các báo học sinh cũng được trợ cấp ít nhiều của chính quyền trung ương hay địa phương.

Chủ trương chính của các tạp chí học sinh là chống thủ cựu, và tên đặt cho các tạp chí học sinh này, nghe chẳng có gì là học sinh cả : *Rạng Đông*, *Vết Mực*, *Cái Gạch Chéo* v.v...

..

*TUẦN LỄ SÂN KHẤU ĐẠI HỌC QUỐC TẾ.* — Ở Mayence (Tây Đức) vừa tổ chức năm thứ

chín tuần lễ sân khấu đại học quốc tế. Rất nhiều ban kịch của các trường đại học thuộc nhiều quốc gia Âu châu đã có mặt ở Đại hội này để trình diễn những kịch phẩm có giá trị của nước mình. Chẳng hạn, nhóm sinh viên Ý đã chơi vở « Casina » của Plante, nhóm sinh viên Anh diễn vở « Le bourreau de soi-même », nhóm sinh viên Pháp diễn vở cổ điển, nhóm Đức diễn vở « Agamemmon » v.v...

Đồng thời ở Erlangen cũng có một đại hội sân khấu đại học quốc tế. Chương trình gồm có các buổi trình diễn của các nhóm sinh viên đại học Thụy Điển, Phần Lan, Pháp, Anh, Đức v.v. Có chừng 3.000 sinh viên đã trình diễn tất cả 120 vở kịch. Nhân dịp họp mặt này, họ còn thảo luận với nhau về nhiều vấn đề liên quan đến sân khấu.

Những năm tới, đại hội sân khấu đại học quốc tế sẽ lần lượt tổ chức tại thủ đô các nước Thổ Nhĩ Kỳ, Pháp, Luân Đôn...



— Tạp chí «Ulysse» xuất bản ở Ý Đại Lợi vừa tặng giải thưởng một triệu đồng lires cho nhà văn

Đức Werner Holzer với cuốn « Le visage tout nu de l'Afrique »

Giải này do tạp chí « Ulysse » tổ chức ở La Mã, tặng mỗi năm cho một nhà văn, hoặc một khoa học gia.



**GIẢI VĂN CHƯƠNG QUỐC GIA PHÁP.** — Phải đợi đến vòng thứ năm, nhà văn Jean Jouve mới đoạt được giải văn chương « Grand prix national des lettres ».

Giải này được tổ chức từ năm 1951 tặng cho toàn thể văn phẩm của một nhà văn nào đã góp phần vào nền văn học Pháp.

Jean Jouve được 8 phiếu chống với M. Orlan 6 phiếu. Ông là tác giả nhiều tập thơ và tiểu thuyết nổi tiếng. Năm nay ông 75 tuổi.

Giải Goncourt về tay Anna Langfus.

Giải Renaudot về tay Simone Jacquemart.

Giải « Prix du roman » : M. Mohrt.

## TÀI LIỆU

---

### **Công cuộc cứu trợ và định cư đồng bào Thượng tỵ nạn cộng sản**

**T**RONG mấy tháng vừa qua, nhân dân Việt Nam đã chứng kiến một cuộc di cư ý nghĩa nhất, cuộc di cư tỵ nạn Cộng sản của đồng bào Thượng. Hơn một trăm ngàn người vượt suối trèo non, từ những buôn xa xôi cách trở của những vùng bất an ninh, đã trở về đây để tránh khỏi sự khủng bố, hành hạ, cưỡng bách, cướp bóc của Việt Cộng.

**C**Ó người ra đi để lại tất cả tài sản — tài sản vốn đã ít ỏi phải để lại. Họ đã đốt nhà, đốt lúa, phá rẫy ; chiếc gùi muôn năm trên vai, con cột vào mình lúi thủi từng đoàn ngày đêm về đồng bằng. Có những người đã phải đấu tranh với Việt Cộng để ra đi, có những người đã chịu đựng đói rét dọc đường và tìm đến : Pleiku, Kontum hay Darlac, Quảng Trị, Quảng Nam hay Quảng Ngãi...

Trong hai tháng 10 và 11 vừa qua, số đồng bào trở về ngày càng nhiều thêm và tính ra đã vượt quá con số 130.000 người. Nhưng họ còn phải ra đi ; để về sống với những buôn chiến lược mới, chờ ngày diệt Cộng trở về buôn cũ. Con số vài nơi gần đây cho ta thấy rõ : Quảng Trị có thêm 550, đưa tổng số lên đến 16.365 người, Phú Bồn ; một tỉnh mới của đồng bào Thượng, đã có thêm 273 và đưa tổng số lên 11.417. Những

nơi khác, Pleiku, Kontum, Lâm Đồng, Phước Long, Tuyên Đức con số gần đây cũng đã tăng lên rất nhiều. Mỗi ngày có thêm một số bằng bé nhau về đồng bằng.

### Công cuộc cứu trợ cấp thời

**C**UỘC di cư vĩ đại này là một chứng minh hùng hồn rằng không ai có thể ở với Cộng sản được, dù là đồng bào Thượng, những người có một đời sống mộc mạc, giản dị quanh năm sống với thiên nhiên núi rừng.

Trước cao trào đó, nhân dân khắp nơi đã cùng với Chính quyền địa phương và trung ương hưởng ứng công cuộc cứu trợ. Chúng tôi không có con số tổng quát ghi lại những tặng vật cứu trợ cho đồng bào ngay lúc họ vừa về đến. Chỉ biết rằng Chính quyền địa phương đã cung cấp gạo, muối, áo quần, mền, thuốc trong khi chờ đợi một sự sửa soạn tỉ mỉ của một chương trình định cư.

Đối với Chính quyền địa phương đó là một cuộc ty nạn bất ngờ và ồ ạt nên lúc đầu, mặc dù đã cố gắng nhưng cũng đã gặp phải nhiều thiếu thốn so với nhu cầu của đồng bào. Vì vậy, trong lúc xử dụng khả năng sẵn có, Chính quyền địa phương đã kêu gọi sự cứu trợ của Chính Phủ và của các hội từ thiện khắp nơi.

Phủ Tổng Ủy Dinh Điền và Nông Vụ thi hành chỉ thị của Tổng Thống, liền lập một dự án cứu trợ với một ngân khoản khá lớn, trong số này đã dành khoảng 26 triệu đồng để mua gạo, 5 triệu để mua hạt giống, 2.500.000\$ để dành mua nông cụ nhẹ cho số 125.000 đồng bào vào lúc đó. Ngoài ra, một số tặng vật đã được chở về địa phương gồm có 2.000 tấn gạo, 4 tấn muối, hạt giống (tính thành tiền khoảng 600.000 đồng) và 400 bộ nông cụ nhẹ.

Nếu phải kể từ tháng 6 đến giữa tháng 10, cơ quan này đã cấp cho đồng bào Thượng ty nạn 6 tỉnh Cao nguyên 723.729

kí gạo, 20 bao bột mì, 50 bao bột bắp, 100 bao tấm mì và 6.975 kí muối. Số gạo nói trên được phân chia như sau: Darlac 123.925 kí, Phú Bồn 24.000 kí và Quảng Đức 33.740 kí. Đến nay những con số trên chắc chắn là đã tăng nhiều.

Các hội từ thiện Việt Nam cũng như ngoại quốc ở Việt Nam cũng đã góp phần quan trọng trong việc cứu trợ đáp lại lời kêu gọi của Ban Chấp Hành Trung Ương Phong Trào Tương Trợ. Đó là Nữ Đoàn Bác Ái Hiệp Hội Thánh Mẫu, C.A.R.E., cơ quan Chẩn Tế Công Giáo Hoa Kỳ, các tổ chức tư nhân khác. Rất nhiều phái đoàn đã đến tận nơi thăm viếng đồng bào và mang nhiều tặng phẩm.

Trước khi có sự hưởng ứng của mọi người, dân tại địa phương đã đóng góp một phần tích cực trong việc cứu trợ cho đồng bào Thượng. Như ở Pleiku, chiến dịch « mỗi người một lon gạo » đã giúp đỡ hữu hiệu cho đồng bào trong số 8.960 người trở về trước tháng 7-1962. Ở Kontum cũng như ở nhiều nơi khác, thương gia trong tỉnh đã quyên góp gạo để cùng với Chính quyền địa phương tổ chức cuộc cứu trợ cấp thời cho họ. Ở Quảng Ngãi, trong những ngày đầu tiên họ đã tá túc tại nhà của nhân dân trong xã Tư Mỹ, quận Tư Nghĩa, để chờ đợi đến ngày có một chiếc nhà sàn nhỏ và đơn sơ. Nhiều đoàn thể thanh niên, học sinh, phụ nữ đã tổ chức những cuộc thăm viếng và trao những tặng phẩm tượng trưng, khám bệnh phát thuốc cho họ, đã tổ chức tiếp theo khiến cho sự đón tiếp và săn sóc càng thêm chu đáo.

Ở Bình Định, nơi tổng số đồng bào Thượng chừng 51.000 người; Ủy Ban Xây Dựng Ấp Chiến Lược đã xây cất 4 Trung tâm Tiếp cư đồng bào Thượng tại 4 quận Vân Canh, An Lão, An Túc và Vĩnh Thạnh. Phí khoản cho một Trung tâm Tiếp cư khoảng 250.000 đồng do Ngân sách Viện trợ Mỹ đài thọ. Đến nay theo Phong trào Tương trợ Đồng bào Thượng Ty nạn Cộng sản cho biết số tiền các cơ quan đoàn thể gửi giúp đồng bào Thượng lên tới 2.075.231đ13. (theo báo T.D. ngày 11-12-1962)

Trong số tiền nói trên, người ta thấy Tiểu ban Tương trợ Đồng bào Thượng Ty nạn Cộng sản tỉnh Kiến Phong đã gửi đến 40.318đ40 và các học sinh các trường Tiểu học công và tư tỉnh Tây Ninh 8.314 đồng. Trong ngày 8-12-1962, tổng cộng số tiền gửi đến lên tới 51.082 đồng 40 xu.

### Định cư, định canh

**S**ONG SONG với công việc cứu trợ cấp thời các buôn Thượng lần lượt trở về, Chính quyền địa phương đồng thời nghiên cứu kế hoạch quy khu Thượng vào những địa điểm định cư thuận lợi. Mặt khác, lo bảo đảm an ninh cho họ để Việt Cộng khỏi trở về trả thù phá địa điểm, cũng như bảo vệ cho họ trở về làng cũ gần đó để thu dọn nốt một phần tài sản còn để lại.

Nếu công cuộc cứu trợ có tính cách tạm thời thì việc định cư và định canh cho đồng bào có tính cách quan trọng vì lâu dài, và liên quan đến đời sống của đồng bào. Vì thế, đồng bào đã cùng với Chính quyền nghiên cứu về nước uống, về lương gạo và về vị trí của địa điểm.

Tùy theo số đồng bào Thượng trở về nhiều hay ít và theo hoàn cảnh của địa phương, mỗi Tỉnh đã tổ chức một số địa điểm. Như Tuyên Đức có 12.674 người, có 12 địa điểm (Lạc Dương 6, Đức Trọng 5, và Đơn Dương 1), Quảng Trị có 16.365 người đã định cư trong 48 địa điểm thuộc 3 quận Hưng Hóa, Ba Lòng và Cam Lộ.

Tại Phú Bồn, tổng số đồng bào Thượng di cư là 11.417 người hiện định cư trong 18 địa điểm toàn tỉnh, chia ra như sau: quận Phú Thiên 12 địa điểm, quận Phú Túc 2 địa điểm; quận Thuận Mậu 4 địa điểm. Ở các tỉnh khác cũng có từ 10 đến 15 địa điểm. Nhiều đoàn thể đã tổ chức nhiều cuộc viếng thăm đồng bào định cư tại các địa điểm nói trên và cỗ mang theo rất nhiều tặng vật như: thắm, gấm, gạo muối, quần áo

và tiền bạc. Ngoài ra những phái đoàn trung ương có sự tham dự của các nhân vật ngoại quốc cũng đến thăm viếng các địa điểm nói trên.

Sau một thời gian được trợ cấp, một số lớn địa điểm định cư đã bắt tay vào việc canh tác đất đai đã trở thành sở hữu của đồng bào Thượng. Họ trồng lúa, bắp, nhiều thứ hoa màu phụ và chỉ trong một vụ mùa, hoa lợi thu hoạch được sẽ đủ đảm bảo cho họ một cuộc sống sung túc, lâu dài trong cảnh đầy đủ an ninh. Việc cấp phát đất đai này còn nhằm mục tiêu giúp đồng bào Thượng sửa đổi lề lối canh tác, tránh việc đốt rẫy, đốt rừng; khuyến khích đồng bào làm rẫy ở vùng đất thấp, cày trâu, bón phân để đất đai thêm màu mỡ.

### Những bảo đảm mới

**C**HO đến nay, các địa điểm định cư đồng bào đều được tổ chức thành những Ấp chiến lược, những liên ấp, hay những ấp và liên ấp chiến đấu. Chính quyền đã giúp vật liệu và hướng dẫn đồng bào rào quanh ấp, xây dựng nhà rong, nhà sàn, đào hào đặt chông. Họ đang làm quen với một đời sống mới, đời sống tập thể có tổ chức.

Trong khung cảnh đó, đồng bào được tổ chức thành những đoàn thể. Những cán bộ hương chức thường được huấn luyện để thông suốt vai trò của họ. Người ta đã thấy những lớp này tổ chức ở Darlac. Ở Kontum, có những khoá huấn luyện cho các cán bộ Phụ trợ công tác nông tìn, hợp tác xã và hiệp hội nông dân tổ chức cho Kinh Thượng.

Những sóc Thượng kiểu mẫu, dưới sự hướng dẫn của các cán bộ Cải tiến hương thôn xuất hiện, nhiều nơi đã dẫn đầu cho những sóc khác. Đồng bào trong sóc cũng đã bầu xong các Ban an ninh, Trị sự và các đoàn thể nhân dân như Thanh niên, Thanh nữ Cộng Hòa và Thanh niên bảo vệ hương thôn.

Họ đã hoàn thành những chiếc nhà xinh xắn, theo kiểu người Kinh hay những chiếc nhà sàn dài và rộng bằng nửa,

những lớp học Bình dân giáo dục, một trụ sở hành chánh, một phòng phát thuốc, và một phòng Thông Tin. Một vài Ấp Chiến lược Thượng được trang bị những máy phóng thanh Transistor 903 do nha Tổng Giám Đốc Thông Tin phân phối.

Người ta thấy có nhiều khóa huấn luyện dành cho thanh niên Thượng. Chương trình huấn luyện gồm có các môn du kích, phản du kích, phòng ngự, xử dụng vũ khí, và chiến tranh tâm lý. Mục đích của những lớp huấn luyện này nhằm đào luyện những thanh niên đủ khả năng bảo vệ cho thôn ấp chống lại sự xâm nhập phá hoại của Việt Cộng.

Vậy, ta thấy Chính quyền trung ương và địa phương đã đề ý một công cuộc viện trợ toàn diện về an ninh quân sự cũng như an ninh xã hội cho đồng bào Thượng. Nha Công tác xã hội miền Thượng cũng đã góp một phần quan trọng trong chương trình tiếp tục mở mang giao thông, nông nghiệp, khuyến khích thương mại và thủ công nghệ trên miền Thượng, đào tạo cán bộ Thượng và mở mang nền giáo dục.

### Phong trào tương trợ

**T**RONG công cuộc cứu trợ đồng bào Thượng, Phong Trào Tương Trợ đã động viên được tinh thần tương thân tương ái của đồng bào các giới. Nhiều đoàn thể nhân dân cũng như tư nhân đã hưởng ứng phong trào một cách nhiệt liệt và đã gởi tiền bạc và tặng phẩm đến giúp đỡ.

Số tiền lạc quyền được hiện nay đã lên tới 2.075.231 đồng, và một số tiền mỹ kim chưa đổi thành tiền Việt Nam cùng một số lớn tặng phẩm. Cuộc di cư của đồng bào Thượng Tỵ nạn Cộng sản còn đang tiếp diễn thì sự trợ giúp của các giới sẽ còn tăng lên mãi. Với sự tiếp tay của thể giới tự do, Chánh Phủ và nhân dân Việt Nam thừa sức giải quyết mọi vấn đề khó khăn nhất trong công cuộc chiến đấu chống lại kẻ thù Cộng sản.



## Ấp Chiến Đấu

Dưới đây là một bài nhỏ nằm trong dự thảo tổ chức Ấp Chiến Đấu của bạn N.V.K. Hiện nay công cuộc xây dựng Ấp Chiến Lược đang tiến triển một cách tốt đẹp tại các địa phương với sự nỗ lực của các cấp Quân Dân Chính. Cộng sản đã chạm phải sức mạnh kiên cố này nên không còn bám được vào đâu nữa để tiếp tục âm mưu phá hoại khủng bố của chúng tại các địa phương. Tuy nhiên, còn nhiều vùng xa xôi hẻo lánh mà chánh quyền ta chưa kiểm soát được chặt chẽ, cộng sản vẫn còn thao túng, áp bức đồng bào và ngăn cản công cuộc kiến quốc của chánh quyền. Tại những vùng kém an ninh này, cần có Ấp Chiến Đấu, một hình thức « nhân dân kháng chiến » chống Cộng để đẩy lui đối phương ra khỏi địa phương và tái lập an ninh trật tự. Tổ chức chiến đấu ngay trong lòng địch được mệnh danh là Ấp Chiến Đấu. Sau khi trật tự, an ninh vẫn hồi, Ấp Chiến Đấu sẽ được chuyển sang Ấp Chiến Lược với cơ cấu tổ chức tinh vi khoa học về mọi mặt: chánh trị, quân sự, văn hóa, xã hội, kinh tế v.v... Trong một số tới, Văn Hữu sẽ cống hiến bạn đọc một số báo đặc biệt về « Ấp Chiến Lược ».

Ở đây, Văn Hữu hân hạnh giới thiệu với bạn đọc tài liệu đặc biệt của bạn N.V.K. về dự thảo thành lập Ấp Chiến Đấu.



**S**ONG SONG với việc tái thiết an ninh tại các vùng hiện ta và địch đang dành phần ảnh hưởng trên dân quê, vấn đề cải tiến dân sinh là mục tiêu cuối cùng của chính sách Cộng Đồng Đồng Tiến, nhằm mục đích đem lại cho đồng bào nông thôn một mức sống khả quan hơn, vì đó là điều kiện tối cần cho việc thực hiện công bình xã hội tại cơ sở căn bản của Quốc Gia, tức là ngay tại các thôn xóm.

Nhưng trong giai đoạn đầu, cần phải tổ chức đánh lại cộng sản để bảo vệ an ninh cho thôn ấp, nên mục tiêu chính trong việc lập Ấp Chiến Đấu là tổ chức nhân dân tự vệ để kháng chiến và dành đất với địch. Công cuộc cải tiến dân sinh sẽ thực hiện vào giai đoạn II, sau khi thành lập xong các Ấp Chiến Đấu.

Ấp Chiến Đấu vẫn được thực hiện theo nguyên tắc tự túc của Ấp Chiến Lược, với những phương tiện thô sơ của một nước chậm tiến. Tuy nhiên, vì cần qui dân lập ấp, nên phải cung cấp vật liệu và thực phẩm cho dân, ít nhất là trong thời kỳ lập ấp.

Nhưng việc qui dân lập ấp không theo mẫu mực đã áp dụng trong việc lập Khu Trù Mật hay dinh điền quá nặng phần trợ giúp kỹ thuật và tài chánh. Chính sách Ấp Chiến Đấu cần được tổ chức theo đường lối cách mạng với tinh thần chiến đấu hơn là theo lối hành chánh và việc thi hành chỉ thị một cách máy móc nên thiếu sáng kiến xây dựng.

Tùy hoàn cảnh, tùy địa phương, phần trợ cấp và giúp đỡ của Chính phủ sẽ được phân chia nhiều hay ít. Cần có kế hoạch định sẵn số lượng dân qui tụ, địa điểm chọn lựa trước và thời gian phát động việc lập ấp tại mỗi tỉnh để việc trù liệu ngân sách được xác đáng và việc thực hiện chương trình lập ấp khỏi gặp các trở ngại vật chất và tinh thần. Chỉ có trở ngại về phần quân sự là khó dự đoán hơn, nhưng nếu dự bị các lực lượng yểm trợ và bảo vệ lập ấp một cách chu đáo, thì lúc gặp nguy biến ta có thể đối phó kịp thời và đánh tan được mưu phá hoại của địch.

## I — Đặc điểm Ấp Chiến Lược

**L**ập Ấp Chiến Đấu là giai đoạn chuẩn bị để đi đến Ấp Chiến Lược. Ấp Chiến Đấu được tổ chức tại các vùng hiện nằm trong vòng ảnh hưởng địch và là nơi địch nắm ưu thế.

Ấp Chiến Đấu sẽ xây dựng tại các vùng biên giới Việt-Miên, vùng Đồng Tháp Mười, vùng lầy ở các tỉnh miền Tây thiếu an ninh và các vùng cao nguyên hoặc ở triền đồi của miền Trung nguyên.

Đặc điểm của Ấp Chiến Đấu là *qui dân* địa phương lại để sống trong ấp hoặc có khi cần, như ở vùng biên giới, qui dân từ chỗ xa đến để lập ấp. Vì vậy phải thâm hoạch chương

trình về phần quân sự, chính trị, tài chánh và hành chánh thì mới mong đạt được kết quả mong muốn.

Khác với Ấp Chiến Lược, chính quyền giúp đỡ dân tổ chức thôn xóm để bảo vệ an ninh, tại Ấp Chiến Đấu chính quyền cần phải dùng biện pháp mạnh, tức là bắt buộc dân phải qui tụ lại vào các địa điểm được chỉ định trước. Chính quyền cần phải giúp đỡ dân trong một thời gian họ chưa làm ăn được.

Nhiệm vụ về quân sự, tài chánh và hành chánh của chính quyền nặng hơn phần Ấp Chiến Lược, thời gian giám hộ cũng lâu hơn và phương tiện tổ chức cần được dồi dào hơn. Cán bộ càng cần có một kỹ thuật tổ chức sắc bén hơn và rèn luyện một tinh thần cách mạng vững chắc.

Sự giám hộ về quân sự của Bảo An, Dân Vệ rất cần thiết, nhưng lần hồi phải tổ chức để thanh niên bảo vệ hương thôn thay thế các lực lượng Bảo An Dân Vệ làm nhẹ bớt phần dài thọ của ngân sách và đi đến chỗ tự túc.

Ấp Chiến Đấu sẽ có 3 đặc điểm :

*Chính trị* : — qui dân từ xa đến

— có thể có sự bắt buộc

— thành phần chính trị có thể bị liên hệ gia đình nhiều với cộng sản.

*Kinh tế* : thay đổi hẳn đời sống vì phải bỏ nhà cửa ruộng vườn mà qui tụ lại nơi xa. Phần trợ giúp của chính quyền lúc mới đến rất cần.

*Quân sự* : vì ở sát vùng địch có ưu thế nên việc tổ chức bảo vệ an ninh rất nặng.

## II — Ấp Chiến Đấu và Dinh Điền

**T**a thấy Ấp Chiến Đấu gần giống Dinh Điền về cả 3 phương diện chính trị, kinh tế và quân sự. Nhưng phần giúp đỡ của chính quyền cho dinh điền lâu hơn và tốn kém rất nhiều. Về lại số dân qui tụ lại không được bao nhiêu, trung bình mỗi năm chừng 30 hay 40.000 người.

Chính sách dinh điền có 2 mục đích :

- 1 — Phát triển chương trình kinh tế nông thôn và khai thác tài nguyên thiên nhiên của xứ sở.
- 2 — Chiếm cứ một số yếu điểm ở các vùng hẻo lánh bằng cách qui tụ lại một số dân cư ở xa đến lập nghiệp.

Trong tình thế hiện nay của nước nhà, cần phải tổ chức cấp tốc một hệ thống đồn bót và Ấp Chiến Đấu để dành lại ảnh hưởng không những trên đất đai mà nhứt là trên dân cư. Chính sách dinh điền theo tổ chức xưa nay được áp dụng còn thích hợp với tình thế mới và phương tiện khả dụng của nước nhà không ?

Nếu ta dành ưu tiên cho việc tái lập an ninh, thì chính sách dinh điền không còn hợp thời nữa. Các địa điểm dinh điền theo hệ thống tổ chức hiện tại không thích ứng với thế chiến mới, vì thiếu kỹ thuật về quân sự và chính trị khả dĩ biến các khu dinh điền thành những ổ kháng chiến có đủ khả năng chống địch và bảo vệ an ninh.

Về phương diện thuần túy kinh tế, chính sách dinh điền có đem lại nhiều kết quả khả quan về khuếch trương nông nghiệp, nhưng trong tình thế bất an ninh hiện nay, không thể tiếp tục chương trình dinh điền như các năm qua được, vì không còn đủ bảo đảm về an ninh để đi đến kết quả.

Trong tình thế hiện tại thiếu bảo đảm thành công trong việc lập khu dinh điền, tưởng nên dành phương tiện tài chánh, kỹ thuật và nhân sự sẵn có của dinh điền để thực hiện chương trình bảo vệ hương thôn bằng cách lập Ấp Chiến Đấu.

Chương trình cải tiến dân sinh sẽ thực hiện song song với việc qui dân lập Ấp Chiến Đấu, nhưng việc cung cấp vật liệu, thực phẩm và tiền bạc cho dân các ấp sẽ được tổ chức theo một hệ thống giản tiện hơn và việc giám hộ về tài chánh sẽ thu hẹp trong một thời gian ngắn để khỏi tổn hao cho công quỹ.

Với một số tiền lối 500 triệu mỗi năm, ta có thể qui tụ được lối 500.000 dân trong lúc với số tiền trên hằng năm dinh điền chỉ định cư dưới 50.000 người.

Vả lại, nếu ngân sách dồi dào có thể cho ta vừa tiếp tục chương trình dinh điền, vừa thực hiện chính sách Ấp Chiến Đấu, ta vẫn gặp phải một trở ngại tinh thần lớn, là việc dân cư các Ấp Chiến Đấu sẽ phân bì với dân các khu dinh điền về việc trợ cấp và giúp đỡ của chính quyền. Đây là một yếu tố có thể ảnh hưởng rất nhiều đến tâm trạng của người dân quê cho rằng chính quyền phân chia không đồng đều 2 phần nghĩa vụ và quyền lợi của các hạng dân qui tụ lại.

### III — Tò chức Ấp Chiến Đấu

#### a) Vị trí Ấp

Ấp Chiến Đấu được thiết lập trên 1 thôn ấp sẵn có trong trường hợp qui dân địa phương hoặc tại một địa điểm chỉ định trước trong trường hợp đưa dân từ xa đến.

Trong cả 2 trường hợp, vị trí của ấp cần phải được lựa chọn theo các tiêu chuẩn sau đây :

1 — Ấp Chiến Đấu phải nằm gần các trục giao thông, đường hoặc sông rạch, để tiện việc liên lạc với tiếp viện.

2 — Nếu ấp nằm vùng biên giới hay hẻo lánh, thì phải chọn địa điểm ở các gò cao để bảo vệ, hoặc có sông rạch bao bọc xung quanh tiện việc kiểm soát qua lại. Nên tránh các nơi quá hẻo lánh dành cho việc thiết lập đồn bót võ trang đầy đủ để bảo vệ các điểm huyết mạch.

3 — Địa điểm có nước uống và dân cư có thể làm công việc đồng áng không xa nhà cửa quá 4 cây số.

4 — Trong trường hợp qui dân địa phương, nên chọn các ấp đã có sẵn nhà cửa tập trung nhiều, để giảm bớt chi phí xây cất nhà ở mới.

5 — Trường hợp chiếm cứ các địa điểm hẻo lánh chưa có người ở và là huyết mạch của cơ quan phòng thủ, nên dành

để đưa dân từ xa đến và có tinh thần chiến đấu rất cao như cán bộ thanh niên xung phong, nhân dân tình nguyện và hạng người chưa có gánh nặng gia đình bận bịu vợ con.

Nếu cần, phần trợ cấp của chính quyền tại các ấp này sẽ được dồi dào hơn và kỷ luật gắt gao hơn. Dân cư ở đây có thể sống theo kỷ luật nhà binh (*paysans-soldats*).

Nếu được, các ấp hẻo lánh này nên dành cho toàn hạng người *tình nguyện*, vì ở đây cần có những người triệt để chống Cộng hơn là hạng người bắt buộc phải qui tụ lại.

## **b) Vị trí nhà cửa và đất đai trong ấp**

### **1) KHU TRUNG ƯƠNG**

Để tiện việc bảo vệ thôn ấp và đồng thời để các gia đình có thể canh tác đất đai gần nhà ở được qui tụ lại, vị trí nhà cửa và ruộng đất được chỉ định như sau :

— ở giữa ấp, dành một khu công cộng gồm có bệnh xá, trường học cho trẻ con, nhà hội, chợ, nhà thờ hoặc đình chùa và bót dân vệ, thanh niên. Tại trung tâm ấp cũng cần dành 1 khu đất trống để mỗi khi cần phi cơ trực thăng có thể đậu được ở giữa ấp.

Thường nhật, khu đất trống này có thể dành làm sân chơi cho trẻ con hay sân vận động để thanh niên nam nữ tập dượt hoặc chơi thể thao v.v...

Khu trung ương này được rào dậu rất kiên cố bằng kẽm gai và hào hố để mỗi lúc có biến cố, khi hàng rào bên ngoài ấp đã bị đột nhập không còn chống cự nổi, thì thanh niên nam nữ rút về khu trung ương để chiến đấu và bảo vệ cơ sở của ấp trong lúc chờ binh tiếp viện.

### **2) KHU NHÀ Ở**

Xung quanh khu trung ương là nhà cửa của dân ấp bao bọc khu trung ương. Khoảng cách từ mỗi nhà đến khu trung ương đồng đều nhau, tiện việc tập hợp chung, đi chợ búa và con cái đi học.

Trong trường hợp có điện lực và hệ thống dẫn nước, việc phân phối và trang bị điện nước cũng được dễ dàng.

Đất ruộng cây cấy nằm quanh bao bọc khu nhà ở để mỗi gia đình được tiện việc xê dịch lo công việc đồng áng và đồng thời có thể trở vào vị trí nhà cửa và nơi trú ẩn trong ấp mỗi khi có báo động.

Khu nhà ở này được bao bọc xung quanh bằng kẽm gai, có đào hào thả chông kiên cố. Cổng vào ra ấp được đặt gần các trục giao thông để nối liền ấp với hương lộ hay tỉnh lộ, và con đường từ cửa cổng vào ấp được kiểm soát chặt chẽ.

Để tiện việc kiểm soát và canh gác, nên đặt số cổng ra vào tối đa là 2, 3 cổng mà thôi, tùy theo hướng liên lạc với các trục giao thông.

Người lạ ra vào ấp phải được kiểm soát gắt gao và nếu cần, sẽ cấm hẳn người ngoài ấp ra vào, nhất là ở các vùng hẻo lánh và yếu điểm.

Xung quanh khu nhà ở của ấp, tức là ranh giới cần được bao bọc và đào hào thả chông, phải để 1 khoảng trống ít nhất là 50m để dịch có đột nhập thì không có chỗ núp ẩn được.

### **c) Nguyên tắc qui dân**

Nếu là qui dân địa phương, thì sau khi hành quân các gia đình ở xa phải được qui tụ ngay về ấp nội trong ngày.

Nếu là qui dân từ xa đến thì dân đến chiếm cứ ấp phải đến cùng với quân đội và ở lại lập ấp sau khi quân đội chiếm đất.

Phải có kế hoạch chỉ định trước vị trí xây cất nhà cửa khu trung ương và khu gia cư. Mỗi gia đình lúc đến ấp là biết ngay chỗ ở của mình để cất nhà và thu xếp công việc phòng thủ.

Các vật liệu cần thiết để xây nhà ở và rào ấp được chuẩn bị sẵn sàng và chở đến ngay tại ấp, để công tác được xúc tiến liền sau khi hành quân hầu kịp tổ chức bảo vệ thôn ấp phòng địch phá hoại. Ngoài ra, còn phải thu xếp để các gia

đình đến cư ngụ có thể đem theo đồ đạc gia súc của họ về ấp ngay trong ngày lập ấp.

Trong việc qui dân địa phương, nên lựa các ấp có sẵn nhà cửa đông đúc để đỡ phần tốn kém về xây cất nhà cửa. Nếu cần làm nhà thêm cho dân mới đến, thì nên hạn chế đến mức tối thiểu. Địa điểm nhà cửa của dân cư và các khu công cộng phải được vạch định sẵn trước để lúc đến lập ấp khỏi mất thì giờ giàn xếp và chọn lựa.

Các nguyên tắc về thanh toán cộng sản năm vùng và kiểm tra như làm phiếu lý lịch, sổ gia đình và chụp ảnh gia đình vẫn được áp dụng như khi lập Ấp Chiến Lược.

#### **d) Dân số Ấp Chiến Đấu**

Dân số trung bình của mỗi ấp, ngoại trừ trường hợp đặc biệt, được ấn định lối 1.000 hay 1.500 người, kể cả người lớn và trẻ con, tức là lối 200 đến 300 gia đình.

Thường dân qui tụ lại ở Ấp Chiến Đấu đã bị cộng sản tiêm nhiễm ít nhiều rồi, nên phải kiểm soát gắt gao hơn ở Ấp Chiến Lược, phải giải thích nhiều vì sao phải gom dân lại để tránh bất mãn và phá hoại. Đồng thời cũng nên có một số cán bộ xung phong vào ấp để vừa hướng dẫn công tác, vừa tổ chức giáo hóa dân để kéo họ trở về với ta, hay ít nhất là trong giai đoạn đầu để tách họ ra khỏi ảnh hưởng tinh thần của cộng sản.

#### **e) Vấn đề giám hộ**

Vì là dân qui tụ lại từ chỗ khác vào ấp nên vấn đề giám hộ phải được giải quyết về cả 3 phương diện tài chánh, chính trị và quân sự trong một thời gian cho đến khi có thể chuyển Ấp Chiến Đấu qua hướng Ấp Chiến Lược.

##### **1 — Về tài chánh.**

Lúc mỗi gia đình mới đến, ngoài việc chính quyền tổ chức di chuyển gia đình họ và các vật liệu nhẹ đến nơi lập ấp, cần



phải cấp cho mỗi gia đình 1 số tiền định cư, lối 1.000\$ chẳng hạn (định lại số tiền từng địa phương nếu cần) để giúp họ làm nhà ở.

Trong một thời hạn từ 2 tuần lễ đến 1, 2 tháng, mỗi gia đình được cung cấp một số phẩm vật như gạo, bắp v.v... để có thể sống được trong lúc đợi làm mùa hoa màu phụ.

Cơ quan dinh điền có thể giúp họ ủi đất để khai thác, nếu là chỗ đất bỏ hoang hay rừng rú.

Lúc tổ chức công tác bố phòng xong, dân cư có thể đi canh tác ruộng đất. Nông Tín Cuộc sẽ cấp cho họ một số vốn canh tác để làm mùa và ở các nơi có đủ điều kiện bảo đảm thành công có thể cấp thêm vốn trung hạn để nuôi gia súc.

Chợ búa và việc tiếp tế cần được tổ chức chu đáo để dân mới đến có đủ các vật dụng tối cần cho đời sống hằng ngày như muối, mắm, dầu thắp đèn v.v...

## 2 — Về mặt chính trị và hành chánh.

Vì dân qui tụ lại thuộc vào hạng đã bị ảnh hưởng cộng sản, nên không thể tổ chức việc quản trị ấp như trường hợp Ấp Chiến Lược được. Có lẽ nên chỉ định Ban Trị Sự tạm thời để chấp hành trong ấp cho đến lúc thanh toán xong tất cả các phần tử theo cộng và giải thích rõ ràng và đầy đủ về chính sách nhân vị cộng đồng và chủ trương cách mạng. Phải cố gắng rút ngắn thời gian giám hộ để chuyển Ấp Chiến Đấu qua Ấp Chiến Lược.

Có thể kêu gọi sự tình nguyện của một số công chức và cán bộ sẵn sàng đi về đồng quê để tham gia vào công tác lập Ấp Chiến Đấu. Nếu cần, nhân viên các cơ quan trung ương ở Saigon và các tỉnh lý được luân phiên cử đi công tác lập ấp. Có thể dùng biện pháp mạnh và các cán bộ thiếu nghị lực và tinh thần tranh đấu thì hoặc hạ tầng công tác, hoặc không cho thăng thưởng.

Các hạng cán bộ công dân vụ, thanh niên, thông tin, chiến tranh tâm lý, nông vụ, điền địa v.v... chỉ nên giữ ở trung ương một số tối thiểu để nghiên cứu chương trình công tác và soạn tài liệu học tập. Còn toàn thể cán bộ nên đưa họ về công tác ở thôn ấp, vì chính đó là nơi hoạt động của cán bộ mà nhiệm vụ không phải ở bàn giấy.

Tình trạng chiến tranh ngày nay không cho phép chúng ta duy trì những cơ quan và số nhân viên văn phòng của thời bình, vì ngân sách không có để vừa đãi thọ nhân viên công sở, vừa nuôi dưỡng cán bộ.

Người nông dân sẽ hăng hái tham gia chống cộng lúc nào họ thấy cán bộ chính quyền, công chức cũng bắt tay vào công tác diệt trừ cộng sản.

### 3 — Về mặt quân sự.

Vì không thể tổ chức ngay trong Ấp Chiến Đấu một đoàn thanh niên tự vệ, nên cần có sự hiện diện của dân vệ và bảo an tại ấp để bảo vệ thôn ấp cho đến khi thanh niên tự vệ trong ấp được huấn luyện thành thuộc và đủ tin nhiệm để có thể giao phó cho họ nhiệm vụ bảo vệ ấp.

Với chương trình giải ngũ binh sĩ quân dịch sau thời gian 3 năm phục vụ trong quân đội, việc cung cấp cán bộ quân sự và tổ chức thanh niên chiến đấu sẽ được thực hiện dễ dàng. Các thanh niên quê quán vùng nào được đưa về vùng đó gia nhập vào các tổ chức thanh niên chiến đấu bảo vệ các ấp. Như thế Chính phủ khỏi lo số thanh niên giải ngũ bị Việt cộng bắt đem theo và đồng thời các Ấp Chiến Đấu khỏi phần lo huấn luyện thanh niên địa phương chưa có kinh nghiệm về quân sự và đã bị tuyên truyền của Việt cộng nên không đủ tin nhiệm để trao vũ khí cho họ.

## GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

● **HOANG VU.** — Thi phẩm của Nguyễn Vỹ do Phở Thông xuất bản, gồm có 50 bài thơ đủ thể, đủ loại, dày 280 trang giá bán 50 đồng.

Bạn đọc sẽ được thưởng thức những bài thơ thật hay, thật đẹp, của Nguyễn Vỹ sáng tác từ mấy chục năm nay khi ông còn làm báo ở Hà Nội, ngồi tù ở miền Trung, và viết văn ở Saigon.

« Hoang Vu » là một thi phẩm tươi, trẻ thích hợp với cảm quan của độc giả yêu đời. Sách in đẹp, trình bày trang nhã. Văn Hữu xin trân trọng giới thiệu thi phẩm của Nguyễn Vỹ với các bạn yêu thơ.



● **HOA LAN.** — Tập thơ mới nhất của ông Phan Văn Bộ tức thi sĩ Lãng Ba, chánh lục sự tại Cần Thơ, do tác giả xuất bản : « Hoa Lan », in khổ nhỏ (như loại sách bỏ túi), gồm có 2 màu và được trình bày thật đơn giản giá 38 đồng, đây là tác phẩm thứ tư của Lãng Ba sau những thi phẩm : Hoa Tàn, Hoa Nở và Hoa Cười.

« Hoa Lan » gồm có tất cả 210 bài thơ ngắn thuộc đủ loại, đủ màu sắc, đủ thể tài khiến cho độc giả khi thưởng thức tìm thấy đủ mọi khía cạnh của cuộc sống ở chung quanh mình. Người ta có cảm tưởng rằng, ông Lãng Ba ghi lại tất cả những gì đã thấy đã nghe trong cuộc sống hằng ngày của ông. « Hoa Lan » là một tập thơ rất phong phú về đề tài, chứng tỏ thi sĩ Lãng Ba rất dồi dào sức sáng tác.

Văn Hữu xin cảm ơn tác giả và trân trọng giới thiệu « Hoa Lan » cùng bạn đọc.



● **NGÃ RỀ TÂM TÌNH.** — Tiểu thuyết tình cảm thứ 4 của nhà văn Ngọc Linh do nhà Phù Sa xuất bản. Sách dày 290 trang, bìa in 3 màu do họa sĩ Hoài Nam trình bày, giá bán 50 đồng.

Từ quyền đầu « Đôi Mắt Người Xưa » đến những quyền sau « Nước Mắt Người Đàn Bà », « Buổi Chiều Lá Rụng » và « Ngã Rề Tâm Tình », người ta nhận thấy nhà văn Ngọc Linh có một sự tiến bộ rõ rệt về kỹ thuật sáng tạo từ bút pháp, văn phong đến nội dung câu truyện. Đó là một đặc điểm hiếm có trong số những nhà văn trẻ, mới góp mặt trên văn đàn. Ngoài ra, còn một điểm đáng chú ý khác

ở quyển « Ngã Rẽ Tâm Tinh » là hình thức trình bày bìa sách, kỹ thuật ấn loát... gây cho độc giả một mỹ cảm và làm cho quyển tiểu thuyết ra vẻ « trí thức » hơn.

« Ngã Rẽ Tâm Tinh » có thể là tác phẩm đặc ý nhất của Ngọc Linh và gây thêm tên tuổi cho cây viết trẻ trung này.

Văn Hữu xin cảm ơn tác giả và trân trọng trao vào tay những bạn đọc yêu tiểu thuyết tình cảm xây dựng có giá trị, quyển « Ngã Rẽ Tâm Tinh » của Ngọc Linh.



**GIÓ THU.** — Tập truyện ngắn của Lan Giao tức bác sĩ Trương Quý Lâm ở Huế do tác giả xuất bản. « Gió Thu » là tác phẩm đầu tay của Lan Giao gồm có 14 truyện ngắn, chọn lọc. Sách in khổ 15×22 trên giấy báo, trình bày trang nhã, đẹp mắt, bìa do họa sĩ Phan Xuân Sanh minh họa, giá 35 đồng.

Tuy là một bác sĩ nhưng Lan Giao có được một ngòi viết khá vững vàng của một nhà văn chuyên nghiệp. Từ lối hành văn đến kỹ thuật bố cục cốt truyện, Lan Giao tỏ ra rất có sở trường về loại truyện ngắn; ông thường dùng lối kể truyện để dẫn dắt cảm quan độc giả đi sâu vào nội dung bằng một lối văn trong, sáng khúc chiết và rõ ràng, khiến người ta cảm thông nhanh chóng tâm lý và hoàn cảnh của các nhân vật. Trong năm nay, độc giả yêu truyện ngắn, bắt gặp được hai tác phẩm của 2 vị bác sĩ, một của bác sĩ Anh Tuấn Nguyễn Tuấn Phát (« Một vài cảm nghĩ của người thầy thuốc ») và một của bác sĩ Lan Giao, Trương Quý Lâm (tập « Gió Thu »). Đó là hai chuyện lạ nhưng là hai phần đóng góp xứng đáng vào văn giới. Tuy mới là bước đầu song « Gió Thu » là một thành công đáng khuyến khích của Lan Giao.

Văn Hữu xin cảm ơn tác giả và trân trọng giới thiệu tập truyện ngắn « Gió Thu » cùng bạn đọc.

## **ĐINH CHÁNH :**

Trong mục giới thiệu kỳ rồi, do một sự lầm lỗi đáng tiếc của ấn công, tên của thi sĩ Lê Minh Ngọc, tác giả tập thơ « Hoa Thề » bị lầm với một tên khác (Lê Minh Châu). Chúng tôi xin có lời cáo lỗi với thi hữu Lê Minh Ngọc và bạn đọc.

## HỘP THƯ TÒA SOẠN

Trong vòng một tháng Văn Hữu lại đến tay bạn đọc thân mến bốn phương. Cũng trong tháng qua, sau khi số Văn Hữu 19 phát hành, tòa soạn chúng tôi nhận được rất nhiều thư bạn đọc ở Trung, Đalat, Saigon và các tỉnh Hậu Giang gửi về ngỏ lời khuyến khích và xây dựng hình thức cũng như nội dung tờ Văn Hữu. Với tất cả bạn đọc đó, chúng tôi xin có lời chân thành cảm tạ và hứa khắc phục những khuyết điểm đã được các bạn nêu ra.

Kỳ này chúng tôi hân hạnh đáp thư của các bạn trong tháng qua và một số thư gửi về từ trước mà chúng tôi chưa kịp trả lời.

— Ông Hoàng Quy (24, Lê Lợi — Hội An) : Vì một lý do ngoài ý muốn, chúng tôi không kịp trả lời thư bạn sớm hơn. Thành thật cáo lỗi. Được sự cộng tác trợ bút của bạn, chúng tôi lấy làm hân hạnh. Không ngại về bài vở ; tác phẩm khá và hợp sẽ được đăng tải. Văn gặp T.L. thường xuyên và có hỏi đến bạn. Sẽ chọn đăng « Tiếng Hát Quê Hương » vào số tới. Những tác phẩm có nội dung lành mạnh như vậy rất hợp với Văn Hữu.

— Ông Văn Linh (Văn Khoa — Huế) : Điều nhận xét của ông rất chí lý, về quan điểm văn nghệ ít có người đồng ý với nhau. Một tác phẩm văn nghệ hay nội dung một tờ báo tùy theo nhận xét của mỗi người ở mỗi trình độ khác nhau mà được cho rằng hay hoặc dở miễn là nó đừng quá tệ, dưới mức trung bình. Thành thật cảm tạ cảm tình nồng nhiệt của ông đối với Văn Hữu. Gửi cho V.H., ông nên chọn những bài vui tươi, lành mạnh một tí, nhưng đừng quá khô khan. Chúng ta cần góp phần tích cực xây dựng một nền văn nghệ lành mạnh, thích hợp với hoàn cảnh nước nhà mà toàn dân đang nỗ lực chiến đấu.

— Cô Túy Hồng (Huế) : Vì có sự thay đổi nhỏ ở tòa soạn nên chúng tôi chưa kịp trả lời cũng như chưa đọc hết truyện « Bước Mùa Thu » của cô. Đề cô phải chờ lâu đó là việc ngoài ý muốn của tòa soạn Văn Hữu. Có gì đâu mà cô phải quan trọng hóa việc làm ấy. Bồn phận của chúng tôi ở tòa soạn là phải săn sóc đến bài vở của độc giả gửi đến để góp phần xây dựng nội dung Văn Hữu. Định viết văn mà cô lại tỏ ra không tự tin mình và mỗi lần gửi bài đến không được đăng đã tỏ ra tuyệt vọng, định gác bút... thì làm sao tiến sâu vào văn nghiệp ? Cố gắng và bền chí, cô sẽ thành công, chúng tôi tin như vậy. Đúng vậy, tôi viết chung với anh Tú Uyên ở K.A.

# VĂN HỮU SỐ 21

đặc biệt về:

▼ GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG

▼ TÌNH HÌNH VĂN NGHỆ  
TRONG NĂM

● Một số báo đặc biệt

● Một công trình biên soạn của các văn thi sĩ tên tuổi